

Số: 184/PVIRE-THĐT

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2022

V/v: CBTT Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng, Giấy chứng nhận đăng ký chào bán, Bản cáo bạch và các phụ lục đính kèm

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)**

1. Tên công ty: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI
2. Mã chứng khoán: PRE
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Điện thoại: 024 3734 2828 Fax: 024 3734 2626
5. Người thực hiện công bố thông tin:  
**Nguyễn Minh Tâm** – Chức vụ: Trưởng Ban Tổng hợp – Đầu tư, Người phụ trách quản trị công ty.
6. Nội dung công bố thông tin:
  - Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng;
  - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 343/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/12/2022;
  - Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng;
  - Các phụ lục đính kèm Bản cáo bạch.
7. Địa chỉ website đăng tải thông tin trên: <http://www.pvire.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Lưu VT, TH-DT, 3

**NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT**

TRƯỞNG BAN TỔNG HỢP - ĐẦU TƯ

*Nguyễn Minh Tâm*

Số: 181/TB-PVIREHà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2022**THÔNG BÁO****Chào bán cổ phiếu ra công chúng**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Số 343/GCN-UBCK  
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/12/2022)

**I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành**

1. Tên Tổ chức phát hành: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
2. Tên viết tắt: PVI Re
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
4. Số điện thoại: (024) 3734 2828 Số fax: (024) 3734 2626 Website: www.pvire.com.vn
5. Vốn điều lệ: 728.000.000.000 đồng.
6. Mã cổ phiếu: PRE
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đại An  
Số hiệu tài khoản: 030.000.136.038.78
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Không áp dụng
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Tái bảo hiểm Mã ngành: 65200
  - Sản phẩm/dịch vụ chính:
    - ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ sau đây:
      - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
      - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, và đường không;
      - Bảo hiểm xe cơ giới;
      - Bảo hiểm cháy, nổ;
      - Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
      - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
      - Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;
      - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
      - Bảo hiểm nông nghiệp;
      - Các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác do Chính phủ quy định.
    - ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.
    - ❖ Đầu tư tài chính theo quy định của pháp luật.
9. Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018.



**II. Mục đích chào bán**

- Đầu tư tài chính trong giới hạn cho phép của Bộ Tài chính với tiêu chí an toàn và hiệu quả cao;
- Tăng cường khả năng tài chính nhằm thu hút dịch vụ nhận tái bảo hiểm trong và ngoài nước. Đồng thời nâng cao mức giữ lại các dịch vụ có hiệu quả;
- Phát triển hơn nữa kinh doanh tái bảo hiểm các nghiệp vụ bán lẻ.

**III. Phương án chào bán**

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 31.600.000 cổ phiếu, trong đó:
  - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 31.600.000 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.
4. Giá chào bán: 20.000 đồng/cổ phiếu
5. Tổng giá trị vốn huy động: 632.000.000.000 đồng, trong đó:
  - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 632.000.000.000 đồng;
  - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
6. Phương thức phân phối: Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: không quy định
8. Thời gian nhận đăng ký mua: **Từ ngày 23/12/2022 đến ngày 12/01/2023**  
Thời gian thực hiện chuyển nhượng quyền mua: **Từ ngày 23/12/2022 đến ngày 09/01/2023**
9. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:
  - o Đối với cổ đông đã lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
  - o Đối với cổ đông chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua tại Trụ sở Công ty (Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội) và nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa.
10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: **Từ ngày 23/12/2022 đến ngày 12/01/2023**
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:
  - Số tài khoản: 000003720735
  - Mở tại: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đại An
  - Chủ tài khoản: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
12. Các tổ chức liên quan:  
Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website : [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

*Amu*

Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7105 0000 Fax : + 84 24 6288 5678

Website : www.deloitte.com/vn

13. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3734 2828 Fax: (024) 3734 2626

Website : www.pvire.com.vn

Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website : www.mbs.com.vn

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI BẢO HIỂM PVI**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



*Phùng Tuấn Kiên*  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Số: 343/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;*

*Xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PVI Reinsurance Joint-stock Corporation;

– Trụ sở chính: Tầng 25, Toà nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hoà, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

– Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013, giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/9/2018;

– Vốn điều lệ: 728.000.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi tám tỷ đồng).

**Điều 2.** Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI được đăng ký chào bán thêm ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 31.600.000 cổ phiếu (Ba mươi một triệu sáu trăm nghìn cổ phiếu);
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 316.000.000.000 đồng (Ba trăm mười sáu tỷ đồng);
5. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu;
6. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực;
7. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
8. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán MB.

**Điều 3.** Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản gốc: 01 bản cấp cho Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thị Chân Phương

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH

### TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI BẢO HIỂM PVI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013,

Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018)

# PVIRE

### CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 343/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 12 năm 2022.)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

#### Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3734 2828 Fax: (024) 3734 2626

Website: www.pvire.com.vn

#### Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website: www.mbs.com.vn

#### Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Nguyễn Minh Tâm

Chức vụ: Trưởng Ban Tổng hợp – Đầu tư, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty

Điện thoại: 0902238523

Địa chỉ: Số 8, ngách 1/20 Trần Quốc Hoàn, tổ 10 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

*(Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013,  
Giấy phép điều chỉnh số 86/GPDC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018)*

**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

**Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI

**Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu

**Giá chào bán:** 20.000 đồng/cổ phiếu

**Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 31.600.000 cổ phiếu

**Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 316.000.000.000 đồng

**Tổ chức kiểm toán**

**Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, bán niên 2022**

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7105 0000 Fax: + 84 24 6288 5678

Website: [www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

**Tổ chức tư vấn**

**Công ty cổ phần Chứng khoán MB**

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7304 5688 Fax: (84-4) 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)



## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	3
DANH MỤC BẢNG.....	6
DANH MỤC HÌNH.....	7
<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>8</b>
1. Tổ chức phát hành.....	8
2. Tổ chức tư vấn.....	8
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>	<b>9</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	9
2. Rủi ro về luật pháp.....	12
3. Rủi ro đặc thù.....	12
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán.....	14
5. Rủi ro pha loãng.....	15
6. Rủi ro về quản trị công ty.....	17
7. Rủi ro khác.....	17
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>18</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>20</b>
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	20
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	21
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	22
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	23
5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	29
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	30
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	31
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	32
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	32
10. Hoạt động kinh doanh.....	32
11. Chính sách với người lao động.....	67
12. Chính sách cổ tức.....	69
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	69

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	69
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	69
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	69

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH..... 70**

1. Kết quả hoạt động kinh doanh .....	70
2. Tình hình tài chính .....	73
3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	80
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức.....	81

**VI. THÔNG TIN VỀ CƠ ĐỒNG SÁNG LẬP, CƠ ĐỒNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG..... 83**

**VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN..... 110**

1. Loại cổ phiếu.....	110
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	110
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán .....	110
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá .....	110
5. Giá chào bán dự kiến.....	110
6. Phương pháp tính giá .....	110
7. Phương thức phân phối .....	110
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	111
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu .....	112
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	113
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	113
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành: .....	114
13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài .....	114
14. Các loại thuế có liên quan .....	114
15. Thông tin về các cam kết.....	115
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt .....	115

**VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN..... 116**

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SÓ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	117
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	119
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	121
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	122
XIII. PHỤ LỤC.....	123

**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1: Tổng hợp quá trình tăng vốn của PRE.....	30
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 23/06/2022.....	32
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu của Công ty.....	36
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm 2020- 09 tháng đầu năm 202237	
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu phí nhận tái bảo hiểm 2020-06 tháng đầu năm 2022.....	38
Bảng 6: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020.....	40
Bảng 7: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2021.....	40
Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 30/06/2022.....	41
Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 30/09/2022.....	41
Bảng 10: Giá gốc các khoản đầu tư tài chính tại cuối kì.....	42
Bảng 11: Tình hình hoạt động đầu tư tài chính 2020- 09 tháng đầu năm 2022.....	45
Bảng 12: Chi tiết doanh thu từ hoạt động tái chính 2020- 09 tháng đầu năm 2022.....	45
Bảng 13: Chi tiết chi phí hoạt động tài chính 2020- 09 tháng đầu năm 2022.....	46
Bảng 14: Chi phí hoạt động, kinh doanh theo yếu tố.....	48
Bảng 15: Cơ cấu lợi nhuận giai đoạn 2020- 09 tháng đầu năm 2022.....	50
Bảng 17: Các khách hàng lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay ....	55
Bảng 18: Các nhà cung cấp lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay..	59
Bảng 19: Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm tại một số doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam năm 2021.....	60
Bảng 20: Cơ cấu nhân sự của PRE tại thời điểm 31/12/2020 đến 30/09/2022.....	67
Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của PRE trong giai đoạn 2020 – 06 tháng đầu năm 2022.....	70
Bảng 22: Cơ cấu vốn kinh doanh.....	73
Bảng 23: Thời gian khấu hao TSCĐ.....	73
Bảng 24: Mức lương bình quân.....	74
Bảng 25: Thông tin về tình hình công nợ.....	74
Bảng 26: Các khoản phải thu của Công ty.....	74
Bảng 27: Các khoản phải trả của Công ty.....	77
Bảng 28: Nợ vay của Công ty.....	77
Bảng 29: Dư nợ các khoản vay của Công ty.....	77
Bảng 30: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty.....	78
Bảng 31: Các quỹ trích lập của Công ty.....	79
Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	79

Bảng 33: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	83
Bảng 34: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành, Kế toán trưởng .....	90

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của PRE.....	22
Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của PRE .....	23

## L. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức phát hành

Ông Phùng Tuấn Kiên Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Anh Tuấn Chức vụ: Tổng giám đốc

Ông Ngô Thanh Hải Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

### 2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền):

Bà Đoàn Linh Hương

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn dịch vụ phát hành cổ phiếu và mua bán sáp nhập

*(Theo Giấy ủy quyền số 115/2022/MBS-UQ ngày 05 tháng 09 năm 2022 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB cho bà Đoàn Linh Hương)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng Khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 23/2022/MBS/ECM-M&A-HĐTV ngày 28 tháng 07 năm 2022 ký với Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI cung cấp.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phiếu phát hành thêm của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI.

### 1. Rủi ro về kinh tế

#### 1.1 Rủi ro về tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid – 19, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2021 của Việt Nam tăng 2,58%. Đây là mức thấp nhất trong giai đoạn 2013-2021.



*Nguồn: Tổng cục Thống kê và Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022*

Mặc dù vậy, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới ở những năm trước đại dịch. Tại giai đoạn hậu Covid-19, Việt Nam nằm trong nhóm nước được các tổ chức kinh tế thế giới dự báo có GDP tăng trưởng cao từ 6% - 6,5%/năm.

GDP 9 tháng đầu năm 2022 tăng 8,83%, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2013-2022. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 2,99%; khu vực công nghiệp và xây dựng ghi nhận mức tăng 9,44%. Tính riêng ngành công nghiệp, lĩnh vực chế biến, chế tạo

là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 10,69%; trong khi đó khu vực xây dựng tăng 8,55%.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế tác động lớn đến sự phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ đã chính thức phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030, trong đó, định hướng phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế. Chiến lược đã đặt mục tiêu doanh thu ngành bảo hiểm tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025 là 15%/năm, đến năm 2025, quy mô đạt khoảng 3 – 3,3% GDP; tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 – 2030 là 10%/năm, đến năm 2030 quy mô đạt khoảng 3,3 – 3,5% GDP.

Trong xu hướng tổng thể kinh tế - xã hội đã có đà phát triển tốt, nhiều thuận lợi từ môi trường quốc tế có thể mang tới cơ hội cho Việt Nam, tuy nhiên những cơ hội này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, các hậu quả do dịch bệnh Covid – 19 gây ra với quy mô toàn cầu và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tình bất ổn của hệ thống thương mại và kinh tế, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

## 1.2 Rủi ro lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng và gián tiếp tác động tiêu cực đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong ngành bảo hiểm.

Trong những năm gần đây, Chính Phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát bình quân năm 2021 (CPI) tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Bình quân 9 tháng đầu năm 2022, CPI tăng 2,73% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 1,88%. Giá xăng dầu trong nước liên tục tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới; giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo giá nguyên liệu đầu vào và một số địa phương tăng học phí năm học mới 2022-2023 là những nguyên nhân chủ yếu làm tăng CPI trong 9 tháng đầu năm 2022.

Rủi ro về lạm phát giá cả ảnh hưởng tới chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến tất cả các ngành nghề kinh doanh nói chung và kinh doanh bảo hiểm nói riêng. Để kiểm soát lạm phát,



cung tiền tệ và lãi suất sẽ là hai trong số các công cụ điều hành. Khi đó, biến động trên thị trường tài chính sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của PRE.

Tuy nhiên, một môi trường lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh sản xuất lâu dài của doanh nghiệp. Công ty cũng cần theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô và các dự báo thị trường để giảm thiểu rủi ro về giá thông qua điều chỉnh định hướng kinh doanh linh hoạt, phù hợp tình hình.

### 1.3 Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Với đặc thù ngành bảo hiểm, các biến động trong lãi suất có thể gây ra biến động lớn trong giá trị tài sản và giá trị nợ phải trả của công ty. Về phía tài sản, biến động lãi suất có ảnh hưởng lớn đến thu nhập từ tiền gửi và trái phiếu trong danh mục đầu tư của công ty đồng thời tác động lên biến động giá trên thị trường chứng khoán, do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận đầu tư tài chính của Công ty. Tính đến 30/09/2022, các khoản đầu tư tài chính của PRE là 2.107 tỷ đồng, chiếm khoảng 38,8% tổng tài sản và chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và đầu tư vào các đơn vị khác. Công ty phải đối mặt với rủi ro giảm hiệu quả đầu tư tài chính nếu xu hướng lãi suất tiền gửi biến động giảm mạnh trong tương lai.

Về phía nợ phải trả, biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến nghĩa vụ nợ trong tương lai của công ty đối với các chủ hợp đồng. Lãi suất thấp hơn cũng có thể ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động kinh doanh của công ty, làm cho các sản phẩm bảo hiểm kém hấp dẫn hơn, dẫn đến doanh thu và thu nhập dưới dạng phí nhận tái bảo hiểm thấp hơn. Ngoài ra, lãi suất tăng cũng ảnh hưởng đến kế hoạch vay nợ tài chính của Công ty khi làm tăng gánh nặng chi phí lãi suất.

Như vậy, yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Công ty đặc biệt sát sao theo dõi tác động của thị trường để lên các phương án đầu tư đảm bảo hiệu quả, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty. PRE quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường tại thời điểm đầu tư để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của PRE. Ngoài ra, PRE xây dựng mức bù rủi ro theo phân loại tài sản để xác định được lãi suất kỳ vọng của sản phẩm đầu tư.

### 1.4 Rủi ro ngoại hối



phòng ngừa rủi ro. Rủi ro tái bảo hiểm là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm. Cụ thể, mức phí tái bảo hiểm có thể không tương đồng với những tổn thất tiềm tàng thuộc phạm vi trách nhiệm của công ty tái bảo hiểm do công ty không được tiếp cận nguồn thông tin chất lượng, kịp thời, đầy đủ từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động tái bảo hiểm. Tổng công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược nhận tái bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm nhận tái bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

Bên cạnh những rủi ro từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, trực lợi bảo hiểm cũng là một yếu tố ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của Tổng công ty. Để giảm thiểu hiện tượng này, Tổng công ty luôn cố gắng hoàn thiện cơ sở pháp lý, tăng cường công tác quản lý và đánh giá rủi ro, cải tiến công tác giám định và giải quyết bồi thường theo hướng kịp thời, chính xác, không gây phiền hà cho khách hàng... Qua đó, Tổng công ty có thể giảm thiểu trực lợi bảo hiểm và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Ngoài hoạt động kinh doanh bảo hiểm, Tổng công ty cũng tham gia đầu tư tài chính. Trong điều kiện thị trường đầu tư tài chính (một băng lãi suất tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, chính sách,...) diễn biến không thuận lợi, các khoản đầu tư tài chính của PRE sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực và ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty.

### 3.2 Rủi ro cạnh tranh

Xu hướng hội nhập là tất yếu, Việt Nam không thể đứng ngoài quá trình này. Việc thực thi các chính sách mới sẽ cần phải có thời gian thích nghi với môi trường kinh doanh mới.

Bảo hiểm là một ngành dịch vụ tài chính mang tính toàn cầu, rủi ro bảo hiểm không giới hạn trong phạm vi một nước. Thị trường bảo hiểm các nước chịu sự tác động lẫn nhau vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với nhau. Hơn nữa, khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Quốc tế WTO, việc hội nhập quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm sẽ tạo ra cơ hội và thách thức đòi hỏi thị trường bảo hiểm phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ Quốc tế.

Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao, không những đối với những doanh nghiệp bảo hiểm đang hoạt động, mà còn đối với cả những doanh nghiệp sắp hoạt động. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh mẽ và phong cách quản lý hiện đại sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp nội nói chung, và Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI nói riêng.

### 3.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá các rủi ro tín dụng tiềm tàng. Vì đặc thù là tái bảo hiểm nên Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

Một nguồn rủi ro tín dụng khác là khi công ty bị hạ xếp hạng tín nhiệm tài chính quốc tế do hoạt động kinh doanh kém. Cho đến nay, PRE luôn nỗ lực để nâng cao định hạng quốc tế đánh giá bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính A.M. Best. Từ năm 2019 đến 2021, Công ty duy trì xếp hạng tín nhiệm ở mức B++ (tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của Tổ chức phát hành đạt mức bbb (Đủ năng lực).

## 4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

### 4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Mục đích của đợt chào bán cổ phiếu này của Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI là tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh tiềm năng, hiệu quả và nồng cốt bao gồm mở rộng khả năng khai thác dịch vụ, nâng cao mức giữ lại.

Việc PRE tăng vốn điều lệ là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của PRE. Tuy nhiên, diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn hiện nay khá phức tạp, giá cổ phiếu biến động liên tục đặc biệt là các cổ phiếu ngành tài chính. Do vậy, nếu đợt chào bán lần này của PRE ra công chúng rơi vào thời điểm không thuận lợi và việc chào bán cổ phiếu diễn ra không theo kế hoạch sẽ ảnh hưởng phần nào đến kế hoạch tăng vốn điều lệ của PRE. Ngoài ra, do đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, điều này sẽ gây ảnh hưởng đến kế hoạch tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh như dự kiến. Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác với mức giá bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ của PRE.

Tính tại thời điểm 03/11/2022, thị giá của cổ phiếu PRE là 17.000 đồng/cổ phiếu. Thị giá này hiện đang thấp hơn giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo phương án này. Do đó, đánh giá tại thời điểm hiện tại, tồn tại rủi ro PRE không chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm trong đợt chào bán này do mức giá chào bán không hấp dẫn nhà đầu tư. Tổ chức phát hành có thể sẽ cần phân phối lại phần cổ phiếu không chào bán hết theo phương án đã được thông qua.

#### 4.2 Rủi ro của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

Theo dự kiến thị trường bảo hiểm sẽ còn phát triển mạnh mẽ về trung và dài hạn nên phương án sử dụng vốn của PRE được đánh giá là phù hợp với xu thế thị trường nói chung và của PRE nói riêng. Tuy nhiên, rủi ro của việc sử dụng vốn có thể bắt nguồn từ các dự án, các kênh đầu tư của PRE có thể không thu được hiệu quả như mong đợi do biến động không lường trước hết được của tình hình kinh tế trong nước và ngoài nước.

Để giảm thiểu rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc PRE đã chỉ đạo các Ban cùng nghiên cứu để lượng hóa các rủi ro có khả năng xảy ra, nghiên cứu khâu vị rủi ro nhằm nâng cao tính chính xác của các quyết định đầu tư.

Ngoài ra, công ty có hoạt động đầu tư vào trái phiếu. Do đó, công ty đánh giá tồn tại rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà không thể ngay lập tức bán được trái phiếu khi có nhu cầu tiền mặt, hoặc không bán được trái phiếu ở mức giá kỳ vọng. Để quản lý rủi ro này, PRE thực hiện đầu tư trái phiếu của ngân hàng thương mại và trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán hoặc cam kết mua lại theo các quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhằm đảm bảo tính thanh khoản.

#### 5. Rủi ro pha loãng

Sau khi Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của PRE cũng tăng lên tương ứng.

- Tổng số cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành: 72.800.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu chào bán: 31.600.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán: 104.400.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu của PRE bị pha loãng. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra các ảnh hưởng sau:

**Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):** có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà PRE huy động được trong đợt chào bán này để bổ sung kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận thu được từ số tiền đó.

#### Công thức tính:

$$EPS = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

- ✓ X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- ✓ Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Dự kiến đợt phát hành này sẽ hoàn thành trong quý I/2023, do đó EPS năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng pha loãng, nhưng EPS năm 2023 có thể bị pha loãng do việc tăng số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân trong kỳ.

**Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):**

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm 30/09/2022, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI là 12.840 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

**Giá trị trường của cổ phiếu:**

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + P_r * I}{1 + I}$$

Trong đó:

- ✓ Ppl: Giá cổ phiếu pha loãng.
- ✓ Pt: Giá giao dịch của cổ phiếu ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- ✓ Pr: Giá cổ phiếu phát hành
- ✓ I: Tỷ lệ tăng vốn (tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm trên số lượng cổ phiếu ban đầu)

Với giá định tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền mua, giá thị trường của cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI sẽ được điều chỉnh theo công thức sau (chỉ tính đối với số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu):

$$P_{pl} = \frac{24.000 + [20.000 * 97/182]}{1 + 97/182} = 22.609 \text{ đồng/cổ phần}$$

*Trong đó:*

- ✓ Ppl: là giá cổ phiếu pha loãng;
- ✓ Pt: 24.000 đồng/cổ phần (Giá giá định ngày chốt danh sách để thực hiện quyền mua);
- ✓ Pr: 20.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm);
- ✓ I: 97/182 (Tỷ lệ tăng vốn đối với việc thực hiện quyền phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu).

#### **Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải bao giờ cũng xảy ra đồng thời và chúng cũng không liên hệ trực tiếp với nhau. Tuy nhiên, những rủi ro này ít nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của những nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của PRE, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

#### **6. Rủi ro về quản trị công ty**

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống... Tuy nhiên, Tổng công ty đã luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị công ty thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị công ty, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán... Trên thực tế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đã đạt được sự tăng trưởng ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra và duy trì ổn định sản xuất kinh doanh.

#### **7. Rủi ro khác**

Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn dẫn tới việc đầu tư không thích đáng cho phát triển sản phẩm mới và mở rộng thị trường mới.

Rủi ro về bảo mật thông tin: những rủi ro như bị lộ, bị thay đổi, bị mất mát, bị từ chối đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, uy tín và chiến lược của Công ty.

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hòa hoãn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI.

### III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức phát hành	: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Công ty kiểm toán	: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam – Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và 2021 của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI và thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 và kỳ 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2022
Bản cáo bạch	: Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI năm 2022
Điều lệ	: Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.
Vốn điều lệ	: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty.
Cổ đông	: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty
Cổ phiếu	: Là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổ chức phát hành

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

PRE/ PVI Re/ Tổng công ty/ Công ty/ Tổ chức phát hành	: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
BCTC	: Báo cáo tài chính
BGD	: Ban Giám đốc
BH	: Bảo hiểm
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CMND	: Chứng minh nhân dân
CP	: Cổ phần
CDL	: Cổ đông lớn



DHDCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
HĐ	: Hợp đồng
HĐQT	: Hội đồng quản trị
KDBH	: Kinh doanh bảo hiểm
MBS	: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TBH	: Tái bảo hiểm
TCKT	: Tài chính kế toán
TCTD	: Tổ chức tín dụng
TGD	: Tổng Giám đốc
Thuế GTGT	: Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
TMCP	: Thương mại cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TP	: Thành phố
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân
VĐL	: Văn điều lệ

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty:	<b>Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI</b>
Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:	PVI Reinsurance Joint-stock Corporation
Tên Công ty viết tắt:	PVI Re
Trụ sở chính:	Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Mã cổ phiếu:	PRE
Sàn niêm yết:	HNX
Điện thoại:	(024) 3734 2828
Fax:	(024) 3734 2626
Website:	www.pvire.com.vn
Logo Công ty:	



Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018

Vốn điều lệ hiện tại: 728.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tám tỷ đồng*)

Ngành nghề kinh doanh: Tái bảo hiểm

Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:

- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ phi bảo hiểm nhân thọ sau đây:
  - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
  - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, và đường không;

- Bảo hiểm xe cơ giới;
- Bảo hiểm cháy, nổ;
- Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
- Bảo hiểm trách nhiệm chung;
- Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;
- Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
- Bảo hiểm nông nghiệp;
- Các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác do Chính phủ quy định.
- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.
- ❖ Đầu tư tài chính theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tuấn Kiên – Chủ tịch HĐQT

Ông Trịnh Anh Tuấn – Tổng giám đốc

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

- Tháng 7/2011, Tổng công ty Tái bảo hiểm PVI – công ty con của Công ty Cổ phần PVI, trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam được thành lập với sứ mệnh trở thành nhà tái bảo hiểm chuyên nghiệp có thương hiệu quốc tế.
- Tháng 10/2013, việc tăng vốn điều lệ lên 668 tỷ đồng thông qua cổ phần hóa là một mốc quan trọng trong hoạt động kinh doanh, đưa PRE trở thành Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI, góp phần nâng mức giữ lại và năng lực nhận tái bảo hiểm của Công ty.
- Tháng 05/2016, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ để tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của Công ty. Năm 2018, sau khi hoàn thành đợt tăng vốn, Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI nhận được Giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính, hoạt động với vốn điều lệ thực góp là 728 tỷ đồng.
- Nối tiếp thành công, năm 2019, Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng ngày 26/11/2019 và Đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, góp phần đem lại hình ảnh minh bạch hơn trong mắt công chúng.
- Ngày 30/09/2020, cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PRE. Sau đó, ngày 24/12/2020, cổ phiếu PRE đã chính thức giao dịch trên HNX với mức giá tham chiếu

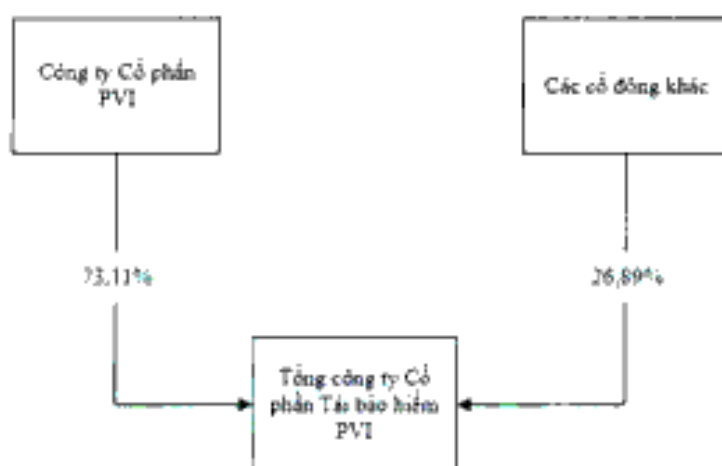
20.000 đồng. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu sự trưởng thành về kinh doanh và quản trị của PRE, mở ra một chặng đường phát triển mới với nhiều cơ hội để tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, hoàn thiện mô hình quản trị, tăng cường tính minh bạch dựa trên những giá trị cốt lõi đã được PRE xây dựng và phát triển trong suốt 10 năm có mặt trên thị trường.

❖ **Các danh hiệu mà Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI đã đạt được**

- Năm 2019, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M. Best đã nâng hạng năng lực tài chính của PRE ở mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của Tổ chức phát hành ở mức bbb (Đủ năng lực).
- Trong kỳ đánh giá 2021 của A.M. Best, PRE tiếp tục duy trì xếp hạng năng lực tài chính đạt mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của Tổ chức phát hành đạt mức "bbb". Triển vọng nâng hạng đối với cả hai chỉ tiêu là Ổn định.

### 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

**Hình 1: Cơ cấu tổ chức của PRE**



*% Tỷ lệ sở hữu tại PRE*

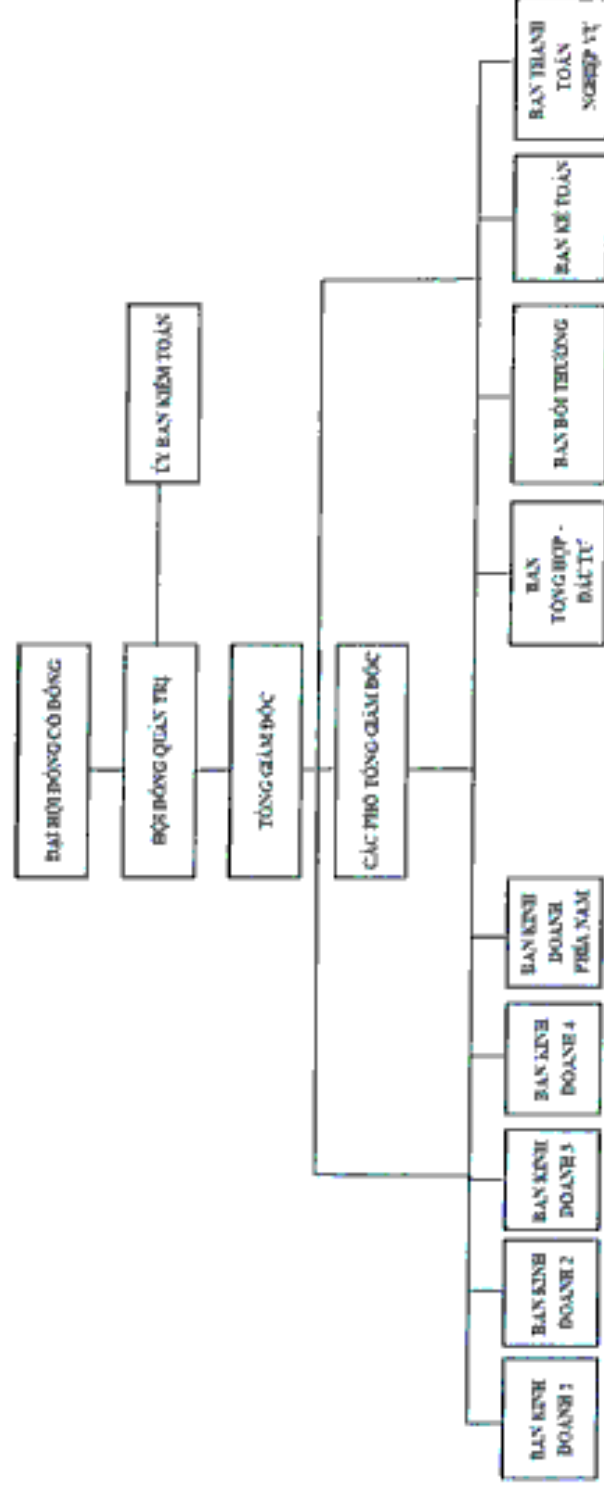
*Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI*

Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI được hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, không có đơn vị hạch toán phụ thuộc. Công ty mẹ của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "PVI"), tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam. Thông tin chi tiết về PVI được trình bày tại phần VI của Bản cáo bạch.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

4.1 Mô hình quản trị

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của PRE



Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI

## 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

PRE hoạt động theo Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thông qua, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HDQT) và Tổng Giám đốc Công ty.

### 4.2.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và theo Điều lệ của Công ty. ĐHĐCD thông qua những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bổ sung và sửa điều lệ, quyết định bộ máy điều hành của Công ty.

### 4.2.1 Hội đồng quản trị

HDQT do ĐHĐCD bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCD.

Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. HDQT bao gồm 05 thành viên trong đó cả 05 thành viên đều không điều hành Công ty.

Họ tên	Chức vụ	Điều hành
Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch HDQT	Không
Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch HDQT	Không
Nguyễn Phúc Anh	Thành viên HDQT	Không
Trịnh Văn Lượng	Thành viên HDQT	Không
Trần Duy Cường	Thành viên HDQT	Không

### 4.2.3 Ủy ban Kiểm toán

PRE hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo đó, đối với cơ cấu tổ chức quản lý không có Ban Kiểm soát, công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ủy ban kiểm toán có chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty, giám sát hệ thống báo cáo tài chính, rà soát báo cáo tài chính, công bố thông tin và báo cáo cho HDQT các vấn đề trọng yếu có liên quan.

Hiện tại, Ủy ban kiểm toán có 02 thành viên là ông Trịnh Văn Lượng và ông Trần Duy Cường; trong đó, ông Trịnh Văn Lượng đồng thời là Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và Thành viên độc lập HĐQT của công ty.

#### 4.2.4 Ban Điều hành

Ban Điều hành của PRE có 05 thành viên. Tổng Giám đốc lãnh đạo điều hành toàn bộ hoạt động của PRE theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ PRE và các quy định pháp luật khác có liên quan trên nguyên tắc đảm bảo doanh nghiệp phát triển hiệu quả và bền vững.

Tổng Giám đốc phân công và ủy quyền điều hành cho các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng các công việc trong từng lĩnh vực.

Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chủ động chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về các quyết định liên quan đến việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền.

Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp, xuyên suốt đến kết quả cuối cùng, ký các văn bản, hồ sơ, quyết định liên quan đến các công việc được phân công và ủy quyền đảm bảo hiệu quả, tuân thủ pháp luật và các quy định của PRE.

Họ tên	Chức vụ
Trịnh Anh Tuấn	Tổng giám đốc
Lê Thị Thuý	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng giám đốc
Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

#### 4.2.5 Các Ban chức năng

Các Ban trong Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh theo chỉ đạo của Ban điều hành.

**a. Ban Kinh doanh 1:**

- Nhận tái bảo hiểm tạm thời (bao gồm hợp đồng Tùy chọn bắt buộc).
- Nhận tái bảo hiểm cố định với nghiệp vụ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu biển (trừ các rủi ro từ Lào, Cam-pu-chia và Myanmar).
- Đàm phán, giao dịch và ký kết các hợp đồng nhận tái bảo hiểm và các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển tiếp an toàn, hiệu quả.
- Xây dựng và chỉnh sửa các Quy định, Quy trình, Hướng dẫn Khai thác (Underwriting Guidelines) liên quan đến các hoạt động kinh doanh Tái bảo hiểm Tạm thời.

**b. Ban Kinh doanh 2**

- Nhận tái bảo hiểm các Hợp đồng cố định (trừ nghiệp vụ bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu biển)
  - Đàm phán, giao dịch, ký kết các hợp đồng nhận tái bảo hiểm.
  - Phối hợp với các Ban Kinh doanh khác là đầu mối quản lý khách hàng trong nước để cùng đàm phán, đồng ký kết nhận tái bảo hiểm.
  - Thực hiện tái bảo hiểm chuyển tiếp an toàn, hiệu quả.
  - Phối hợp, đơn đốc với Ban Thanh toán nghiệp vụ và các Ban Kinh doanh khác có liên quan để phát sinh chứng từ và quản lý công nợ.
- Xây dựng và vận hành các chương trình tái bảo hiểm cho PVI Re và toàn PVI (Retro treaty).
- Đầu mối xây dựng và chỉnh sửa các Quy định, Quy trình, Hướng dẫn Khai thác (Underwriting Guidelines) liên quan đến các hoạt động kinh doanh Tái bảo hiểm cố định.

**c. Ban Kinh doanh 3:**

- Nhận tái bảo hiểm tạm thời đối với các rủi ro thuộc Nghiệp vụ Kỹ thuật trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam với các khách hàng khu vực phía Bắc và đối với toàn bộ các rủi ro ngoài lãnh thổ Việt Nam (trừ Campuchia).
- Nghiên cứu, xây dựng và nhận tái bảo hiểm các sản phẩm mới theo phương thức Tái bảo hiểm tạm thời.

**d. Ban Kinh doanh 4**

- Nhận tái bảo hiểm tạm thời đối với các rủi ro thuộc Nghiệp vụ Tài sản, Nông nghiệp, Hỗn hợp trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam với các khách hàng khu vực phía Bắc.

**e. Ban Kinh doanh phía Nam**

- Nhận tái bảo hiểm tạm thời đối với toàn bộ các rủi ro phát sinh trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam với các khách hàng khu vực phía Nam và phạm vi lãnh thổ Campuchia.



- Là đầu mối thực hiện chức năng hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá rủi ro, khảo sát rủi ro, đào tạo nghiệp vụ, tư vấn nghiệp vụ cho khách hàng phía Nam và khách hàng tại thị trường Campuchia.

**f. Ban Tổng hợp – Đầu tư**

- Công tác chiến lược kế hoạch: Đánh giá và dự báo các yếu tố tổng thể, điều kiện môi trường kinh tế - xã hội, pháp lý, cạnh tranh trong và ngoài nước; Xây dựng chiến lược phát triển của PVI Re; Xây dựng kế hoạch ngắn, trung và dài hạn; Giám sát việc thực hiện kế hoạch, định kỳ theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch; Định kỳ phân tích, đánh giá hiệu quả của hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm và hoạt động đầu tư tài chính.
- Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong toàn hệ thống PVI Re: Nhận diện các nhóm rủi ro và kiểm soát rủi ro trong toàn hệ thống; Rà soát, lập kế hoạch, đôn đốc việc xây dựng và ban hành các quy chế, quy trình, quy định của PVI Re; Thực hiện kiểm soát nội bộ định kỳ và đột xuất đối với các hoạt động của công ty.
- Công tác đầu tư: Đảm bảo thực hiện đầu tư an toàn, hiệu quả, tạo ra lợi nhuận và hoàn thành kế hoạch hoạt động đầu tư; Đề xuất cơ cấu danh mục đầu tư, xây dựng và triển khai phương án đầu tư.
- Công tác quản trị: Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong công tác quản trị doanh nghiệp, tổ chức ĐHCĐ, họp HĐQT và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản; Thực hiện công bố thông tin theo đúng các quy định của công ty đại chúng và niêm yết; Thực hiện công tác quản lý cổ đông; Triển khai và thực hiện công tác tăng vốn, tìm kiếm cổ đông chiến lược, tái cấu trúc công ty...
- Công tác pháp chế: Cập nhật các quy định mới của Pháp luật để rà soát sửa đổi các quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp; Góp ý về pháp lý đối với các dự thảo văn bản, hợp đồng của Công ty; Đầu mối cung cấp các hồ sơ pháp lý của PVI Re.
- Công tác nhân sự: Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, định biên nhân sự, đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, điều chuyển cán bộ; Xây dựng thang bảng lương, đầu mối đề xuất xếp và điều chỉnh lương; Xây dựng các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài cho cán bộ; Thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động.
- Công tác truyền thông và phát triển thương hiệu: Xây dựng kế hoạch truyền thông, triển khai các hoạt động quảng bá thương hiệu của PVI Re; công bố và thông báo thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về PVI Re; Thực hiện các ấn phẩm như báo cáo thường niên, bản chào về công ty.

- Xây dựng và quản lý hệ thống công nghệ thông tin: Xây dựng, quản trị và triển khai hệ thống công nghệ thông tin bao gồm: hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT, hệ thống bảo mật, hệ thống phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh của PVI Re; Đầu mối mua sắm, bảo hành, bảo trì, sửa chữa/thuê sửa chữa các thiết bị tin học tại trụ sở PVI Re.
- Quản lý và triển khai công tác văn phòng, quản lý tài sản: cố định, hành chính, lễ tân, văn thư, lưu trữ, thư ký.
- Đầu mối về công tác xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp.

#### **g. Ban Bồi thường**

- Quản lý và giải quyết khiếu nại bảo hiểm, thu đòi bồi thường: xử lý bồi thường, lập dự phòng bồi thường đủ và đúng theo quy định.
- Giải quyết các thắc mắc và yêu cầu của khách hàng liên quan đến khiếu nại bồi thường; phản hồi các rủi ro trong quá trình chuẩn bị và ký kết hợp đồng tái bảo hiểm bao gồm các vấn đề liên quan đến điều kiện điều khoản, thông tin liên quan đến rủi ro trong quá trình giải quyết bồi thường tới cán bộ khác thác và cán bộ kiểm soát nội bộ để khắc phục hoặc điều chỉnh quy trình, quy định kịp thời.
- Thực hiện chức năng Hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá rủi ro và xác định tổn thất tối đa có thể xảy ra (PML) nhằm tối ưu hóa mức giữ lại cho các Ban Kinh doanh.
- Thực hiện công tác giám định rủi ro cho khách hàng.

#### **h. Ban Kế toán**

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán và kế hoạch tài chính, lập báo cáo tài chính; tuân thủ các quy định, quy chế về quản lý tài chính, kế toán; Triển khai tính toán Quỹ dự phòng phí, dự phòng dao động lớn theo quy định; Kiểm soát và quản lý các khoản doanh thu, chi phí, tài sản, công nợ và nguồn vốn.
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền và giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kế hoạch dòng tiền; Tổ chức thực hiện công tác kế toán quản trị, lập báo cáo quản trị; Cân đối nguồn vốn để đầu tư, thẩm định đầu tư; Phân tích thông tin số liệu kế toán tài chính, kế toán quản trị hỗ trợ Ban Lãnh đạo trong công tác điều hành.
- Xây dựng các quy chế, quy trình, quy định liên quan đến công tác quản lý tài chính, kế toán, định mức chi tiêu.

#### **i. Ban Thanh toán nghiệp vụ**

- Phát sinh, thanh toán, thu đòi phí và bồi thường nhận, nhượng tái bảo hiểm:
  - Kiểm tra tính chính xác của các chứng từ liên quan đến thanh toán tái bảo hiểm như: bản thanh toán (SOA), bản thống kê phí (Premium Bordereaux) và bản thống kê bồi thường của các hợp đồng nhận – nhượng tái bảo hiểm;

- Cập nhật, xử lý và thông kê số liệu của hợp đồng nhận - nhượng tái bảo hiểm một cách chính xác và đầy đủ trên phần mềm;
  - Phát sinh chứng từ thanh toán chính xác, kịp thời.
- Theo dõi, kiểm soát nợ công nợ với khách hàng:
- Thường xuyên theo dõi, đối chiếu và xử lý công nợ với khách hàng.
  - Đầu mỗi thu hồi các khoản công nợ quá hạn, phối hợp với các Ban Kinh doanh khi cần thiết.

**5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

**5.1 Công ty mẹ của Tổ chức phát hành**

Tên đồng ty	:	Công ty Cổ phần PVI
Năm thành lập	:	2007
Dịa chỉ	:	Tòa nhà PVI, Lô VP2, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Giấy CN ĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100151161 cấp lần đầu ngày 12/03/2007, thay đổi lần thứ 19 ngày 23/08/2021
Ngành nghề kinh doanh chính	:	+ Hoạt động nắm giữ tài sản + Hoạt động dịch vụ tài chính + Kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty mẹ tại Tổ chức phát hành	:	73,11%
Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổ chức phát hành tại Công ty mẹ	:	0%

**5.2 Công ty con của Tổ chức phát hành**

Không có

**5.3 Công ty liên kết của Tổ chức phát hành**

Không có

**5.4 Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có

**5.5 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành**

Công ty cổ phần PVI

**6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành**

Từ khi thành lập đến nay, Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI đã có 02 lần tăng vốn. Cụ thể như sau:

**Bảng 1: Tổng hợp quá trình tăng vốn của PRE**

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước điều chỉnh (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau điều chỉnh (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Văn bản chấp thuận
Tháng 7/2011	0	460	-	Góp vốn thành lập doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Giấy phép thành lập và hoạt động số 66GP/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 20/07/2011
Tháng 10/2013	460	668	208	Tổng công ty chuyển đổi từ hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần, phát hành cổ phiếu và thu tiền mua cổ phiếu của các cổ đông để tăng vốn điều lệ	Bộ Tài chính	Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013
Tháng 10/2016 đến tháng 09/2018	668	728	60	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 6.000.000 cổ phần	Bộ Tài chính	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2016; Công văn số 216/PRE-HĐQT ngày 20/7/2018 báo cáo về việc hoàn thành tăng vốn điều lệ; Công văn số 239/PRE-HĐQT ngày 20/8/2018 báo cáo bổ sung về việc hoàn thành tăng vốn điều lệ

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước điều chỉnh (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau điều chỉnh (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Văn bản chấp thuận
						và hồ sơ kèm theo; Giấy phép điều chỉnh số 86/GPDC1/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 21/9/2018.

Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI

Chi tiết từng đợt tăng vốn như sau:

➤ **Chuyển đổi từ hình thức Công ty TNHH sang Công ty cổ phần**

- Vốn điều lệ trước khi cổ phần hóa: 460.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi cổ phần hóa: 668.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu: 66.800.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông: 74 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Bộ Tài chính

➤ **Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 668.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 728.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 6.000.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức cổ đông thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 167:15 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 167 quyền mua được mua 15 cổ phiếu phát hành thêm).
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 57 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 57 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của lần tăng vốn: Bộ Tài chính, ĐHĐCĐ Công ty
- Ý kiến kiểm toán về quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành: Không có ý kiến.

7. **Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác**

Không có ý kiến.

## 8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

### 8.1 Cổ phiếu phổ thông

**Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 23/06/2022**

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>352</b>	<b>72.527.400</b>	<b>99,63</b>
1	Cổ đông tổ chức	3	54.305.427	74,60
	Trong đó: Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	349	18.221.973	25,03
II	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>19</b>	<b>272.600</b>	<b>0,37</b>
1	Cổ đông tổ chức	4	130.700	0,18
	Trong đó, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	15	141.900	0,19
	<b>Tổng cộng</b>	<b>371</b>	<b>72.800.000</b>	<b>100</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 23/06/2022 của Công ty

### 8.2 Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

### 8.3 Các loại chứng khoán khác

Không có.

## 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật là 100%;
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông là 100%;
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành theo Bảng thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài được công bố bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 03/11/2022 là: 0,40%.

## 10. Hoạt động kinh doanh

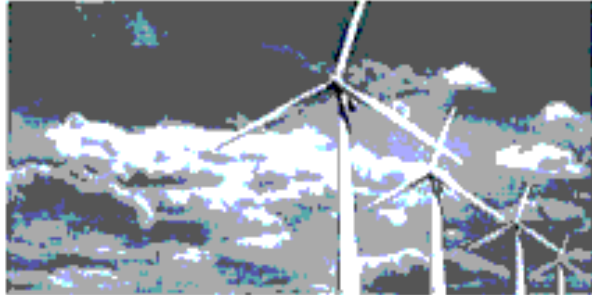
### 10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

#### 10.1.1 Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính

PRE là nhà cung cấp năng lực tái bảo hiểm tại Việt Nam cho các loại hình hợp đồng tái bảo hiểm cố định số thành, hợp đồng mức đôi, hợp đồng bảo vệ vượt mức bồi thường. Ngoài các chương trình tái bảo hiểm truyền thống, có khả năng cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm theo phương

thức tái tỷ lệ truyền thống hoặc các chương trình tái phí tỷ lệ phù hợp với năng lực tài chính của từng khách hàng. PRE có kinh nghiệm chuyên sâu thiết kế các chương trình tái bảo hiểm phù hợp với đặc thù khai thác kinh doanh bảo hiểm của từng công ty bảo hiểm.

Chi tiết các sản phẩm nghiệp vụ tái bảo hiểm:



### **BẢO HIỂM NĂNG LƯỢNG**

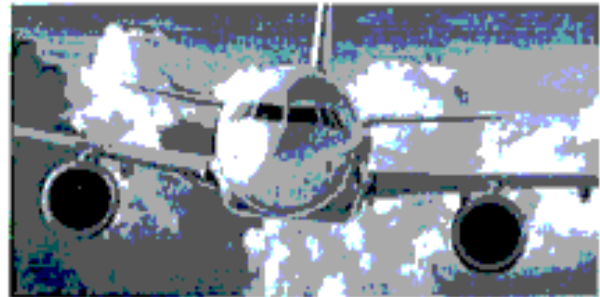
PRE là nhà tái bảo hiểm duy nhất tại Việt Nam có khả năng cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm nhanh chóng và linh hoạt cho các chương trình bảo hiểm đối với các hoạt động đầu khí trên bờ và ngoài khơi bao gồm:

- Bảo hiểm không chế giếng khoan
- Bảo hiểm xây dựng lắp đặt ngoài khơi
- Bảo hiểm xả lan, giàn khoan di động
- Bảo hiểm thiết bị giếng khoan
- Bảo hiểm năng lượng trọn gói

### **BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

PRE cung cấp các loại hình tái bảo hiểm cho toàn bộ các tài sản và hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực hàng không trên cơ sở các giải pháp tái bảo hiểm tạm thời hoặc tái bảo hiểm cố định. Các sản phẩm chính:

- Bảo hiểm mọi rủi ro thân, phụ tùng máy bay và trách nhiệm pháp lý
- Bảo hiểm mất khả năng sử dụng máy bay
- Bảo hiểm rủi ro chiến tranh và các rủi ro tương tự



### **BẢO HIỂM HÀNG HẢI**

Với nhiều chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực hàng hải, PRE có thế mạnh trong việc cung cấp các chương trình tái bảo hiểm cho các đội tàu viễn dương lớn của Việt Nam và các công ty vận tải biển lớn trên thế giới. Chúng tôi hiện

đang cung cấp các dịch vụ tái bảo hiểm tạm thời hoặc tái cố định đối với các loại hình bảo hiểm:

- Bảo hiểm thân tàu, dòng tàu
- Bảo hiểm hàng hóa
- Bảo hiểm P&I

## BẢO HIỂM TÀI SẢN

Với đội ngũ kỹ sư đánh giá rủi ro nhiều năm kinh nghiệm thuộc nhiều lĩnh vực công nghiệp và dân dụng, PRE có khả năng thiết kế các giải pháp, chương trình tái bảo hiểm ưu việt cho từng nhóm rủi ro riêng biệt cho khách hàng của mình, đặc biệt là các nhóm rủi ro thuộc lĩnh vực lọc hóa dầu, nhà máy điện và các nhà máy sản xuất công nghiệp có quy mô lớn và phức tạp.

Các sản phẩm chính:

- Bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp
- Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc
- Bảo hiểm nhà, khách sạn, siêu thị...
- Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh



## BẢO HIỂM KỸ THUẬT

Bằng sự kết hợp linh hoạt và hiệu quả các sản phẩm bảo hiểm Kỹ thuật truyền thống, đội ngũ chuyên gia của PRE cung cấp cho khách hàng các giải pháp tối ưu, sự đa dạng và phong phú khi lựa chọn các dịch vụ và chương trình tái bảo hiểm Tạm thời/Cố định áp dụng cho những công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng.

Các sản phẩm chính:

- Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng và lắp đặt
- Bảo hiểm công trình xây dựng đã hoàn thành.
- Bảo hiểm máy móc thiết bị thi công



- Bảo hiểm thiết bị điện tử

### BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM

PRE cung cấp năng lực tái bảo hiểm tạm thời và tái bảo hiểm cố định cho hầu hết các loại hình bảo hiểm trách nhiệm bao gồm:

- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp
- Bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba
- Bảo hiểm trách nhiệm công cộng và sản phẩm
- Bảo hiểm trách nhiệm người sử dụng lao động, người lao động
- Bảo hiểm trách nhiệm giải thưởng, D&O...



*General liability*  
Insurance



### BẢO HIỂM CƠ GIỚI

PRE là đơn vị đi đầu trong việc cung cấp các giải pháp và năng lực tái bảo hiểm cho thị trường bảo hiểm ô tô tại Việt Nam. Chúng tôi hiện cung cấp các nghiệp vụ tái bảo hiểm tỷ lệ hoặc phi tỷ lệ cho các sản phẩm bảo hiểm:

- Bảo hiểm thân vỏ
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe

### BẢO HIỂM SỨC KHỎE

PRE cung cấp năng lực tái bảo hiểm cho các sản phẩm bảo hiểm tai nạn và sức khỏe bao gồm:

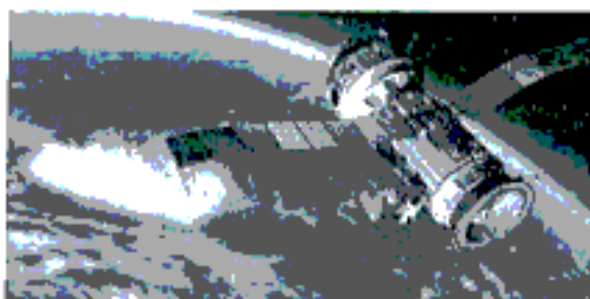
- Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện
- Bảo hiểm tai nạn và thương tật thân thể
- Bảo hiểm khách du lịch trong nước và nước ngoài



**BẢO HIỂM CHUYÊN BIỆT**

PRE luôn chú trọng tới việc đáp ứng các nhu cầu phát triển sản phẩm mới và chuyên biệt của khách hàng. Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, PRE có khả năng đưa ra các giải pháp tái bảo hiểm tối ưu cho các nhóm sản phẩm:

- Bảo hiểm nông nghiệp
- Bảo hiểm toàn diện ngân hàng
- Bảo hiểm các thiết bị điện thoại thông minh
- Bảo hiểm vệ tinh

**10.1.2 Giá trị dịch vụ****Bảng 3: Cơ cấu doanh thu của Công ty**

Nội dung	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm <sup>1</sup>	1.746.755	92,2%	1.871.286	92,36%	1.442.580	95,4%	2.169.806	95,5%
Doanh thu hoạt động tài chính	147.838	7,8%	154.877	7,64%	69.119	4,6%	101.224	4,5%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.894.593</b>	<b>100,0%</b>	<b>2.026.163</b>	<b>100,0%</b>	<b>1.511.699</b>	<b>100%</b>	<b>2.271.030</b>	<b>100,0%</b>

*Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE*

<sup>1</sup> Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm (i) doanh thu phí nhận tái bảo hiểm, (ii) hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và (iii) doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Trong đó, doanh thu phí nhận tái bảo hiểm tính trước điều chỉnh cho (i) Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và (ii) Phí nhượng tái bảo hiểm (sau điều chỉnh Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm).

**Bảng 4: Cơ cấu doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm 2020 - 09 tháng đầu năm 2022**

TT	Nghệp vụ	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm <sup>2</sup>	1.481.693	84,8%	1.630.119	87,1%	1.285.641	89,1%	1.942.842	89,5%
	Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại <sup>3</sup>	506.676	29,0%	657.403	35,1%	627.728	43,5%	955.925	44,1%
2	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	251.733	14,4%	222.434	11,9%	141.159	9,8%	204.191	9,4%
3	Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	13.329	0,8%	18.733	1,0%	15.779	1,1%	22.773	1,0%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.746.755</b>	<b>100 %</b>	<b>1.871.286</b>	<b>100 %</b>	<b>1.442.579</b>	<b>100%</b>	<b>2.169.806</b>	<b>100 %</b>

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Trong cơ cấu doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI, doanh thu phí từ hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, thường xuyên chiếm khoảng trên 84% tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quy mô doanh thu năm 2020, 2021, 6 tháng đầu năm 2022 và 9 tháng đầu năm 2022 lần lượt là 1.481,7 tỷ đồng, 1.630,1 tỷ đồng, 1.285,6 tỷ đồng và 1.942,8 tỷ đồng. Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại có tăng từ

<sup>2</sup> Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm tính trước điều chỉnh cho (i) Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và (ii) Phí nhượng tái bảo hiểm (sau điều chỉnh Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm).

<sup>3</sup> Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại tương đương Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm trừ đi phí nhượng tái bảo hiểm tương ứng trong cùng kỳ

506,7 tỷ đồng (tương đương 29,0% doanh thu năm 2020) lên 657,4 tỷ đồng (chiếm 35,1% doanh thu năm 2021). Tỷ trọng mảng này đã tăng 6 tháng đầu năm 2022 và 9 tháng đầu năm 2022 đạt 43,5%, 44,1%, tương đương với doanh thu phí bảo hiểm giữ lại đạt 627,7 và 955,9 tỷ đồng.

Đứng thứ hai là doanh thu từ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm, chiếm khoảng 12-14% tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của công ty trong giai đoạn 2020-2021. Tuy nhiên tỷ trọng mảng này giảm xuống còn 9,8% và 9,4% trong giai đoạn 6 tháng và 9 tháng đầu năm 2022.

**Bảng 5: Cơ cấu doanh thu phí nhận tái bảo hiểm 2020 - 09 tháng đầu năm 2022**

TT	Nghiep vụ	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Bảo hiểm tài sản	514.512	34,7%	617.883	37,9%	413.118	32,1%	595.227	30,6%
2	Bảo hiểm kỹ thuật	255.330	17,2%	254.107	15,6%	190.284	14,8%	300.209	15,5%
3	Bảo hiểm xe cơ giới	118.324	8,0%	198.512	12,2%	213.917	16,6%	312.461	16,1%
4	Bảo hiểm thân tàu và P&I	142.234	9,6%	165.316	10,1%	97.308	7,6%	146.661	7,5%
5	Bảo hiểm cháy nổ	181.210	12,2%	157.741	9,7%	158.440	12,3%	218.254	11,2%
6	Bảo hiểm hàng hóa	113.939	7,7%	126.223	7,7%	96.294	7,5%	144.253	7,4%
7	Bảo hiểm năng lượng	49.303	3,3%	38.571	2,4%	9.449	0,7%	17.773	0,9%
8	Bảo hiểm con người	1.469	0,1%	13.348	0,8%	41.851	3,3%	120.753	6,2%
9	Bảo hiểm hàng không	4.912	0,3%	-971	-0,1%	123	0,0%	77	0,0%
10	Bảo hiểm khác	100.459	6,8%	59.388	3,6%	64.857	5,0%	87.169	4,5%
11	(Tăng) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	-2.175	-0,1%	-59.608	-3,7%	-171.535	-13,3%	-259.112	-13,3%
12	<b>Tổng cộng doanh</b>	<b>1.479.517</b>	<b>99,9%</b>	<b>1.570.511</b>	<b>96,3%</b>	<b>1.114.106</b>	<b>86,7%</b>	<b>1.683.729</b>	<b>86,7%</b>

TT	Nghịệp vụ	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
	thu (sau điều chỉnh (Tăng)/ Giảm dự phòng phí nhận tái bảo hiểm)								
13	Tổng cộng doanh thu (trước điều chỉnh (Tăng)/ Giảm dự phòng phí nhận tái bảo hiểm)	1.481.692	100%	1.630.118	100%	1.285.641	100%	1.942.841	100 %

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Đóng góp tỷ trọng lớn nhất cho hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm của PRE đến từ các mảng bảo hiểm tài sản (30-38%), bảo hiểm kỹ thuật (15-17%), bảo hiểm cháy nổ (10-12%). Phí từ hoạt động nhận tái bảo hiểm tài sản của PRE đạt lần lượt là 514,5 tỷ, 617,9 tỷ, 413,1 tỷ và 595,2 tỷ trong năm 2020, 2021, 6 tháng và 9 tháng đầu năm 2022. Doanh thu nhận tái bảo hiểm tài sản tăng cả về giá trị và tỷ trọng trong năm 2021 so với 2020 trong khi doanh thu từ phí nhận tái bảo hiểm kỹ thuật giảm nhẹ về giá trị và tỷ trọng tại năm 2021 so với năm 2020 chủ yếu do bảo hiểm tài sản là dịch vụ quan trọng trong bảo hiểm phi nhân thọ PRE tập trung chủ động khai thác dịch vụ này trong kỳ, trong khi bảo hiểm kỹ thuật phụ thuộc vào các dự án khai thác được. Doanh thu và tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu của tái bảo hiểm kỹ thuật trong 6 tháng đầu năm 2022 lần lượt là 190 tỷ và 14,8%. Doanh thu và tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu của tái bảo hiểm kỹ thuật trong 9 tháng đầu năm 2022 lần lượt là 300,2 tỷ và 15,5%. Doanh thu từ phí nhận tái bảo hiểm cháy nổ giảm về giá trị và tỷ trọng trong năm 2021, tuy nhiên đã tăng trưởng trở lại trong năm 2022, đạt mức 158,4 tỷ đồng, tương đương 12,3% tổng

doanh thu 06 tháng đầu năm 2022 và đạt mức 218,2 tỷ đồng, tương đương 11,2% tổng doanh thu 09 tháng đầu năm 2022.

Doanh thu từ phí nhận tái bảo hiểm xe cơ giới tăng từ 118,3 tỷ (năm 2020) lên 198,5 tỷ (năm 2021) do trong năm 2021, do PRE có nhận một số hợp đồng cố định xe cơ giới mới, có phí phát sinh lớn trong kỳ. Dự phòng nhận tái bảo hiểm theo quy định của Bộ tài chính được ước tính theo phương pháp 50% đối với các đơn ngắn hạn và phương pháp 1/8 với các đơn dài hạn, trong cơ cấu doanh thu PRE chủ yếu là các hợp đồng ngắn hạn nên dự phòng phí có xu hướng biến động theo doanh thu phí nhận nhượng.

Theo đánh giá của PRE, trong năm 2021, PRE tiếp tục bám sát kế hoạch doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các chính sách khai thác nhận/nuôi nhượng hiện hành. Cơ cấu, tỷ trọng doanh thu nhận tái bảo hiểm theo nguồn đã được dịch chuyển đúng hướng, không tái tục đối với các dịch vụ không hiệu quả hoặc tiềm ẩn rủi ro cao, cần trọng hơn trong nhận tái bảo hiểm nước ngoài, đẩy mạnh khai thác thị trường trong nước.

## 10.2 Tài sản

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2020, 31/12/2021, và giá trị theo BCTC soát xét tại 30/06/2022 và 30/09/2022 như sau:

**Bảng 6: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020**

*Đơn vị: triệu đồng*

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>8.592</b>	<b>7.810</b>	<b>781</b>
Phương tiện vận tải	2.452	2.452	-
Thiết bị văn phòng	6.139	5.358	781
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>23.908</b>	<b>22.813</b>	<b>1.094</b>
Phần mềm máy tính	23.908	22.813	1.094
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.500</b>	<b>30.623</b>	<b>1.875</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán của PRE*

**Bảng 7: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2021**

*Đơn vị: triệu đồng*

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>6.300</b>	<b>5.947</b>	<b>353</b>

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải	-	-	-
Thiết bị văn phòng	6.300	5.947	353
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>23.908</b>	<b>23.583</b>	<b>325</b>
Phần mềm máy tính	23.908	23.583	325
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.208</b>	<b>29.530</b>	<b>678</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán của PRE

**Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 30/06/2022**

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>6.391</b>	<b>6.106</b>	<b>285</b>
Thiết bị văn phòng	6.391	6.106	285
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>23.908</b>	<b>23.671</b>	<b>237</b>
Phần mềm máy tính	23.908	23.671	237
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.299</b>	<b>29.777</b>	<b>522</b>

Nguồn: BCTC soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của PRE

**Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 30/09/2022**

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>6.390</b>	<b>6.154</b>	<b>236</b>
Thiết bị văn phòng	6.390	6.154	236
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>24.747</b>	<b>23.786</b>	<b>961</b>
Phần mềm máy tính	24.747	23.786	961

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.137</b>	<b>29.940</b>	<b>1.197</b>

*Nguồn: BCTC soát xét cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 của PRE*

### 10.3 Thị trường hoạt động

PRE tiếp tục bám sát kế hoạch doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các chính sách khai thác nhận/nhượng hiện hành. Cơ cấu, tỷ trọng doanh thu nhận tái bảo hiểm theo nguồn đã được dịch chuyển đúng hướng.

Công tác nhận tái bảo hiểm trong nước tiếp tục tăng trưởng và phát triển, đạt hiệu quả cao. Trong những năm gần đây, PRE đã có những chiến lược tiếp cận một cách thận trọng các dịch vụ từ thị trường nước ngoài, bước đầu đạt được những thành tựu nhất định.

### 10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

#### 10.4.1 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư

Hoạt động đầu tư đóng vai trò rất quan trọng với một doanh nghiệp bảo hiểm. Công ty có một số khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn nhằm mục đích sinh lời như sau:

**Bảng 10: Giá gốc các khoản đầu tư tài chính tại cuối kì**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Nghiệp vụ	Năm 2020	Năm 2021	Tại 30/06/2022	Tại 30/09/2022
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>1.455.962</b>	<b>1.484.998</b>	<b>1.486.311</b>	<b>1.528.484</b>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.174.959</i>	<i>1.219.628</i>	<i>1.343.729</i>	<i>1.337.902</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.174.959	1.098.592	1.222.958	1.236.959
- Ủy thác đầu tư ngắn hạn (ii)	-	121.037	120.770	100.943
<i>Dài hạn</i>	<i>281.003</i>	<i>265.370</i>	<i>142.581</i>	<i>190.581</i>
- Trái phiếu (iii)	100.003	100.003	122.581	122.581
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (iv)	181.000	165.367	20.000	68.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>308.545</b>	<b>478.545</b>	<b>578.545</b>	<b>578.545</b>
- Quỹ đầu tư cơ hội PVI (v)	204.545	204.545	304.545	304.545
- Quỹ đầu tư hạ tầng PVI (vi)	104.000	274.000	274.000	274.000



Nghiệp vụ	Năm 2020	Năm 2021	Tại 30/06/2022	Tại 30/09/2022
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.764.507</b>	<b>1.963.543</b>	<b>2.064.856</b>	<b>2.107.029</b>

*Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE*

Trong giai đoạn 2020 - 09 tháng đầu năm 2022, các khoản đầu tư của Công ty có xu hướng chuyển dịch giảm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn các sản phẩm dài hạn và tăng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và đầu tư vào các đơn vị khác. Do trong giai đoạn đầu năm 2020, mặt bằng lãi suất tương đối tốt và ổn định, Tổng công ty tăng đầu tư đầu tư vào các sản phẩm dài hạn. Trong năm 2021, dưới tác động của dịch COVID-19, mặt bằng lãi suất huy động giảm nên Tổng công ty chuyển dịch cơ cấu đầu tư tiền gửi có kỳ hạn dài hạn sang tập trung đầu tư tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

➤ Tại 06 tháng đầu năm 2022, chi tiết các khoản đầu tư như sau:

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc lớn hơn 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ với số tiền gốc là 75.000.000.000 VND; hợp đồng tiền gửi với số tiền gốc là 136.000.000.000 VND và hợp đồng tiền gửi với số tiền gốc là 12.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong đang được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công
- (ii) Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI vào trái phiếu có bảo lãnh với thời hạn ủy thác 12 tháng.
- (iii) Phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội với thời hạn 5 năm 01 ngày, đáo hạn ngày 18 tháng 10 năm 2023.
- (iv) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (v) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"), chiếm tỷ lệ 15,23% vốn điều lệ của POF.
- (vi) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"), chiếm tỷ lệ 18,27% vốn điều lệ của PIF.

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Đối với các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ đo lãi suất biến động theo lãi suất thị trường.

- Đối với các khoản góp vốn thành lập POF và PIF, giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.
  - Đối với các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do (i) thời gian đáo hạn ngắn và/hoặc (ii) không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tại 09 tháng đầu năm 2022, chi tiết các khoản đầu tư như sau:
- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, hợp đồng tiền gửi số 44805.21.004.893.2059.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ với số tiền gốc là 75.000.000.000 VND; hợp đồng tiền gửi số 1811/2021TG/TBHPVI-TPB với số tiền gốc là 136.000.000.000 VND và hợp đồng tiền gửi số 0312/2021TG/TBHPVI-TPB với số tiền gốc là 12.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong đang được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công.
  - (ii) Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI vào trái phiếu có bảo lãnh với thời hạn ủy thác 12 tháng.
  - (iii) Phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và tổ chức tín dụng có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
  - (iv) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
  - (v) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”), chiếm tỷ lệ 15,23% vốn điều lệ của POF.
  - (vi) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (“PIF”), chiếm tỷ lệ 18,27% vốn điều lệ của PIF.
- (\*) Giá trị hợp lý được xác định như sau:
- Đối với các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất biến động theo lãi suất thị trường.
  - Đối với các khoản góp vốn thành lập POF và PIF, giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

- Đối với các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do (i) thời gian đáo hạn ngắn và/hoặc (ii) không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Bảng 11: Tình hình hoạt động đầu tư tài chính 2020 - 09 tháng đầu năm 2022**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với 2020	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021
1	Doanh thu từ hoạt động tài chính	147.838	154.876	4,8%	69.120	16,3%	101.224	15,3%
2	Chi phí hoạt động tài chính	23.347	27.159	16,3%	12.752	8,1%	24.468	54,9%
3	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	124.491	127.717	2,6%	56.638	18,9%	76.756	6,7%
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu hoạt động tài chính	84,2%	82,5%		81,9%		76%	

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

**Bảng 12: Chi tiết doanh thu từ hoạt động tài chính 2020 - 09 tháng đầu năm 2022**

STT	Nghiệp vụ	Năm 2020	Năm 2021	06 tháng đầu năm 2022	09 tháng đầu năm 2022
-----	-----------	----------	----------	-----------------------	-----------------------

		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Lãi tiền gửi, trái phiếu	104.597	70,8%	94.539	61,0%	44.793	64,8%	68.306	67,5%
2	Có tức, lợi nhuận được chia	28.247	19,1%	37.041	23,9%	14.318	20,7%	14.318	14,1%
3	Lãi chênh lệch tỷ giá	14.994	10,1%	23.296	15,0%	10.009	14,5%	18.600	18,4%
	Tổng cộng	147.838	100%	154.876	100%	69.120	100%	101.224	100 %

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

**Bảng 13: Chi tiết chi phí hoạt động tài chính 2020 - 09 tháng đầu năm 2022**

STT	Nghệp vụ	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.855	72,2%	19.044	70,1%	9.817	77,0%	18.231	74,5%
2	Chi phí quản lý hoạt động	5.856	25,1%	7.479	27,5%	1.810	14,2%	3.603	14,7%

STT	Nghệp vụ	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
	đầu tư tài chính								
3	Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư	636	2,7%	636	2,3%	63	0,5%	176	0,7%
4	Chi phí lãi vay	-	-	-	-	1.061	8,3%	2.458	10,0%
	Tổng cộng	23.347	100%	27.159	100%	12.752	100%	24.468	100,0%

*Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE*

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi và trái phiếu đóng góp lớn nhất cho doanh thu từ hoạt động tài chính, duy trì tỷ trọng trên 60% trong giai đoạn 2020 - 09 tháng đầu năm 2022.

Doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty năm 2021 đạt 154.876 triệu đồng, tăng 4,8% so với năm 2020. Tuy nhiên, cơ cấu doanh thu biến động với tỷ trọng và giá trị của lãi tiền gửi và trái phiếu giảm từ 70,8%, (tương đương 104,6 tỷ đồng, năm 2020) xuống còn 61% (tương đương mức 94,5 tỷ đồng, năm 2021), nguyên nhân do mặt bằng lãi suất huy động giảm dưới tác động của dịch COVID-19. Tổng công ty có sự chuyển dịch cơ cấu danh mục đầu tư tài chính từ đầu tư tiền gửi sang góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu của doanh nghiệp quản lý, phát triển cơ sở hạ tầng, bất động sản) và Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (đầu tư linh hoạt, bao gồm cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu, hợp tác đầu tư đa lĩnh vực). Doanh thu tăng trong năm 2021 chủ yếu đến từ cổ tức, lợi nhuận được chia (23.296 triệu đồng) và lãi chênh lệch tỷ giá là 37.041 triệu đồng.

Trong giai đoạn 06 tháng đầu năm 2022 và 09 tháng đầu năm 2022, lãi tiền gửi, trái phiếu và lãi chênh lệch tỷ giá đóng góp lớn nhất cho doanh thu hoạt động tài chính của công ty với giá trị lần lượt là 44,8 và 10,0 tỷ đồng (kỳ 6 tháng 2022) và 68,3 và 18,6 tỷ đồng (kỳ 9 tháng 2022).

➤ **Chi phí hoạt động tài chính**

Lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính là hai hạng mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí hoạt động tài chính. Tuy nhiên công ty cũng phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và được ghi ở doanh thu hoạt động tài chính. Tổng công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa đủ độ thanh khoản. Lãi/lỗ thuần từ chênh lệch tỷ giá những năm qua ở mức thấp, chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lợi nhuận hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính năm 2021 tăng 16,3% so với năm 2020 do công ty tăng lỗ chênh lệch tỷ giá và tăng chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính.

Trong giai đoạn 09 tháng đầu năm 2022, lỗ chênh lệch tỷ giá, chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính và chi phí lãi vay chiếm lần lượt 74,5%, 14,7% và 10% tổng chi phí. Trong 09 tháng đầu năm 2022, Công ty phát sinh chi phí lãi vay do trong kỳ công ty có huy động nguồn vốn vay ngắn hạn dưới 6 tháng với lãi suất 4,6%/năm từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

➤ Lợi nhuận hoạt động tài chính

Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính năm 2021 đạt 127,7 tỷ đồng, tăng 2,6% so với năm 2020 và hoàn thành 110% so với kế hoạch đề ra. Kết quả đạt là do hoạt động đầu tư tài chính của Công ty đã có sự chuyển dịch đáng kể cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng tăng hiệu quả vẫn đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định. Bên cạnh đó, Công ty đã tích cực thu đòi công nợ nhanh chóng, tối đa hóa hiệu quả dòng tiền, nâng cao hiệu quả đầu tư. Tính đến 09 tháng đầu năm 2022, công ty ghi nhận doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động tài chính lần lượt là 101,2 tỷ và 76,7 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng lần lượt là 15,3% và 6,7% so với cùng kỳ năm 2021.

**10.4.2 Báo cáo hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính**

➤ Cơ cấu doanh thu

Xem thêm phân tích doanh thu hoạt động kinh doanh tại Phần 10.1.5, Mục IV của Bản cáo bạch.

➤ Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh

**Bảng 14: Chi phí hoạt động, kinh doanh theo yếu tố**

STT	Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Chi bồi thường	228.320	31,9%	247.656	31,1%	219.581	37,0%	346.608	36,6%

STT	Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
	bảo hiểm								
2	Tăng dự phòng dao động lớn	15.200	2,1%	19.722	2,5%	18.832	3,2%	28.678	3,0%
3	Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	381.840	53,4%	414.737	52,1%	308.201	52,0%	483.051	50,9%
4	Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	5.299	0,7%	6.437	0,8%	3.124	0,5%	4.583	0,5%
5	Chi khác nhận tái bảo hiểm	9.094	1,3%	16.052	2,0%	12.339	2,1%	17.188	1,8%
6	Chi phí nhân viên	37.867	5,3%	53.014	6,7%	9.200 <sup>4</sup>	1,6%	18.701 <sup>5</sup>	3,1%
8	Chi	2.093	0,3%	1.175	0,1%	190	0,0%	321	0,0%

<sup>4</sup> Chi phí này được tính sau khi lấy chi phí nhân viên ghi nhận 18.579 triệu đồng trừ đi phần hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước là 9.380 triệu đồng do Công ty điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 về số tiền 13,35 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI số 01/BB-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí Lương nhân viên kinh doanh, chi phí Lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

<sup>5</sup> Chi phí này được tính sau khi lấy chi phí nhân viên ghi nhận 29.123 triệu đồng trừ đi phần hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước là 10.423 triệu đồng do Công ty điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 về số tiền 13,35 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI số 01/BB-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí Lương nhân viên kinh doanh, chi phí Lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

STT	Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
	phí khấu hao TSCĐ								
9	Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.188	1,1%	8.131	1,0%	3.783	0,6%	7.231	0,8%
10	(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(1.117)	-0,2%	(744)	-0,1%	(446)	-0,1%	1.640	0,2%
11	Chi phí khác	28.808	4,0%	30.312	3,8%	18.261	3,1%	29.808	3,1%
	Tổng cộng	715.592	100%	796.492	100%	593.065	100%	937.811	100,0%

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Chi hoa hồng bảo hiểm, chi bồi thường bảo hiểm và chi phí nhân viên chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí hoạt động, kinh doanh theo yếu tố của công ty. Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm chiếm trên 50% trong tổng cơ cấu chi phí giai đoạn 2020 - 09 tháng đầu năm 2022. Tỷ trọng Chi bồi thường bảo hiểm trên tổng chi phí duy trì ở mức 31-32% trong năm 2020-2021, tuy nhiên tăng lên mức 37% (06 tháng đầu năm 2022) và 36,6% (09 tháng đầu năm 2022) chủ yếu do tăng bồi thường bảo hiểm tài sản, bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm cháy nổ.

#### ➤ Cơ cấu lợi nhuận

Bảng 15: Cơ cấu lợi nhuận giai đoạn 2020 - 09 tháng đầu năm 2022

STT	Nghịệp vụ	Năm 2020	Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với năm 2020	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021
1	Lợi	91.373	93.563	2,4%	57.545	24,7%	62.809	24,7%



STT	Nghịệp vụ	Năm 2020	Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với năm 2020	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021
	nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm							
	- Tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	11,8%	11,0%	-	9,0%	-	6,4%	-
2	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	124.491	127.717	2,6%	56.368	18,3%	76.756	6,7%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	181.627	182.207	0,3%	104.532	29,1%	120.692	6,1%
4	Lợi nhuận/lỗ khác	(6)	393	-	-	-	-	
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	181.622	182.599	0,5%	104.532	29,1%	120.692	6,1%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	146.759	145.781	-0,7%	84.406	30,9%	98.209	8,2%

*Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE*

Cơ cấu đóng góp lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động tài chính tương đối ổn định trong năm 2020, 2021 với tổng tỷ trọng luôn trên 90%. Trong 06 tháng đầu năm 2022, mức đóng góp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm là 57,5 tỷ, tương đương 50,5% tổng lợi nhuận gộp. Tính trong 09 tháng đầu năm 2022, mức đóng góp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm là 62,8 tỷ, tương đương 45% tổng lợi nhuận gộp.

Năm 2021, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận kế toán trước thuế tăng nhẹ so với năm 2020 mặc dù chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 13,8% so với cùng kỳ. Năm 2021, PRE đã hoàn thành kế hoạch với lợi nhuận trước thuế đạt 182,6 tỷ đồng, hoàn thành 107% kế hoạch – đây là mức lợi nhuận cao nhất Công ty đạt được kể từ khi thành lập với lợi nhuận hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động đầu tư tài chính đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Tại 06 tháng đầu năm 2022, công ty ghi nhận lợi nhuận thuần tăng 29,1% và lợi nhuận sau thuế tăng 30,9% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt lần lượt là 104,5 tỷ đồng và 84,4 tỷ đồng. Tại 09 tháng đầu năm 2022, công ty ghi nhận lợi nhuận thuần tăng 6,1% và lợi nhuận sau thuế tăng 8,2% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt lần lượt là 120,7 tỷ đồng và 98,2 tỷ đồng. Lợi nhuận tăng trong giai đoạn 06 và 09 tháng đầu năm 2022 do chủ yếu ghi nhận lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính tăng, đồng thời công ty giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 10.5 Các hợp đồng lớn

**Bảng 16: Một số hợp đồng đã và đang thực hiện trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay**

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng	Điều khoản đặc biệt	Đã/đang thực hiện	Mối quan hệ với HĐQT, UBKT, BGD, CDL
<b>Năm 2020</b>									
1	030/FIRE/FAC/F00012/1/20	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy lọc dầu Dung Quất	26/11/2020	26/11/2020-25/11/2021	20,5 tỷ VND	Không	Đã thực hiện	Xem thông tin tại Bảng 16, mục 10.6.1 Phần IV

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/ đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng	Điều khoản đặc biệt	Đã/ đang thực hiện	Mối quan hệ với HĐQT, UBKT, BGD, CĐL
2	007/FIRE/FAC/F003691/19	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Phú Mỹ	31/10/2019	01/11/2019-31/10/2020	10,2 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	- Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
3	007/FIRE/FAC/F003676/19	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Cà Mau	24/04/2019	24/04/2019-23/04/2020	23,2 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	
4	007/FIRE/FAC/F003510/20	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1	01/06/2020	01/06/2020-01/06/2021	16,5 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	
5	032/MISC/QTS/T000001/20	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện PTI	Dịch vụ TBH rủi ro chương trình bảo an tin dụng	01/01/2020	01/01/2020-01/01/2021	45,5 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	
<b>Năm 2021</b>									
1	030/FIRE/FAC/F000105/21	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy lọc dầu Dung Quất	26/11/2021	26/11/2021-25/11/2022	18 tỷ VNĐ	Không	Đang thực hiện	Xem thông tin tại Bảng 16, mục

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/ đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng	Điều khoản đặc biệt	Đã/ đang thực hiện	Mối quan hệ với HĐQT, UBKT, BGD, CBL
2	007/FIRE/FAC/F00370 1/20	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Phú Mỹ	01/12/2020	01/12/2020- 01/12/2021	18,3 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	10.6.1 Phần IV - Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
3	007/FIRE/FAC/F00360 7/20	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Cà Mau	23/09/2020	23/09/2020- 23/09/2021	10,8 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	
4	032/MISC/QTS/T0000 01/21	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện PTI	Dịch vụ TBH rủi ro chương trình bảo an tin dụng	01/01/2021	01/01/2021- 31/12/2021	48,3 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	Không có
5	122/VEHC/QTS/T0000 01/21	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	Chương trình tái bảo hiểm số thành nghiệp vụ xe cơ giới	01/01/2021	01/01/2021- 31/12/2021	30 tỷ	Không	Đã thực hiện	Không có
Năm 2022 (T1/2022-nay)									

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/ đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng	Điều khoản đặc biệt	Đã/đang thực hiện	Mối quan hệ với HĐQT, UBKT, BGD, CDL
1	017/FIRE/FAC/F00012/1/21	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Phú Mỹ	31/12/2021	31/12/2021-31/12/2022	18,3 tỷ VNĐ	Không	Đang thực hiện	Xem thông tin tại Bảng 16, mục 10.6.1 Phần IV - Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
2	007/FIRE/FAC/F00359/4/21	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Cà Mau	23/10/2021	23/10/2021-23/10/2022	12 tỷ VNĐ	Không	Đang thực hiện	
3	007/ENGN/FAC/F0034/34/22	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Nhiệt Điện Nhơn Trạch 3,4	15/05/2022	15/05/2022-14/05/2025	15,7	Không	Đang thực hiện	
4	011/CARG/QTS/T0000/01/22	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Dịch vụ TBH hợp đồng cố định rủi ro hàng hóa vận chuyển nội địa và xuất nhập khẩu	01/01/2022	01/01/2022-31/12/2022	8 tỷ VNĐ	Không	Đang thực hiện	Không có

Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI

## 10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

### 10.6.1 Các khách hàng lớn

**Bảng 17: Các khách hàng lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay**

STT	Tên khách hàng	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/tổng doanh thu (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, BKS, BGB, CĐL
<b>Năm 2020</b>					
1	Tổng công ty bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	Khách hàng lâu năm- từ năm 2011	62,22%	Phí nhận tái bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo hiểm PVI là công ty con của Công ty cổ phần PVI (cổ đông lớn của PRE)</li> <li>- Ông Phùng Tuấn Kiên (Chủ tịch Hội đồng quản trị của PRE) là Thành viên Hội đồng thành viên của Bảo hiểm PVI</li> <li>- Ông Trịnh Văn Lượng (Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán của PRE) là Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ của Bảo hiểm PVI</li> <li>- Ông Trần Duy Cường (Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán của PRE) là Kiểm soát viên của Bảo hiểm PVI</li> </ul>
2	Tổng công ty Cổ phần	Khách	6,20%	Phí	Không có

STT	Tên khách hàng	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/tổng doanh thu (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, BKS, BGD, CDL
	Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	hàng lâu năm- từ năm 2012		nhận tái bảo hiểm	
3	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	5,09%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	3,49%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
5	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội - MIC	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	2,48%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
<b>Năm 2021</b>					
1	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Khách hàng lâu năm- từ năm 2011	60,66%	Phí nhận tái bảo hiểm	Xem mục bên trên về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
2	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	5,16%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
3	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội - MIC	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	4,49%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
4	Công ty Cổ phần Bảo	Khách	3,14%	Phí	Không có

STT	Tên khách hàng	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/tổng doanh thu (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, BKS, BGD, CDL
	hiểm Bưu điện (PTI)	hàng lâu năm- từ năm 2012		nhận tái bảo hiểm	
5	Lane Xang Assurance Public Company (LAP)	Khách hàng lâu năm- từ năm 2017	2,90%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
<b>Năm 2022 (T1/2022-nay)</b>					
1	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Khách hàng lâu năm- từ năm 2011	63,37%	Phí nhận tái bảo hiểm	Xem mục bên trên về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
2	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	4,13%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
3	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội - MIC	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	4,09%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	3,75%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
5	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	3,27%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có

Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI

#### 10.6.2 Nhà cung cấp lớn



Bảng 18: Các nhà cung cấp lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay

STT	Tên nhà cung cấp	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/Doanh số mua hàng (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, BKS, BTGD, CĐL
<b>Năm 2020</b>					
1	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2011	16,30%	Nhượng tái bảo hiểm	Xem thông tin tại Bảng 16, mục 10.6.1 Phần IV - Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
2	Willis Re Labuan Limited	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2015	15,55%	Nhượng tái bảo hiểm	Không có
3	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2012	7,84%	Nhượng tái bảo hiểm	Không có
<b>Năm 2021</b>					
1	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2011	19,33%	Nhượng tái bảo hiểm	Xem thông tin tại Bảng 16, mục 10.6.1 Phần IV - Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
2	Willis Re Labuan Limited	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2015	18,74%	Nhượng tái bảo hiểm	Không có
3	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2012	8,97%	Nhượng tái bảo hiểm	Không có
<b>Năm 2022 (T1/2022-nay)</b>					
1	Willis Re Labuan Limited	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2015	18,53%	Nhượng tái bảo hiểm	Không có
2	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2011	13,82%	Nhượng tái bảo hiểm	Xem thông tin tại Bảng 16, mục 10.6.1 Phần IV - Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
3	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm	Nhà cung cấp lâu năm- từ	8,10%	Nhượng tái bảo	Không có

STT	Tên nhà cung cấp	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/Doanh số mua hàng (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, BKS, BTGD, CBL
	Petrolimex (PJICO)	năm 2012		hiểm	

Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI

## 10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 10.7.1 Vị thế của Tổ chức phát hành so với doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Về cơ cấu thị trường, theo niên giám thị trường bảo hiểm Việt Nam ban hành bởi Cục quản lý giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài Chính, toàn thị trường có 02 doanh nghiệp tái bảo hiểm. Các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ khác có hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm nhưng tỷ trọng trên tổng doanh thu không lớn. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm, phí nhượng tái bảo hiểm và hoa hồng từ nhượng tái bảo hiểm của một số doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam năm 2021 được thể hiện cụ thể trong bảng dưới đây:

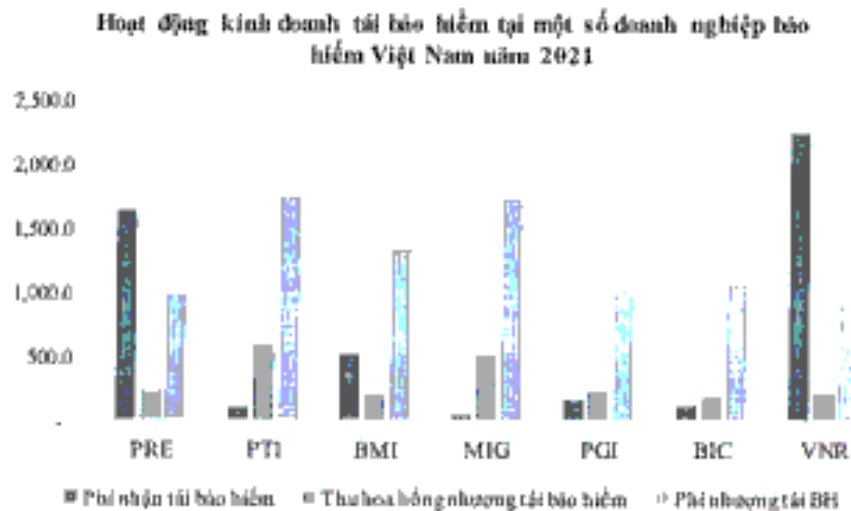
**Bảng 19: Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm tại một số doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam năm 2021**

Đơn vị: Tỷ đồng

Mã chứng khoán	Tên Công ty	Phí nhận tái bảo hiểm	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	Phí nhượng tái bảo hiểm
PRE	CTCP Tái bảo hiểm PVI	1.630,1	222,4	972,7
PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	108,7	586,4	1.733,6
BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	524,4	192,0	1.350,5
MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	38,0	498,4	1.724,0
PGI	Tổng CTCP Bảo hiểm Petrolimex	161,3	233,2	1.020,9
BIC	Tổng CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	116,3	179,2	1.062,6
VNR	Tổng CTCP Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	2.246,2	205,1	973,4

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng các công ty: PRE, BMI, MIG, PGI năm 2021

*BCTC kiểm toán hợp nhất các công ty: BVH, BIC, VNR*



Như vậy, trên thị trường Tái bảo hiểm Việt Nam (tính theo số liệu đến 2021), PRE là một trong hai doanh nghiệp có thị phần lớn nhất, trong số các doanh nghiệp nội địa. Về khả năng cạnh tranh, PRE luôn song hành cùng các khách hàng với các giải pháp, các chương trình tái bảo hiểm cố định được thiết kế cho hầu hết các nghiệp vụ bảo hiểm như: Bảo hiểm Năng lượng, Bảo hiểm Tài sản – Kỹ thuật, Bảo hiểm Hàng hải, Bảo hiểm Xe cơ giới và các nghiệp vụ Bảo hiểm chuyên biệt khác. Đồng thời, PRE cũng là nhà cung cấp năng lực tái bảo hiểm lớn tại Việt Nam cho các loại hình hợp đồng tái bảo hiểm cố định số thành, hợp đồng mức đôi, hợp đồng bảo vệ vượt mức bồi thường. Ngoài các chương trình tái bảo hiểm truyền thống, PRE còn thiết kế các chương trình tái bảo hiểm phù hợp với đặc thù khai thác kinh doanh bảo hiểm của từng công ty bảo hiểm.

Về chương trình tái bảo hiểm tạm thời, bằng sự thấu hiểu sâu sắc nhu cầu thị trường trong nước và kinh nghiệm thực tiễn với thị trường quốc tế, PRE luôn đặt trọng tâm mang lại những giá trị khác biệt cho khách hàng của mình bằng các giải pháp được thiết kế linh hoạt từng loại sản phẩm mang tính đặc thù cao về phạm vi bảo hiểm hay mức phí theo yêu cầu. Đội ngũ chuyên gia của PRE chủ động tham gia tư vấn kỹ thuật, song hành cùng các khách hàng ngay từ giai đoạn chuẩn bị khai thác, đánh giá rủi ro đến khi cấp đơn bảo hiểm và hoàn thành thu xếp tái bảo hiểm. PRE hiện là công ty có năng lực tái bảo hiểm lớn, có khả năng cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm theo phương thức tái tỷ lệ truyền thống hoặc các chương trình tái phi tỷ lệ phù hợp với năng lực tài chính của từng khách hàng.

**10.7.2 Triển vọng phát triển của ngành**

Năm 2021, thế giới đã chứng kiến thiệt hại lớn về nhiều mặt do tác động của thiên tai, dịch bệnh, tình hình chính trị bất ổn ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó phải kể đến những hậu

quả nghiêm trọng do đại dịch Covid-19 gây ra và đã lấy đi tính mạng của hàng triệu người ở khắp các quốc gia, ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế toàn cầu, trong đó ngành bảo hiểm cũng không tránh khỏi những hệ lụy khi phí bồi thường của các công ty trên thế giới đạt mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Tuy vậy, những khó khăn và thách thức này dường như cũng mang đến những cơ hội cho ngành bảo hiểm khi mà các công ty bảo hiểm liên tiếp có những chính sách hỗ trợ tốt hơn cho khách hàng và bản thân khách hàng hiện nay cũng nhận thức rõ hơn về lợi ích của các dịch vụ bảo hiểm và nhu cầu lập kế hoạch tài chính của họ cũng cao hơn.

**Về ngành bảo hiểm nói chung:** theo ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí toàn thị trường năm 2021 ước đạt 217.338 tỷ VND, tăng trưởng 16,71% so với 2020. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 57.880 tỷ VND, tăng 3,98% so với 2020, doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 159.458 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2020. Dịch bệnh đã tác động và mang lại cơ hội thay đổi, đổi mới với các công ty bảo hiểm nhân thọ trên toàn thế giới trong bối cảnh mới. Các hãng bảo hiểm nỗ lực cung cấp nhiều giải pháp bảo vệ khách hàng, giúp họ chiến đấu trong trận chiến Covid-19. Quy trình mua bảo hiểm cũng trở nên dễ dàng và liền mạch hơn. Bên cạnh đó, công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, phát triển thị trường và nâng cao chất lượng dịch vụ bảo hiểm; công tác rà soát, đánh giá việc thực hiện đúng quy trình;... cũng được các cấp có thẩm quyền đặc biệt quan tâm.

Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam 6 tháng đầu năm 2022, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt 118.252 tỷ đồng, tăng trưởng 15,2% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 33.785 tỷ đồng, tăng trưởng 14,1% so với cùng kỳ 2021; doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 84.467 tỷ đồng, tăng trưởng 15,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Kết quả khá quan này cho thấy thị trường bảo hiểm Việt Nam trong nửa đầu năm 2022 đã vượt qua được những khó khăn, thách thức của bối cảnh thế giới và trong nước, dù tình hình đại dịch COVID-19 vẫn còn nhiều chuyển biến khó lường. Hơn nữa, kết quả trên còn cho thấy, thị trường bảo hiểm còn nhiều dư địa phát triển ổn định, bền vững trong thời gian tới.

Trong tương lai, ngành bảo hiểm được kỳ vọng tăng trưởng nhờ các động lực sau:

- Nhu cầu sử dụng dịch vụ bảo hiểm tăng do nhận thức về sản phẩm bảo hiểm được nâng cao và mức thu nhập trung bình của người dân ngày càng được cải thiện: Theo dự đoán của hãng nghiên cứu Business Monitor International (BMI) thì mức tăng trưởng bình quân của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong 5 năm tới là 18%/năm.
- Cạnh tranh trong ngành sẽ gia tăng, thúc đẩy sự nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, mang tính khác biệt cao, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thu hút khách hàng: số lượng các công ty bảo hiểm trong nước và quốc tế được thành lập nhiều hơn và cùng hướng đến

khai thác thị trường Việt Nam. Đầu năm 2022, theo Bộ Tài chính, thị trường bảo hiểm có 77 doanh nghiệp đang hoạt động gồm 31 công ty bảo hiểm phi nhân thọ, 19 công ty bảo hiểm nhân thọ, 2 công ty tái bảo hiểm, 24 công ty môi giới bảo hiểm và 1 chi nhánh công ty bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

- Xu hướng khách hàng sẽ có bước chuyển dịch cơ bản theo hướng tăng dần tỷ trọng doanh thu vào đối tượng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng cá nhân, phù hợp với định hướng phát triển bảo hiểm vi mô của Chính phủ: Các khách hàng lớn sẽ bắt đầu sử dụng các dịch vụ phòng ngừa rủi ro chất lượng cao hơn của ngành Bảo hiểm. Do vậy, cùng với sự tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân - khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, ngành bảo hiểm trong 5 năm tới sẽ đẩy mạnh việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho khối khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng cá nhân.
- Cải thiện khung pháp lý và tiềm năng gia tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Một phần quy định phức tạp liên quan tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các công ty bảo hiểm ở Việt Nam gần đây đã được gỡ rối. Ở một số thời điểm, các nhà đầu tư nước ngoài đã mong muốn tăng cổ phần sở hữu trong các công ty bảo hiểm niêm yết ở Việt Nam tuy nhiên lại vướng mắc xung quanh việc tỷ lệ sở hữu nước ngoài có thể cao hơn 50% hay không. Gần đây Bộ Kế Hoạch và Đầu tư đã làm rõ vấn đề và xác nhận rằng từ 31/08/2021 không có giới hạn trong việc sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp bảo hiểm tại Việt Nam. Những thay đổi trong Luật Kinh doanh bảo hiểm đang được thực hiện. Trong các dự thảo mới, đáng lưu ý là việc chuyển sang chế độ quản lý theo rủi ro. Chế độ quản lý theo rủi ro và minh bạch hơn sẽ hướng ngành bảo hiểm Việt Nam đi đúng hướng và cải thiện chất lượng quản lý rủi ro của doanh nghiệp.

#### **Về phân ngành tái bảo hiểm:**

Tổng số phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới bảo hiểm năm 2021 là 13.011 tỷ đồng, (tăng 18,2% so với cùng kỳ năm trước), trong đó phí bảo hiểm thu xếp gốc đạt khoảng 6.790 tỷ đồng (tăng 13,1% so với cùng kỳ), phí tái bảo hiểm thu xếp đạt 5.200 tỷ đồng (tăng 26,8% so với cùng kỳ).

Xu hướng phát triển của hoạt động tái bảo hiểm là phân tán rủi ro với các nghiệp vụ phi nhân thọ có rủi ro lớn như bảo hiểm hàng không, bảo hiểm thiệt hại kinh doanh, bảo hiểm cháy nổ... Cùng với sự phát triển của nền kinh tế và sự ra đời của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp SME, nhu cầu cho hoạt động tái bảo hiểm được kỳ vọng sẽ đồng pha với sự tăng trưởng của tổng mức phí bảo hiểm.

Luật Kinh doanh bảo hiểm mới có hiệu lực từ đầu năm 2023 bổ sung quy định về việc thành lập chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam sẽ thu hút thêm các công ty tái bảo hiểm nước ngoài gia nhập, làm tăng cạnh tranh, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp bảo hiểm/tái bảo

hiểm phải đổi mới sản phẩm, tăng cường quản trị rủi ro để phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành.

### **10.7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Luật kinh doanh bảo hiểm mới cũng được điều chỉnh theo hướng tiệm cận với thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ nhằm phù hợp hơn với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm. Luật mới cũng bổ sung các quy định về hợp đồng bảo hiểm, tăng cường trách nhiệm cung cấp thông tin của các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng bảo hiểm, quy định về tỷ lệ an toàn tài chính, đầu tư tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, đi kèm với công bố thông tin công khai, thường xuyên, bất thường để tăng tính minh bạch của thị trường.

Ngoài ra, theo Nghị định 23/2018/NĐ-CP quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có cơ sở nguy hiểm về cháy nổ phải mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc tại các cơ quan bảo hiểm. Điều này tạo cơ hội cho các doanh nghiệp bảo hiểm cải thiện phí bảo hiểm mảng bán buôn và mảng tái bảo hiểm.

Trước những thay đổi của chính sách, PRE đã tìm kiếm những giải pháp mới, không chỉ về kinh doanh mà còn về quản trị, nhân sự, công nghệ để đảm bảo khả năng phục vụ. Công ty luôn phân tích, chọn lọc kỹ lưỡng các rủi ro bảo hiểm, tránh khai thác tràn lan để đảm bảo tính an toàn cho hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, PRE luôn tìm kiếm những sản phẩm tái bảo hiểm mới, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng lao động, thực hiện chuyển đổi số trong nghiệp vụ tái bảo hiểm, kế toán, quản trị doanh nghiệp.

Với tầm nhìn xa trong hoạt động kinh doanh cũng như quản trị, Công ty xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của toàn thế giới.

### **10.8 Hoạt động marketing**

Trong thời gian qua, PRE đã triển khai nhiều hoạt động marketing, hoạt động truyền thông để quảng bá thương hiệu cũng như sản phẩm dịch vụ của Công ty đến đối tác, khách hàng, cụ thể như sau:

- Tổ chức thành công Hội nghị khách hàng, chương trình hội thảo giao lưu khách hàng trong nước.
- Tổ chức thành công chương trình đào tạo kiến thức cơ bản cho nhân viên các công ty thị trường trong nước. Được khách hàng đánh giá cao về chất lượng chuyên môn và sự chuyên nghiệp trong khâu tổ chức.

- Tổ chức các chuyến công tác, tăng cường mở rộng quan hệ với các đối tác tại thị trường Singapore, Lào, Campuchia, Myanmar, Thái Lan. Xây dựng, tham gia mới nhiều chương trình tái bảo hiểm cho thị trường Lào, Cam và Myanmar, xây dựng ảnh hưởng của PRE tại những thị trường này.
- Tổ chức triển khai dịch vụ tư vấn, giám định rủi ro chuyên nghiệp, chất lượng cao, hỗ trợ tích cực cho khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài trong công tác kinh doanh

### 10.9 Chính sách nghiên cứu và phát triển

- Tập trung phát triển các sản phẩm mới, phi truyền thống trên cơ sở phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước
- Tìm kiếm cơ hội, mở rộng thị trường mới tiềm năng
- Các chương trình Tái bảo hiểm được xem xét hàng năm đối với từng nghiệp vụ trên cơ sở đánh giá rủi ro, tiềm năng phát triển trong tương lai và kết quả thực hiện trong các năm quá khứ, dự kiến/đánh giá rủi ro/nguồn lực/ khả năng giữ lại và mục tiêu đặt ra của năm kế hoạch.

### 10.10 Chiến lược kinh doanh

- Công ty sẽ xây dựng chiến lược kinh doanh theo sát diễn biến thị trường nhằm mục tiêu tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh để tăng trưởng lợi nhuận. Các mục tiêu phát triển bền vững công ty hướng tới bao gồm:
  - Tầm nhìn: Trở thành nhà Tái bảo hiểm số 1 Việt Nam và có thương hiệu trên thị trường quốc tế.
  - Sứ mệnh:
    - Cung cấp năng lực tái bảo hiểm an toàn, cạnh tranh
    - Tích lũy dòng tiền, đầu tư hiệu quả
  - Giá trị cốt lõi:
    - Chuyên nghiệp
    - Tôn trọng cam kết
    - Tuân thủ và minh bạch
  - Quan điểm phát triển: Phát triển hiệu quả, bền vững, mang lại lợi ích cho người lao động, khách hàng và các cổ đông.
- Thời gian thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến để thực hiện hóa chiến lược kinh doanh sẽ được đề ra theo từng giai đoạn. Theo Tờ trình Về việc điều chỉnh nội dung phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã được thông qua tại Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Điều 3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-

DHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022 kèm Biên bản họp số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022, một số mục tiêu kế hoạch kinh doanh 5 năm tới như sau:

*Kế hoạch kinh doanh 5 năm giai đoạn 2022-2026 nếu tăng vốn thành công được xây dựng chi tiết dựa trên giả định cơ bản về thời gian hoàn thành tăng vốn vào cuối năm 2022, trước ngày 01/01/2023, nếu không PRE sẽ xây dựng lại kế hoạch 5 năm 2022-2026.*

a. Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm:

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm kế hoạch cả giai đoạn đạt 12.140 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 15%.

*Đơn vị: tỷ đồng*

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	1.740	2.200	2.435	2.722	3.043
Phí giữ lại	709	858	974	1.102	1.248

- Phí nhận tái bảo hiểm duy trì mức tăng trưởng cao và tương đối ổn định qua các năm.
- Phí giữ lại kế hoạch cả giai đoạn đạt 4.891 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân 5 năm là 15%, với tỷ lệ giữ lại bình quân 5 năm đạt khoảng 40%.

b. Hoạt động đầu tư tài chính:

Sau tăng vốn thành công, vốn đầu tư tài chính của công ty được tăng thêm đáng kể. Các phương án đầu tư được tính toán, phát triển theo hướng linh hoạt, hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn và tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước.

Giả định về cơ cấu đầu tư tương ứng với quy mô vốn và tỷ suất lợi nhuận như sau:

<b>Quy mô vốn đầu tư năm (tỷ đồng)</b>	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
<b>Loại hình Đầu tư</b>	<b>1.968</b>	<b>2.510</b>	<b>2.701</b>	<b>2.980</b>	<b>3.328</b>
Tiền gửi	60%	60%	61%	62%	63%
Đầu tư dài hạn khác	12%	17%	18%	19%	20%
Đầu tư vào các quỹ	28%	23%	21%	19%	17%
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
Lợi nhuận đầu tư tài chính (tỷ đồng)	120	160	186	209	242
<b>Tỷ suất lợi nhuận bình quân</b>	<b>6,1%</b>	<b>6,4%</b>	<b>6,9%</b>	<b>7,0%</b>	<b>7,3%</b>



## 12. Chính sách cổ tức

- Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cho năm tiếp theo.
- Nguồn để trả cổ tức là lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ và bù đắp hết lỗ trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét đến kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.
- Tỷ lệ trả cổ tức chi trả cho cổ đông qua các năm như sau:

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
Cổ tức bằng tiền	16%	16%

## 13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Công ty không có đợt chào bán tăng vốn nào được thực hiện từ năm 2020 đến nay.

## 14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

## 15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có nghĩa vụ tiềm ẩn tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

## 16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

## e. Kế hoạch chi trả cổ tức:

Kế hoạch chi trả cổ tức giai đoạn 5 năm 2022-2026 trong điều kiện công ty tăng vốn thành công như sau:

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Tỷ lệ chi trả cổ tức	14%	14%	16%	16%	16%

Tỷ lệ chi trả cổ tức đạt 14-16%/năm là mức tương đối cao so với các công ty bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường. Điều này sẽ giúp cổ phiếu của PRE trở nên hấp dẫn và thu hút đối với các nhà đầu tư lớn tiềm năng.

### 10.11 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện là tái bảo hiểm và đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

## 11. Chính sách với người lao động

### 11.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong Tổng công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Tổng công ty nên PRE luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

- Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 42 người.
- Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 42 người.
- Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng công ty tại thời điểm 30/06/2022 là: 41 người.
- Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng công ty tại thời điểm 30/09/2022 là: 39 người

**Bảng 20: Cơ cấu nhân sự của PRE tại thời điểm 31/12/2020 đến 30/09/2022**

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng cán bộ công nhân viên tại thời điểm			
		31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
I	Phân theo giới tính				
1	Nam	17	18	17	16
2	Nữ	25	24	24	23
II	Phân theo trình độ học vấn				
1	Trình độ trên Đại học	16	16	16	15
2	Trình độ Đại học	26	26	25	24

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Giá trị	% tăng/ giảm so với 2020	Giá trị	% tăng/ giảm so với cùng kỳ năm trước	Giá trị	% tăng/ giảm so với cùng kỳ năm trước
sau thuế							
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức <sup>3</sup>	84%	86%	-	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	16%	16%	-	-	-	-	-

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán, BCTC Quý II và Quý III năm 2022 được soát xét của PRE

- Các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	06 tháng đầu năm 2022	09 tháng đầu năm 2022
Tỷ lệ tổn thất (Loss ratio)	46,74%	42,54%	47,68%	48,26%
Tỷ lệ chi phí hoạt động (Expense ratio)	42,29%	48,79%	42,69%	46,08%
Tỷ lệ kết hợp (Combined ratio)	89,03%	91,33%	90,37%	94,35%

Tỷ lệ kết hợp của PRE từ năm 2020 đến 6 tháng đầu năm 2022 ở mức 89-91% và 9 tháng đầu năm 2022 là 94,35%. Đây là mức đánh giá công tác khai thác bảo hiểm tương đối tốt, đem lại lợi nhuận về nghiệp vụ bảo hiểm bên cạnh hoạt động đầu tư. Trong đó tỷ lệ tổn thất và tỷ lệ chi phí hoạt động cũng không có nhiều biến động trong các năm.

- Thông tin về ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

<sup>3</sup> Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức được tính bằng cổ tức bằng tiền chia cho lợi nhuận sau thuế được phép phân phối

## 1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành

Trong hai năm 2020, 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có những thuận lợi và khó khăn như sau:

### Thuận lợi:

- Với lợi thế về vốn, công nghệ, thương hiệu, kinh nghiệm quản lý của công ty mẹ PVI Holdings, PRE có một nền tảng sức mạnh lớn trong việc xây dựng hệ thống, định hướng chiến lược, quản trị điều hành, đào tạo cán bộ và tạo dựng lợi thế cạnh tranh.
- Tập thể Lãnh đạo & nhân viên đoàn kết, quyết tâm. Đội ngũ kinh doanh giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, chuyên môn nghiệp vụ cao, sáng tạo, năng động.
- Công tác quản trị hiệu quả, liên tục được nâng cao, đảm bảo theo chuẩn quốc tế. Sự chỉ đạo và phối hợp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành giữ được sự thống nhất và nhất quán.
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng năng suất lao động. Các phần mềm ứng dụng được sử dụng trong hợp tác, kết nối với nhiều khách hàng bên ngoài.
- Việc được A.M.Best tăng hạng rating từ B+ lên B++, tăng uy tín với tư cách nhà nhận tái bảo hiểm của PRE, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh với các nhà tái trong và ngoài nước.
- Bắt đầu đa dạng hóa sản phẩm khai thác ngoài các sản phẩm truyền thống như tài sản, kỹ thuật, hàng hóa, xe cơ giới để bắt kịp với xu hướng thị trường bảo hiểm trong nước.

### Khó khăn:

- Công ty gặp khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid kéo dài và tình hình kinh tế - xã hội nói chung.
- Quy mô vốn nhỏ làm hạn chế cơ hội tiếp cận các dịch vụ kinh doanh lớn, có hiệu quả trên thị trường, hạn chế tiềm lực để mở rộng, phát triển kinh doanh.
- Thị trường cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt trong mảng nghiệp vụ bán lẻ với mức tỷ lệ bồi thường có xu hướng tăng trở lại.

Trong các năm sắp tới, PRE tiếp tục bám sát chiến lược phát triển và kế hoạch đề ra: tiếp tục phát triển sản phẩm truyền thống đồng thời phát triển thêm sản phẩm bán lẻ, đẩy mạnh khai thác thị trường trong nước và các thị trường nước ngoài có điểm tương đồng và mở rộng thêm thị trường nước ngoài khác. Công ty cũng đặt mục tiêu tuyển dụng thêm cán bộ có chuyên môn kỹ thuật cao, tăng cường đào tạo tại nước ngoài khi có điều kiện.

**2. Tình hình tài chính**

**2.1 Các chỉ tiêu cơ bản**

**2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Từ khi thành lập tới nay, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 460 tỷ đồng lên 728 tỷ đồng nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty. Tính tới thời điểm 30/09/2022, tổng tài sản của Công ty là 5.583 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả là gần 4.648 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ và vốn kinh doanh trong những năm gần đây đã góp phần đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là đẩy mạnh doanh thu cho các lĩnh vực hoạt động của Công ty (doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2021 tăng trưởng 10,54 % so với năm 2020).

**Bảng 22: Cơ cấu vốn kinh doanh**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Tổng tài sản	4.527.244	5.028.168	5.432.336	5.583.674
Nợ phải trả	3.584.490	4.133.326	4.511.337	4.648.871
Vốn chủ sở hữu	942.754	894.842	920.999	934.803
Vốn điều lệ	728.000	728.000	728.000	728.000

*Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PVE*

**2.1.2 Trích khấu hao TSCĐ**

**➤ Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Bảng 23: Thời gian khấu hao TSCĐ**

Nhóm tài sản	Thời gian
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

## 1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành

Trong hai năm 2020, 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có những thuận lợi và khó khăn như sau:

### Thuận lợi:

- Với lợi thế về vốn, công nghệ, thương hiệu, kinh nghiệm quản lý của công ty mẹ PVI Holdings, PRE có một nền tảng sức mạnh lớn trong việc xây dựng hệ thống, định hướng chiến lược, quản trị điều hành, đào tạo cán bộ và tạo dựng lợi thế cạnh tranh.
- Tập thể Lãnh đạo & nhân viên đoàn kết, quyết tâm. Đội ngũ kinh doanh giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, chuyên môn nghiệp vụ cao, sáng tạo, năng động.
- Công tác quản trị hiệu quả, liên tục được nâng cao, đảm bảo theo chuẩn quốc tế. Sự chi đạo và phối hợp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành giữ được sự thống nhất và nhất quán.
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng năng suất lao động. Các phần mềm ứng dụng được sử dụng trong hợp tác, kết nối với nhiều khách hàng bên ngoài.
- Việc được A.M.Best tăng hạng rating từ B+ lên B++, tăng uy tín với tư cách nhà nhận tái bảo hiểm của PRE, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh với các nhà tái trong và ngoài nước.
- Bắt đầu đa dạng hóa sản phẩm khai thác ngoài các sản phẩm truyền thống như tái sản, kỹ thuật, hàng hóa, xe cơ giới để bắt kịp với xu hướng thị trường bảo hiểm trong nước.

### Khó khăn:

- Công ty gặp khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid kéo dài và tình hình kinh tế - xã hội nói chung.
- Quy mô vốn nhỏ làm hạn chế cơ hội tiếp cận các dịch vụ kinh doanh lớn, có hiệu quả trên thị trường, hạn chế tiềm lực để mở rộng, phát triển kinh doanh.
- Thị trường cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt trong mảng nghiệp vụ bán lẻ với mức tỷ lệ bồi thường có xu hướng tăng trở lại.

Trong các năm sắp tới, PRE tiếp tục bám sát chiến lược phát triển và kế hoạch đề ra: tiếp tục phát triển sản phẩm truyền thống đồng thời phát triển thêm sản phẩm bán lẻ, đẩy mạnh khai thác thị trường trong nước và các thị trường nước ngoài có tiềm tương đồng và mở rộng thêm thị trường nước ngoài khác. Công ty cũng đặt mục tiêu tuyển dụng thêm cán bộ có chuyên môn kỹ thuật cao, tăng cường đào tạo tại nước ngoài khi có điều kiện.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

#### 2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Từ khi thành lập tới nay, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 460 tỷ đồng lên 728 tỷ đồng nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty. Tính tới thời điểm 30/09/2022, tổng tài sản của Công ty là 5.583 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả là gần 4.648 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ và vốn kinh doanh trong những năm gần đây đã góp phần đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là đẩy mạnh doanh thu cho các lĩnh vực hoạt động của Công ty (doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2021 tăng trưởng 10,54 % so với năm 2020).

**Bảng 22: Cơ cấu vốn kinh doanh**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Tổng tài sản	4.527.244	5.028.168	5.432.336	5.583.674
Nợ phải trả	3.584.490	4.133.326	4.511.337	4.648.871
Vốn chủ sở hữu	942.754	894.842	920.999	934.803
Vốn điều lệ	728.000	728.000	728.000	728.000

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

#### 2.1.2 Trích khấu hao TSCĐ

##### ➤ Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Bảng 23: Thời gian khấu hao TSCĐ**

Nhóm tài sản	Thời gian
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Nhóm tài sản	Thời gian
Phương tiện vận tải	06 năm

➤ **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.1.3 Mức lương bình quân**

**Bảng 24: Mức lương bình quân**

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	45,6 triệu	59,5 triệu

*Nguồn: PRE*

**2.1.4 Tình hình công nợ**

**Bảng 25: Thông tin về tình hình công nợ**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Tổng số nợ phải thu	439.894	425.008	810.530	797.728
Tổng số nợ phải trả	3.584.490	4.133.326	4.511.337	4.648.871

*Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE*

**2.1.5 Các khoản phải thu**

**Bảng 26: Các khoản phải thu của Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>431.893</b>	<b>417.008</b>	<b>802.530</b>	<b>789.728</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	435.899	420.795	803.049	792.778
Phải thu ngắn hạn khác	1.523	915	3.687	3.475
Dự phòng các khoản thu ngắn hạn khó đòi	-5.529	-4.702	-4.206	-6.525
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>
Ký quỹ bảo hiểm	8.000	8.000	8.000	8.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>439.894</b>	<b>425.008</b>	<b>810.530</b>	<b>797.728</b>



Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

• Các khoản phải thu quá hạn của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị	Nguyên nhân	Khả năng thu hồi	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	Giá trị có thể thu hồi
<b>Ngày 31/12/2020</b>					
Phải thu của khách hàng	7.655				
Thời gian quá hạn:					
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.279	Các khoản công nợ về phí và bồi thường quá hạn của khách hàng	Vẫn có khả năng thu hồi thông qua hoạt động đối trừ công nợ tái bảo hiểm	383,70	895,30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm.	1.527			763,50	763,50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.533			1.073,10	459,90
Từ 3 năm trở lên	3.316			3.316	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.655</b>			<b>5.536,30</b>	<b>2.118,70</b>
<b>Ngày 31/12/2021</b>					
Phải thu của khách hàng	6.355				
Thời gian quá hạn:					
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.467	Các khoản công nợ về phí và bồi thường quá hạn của khách hàng	Vẫn có khả năng thu hồi thông qua hoạt động đối trừ công nợ tái bảo hiểm	440,10	1.026,90
Từ 1 năm đến dưới 2 năm.	977			488,50	488,50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	459			321,30	137,70
Từ 3 năm trở lên	3.452			3.452	-

Chỉ tiêu	Giá trị	Nguyên nhân	Khả năng thu hồi	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.355</b>			<b>4.701,90</b>	<b>1.653,10</b>
<b>Ngày 30/06/2022</b>					
<i>Phải thu của khách hàng</i>	<b>7.070</b>				
<i>Thời gian quá hạn:</i>					
<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	3.234	<i>Các khoản phí, bồi thường quá hạn chưa thanh toán</i>	<i>Vẫn có khả năng thu hồi, PRE sẽ thực hiện đối trừ với các công nợ khác</i>	970,20	2.263,80
<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm.</i>	1.025			512,50	512,50
<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	291			203,70	87,30
<i>Từ 3 năm trở lên</i>	2.520			2.520	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.069</b>			<b>4.206,40</b>	<b>2.863,60</b>
<b>Ngày 30/09/2022</b>					
<i>Phải thu của khách hàng</i>					
<i>Thời gian quá hạn:</i>					
<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	2.981	<i>Các khoản phí, bồi thường quá hạn chưa thanh toán</i>	<i>Vẫn có khả năng thu hồi, PRE sẽ thực hiện đối trừ với các công nợ khác</i>	894	2.087
<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm.</i>	1.983			992	991
<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	644			451	193
<i>Từ 3 năm trở lên</i>	4.188			4.188	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.796</b>			<b>6.525</b>	<b>3.271</b>

**2.1.6 Các khoản phải trả**

**Bảng 27: Các khoản phải trả của Công ty**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>3.584.490</b>	<b>4.133.326</b>	<b>4.511.337</b>	<b>4.648.871</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	533.841	632.978	784.755	856.447
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.366	16.802	9.017	2.839
Phải trả người lao động	11.060	22.738	4.402	7.004
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	113.730	100.862	148.346	129.383
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	-	-	121.667	99.854
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.989	5.385	9.176	3.813
Các khoản dự phòng nghiệp vụ	2.909.479	3.354.561	3.433.973	3.549.530
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.584.490</b>	<b>4.133.326</b>	<b>4.511.337</b>	<b>4.648.871</b>

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

➤ **Nợ ngắn hạn, dài hạn**

**Bảng 28: Nợ vay của Công ty**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
1	<b>Vay ngắn hạn</b>	0	0	121.667	99.854
	Vay ngắn hạn	0	0	121.667	99.854
2	<b>Vay dài hạn</b>	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>121.667</b>	<b>99.854</b>

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

**Bảng 29: Dự nợ các khoản vay của Công ty**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
----------	------------	------------	------------	------------

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	0	0	121.667	99.854
<b>Tổng cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>121.667</b>	<b>99.854</b>

*Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE*

Số dư tại 30/06/2022 và 30/09/2022 phản ánh dư nợ khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công theo Hợp đồng vay vốn số 01/22/HM/5551319 ngày 30 tháng 3 năm 2022 với hạn mức tối đa là 200.000.000.000 VND trong 12 tháng để tài trợ cho mục đích thanh toán chi phí tái bảo hiểm.

➤ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm 30/09/2022, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

**2.1.7 Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản phải nộp theo luật định đúng quy định của Nhà nước.

**Bảng 30: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Thuế Giá trị gia tăng	86	134	23	167
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.233	13.775	7.908	2.335
Thuế Thu nhập cá nhân	1.867	2.738	831	-94
Thuế và các khoản phải nộp khác	180	153	256	409
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.366</b>	<b>16.802</b>	<b>9.017</b>	<b>2.839</b>

*Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE*

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật và nộp các khoản thuế cho nhà nước đúng thời hạn.

**2.1.8 Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo quy định của Điều lệ Công ty, trước khi thực hiện phân chia cổ tức, Công ty phải trích lập các quỹ. Việc trích lập các quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đúng chế độ tài chính hiện hành do Nhà nước quy định.

Bảng 31: Các quỹ trích lập của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Quỹ Đầu tư phát triển	0	0	0	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.989	5.385	9.176	3.813
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.989</b>	<b>5.385</b>	<b>9.176</b>	<b>3.813</b>

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

2.1.9 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

## 2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	06 tháng đầu năm 2022	09 tháng đầu năm 2022
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,09	1,03	1,04	1,03
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,09	1,03	1,04	1,03
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>					
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,79	0,82	0,83	0,83
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,80	4,62	4,90	4,97
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>					
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần HĐKD bảo hiểm/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,17	0,18	0,12	0,18
- Vòng quay vốn lưu động Doanh thu thuần HĐKD bảo hiểm/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,21	0,21	0,14	0,21
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		-	-	-	-
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>					
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần HĐKD bảo hiểm		18,99%	17,13%	13,16%	10,0%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài		3,26%	3,05%	1,61%	1,95%

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	06 tháng đầu năm 2022	09 tháng đầu năm 2022
<i>sản bình quân</i>					
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>		16,28%	15,87%	9,30%	10,98%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Lần	1.855	1.842	1.110	1.291

*Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE*

### 3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

#### **Đối với báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

#### **Đối với báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

#### **Đối với báo cáo tài chính soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:**

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.”

#### **Đối với báo cáo tài chính soát xét cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022:**

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng

kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.”

#### 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

Chi tiêu	Năm 2022	
	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng/giảm so với năm 2021
Tổng doanh thu <sup>9</sup>	2.140	5,6%
Lợi nhuận sau thuế	136	-6,2%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	14,9%	
Tỷ lệ cổ tức	14%	

##### 4.1 Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

- Kế hoạch kinh doanh 2022 được xây dựng dựa trên cơ sở vốn điều lệ của công ty không thay đổi ở mức 728 tỷ.
- Kế hoạch năm 2022, tổng doanh thu kế hoạch đạt 2.140 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 170 tỷ. Đối với thị trường trong nước, với sự kỳ vọng về phục hồi kinh tế cũng như đẩy mạnh về đầu tư công, năng lượng tái tạo, PRE đặt mục tiêu tăng trưởng rất cao cho các nghiệp vụ này. Đối với thị trường nước ngoài, PRE đánh giá đây là thị trường có nhiều tiềm năng nhưng cũng nhiều rủi ro, chính sách khai thác cần thận trọng để đảm bảo hiệu quả
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 là 14% trên vốn điều lệ 728 tỷ đồng. Phần lãi còn lại để phục vụ phát triển kinh doanh của PRE.
- Đa dạng hóa danh mục đầu tư tài chính, tối ưu hóa dòng tiền để tăng hiệu quả đầu tư, vẫn đảm bảo an toàn theo đúng quy định.

##### 4.2 Đánh giá của Tổ chức tư vấn (và Tổ chức kiểm toán độc lập, nếu có) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

- Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) đã thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của PRE do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. PRE đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho MBS và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

<sup>9</sup> Tổng doanh thu tương đương tổng của (i) Phí nhận tái bảo hiểm (chưa xét đến Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và Phí nhượng tái bảo hiểm (sau điều chỉnh Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm); (ii) Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm; (iii) Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm và (iv) Doanh thu hoạt động tài chính

Chúng tôi nhận thấy Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và tâm huyết đối với doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tương đối tốt. 9 tháng đầu năm 2022, tổng doanh thu của Công ty đạt 2.271 tỷ đồng, tương đương 106,1% kế hoạch cả năm 2022.

- Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của PRE phụ thuộc vào các ngành công ty đang cung cấp dịch vụ và đặc biệt phụ thuộc vào tình hình thị trường tái bảo hiểm và diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô. Trong trường hợp không có các diễn biến bất lợi nghiêm trọng và nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo của Công ty về thị trường là sát với thực tế, chúng tôi đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức Công ty đưa ra có thể thực hiện được.
- Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, căn cứ vào những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính – chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những nhận xét nêu trên chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần tự mình phân tích và đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, chiến lược đầu tư của mình.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*



## VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

### 1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty trở thành công ty cổ phần từ năm 2013, theo quy định tại Khoản 3, Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

### 2. Thông tin về cổ đông lớn

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 23/06/2022

**Bảng 33: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

TT	Tên cổ đông	Năm thành lập/ Năm sinh	CMT/ Hộ chiếu CCCD hoặc GCNĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/ VDL (%)
1.	Công ty Cổ phần PVI	2007	- Giấy phép thành lập và hoạt động số 42 GP/KDBH ngày 12/03/2007 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100151161 cấp lần đầu ngày 12/03/2007 ; thay đổi lần thứ 19, ngày 23/08/2021	Tòa nhà PVI, Lô VP2, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	53.226.825	73,11
2.	Nguyễn Phúc Anh	1995	013185227	36A, Lý Nam Đế, Hà Nội	7.192.814	9,88

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 23/06/2022 của Công ty*

**7.1 Tên cổ đông lớn: Công ty cổ phần PVI (viết tắt là “PVI”)**

- Mã chứng khoán: PVI
- Năm thành lập: 2007
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 42 GP/KDBH ngày 12/03/2007
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100151161 cấp lần đầu ngày 12/03/2007, thay đổi lần thứ 19, ngày 23/08/2021
- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà PVI, lô VP2, phố Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 2.342.418.670.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Xuân Hòa
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành: Phùng Tuấn Kiên – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

+ Cổ đông lớn: Công ty Cổ phần PVI

	<b>Thời điểm trở thành cổ đông lớn (tháng 10/2013)</b>	<b>Hiện tại (23/6/2022)</b>	<b>Dự kiến sau đợt chào bán</b>
Số lượng cổ phần nắm giữ	46.000.000	53.226.825	76.330.776
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	68,86%	73,11%	73,11%
Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	46.000.000	53.226.825	76.330.776
Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	68,86%	73,11%	73,11%

+ Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn Công ty Cổ phần PVI

TT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (10/2013)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại (23/6/2022)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán

TT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (10/2013)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại (23/6/2022)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
1	Jens Holger Wohlthat	Chủ tịch HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
2	Nguyễn Xuân Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng giám đốc	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
3	Đoàn Linh	Ủy viên HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
4	Bùi Thị Nguyệt	Ủy viên độc lập HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
5	Ulrich Heinz Wollschlagger	Ủy viên HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
6	Dương Thanh Danh Francois	Ủy viên HĐQT	20.000 cổ phần, chiếm 0,03%	20.000 cổ phần, chiếm 0,03%	28.681 cổ phần, chiếm 0,03%
7	Pecastaing Pierre Tatiana	Ủy viên độc lập HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
8	Christian Sebastian Mueller	Ủy viên độc lập HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
9	Hà Lan	Trưởng BKS	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%

TT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (10/2013)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại (23/6/2022)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
10	Lê Tài Đức	Thành viên BKS	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
11	Daryl John Vella	Thành viên BKS	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
12	Trần Trọng Bình	Thành viên BKS	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
13	Trịnh Quỳnh Giao	Giám đốc đầu tư	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
14	Vũ Văn Thắng	Phó Tổng giám đốc	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
15	Phạm Anh Đức	Phó Tổng giám đốc	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
16	Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng giám đốc	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
17	Trần Duy Cường	Kê toán trưởng	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
18	Trần Trung Hiếu	Thư ký công ty	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%

TT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (10/2013)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại (23/6/2022)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
19	Đào Hải Yến	Thư ký công ty	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với: cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần đang phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ. Cụ thể như sau:

STT	Tên Công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (Đồng)	Các điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty cổ phần PVI	Hợp đồng cho thuê văn phòng và dịch vụ tòa nhà năm 2022	8.500.000.000	Không có	HĐQT
2	Công ty cổ phần PVI	Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp dịch vụ Công nghệ thông tin năm 2022	3.000.000.000	Không có	HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Ngoài các giao dịch đã liệt kê ở bảng trên thì không có lợi ích liên quan nào khác.
- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau:

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn Công ty cổ phần PVI với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	- Khách hàng đóng góp trên 60% doanh thu của Tổ chức phát hành	- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	- Bảo hiểm PVI là công ty con của Công ty cổ phần PVI	PRE đảm bảo thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin minh bạch

## 7.2 Tên cổ đông lớn: Nguyễn Phúc Anh

- Năm sinh: 1995
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

+ Cổ đông lớn: Nguyễn Phúc Anh

	Thời điểm trở thành cổ đông lớn (07/2016)	Hiện tại (23/6/2022)	Dự kiến sau đợt chào bán
Số lượng cổ phần nắm giữ	4.635.000	7.192.814	10.314.969
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	6,94%	9,88%	9,88%
Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	4.635.000	7.192.814	10.314.969
Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	6,94%	9,88%	9,88%

+ Những người có liên quan của cổ đông lớn Nguyễn Phúc Anh

TT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (07/2016)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại (23/6/2022)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
1	Nguyễn Anh Tuấn	Bố đẻ	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
2	Chu Minh Châu	Mẹ đẻ	3.300.000 cổ phần, chiếm 4,94%	3.580.000 cổ phần, chiếm 4,92%	5.133.956 cổ phần, chiếm 4,92%
3	Nguyễn Hà Thu	Chị gái	3.300.000 cổ phần, chiếm 4,94%	3.596.407 cổ phần, chiếm 4,94%	5.157.484 cổ phần, chiếm 4,94%
4	Phan Trịnh Quốc Kiên	Anh rể	50.000 cổ phần, chiếm 0,075%	191.736 cổ phần, chiếm 0,26%	274.962 cổ phần, chiếm 0,26%
5	Công ty cổ phần Finnam	Ông Nguyễn Phúc Anh là TGD	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
6	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	Ông Nguyễn Phúc Anh là Chủ tịch HĐQT	150.000 cổ phần, chiếm 0,225%	1.078.597 cổ phần, chiếm 1,48%	1.546.779 cổ phần, chiếm 1,48%

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với: cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần đang phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ. Cụ thể như sau: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có

### 3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành, Kế toán trưởng

**Bảng 34: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành, Kế toán trưởng**

STT	Họ và tên	Chức danh
	<b>Hội đồng quản trị</b>	
1	Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch HĐQT
2	Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Phúc Anh	Thành viên HĐQT
4	Trịnh Văn Lượng	Thành viên độc lập HĐQT
5	Trần Duy Cường	Thành viên HĐQT
	<b>Ủy ban kiểm toán</b>	
1	Trịnh Văn Lượng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
2	Trần Duy Cường	Thành viên Ủy ban kiểm toán
	<b>Ban điều hành</b>	
1	Trịnh Anh Tuấn	Tổng giám đốc
2	Lê Thị Thuý	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng giám đốc
4	Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng giám đốc
	<b>Kế toán trưởng</b>	
1	Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

*Nguồn: PRE*

### 3.1. Hội đồng quản trị

#### 3.1.1. Ông Phùng Tuấn Kiên - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	: Phùng Tuấn Kiên
Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 21/09/1976
Nơi sinh	: Hà Nội
Số CMND	: 001076023135 cấp ngày 07/03/2019 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: 10 tổ 11A, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: Đại học
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ QTKD



Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2022-07/2022	Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT
07/2022-nay	Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1998-5/2002	Công ty Thiết bị điện thoại	Chuyên viên phòng kế toán
6/2002-1/2006	Công ty Bảo hiểm Dầu khí	Chuyên viên phòng kế toán
2/2006-2/2007	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng phòng kế toán
3/2007-7/2011	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Kế toán trưởng
8/2011-11/2014	Công ty cổ phần PVI	Kế toán trưởng
11/2014-nay	Công ty cổ phần PVI	Phó Tổng giám đốc
07/2016-08/2022	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Chủ tịch HĐQT
06/2020-nay	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 22.467.239 cổ phiếu, chiếm 30,86% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần PVI	53.226.825	73,11%	Ông Phùng Tuấn Kiên là Phó TGD

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chủ tịch Hội đồng quản trị: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng

ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hưởng mức thù lao kiêm nhiệm Thành viên HĐQT là 5.000.000 đồng/tháng từ ngày 24/6/2022 đến ngày 18/7/2022 và hưởng thù lao kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT là 20.000.000 đồng/tháng từ ngày được bổ nhiệm 19/7/2022 đến nay:

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0	1.022.728	47.308.442

- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	- Khách hàng đóng góp trên 60% doanh thu của Tổ chức phát hành - Công ty có cùng công ty mẹ	- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	- Ông Phùng Tuấn Kiên giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên của Bảo hiểm PVI	PRE đảm bảo thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin minh bạch

### 3.1.2. Ông Dương Thanh Danh Francois - Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Dương Thanh Danh Francois**  
 Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 26/09/1969  
 Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn, Việt Nam)  
 Số CMND : 18FV13495 cấp ngày 03/12/2018 tại Singapore  
 Quốc tịch : Pháp  
 Địa chỉ thường trú : Linden T1-A 20-05, Thủ Đức, TPHCM  
 Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính, thạc sĩ Quản trị kinh doanh, có kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị rủi ro, tài chính và 30 năm kinh nghiệm trong ngành bảo hiểm

Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/2016-03/2019	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT
03/2019-03/2020	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Chủ tịch HĐQT
06/2022-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1992-1994	Chryscis and Cabinet Besse/Usinor Group	Chuyên viên IT, chuyên viên bảo hiểm tín dụng
1994-1996	Hatos/ Unisor group	Chuyên viên giải quyết khiếu nại bảo hiểm
1996-1999	Usinor Group	Kiểm soát viên
1999-2002	Usinor Group	Quản lý bảo hiểm
2002-2012	Arcelor Mittal Group (2006-2012), Arcelor Group (2002-2006)	Giám đốc bảo hiểm cấp cao
6/2012-5/2014	PVI Holdings	Thành viên HĐQT
6/2014-12/2015	HDI Global SE	Giám đốc khu vực Châu Á (ngoại trừ Nhật Bản)
2016-01/2021	HDI Global SE	Giám đốc khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (ngoại trừ Nhật Bản)
01/2021-nay	HDI Global SE	Giám đốc phụ trách hoạt động tại Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 14.744.864 cổ phiếu, chiếm 20,25% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
----	--------------------	--------------------------	-----------------------	-------------

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần PVI	53.226.825	73,11%	Ông Dương Thanh Danh Francois là Phó chủ tịch HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm 2022 ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0	2.045.454	29.045.454

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khách hàng đóng góp trên 60% doanh thu của Tổ chức phát hành</li> <li>- Công ty có cùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Dương Thanh Danh Francois giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT của Bảo hiểm PVI</li> </ul>	PRE đảm bảo thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin minh bạch

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
		công ty mẹ			

**3.1.3. Ông Nguyễn Phúc Anh – Thành viên HĐQT**

Họ và tên : Nguyễn Phúc Anh  
 Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 05/01/1995  
 Nơi sinh : Thành phố Hà Nội  
 Số CMND : 013185227 cấp ngày 28/04/2009 tại Công an Thành phố Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : 36 Lý Nam Đế, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
 Trình độ văn hóa : Đại học  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2022-nay	Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/2017-07/2018	Công ty cổ phần giải trí và giáo dục Galaxy (tiền thân là Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Galaxy)	Điều phối sản xuất
08/2018-06/2020	Công ty cổ phần giải trí và giáo dục Galaxy (tiền thân là Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Galaxy)	Từ 08/2018-06/2019: Điều phối sản xuất Từ 07/2019-06/2020: Chuyên viên phát triển dự án
	Công ty cổ phần đầu tư PV2	Chuyên gia tư vấn tài chính
07/2020-09/2021	Công ty TNHH Bảo hiểm HD	Chuyên viên tái bảo hiểm
	Công ty cổ phần đầu tư PV2	Chuyên gia tư vấn tài chính
10/2021-03/2022	Công ty TNHH Bảo hiểm HD	Chuyên viên tái bảo hiểm
	Công ty cổ phần Finnam	Tổng giám đốc
	Công ty cổ phần đầu tư PV2	Chuyên gia tư vấn tài chính

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
04/2022-nay	Công ty cổ phần Finnam	Tổng giám đốc
	Công ty cổ phần đầu tư PV2	Chủ tịch HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 7.192.814 cổ phiếu, chiếm 9,88% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Chu Minh Châu	3.580.000	4,92%	Mẹ đẻ
2	Nguyễn Hà Thu	3.596.407	4,94%	Chị gái
3	Phan Trịnh Quốc Kiên	191.736	0,26%	Anh rể
4	Công ty cổ phần Finnam	0	0%	Ông Nguyễn Phúc Anh là TGD
5	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	1.078.597	1,48%	Ông Nguyễn Phúc Anh là Chủ tịch HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Thành viên HĐQT	0	0	1.022.728	14.522.728

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

#### 3.1.4. Ông Trịnh Văn Lượng - Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Họ và tên : **Trịnh Văn Lượng**  
 Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 23/02/1969  
 Nơi sinh : Tỉnh Ninh Bình  
 Số CMND : 037069000012 cấp ngày 23/08/2019 tại Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : 2/245/10 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội  
 Trình độ văn hóa : Đại học  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính  
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên độc lập HĐQT
06/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1992-03/1997	Công ty Bảo Việt tỉnh Ninh Bình – Bảo Việt	Trưởng phòng Kế toán Kế hoạch
04/1997-08/1998	Công ty Bảo hiểm dầu khí Vũng Tàu - PVI	Trưởng phòng kế toán
09/1998-12/1998	Công ty Bảo hiểm dầu khí TP Hồ Chí Minh - PVI	Trưởng phòng kế toán
12/1998-8/2008	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Giám đốc Ban đầu tư
09/2008-03/2010	Công ty PV Tech – Tập đoàn dầu khí Quốc Gia	Phó Tổng giám đốc
04/2010-05/2010	Công ty Bảo hiểm PVI Thăng Long	Phó giám đốc
06/2010-11/2011	Công ty Bảo hiểm PVI Nam Sông Hồng	Giám đốc
11/2011-08/2016	Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	Giám đốc
08/2016-02/2017	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Trưởng ban bảo hiểm con người
02/2017-11/2017	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Trưởng ban giải quyết khiếu nại và Quản lý rủi ro
11/2017-08/2018	Văn phòng Chăm sóc khách hàng phía Bắc – Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Trưởng văn phòng chăm sóc khách hàng
08/2018-07/2019	Công ty Bảo hiểm PVI- Nam Sông Hồng	Giám đốc

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/2019-8/2021	Ban Tài chính kế toán - Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Phó Ban Tài chính kế toán
8/2021-nay	Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 49.091 cổ phiếu, chiếm 0,07% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Thành viên HĐQT	0	63.857.143	54.000.000	81.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
----	------------------	---------------------------------------	----------------------------------	--	--------------------------------------



TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khách hàng đóng góp trên 60% doanh thu của Tổ chức phát hành</li> <li>Công ty có cùng công ty mẹ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ông Trịnh Văn Lượng giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát nội bộ của Bảo hiểm PVI</li> </ul>	PRE đảm bảo thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin minh bạch

**3.1.5. Ông Trần Duy Cường - Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán**

Họ và tên : **Trần Duy Cường**  
 Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 03/03/1975  
 Nơi sinh : tỉnh Thái Nguyên  
 Số CMND : 019075010422 cấp ngày 17/03/2022 tại Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : P203 TT Bộ Tài chính – 162 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, TP Hà Nội  
 Trình độ văn hóa : Đại học  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kế toán  
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT
10/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên Ủy ban Kiểm toán

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
01/2000-	Công ty Kiểm toán Việt Nam VACO	Nhân viên

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
09/2004		
11/2004-06/2007	Công ty Kiểm toán Việt Nam VACO	Kiểm toán viên
07/2007-06/2011	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Phó phòng
07/2011-09/2014	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Trưởng phòng
10/2014-nay	Công ty cổ phần PVI	Giám đốc ban, kế toán trưởng
09/2021-nay	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Kiểm soát viên

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần PVI	53.226.825	73,11%	Ông Trần Duy Cường là Kế toán trưởng

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Thành viên HĐQT	0	63.857.143	27.000.000	40.500.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác

hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khách hàng đóng góp trên 60% doanh thu của Tổ chức phát hành</li> <li>- Công ty có cùng công ty mẹ</li> </ul>	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	Ông Trần Duy Cường là Kiểm soát viên Bảo hiểm PVI	PRE đảm bảo thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin minh bạch

**3.2 Ủy ban kiểm toán**

**3.2.1 Ông Trịnh Văn Lượng - Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán**

Xem tại mục 3.1.4, Mục VI của Bản cáo bạch này.

**3.2.2 Ông Trần Duy Cường - Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán**

Xem tại mục 3.1.5, Mục VI của Bản cáo bạch này.

**3.3 Ban điều hành**

**3.3.1 Trịnh Anh Tuấn – Tổng giám đốc**

Họ và tên : **Trịnh Anh Tuấn**  
 Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 26/02/1981  
 Nơi sinh : Phú Thọ  
 Số CMND/ Hộ chiếu : 012043394 cấp ngày 29/07/2010 tại Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : 25 Ngõ 176 Lê Trọng Tấn, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.  
 Trình độ văn hóa : Đại học  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế bảo hiểm  
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
08/2002-9/2006	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên phòng Tái bảo hiểm
09/2006-04/2007	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Trưởng nhóm nhận Tái bảo hiểm
04/2007-08/2007	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc PVI Nam sông Hồng
08/2007-07/2008	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc Ban Tổng hợp pháp chế
07/2008-05/2009	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc Ban Bảo hiểm kỹ thuật
05/2009-12/2009	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc Ban Kinh doanh bảo hiểm phía Nam
01/2010-05/2010	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Giám đốc Ban Bảo hiểm kỹ thuật
06/2010-07/2011	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm
07/2011-11/2012	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc
11/2012-08/2016	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc
03/2013-10/2013	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên Hội đồng thành viên
07/2014-11/2016	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT
01/2019-06/2022	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT
08/2016-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 86.982 cổ phiếu, chiếm 0,119% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Trịnh Lan Phương	1.000	0 %	Chị gái
2	Nguyễn Thị Thanh Nga	58.600	0,08%	Vợ

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Tổng giám đốc	1.547.284.425	3.519.309.167	2.669.719.793	3.140.085.557

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

### 3.3.2 Bà Lê Thị Thúy – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Lê Thị Thúy  
 Giới tính : Nữ  
 Năm sinh : 19/05/1973  
 Nơi sinh : Thanh Hóa  
 Số CMND/ Hộ chiếu : 038173000797 cấp ngày 27/6/2016 tại Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : SN16 – Ngách 103/6 Cù Chính Lan, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.  
 Trình độ văn hóa : Đại học  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Thương mại quốc tế và Tài chính  
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
08/2006-07/2011	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm
07/2011-08/2015	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc Giám đốc Khối Quản lý và đầu tư
08/2015-6/2021	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc Giám đốc Khối Kinh doanh I

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1994-06/1995	Petrolimex	Chuyên viên phòng xuất nhập khẩu
06/1995-12/1998	PJICO	Chuyên viên phòng Tái bảo hiểm
01/1999-07/2006	PJICO	Phó phòng Tái bảo hiểm

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,014% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Lê Huy Giang	10.000	0,01%	Chồng

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Phó Tổng giám đốc	1.143.575.685	2.134.139.067	1.257.112.196	1.591.475.260

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác

hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

**3.3.3 Ông Nguyễn Hồng Long - Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên : **Nguyễn Hồng Long**  
 Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 29/09/1976  
 Nơi sinh : Hải Phòng  
 Số CMND/ Hộ chiếu : 011882472 cấp ngày 17/09/2008 tại Hà Nội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : 129 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.  
 Trình độ văn hóa : Đại học  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2002-08/2007	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí VN	Chuyên viên Ban tái bảo hiểm
08/2007-09/2008	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí VN	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm
10/2008-04/2009	Công ty Bảo hiểm PVI TP Hồ Chí Minh	Phó Tổng giám đốc
04/2009-05/2009	Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm
05/2009-07/2011	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí VN	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm
07/2011- 6/2021	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc Giám đốc Khối Kinh doanh 2
6/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phiếu, chiếm 0,069% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Vũ Văn Anh	50.000	0,07%	Vợ

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhân theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Phó Tổng giám đốc	1.109.558.415	2.089.893.567	1.242.663.020	1.568.620.984

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

### 3.3.4 Ông Nguyễn Anh Hùng - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Anh Hùng  
 Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 06/12/1976  
 Nơi sinh : Nghệ An  
 Số CMND/ Hộ chiếu : 022076001275 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : Số 64, ngõ 158 Nguyễn Văn Cừ, tổ 5 phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội  
 Trình độ văn hóa : Đại học  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thiết bị điện – điện tử, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
04/2013-09/2013	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Kỹ sư ban tái bảo hiểm tạm thời
10/2013-06/2016	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó phòng giải quyết khiếu nại
06/2016-03/2017	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Trưởng phòng kinh doanh trong



Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
		nước
10/2017-09/2018	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Trưởng phòng 3- Khối kinh doanh 2
10/2018-04/2019	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Trưởng phòng kinh doanh phía nam
05/2019-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Trưởng ban kinh doanh 3
04/2022-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/1999-12/2007	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Kỹ sư Ban quản lý dự án Thủy điện 1
01/2008-10/2008	Tổng công ty bảo hiểm dầu khí PVI	Kỹ sư ban tái bảo hiểm
11/2008-03/2013	Công ty Cổ phần phát triển điện lực Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Phó giám đốc phụ trách Trung tâm tư vấn thiết kế

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 10 cổ phiếu, chiếm 0,00% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù	Phó Tổng	-	-	807.977.874	1.101.211.287

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
	lao	giám đốc				

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

**3.3.5 Ông Ngô Thanh Hải – Kế toán trưởng**

Họ và tên : Ngô Thanh Hải  
 Giới tính : Nam  
 Năm sinh : 09/08/1986  
 Nơi sinh : Hà Tĩnh  
 Số CMND/ Hộ chiếu : 186311080 cấp ngày 16/08/2012 tại Nghệ An  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Địa chỉ thường trú : Số 10 Ngõ 8 - Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa - Hà Nội  
 Trình độ văn hóa : Đại học  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán  
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2014-02/2015	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Chuyên viên Bộ phận Tài chính kế toán
02/2015-12/2016	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Chuyên viên Bộ phận Chiến lược Tuân Thủ
01/2017-11/2017	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Phòng Chiến lược Tuân Thủ
11/2017-08/2018	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Trưởng phòng Kế toán
08/2018-02/2019	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Trưởng phòng Kế toán, được giao nhiệm vụ thực hiện chức trách, nhiệm vụ Kế toán trưởng
03/2019-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Kế toán trưởng

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2008-06/2010	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Trợ lý kiểm toán
06/2010-06/2014	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Kiểm toán viên chính

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022): Không

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
I	Thù lao	Kế toán trưởng	890.135.845	1.448.249.067	980.245.664	1.301.842.031

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trưởng hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

**VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN****1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá cổ phiếu**

10.000 đồng/cổ phiếu

**3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán**

31.600.000 cổ phiếu

**4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá**

316.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba trăm mười sáu tỷ đồng).

**5. Giá chào bán dự kiến**

20.000 đồng/cổ phiếu

**6. Phương pháp tính giá**

Mức giá chào bán cổ phần là mức giá do DHDCE thông qua.

**7. Phương thức phân phối**

- Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện: 182:79. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 182 quyền mua được mua 79 cổ phiếu phát hành thêm. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng một (01) lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa các bên.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:
  - o Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn số cổ phiếu cổ đông được mua xuống hàng đơn vị và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết: HDQT chào bán số cổ phần đó theo mức giá chào bán quy định cho các cổ đông hiện hữu (đã đăng ký mua theo thông báo ban đầu) theo đúng tỷ lệ số cổ phiếu đã đăng ký mua của cổ đông đó trên tổng số lượng cổ phần đã được đăng ký theo thông báo ban đầu.
  - o Sau đợt chào bán trên, đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết, HDQT quyết định tiêu chí và lựa chọn chào bán cho các nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu) với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ

đồng hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu).

- o Việc xử lý cổ phiếu không phân phối hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- o Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
- o Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.

#### **8. Đăng ký mua cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: không quy định
- Thời hạn nhận đăng ký: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo đúng quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày.
- Phương thức đăng ký:
  - o Đối với cổ đông đã lưu ký: Công ty phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam phân phối và thông báo quyền mua tới các cổ đông thông qua các Công ty chứng khoán – thành viên lưu ký của VSD.
  - o Đối với cổ đông chưa lưu ký: cổ đông đăng ký thực hiện quyền mua tại Công ty - địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Phương thức thanh toán: Tiền mua cổ phiếu phải chuyển vào vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định tại điểm 11 Phần VII của Bản cáo bạch này.
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng một (01) lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa các bên.
- Các điều khoản có liên quan:

- o Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng;
- o Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

### 9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực và không quá 06 tháng kể từ khi được Bộ Tài chính chấp thuận nguyên tắc về phương án tăng vốn điều lệ. Thời gian phát hành dự kiến là Quý IV, năm 2022.

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán từ UBCKNN.	T
2	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo với VSD, HNX để triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	T đến T+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số báo liên tiếp.	T đến T+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	T + 12
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	T+13
6	Phối hợp cùng VSD phân bổ quyền mua cổ phiếu và thông báo quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.	T+19 đến T+26
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần.	T+20 đến T+40
8	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không đăng ký, không nộp tiền mua (nếu có).	T+41 đến T+50
9	Xử lý số cổ phần không đăng ký, không nộp tiền mua (nếu có).	T+50 đến T+51
10	- Báo cáo UBCKNN kết quả đợt chào bán. - Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung	T+52 đến T+ 62
11	Công bố về việc giao dịch bổ sung và trao trả giấy chứng nhận sở	T+53 đến

STT	Nội dung công việc	Thời gian
	hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký.	T+64
12	Giao dịch cổ phiếu phát hành bổ sung.	T+85

Lịch trình phân phối cụ thể được Công ty công bố chính thức tại bản thông báo chào bán sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, đảm bảo quy định của pháp luật.

#### 10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng một (01) lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa các bên.
- Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.
- Số cổ phần còn lại chưa phân phối sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu bao gồm:
  - o Số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua;
  - o Số cổ phần phát sinh do làm tròn khi tính toán cổ phần được mua của cổ đông hiện hữu;
  - o Số cổ phần chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã xin phép phát hành (31.600.000 cổ phiếu) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền 182:79;
 Số cổ phần còn lại này sẽ được HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc được hủy và kết thúc đợt chào bán.
- Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

#### 11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu, chi tiết như sau:

- Số tài khoản: 000003720735
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đại An

- Chủ tài khoản: Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI

**12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:**

Ngày 03/8/2022 Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 7666/BTC – QL BH về việc chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ cho PVI Re.

**13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài**

Hiện tại tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty được xác định tối đa là 100%.

Tại thời điểm ngày 03/11/2022, Công ty có cổ đông nước ngoài chiếm 0,40% vốn điều lệ (theo Bảng thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài được công bố bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam). Công ty cam kết việc thực hiện chào bán nhằm đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.

**14. Các loại thuế có liên quan****❖ Đối với Công ty****▪ Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

**▪ Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Thuế suất thuế VAT áp dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty là 10%.

**▪ Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định của Pháp luật hiện hành.

**❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân****▪ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

Đối với nhà đầu tư trong nước: Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2, Điều 16 Nghị định số 12/2015/ND-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại điểm 2, Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 1/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

**▪ Thu nhập từ cổ tức**

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp Nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, Nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu,



nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này, Nhà đầu tư sẽ thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất 5%.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

▪ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

Đối với tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Đối với tổ chức nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014

▪ **Thu nhập từ cổ tức**

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

**15. Thông tin về các cam kết**

- Công ty cam kết thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
- Công ty cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, cụ thể: "Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích".

**16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt**

Không có.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

### VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Thực hiện thành công phương án tăng vốn trên, PVI Re sẽ có tiềm lực để tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh tiềm năng, hiệu quả và nòng cốt bao gồm mở rộng khả năng khai thác dịch vụ, nâng cao mức giữ lại. Vốn điều lệ tăng sẽ giúp PVI Re thực hiện các kế hoạch mục tiêu như sau:

- Với mức giá chào bán là 20.000 đồng, tổng số vốn dự kiến sẽ huy động được là 632 tỷ đồng. Nguồn vốn sẽ được sử dụng để đầu tư tái chính trong giới hạn cho phép của Bộ Tài chính với tiêu chí an toàn và hiệu quả cao;
- Tăng cường khả năng tài chính của PVI Re nhằm thu hút dịch vụ nhận tái bảo hiểm trong và ngoài nước. Đồng thời nâng cao mức giữ lại các dịch vụ có hiệu quả;
- Phát triển hơn nữa kinh doanh tái bảo hiểm các nghiệp vụ bán lẻ.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

## IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến tối đa là 632.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng để gia tăng nguồn vốn đầu tư cho hoạt động đầu tư tài chính theo thứ tự ưu tiên giảm dần như sau:

STT	Các mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)	Lợi tức dự kiến năm <sup>10</sup>	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Đầu tư Tiền gửi ngân hàng	377.000.000.000	6%	Năm 2023
2	Đầu tư dài hạn khác	255.000.000.000	8%	Năm 2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>632.000.000.000</b>		

Nguồn: PRE

Trong trường hợp số tiền thu từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, PRE sẽ ưu tiên dùng số vốn thu được để thực hiện các mục đích theo thứ tự ưu tiên nêu trên.

Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Tổ chức phát hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác để bù đắp trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến.

Hoạt động đầu tư tài chính của PRE được thực hiện tuân theo theo các quy định của Pháp luật, Luật kinh doanh bảo hiểm, Nghị định 73/2016/NĐ-CP và quy chế đầu tư, các quy định về hoạt động đầu tư tài chính được ban hành bởi PRE.

- Số tiền thu được từ đợt phát hành này, PRE dự kiến sẽ tiếp tục đầu tư vào các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư dài hạn khác:
  - o Các khoản đầu tư tiền gửi ngân hàng: PRE dự kiến đầu tư các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 15 tháng trở xuống.
  - o Các khoản đầu tư dài hạn khác PRE có thể thực hiện đầu tư:
    - Trái phiếu ngân hàng thương mại, trái phiếu tăng vốn cấp 2 của ngân hàng thương mại thuộc nhóm I và nhóm II theo quy định của PRE về tổ chức tín dụng đủ điều kiện đầu tư tiền gửi và có kỳ hạn tối đa 2 năm, với hạn mức đầu tư tối đa là 30% tổng hạn mức được đầu tư<sup>11</sup>.

<sup>10</sup> Lợi tức dự kiến là lợi tức PRE ước tính cho thời hạn 01 năm và có thể biến động tùy thuộc vào tình hình thị trường thực tế tại và trong thời hạn đầu tư.

<sup>11</sup> Hạn mức được đầu tư của PRE được tính trên tổng nguồn vốn đầu tư, bao gồm: Vốn chủ sở hữu, Vốn nhân quỹ từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Hạn mức thực hiện đầu tư tất cả các tài sản của PRE luôn đảm bảo không được vượt quá hạn mức theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm hiện hành.

*(Ví dụ, theo quy định hiện hành tại PRE, các ngân hàng thuộc nhóm I bao gồm: Vietcombank, MB Bank, BIDV, Vietinbank, Techcombank, ACB; các ngân hàng nhóm II bao gồm: VP Bank, TP Bank, Oricombank, HD Bank, VIB, SeABank, MSB)*

- Trái phiếu doanh nghiệp có đảo đảm: trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc Chính Phủ, Chính quyền địa phương; trái phiếu doanh nghiệp có cam kết mua lại của tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán, Chính phủ, Chính quyền địa phương. Kỳ hạn đầu tư tối đa 36 tháng và hạn mức đầu tư tối đa của các loại trái phiếu này là 20% tổng hạn mức được đầu tư.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

## X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

### Tổ chức tư vấn

#### Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website: www.mbs.com.vn

### Tổ chức kiểm toán

#### Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020, 2021 và soát xét Báo cáo tài chính bán niên 2022

#### Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7105 0000 Fax: + 84 24 6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn

#### Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn về đợt chào bán ra công chúng

Công ty thực hiện đợt phát hành cổ phiếu cho mục đích huy động vốn nhằm bổ sung và nâng cao năng lực tài chính cho hoạt động kinh doanh trên cơ sở tự cân nhắc, đánh giá, rà soát các nội dung từ thực tế hoạt động kinh doanh và các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp cũng như những diễn biến thị trường vốn trong thời gian tới trên khía cạnh phân tích các rủi ro tiềm ẩn và tính khả thi.

Với tư cách đơn vị tư vấn tham gia lập Bản cáo bạch này, chúng tôi xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét trong Bản cáo bạch này được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn. Các ý kiến, nội dung được căn cứ vào những thông tin được cung cấp bởi chính Tổ chức phát hành (chúng tôi không thực hiện kiểm kê, đánh giá, rà soát, tra soát, truy xuất nguồn gốc, tính chính xác, tính trung thực, tính toàn diện, tính đầy đủ, tính chắc chắn của các thông tin, dữ liệu này) và các thông tin liên quan về thị trường được thu thập có chọn lọc, dựa trên lý thuyết về tài chính – chứng khoán mà không hàm ý đưa ra các dẫn dắt hay khuyến nghị đầu tư và cũng không bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn, chính xác của những thông tin, số liệu được trình bày. Các nội dung được trình bày trong Bản Cáo Bạch này chỉ mang tính chất tổng hợp thông tin để các nhà đầu tư biết và đọc thêm khảo. Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư cần tự mình tìm hiểu, đánh giá, phân tích cơ hội và rủi ro đầu tư và tự đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro đầu tư và chiến lược đầu tư và kế hoạch tài chính của mỗi nhà đầu tư tại từng thời điểm.

Bản Cáo Bạch này cùng các tài liệu khác của đợt chào bán của Tổ chức phát hành và các ý kiến của Tổ chức tư vấn không phải là tài liệu phân tích và khuyến nghị đầu tư và cũng không hàm ý, bằng cách này hay cách khác, hay bằng hình thức này hay hình thức khác, đưa ra các dẫn dắt hay hàm ý khuyến nghị đầu tư và cũng không đảm bảo giá trị của chứng khoán tại bất cứ thời điểm nào.

**XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Không có.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

**XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,  
TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2022

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI****CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ***Phùng Tuấn Kiên***TỔNG GIÁM ĐỐC****KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*Trịnh Anh Tuấn*  
*Ngô Thanh Hải***ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB***PGD K. DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ  
Đoàn Linh Hương*



**XIII. PHỤ LỤC**

1. **Phụ lục I:** Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI;
3. **Phụ lục III:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022 của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI;
4. **Phụ lục IV:** Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022 của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI;
5. **Phụ lục V:** Công văn số 7666/BTC – QLBH của Bộ Tài chính ngày 03/8/2022 về việc chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ cho PVI Re;
6. **Phụ lục VI:** Nghị quyết của HĐQT số 37/NQ-PVIRE ngày 23/08/2022 v/v thông qua phương án chi tiết tăng vốn điều lệ bằng hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2022 của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI;
7. **Phụ lục VII:** Nghị quyết của HĐQT số 38/NQ-PVIRE ngày 23/08/2022 v/v thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2022 (chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ);
8. **Phụ lục VIII:** Nghị quyết của HĐQT số 40/NQ-PVIRE ngày 28/09/2022 v/v thông qua sửa đổi Phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022;
9. **Phụ lục IX:** Báo cáo tài chính năm 2020 và 2021 được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý II và Quý III năm 2022 soát xét của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI.



# BỘ TÀI CHÍNH



## GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Số: 86GP/KDBH

Ngày: 01/10/2013

Cấp tại: Hà Nội

Nơi cấp: Bộ Tài chính

*Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2013*

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 9/12/2000;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 66GP/KDBH ngày 20/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp cho Công ty Tái bảo hiểm PVI;

Xét đề nghị của Công ty Tái bảo hiểm PVI tại Công văn số 331/PVI Re-THP ngày 20/9/2013; Công văn số 336/PVI Re-THP ngày 26/9/2013 và tài liệu gửi kèm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Thành lập doanh nghiệp bảo hiểm**

Cho phép các chủ đầu tư có tên dưới đây:

**1. Công ty cổ phần PVI**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 154 Nguyễn Thái Học, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; mã số doanh nghiệp 0100151161; Đăng ký lần đầu ngày 12/03/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 27/8/2012;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Vạn Thuận, quốc tịch Việt Nam;
- Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty cổ phần PVI.

## **2. Tổng công ty Bảo hiểm PVI**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 154 Nguyễn Thái Học, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 63GP/KDBH ngày 28/6/2011 do Bộ Tài chính cấp;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Quốc Lâm, quốc tịch Việt Nam;

- Chức vụ: Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI.

được thành lập: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

**Tên đầy đủ, tên viết tắt và tên giao dịch:**

- Tên đầy đủ tiếng Việt: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI

- Tên đầy đủ tiếng Anh: PVI Reinsurance Joint-stock Corporation

- Tên giao dịch tiếng Việt: Tái bảo hiểm PVI

- Tên giao dịch và tên viết tắt: PVI Re

**Địa chỉ trụ sở chính:** Số 154 Nguyễn Thái Học, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

**Hình thức pháp lý:** Công ty cổ phần

Để kinh doanh tái bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm, các quy định khác của pháp luật và các quy định tại Giấy phép này.

Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và mở tài khoản tại ngân hàng theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Điều 2. Vốn**

Vốn điều lệ của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI là 668.000.000.000 (sáu trăm sáu tám tỷ) đồng Việt Nam, trong đó:

STT	Cổ đông	Số vốn góp tính bằng tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần PVI	460.000.000.000	68,86
2	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	28.400.000.000	4,25
3	Các cổ đông cá nhân	179.600.000.000	26,89
<b>Tổng cộng</b>		<b>668.000.000.000</b>	<b>100</b>

### **Điều 3. Lĩnh vực, nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động**

Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh sau:

3.1. Lĩnh vực kinh doanh: Tái bảo hiểm

3.2. Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh

3.2.1. Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ sau đây:

- Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
- Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không;
- Bảo hiểm xe cơ giới;
- Bảo hiểm cháy, nổ;
- Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
- Bảo hiểm trách nhiệm chung;
- Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;
- Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
- Bảo hiểm nông nghiệp;
- Các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác do Chính phủ quy định.

3.2.2. Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.

3.2.3. Đầu tư tài chính theo quy định của pháp luật.

3.3. Địa bàn hoạt động: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI được phép hoạt động trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

3.4. Đối tượng khách hàng: Các tổ chức trong và ngoài nước.

### **Điều 4. Kế thừa**

Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm của Công ty Tái bảo hiểm PVI.

### **Điều 5. Thời hạn hoạt động**

Thời hạn hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI là vô thời hạn kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

## **Điều 6. Nghĩa vụ nộp thuế**

Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính và thuế đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành và có hiệu lực vào từng thời điểm.

## **Điều 7. Điều kiện hoạt động**

Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI.

## **Điều 8. Hiệu lực của giấy phép.**

Giấy phép thành lập và hoạt động này có hiệu lực từ ngày ký, thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động số 66GP/KDBH ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI phải hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm theo quy định của pháp luật và phải thông báo kết quả tiến hành các thủ tục trên cho Bộ Tài chính.

Sau thời hạn trên, nếu Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI không hoàn thành các thủ tục đã quy định, Giấy phép thành lập và hoạt động này sẽ không còn hiệu lực.

## **Điều 9. Cấp Giấy phép**

Giấy phép thành lập và hoạt động này được lập thành 08 bản chính: 01 bản cấp cho Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI; 04 bản lưu tại Bộ Tài chính; 01 bản gửi cho Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội; 01 bản gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 01 bản gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.



**Trần Xuân Hà**

# BỘ TÀI CHÍNH



# GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH

Số: 86/GPĐC1/KDBH

Ngày: 21/9/2018

Cấp tại: Hà Nội

Nơi cấp: Bộ Tài chính



**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 86/GPĐC1/KDBH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2018*

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH ngày 01/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Xét đề nghị của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI tại Đơn xin thay đổi vốn điều lệ ngày 25/10/2016; Công văn số 216/PVIRE-HĐQT ngày 20/7/2018 và Công văn số 239/PVIRE-HĐT ngày 20/8/2018 báo cáo về việc hoàn thành tăng vốn điều lệ và hồ sơ kèm theo;

- Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

Cho phép Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH ngày 01/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính với nội dung như sau:

Vốn điều lệ của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI là 728.000.000.000 (bảy trăm hai mươi tám tỷ) đồng Việt Nam.



## Điều 2.

Giấy phép điều chỉnh này là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH ngày 01/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giấy phép này đồng thời có giá trị là Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung những nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên.

Các nội dung quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI sẽ được sửa đổi phù hợp với các quy định của Giấy phép điều chỉnh này.

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

## Điều 3.

Giấy phép điều chỉnh này được lập thành 08 bản chính: 01 bản cấp cho Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI; 04 bản lưu tại Bộ Tài chính; 01 bản gửi cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; 01 bản gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; 01 bản gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Hữu Minh Quang Hải

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

**Hà Nội – Tháng 05/2021**



## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b> .....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	3
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b> .....	3
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	3
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	5
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	6
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	6
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	6
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	7
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	11
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	16
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	24
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 31. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.....	26
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty.....	26

<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> .....	27
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	27
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	28
<b>IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	28
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	28
Điều 37. Thành phần Ủy ban kiểm toán.....	29
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	29
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	30
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	30
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> .....	31
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	31
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	32
<b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b> .....	33
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	33
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b> .....	33
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	33
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b> .....	34
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	34
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b> .....	34
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	34
Điều 47. Năm tài chính.....	34
Điều 48. Chế độ kế toán.....	35
<b>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	35
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	35
Điều 50. Báo cáo thường niên.....	35
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b> .....	35
Điều 51. Kiểm toán.....	35
<b>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</b> .....	36
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp.....	36
<b>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY</b> .....	36
Điều 53. Giải thể Công ty.....	36
Điều 54. Thanh lý.....	36
<b>IX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b> .....	36
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	36
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b> .....	37
Điều 56. Điều lệ Công ty.....	37
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</b> .....	37
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	37

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các nhân sự khác theo sự phân công và/hoặc bổ nhiệm của HĐQT;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các nhân sự khác theo sự phân công và/hoặc bổ nhiệm của HĐQT;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- p) "*Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*" (trong Điều lệ này gọi tắt là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là người điều hành doanh nghiệp;
- q) "*Thành viên độc lập Hội đồng quản trị*" (trong Điều lệ này có thể gọi tắt là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại Điều 155.2 của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong Điều lệ này, có thể tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và các Luật có liên quan khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

#### 1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt : Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh : PVI Reinsurance Joint-stock Corporation
- Tên Công ty giao dịch tiếng Việt : Tái bảo hiểm PVI
- Tên Công ty giao dịch và viết tắt : PVI Re

2. PVI Re là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

#### 3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 25, Tòa nhà PVI, lô VP2, khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.37342828
- Fax: 024.37342626
- E-mail: [pvire@pvire.com.vn](mailto:pvire@pvire.com.vn)
- Website: [www.pvire.com.vn](http://www.pvire.com.vn)

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Điều lệ này.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. PVI Re có 2 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Tổng giám đốc.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng quản trị và các công tác quản trị doanh nghiệp;
- Trao đổi, đối thoại và làm việc với cổ đông.

b) Tổng giám đốc

- Chịu trách nhiệm điều hành công ty.

3. Trường hợp một trong hai Người đại diện trước pháp luật của PVI Re vắng mặt quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật thì Người đại diện theo pháp luật còn lại phải kiêm nhiệm thực hiện đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ của Người đại diện trước pháp luật của PVI Re cho đến khi Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của PVI Re:

- Kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm trong và ngoài nước;
- Thực hiện đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh các ngành nghề, dịch vụ khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho PVI Re và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Mục tiêu hoạt động của PVI Re:

- Kinh doanh có lãi, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.
- Phát triển bền vững, trở thành nhà Tái bảo hiểm chuyên nghiệp số 1 Việt nam có thương hiệu Quốc tế.
- Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

- PVI Re được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của PVI Re.
- PVI Re có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

- Vốn điều lệ của PVI Re là 728.000.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi tám tỷ đồng).



Tổng số vốn điều lệ của PVI Re được chia thành 72.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. PVI Re có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ số cổ phần của PVI Re vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. PVI Re có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong PVI Re, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của PVI Re quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. PVI Re có thể mua cổ phần do chính PVI Re đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. PVI Re có thể phát hành các loại chứng khoán khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của PVI Re được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của PVI Re hoặc trong thời hạn ba tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của PVI Re, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp Chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho PVI Re chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chi chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một Chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được PVI Re cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của PVI Re, được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của PVI Re, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của PVI Re do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông sở hữu cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của PVI Re phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người sở hữu cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.



## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của PVI Re bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ PVI Re, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong PVI Re;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi PVI Re giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại PVI Re;
- h) Yêu cầu PVI Re mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp PVI Re có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do PVI Re công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:



a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của PVI Re;

c) Yêu cầu Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của PVI Re khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của PVI Re; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến PVI Re chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi PVI Re dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được PVI Re hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong PVI Re phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của PVI Re trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của PVI Re.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được PVI Re cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được PVI Re cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh PVI Re dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với PVI Re.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của PVI Re. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của PVI Re có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, PVI Re phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của PVI Re dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của PVI Re.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của PVI Re;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện dẫn đến số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện PVI Re triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;  
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được PVI Re hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- c) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của PVI Re;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của PVI Re;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho PVI Re và cổ đông PVI Re;

- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể PVI Re;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của PVI Re, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của PVI Re;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Điều 284 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi PVI Re;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) PVI Re và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của PVI Re;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) PVI Re ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của PVI Re được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a) Các hợp đồng quy định tại Điều 15.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với PVI Re).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp PVI Re nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự



hợp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông sở hữu một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và sở hữu tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nêu trên, những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của PVI Re không bị thay đổi khi PVI Re phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. PVI Re công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của

PVI Re và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu PVI Re niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Trường hợp cổ đông đã thông báo cho PVI Re bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong PVI Re hoặc công ty mẹ/công ty con/công ty liên kết của PVI Re hoặc nơi làm việc cùng tòa nhà trụ sở của PVI Re, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay cổ đông tại nơi làm việc và có ký xác nhận của cổ đông.

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của PVI Re. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến PVI Re chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này và chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không sở hữu đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, PVI Re tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, PVI Re cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được ghi nhận trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được ghi nhận sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp PVI Re áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, PVI Re có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### **Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 22 Điều lệ này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý PVI Re;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của PVI Re;

đ) Tổ chức lại, giải thể PVI Re.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3 Điều này, khoản 8 Điều 22 Điều lệ này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Đại hội.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này có thể được thực hiện dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo trình tự và các quy định tại Điều 22 Điều lệ này.

**Điều 22. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của PVI Re.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về PVI Re phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến PVI Re bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về PVI Re phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về PVI Re phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về PVI Re sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý PVI Re. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của PVI Re trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của PVI Re.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quy định như sau:

Đối với các nội dung tại khoản 1 Điều 21: Nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Đối với nội dung biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của PVI Re.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
- 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.



## VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, PVI Re phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của PVI Re để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của PVI Re nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới PVI Re và các bên có liên quan của PVI Re;

2. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của PVI Re. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, các quy định của Pháp luật khác có liên quan và Điều lệ PVI Re.

### Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của PVI Re phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. PVI Re hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của PVI Re để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp PVI Re có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;
- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp PVI Re có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp PVI Re có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của PVI Re.

**Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý PVI Re, có toàn quyền nhân danh PVI Re để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ PVI Re và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của PVI Re;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của PVI Re;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của PVI Re

và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của PVI Re;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của PVI Re, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể PVI Re; yêu cầu phá sản PVI Re;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các phòng/ban văn phòng PVI Re;

b) Thành lập các công ty con của PVI Re;

c) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của PVI Re;

d) Trong phạm vi quy định tại khoản 153.2 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 138.2 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của PVI Re (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

e) Chỉ định và bãi nhiệm những người được PVI Re uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của PVI Re;

f) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của PVI Re;

g) Các khoản đầu tư (trừ đầu tư tiền gửi) không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

h) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các quy định cụ thể hướng dẫn thực hiện hoạt động này;

i) Việc định giá các tài sản góp vào PVI Re không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của PVI Re, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

j) Việc PVI Re mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

l) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của PVI Re.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho PVI Re.

#### **Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. PVI Re có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của PVI Re theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của PVI Re và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng

quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được PVI Re mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với PVI Re; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại PVI Re.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích liên quan. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể tiếng nước ngoài và phải có chữ ký của người ghi biên bản và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Có thể sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản biên bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

### **Điều 31. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Chủ tịch ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch ủy ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị tuân thủ các quy định về Ủy ban kiểm toán tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty**

1. Hội đồng quản trị PVI Re bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của PVI Re.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa PVI Re và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của PVI Re;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ.

## VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

### Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của PVI Re phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của PVI Re. PVI Re có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành PVI Re bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, PVI Re được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của PVI Re do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ PVI Re đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.



4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của PVI Re theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của PVI Re và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của PVI Re; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của PVI Re mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của PVI Re;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của PVI Re;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong PVI Re, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong PVI Re, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

### **IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán**

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

### **Điều 37. Thành phần Ủy ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh,

### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán**

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Ủy ban kiểm toán thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ủy ban kiểm toán phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ủy ban kiểm toán quy định tại khoản này không được gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
8. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

9. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.
10. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
11. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
12. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
13. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
14. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
15. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.
16. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

#### **Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán**

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

#### **Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
  - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
  - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
  - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của PVI Re và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của PVI Re.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa PVI Re, công ty con, công ty khác do PVI Re nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, PVI Re phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa PVI Re với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc ủy ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc ủy ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị từ 35% trở lên của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này; hoặc

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của PVI Re hoặc công ty con của PVI Re vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

#### **Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. PVI Re bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do PVI Re là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được PVI Re ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của PVI Re, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của PVI Re trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn

khô luật pháp cho phép. PVI Re có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
  - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ PVI Re, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của PVI Re.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của PVI Re, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của PVI Re vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. PVI Re lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của PVI Re.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 44. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của PVI Re với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của PVI Re và quy định pháp luật hiện hành.

### **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 45. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của PVI Re.
2. PVI Re không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, PVI Re phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp PVI Re đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, PVI Re không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền PVI Re đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 46. Tài khoản ngân hàng**

1. PVI Re mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, PVI Re có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. PVI Re tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà PVI Re mở tài khoản.

#### **Điều 47. Năm tài chính**

Năm tài chính của PVI Re bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một của tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một của tháng Mười hai ngay sau ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động đó.

#### **Điều 48. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán PVI Re sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. PVI Re lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của PVI Re.
3. PVI Re sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp PVI Re có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

#### **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. PVI Re lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. PVI Re công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của PVI Re.
3. PVI Re lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

##### **Điều 50. Báo cáo thường niên**

PVI Re lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

##### **Điều 51. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của PVI Re cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của PVI Re.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của PVI Re được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của PVI Re.



## **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 52. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của PVI Re, chi nhánh, văn phòng đại diện của PVI Re (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 53. Giải thể Công ty**

1. PVI Re có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể PVI Re trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 54. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của PVI Re hoặc sau khi có quyết định giải thể PVI Re, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của PVI Re hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được PVI Re ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của PVI Re.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt PVI Re trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý PVI Re trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a) Các chi phí thanh lý;
  - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c) Nợ thuế;
  - d) Các khoản nợ khác của PVI Re;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **IX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của PVI Re, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:



a) Cổ đông với PVI Re;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, hai bên cố gắng đạt được quyết định hòa giải hoặc thống nhất chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 56. Điều lệ Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của PVI Re chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của PVI Re.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 57. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI Re nhất trí thông qua ngày 28 tháng 05 năm 2021 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên PVI Re năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của PVI Re.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của PVI Re.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ PVI Re có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Anh Tuấn**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Vũ Văn Thắng**

## **PHỤ LỤC THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

*(Đính kèm và là bộ phận không thể tách rời của Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021)*

Thông tin về cổ đông sáng lập của PVI Re như sau:

1. Họ và tên: Công ty cổ phần PVI
2. Địa chỉ: Tòa nhà PVI, Lô VP2, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
3. Số lượng cổ phần tại thời điểm lập Điều lệ này: 53.226.825 cổ phần (Năm mươi ba triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi lăm cổ phần).
4. Loại cổ phần sở hữu: Cổ phần phổ thông
5. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng một cổ phần).

Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000, Luật sửa đổi, bổ sung số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung số 42/2019/QH14 ngày 14/06/2019;

Căn cứ Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI số 86 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013 và giấy phép điều chỉnh số 86 GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/9/2018;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re);

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022 của PVI Re,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 với một số chỉ tiêu chính như sau:

**1.1. Kết quả kinh doanh năm 2021:**

- Tổng doanh thu đạt **2.027** tỷ đồng, hoàn thành 114,6% kế hoạch; trong đó doanh thu từ phí nhận TBH đạt 1.630 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch.
- Tổng chi phí là **1.844** tỷ đồng, tương đương 115,4% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế đạt **182,6** tỷ đồng, hoàn thành 107% kế hoạch. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 54,5 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch; lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính đạt 127,7 tỷ đồng, hoàn thành 110% kế hoạch và tăng trưởng 2,6% so với cùng kỳ.
- Tổng vốn đầu tư tài chính bình quân năm 2021 đạt 1.834 tỷ đồng, tăng 162 tỷ đồng so với năm 2020.



## 1.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Đơn vị: tỷ đồng

	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	% so với KH2021	% so với TH2021
Tổng tài sản	4.726	5.028,2	5.141	109%	102%
Vốn chủ sở hữu	942	894,8	912	97%	102%
Vốn điều lệ	728	728,0	728	100%	100%
Tổng doanh thu	1.769	2.026,6	2.140	121%	106%
Tổng chi phí	1.598	1.844,0	1.970	123%	107%
Lợi nhuận trước thuế	170	182,6	170	100%	93%
Lợi nhuận sau thuế	136	145,7	136	100%	93%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	16%	14%	88%	88%

Giao cho Hội đồng quản trị (HDQT) PVI Re thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2022 nếu kế hoạch tăng vốn được thực hiện thành công và báo cáo tại kỳ ĐHCĐ gần nhất.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.841.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2021; phương hướng, kế hoạch hoạt động của HDQT năm 2022 với một số nội dung chính như sau:

### 2.1. Kết quả hoạt động của HDQT năm 2021:

- Tổ chức các cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.
- Chỉ đạo hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2021 cũng như đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức là 16%. Đã hoàn thành chi trả tạm ứng cổ tức năm 2021 vào tháng 12 năm 2021 với tỷ lệ 9%.
- Chỉ đạo công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ.
- Chỉ đạo hoạt động đầu tư tài chính hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác quản trị công ty.
- Chỉ đạo thành công trong việc bảo vệ duy trì xếp hạng tín nhiệm mức B++ (Tốt).
- Chỉ đạo công tác quan hệ cổ đông.

### 2.2. Kế hoạch hoạt động của HDQT năm 2022:

- Chỉ đạo PVI Re hoàn thành kế hoạch năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:
  - + Tổng doanh thu : 2.140 tỷ đồng;
  - + Tổng chi phí : 1.970 tỷ đồng;
  - + Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : 170 tỷ đồng;
  - + Tỷ lệ chi trả cổ tức : 14%
- Chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các giải pháp, chiến lược kinh doanh theo sát diễn biến thị trường nhằm mục tiêu tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh để tăng trưởng lợi nhuận.

- Tăng cường công tác quản trị, giám sát. Phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch làm việc tới từng thành viên HĐQT. Xây dựng hệ thống Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro.
- Chỉ đạo công tác rà soát, đánh giá và quy hoạch cán bộ.
- Chỉ đạo triển khai thành công tăng vốn điều lệ PVI Re lên 1044 tỷ đồng.
- Hoàn thành đề án đổi tên công ty.
- Tối đa hóa hiệu quả quản lý dòng tiền, tăng tỷ lệ góp vốn vào các Quỹ do PVI AM quản lý và / hoặc chủ động phối hợp với đơn vị tư vấn PVI AM để chuyển đổi nguồn vốn nhàn rỗi thành các khoản đầu tư ngoài tiền gửi có tỷ suất sinh lời cao hơn nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Xây dựng hệ thống Công nghệ thông tin hiện đại để thuận tiện cho việc quản trị hệ thống.

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.841.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với một số chỉ tiêu chính như sau:

*Đơn vị: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020
1	Tổng tài sản	5.028.167.867.787	4.527.243.532.906
2	Vốn chủ sở hữu	894.842.199.645	942.753.541.406
3	Doanh thu thuần hoạt động KD bảo hiểm	850.981.543.380	772.728.971.929
4	Doanh thu hoạt động tài chính	154.876.564.617	147.838.451.550
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	182.599.385.261	181.621.550.427
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	145.780.678.146	146.758.719.483

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.841.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 4:** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 với một số chỉ tiêu chính như sau:

**4.1. Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2021:**

*Đơn vị: đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	170.219.000.000	182.599.385.260
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.043.800.000	36.818.707.115
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	136.175.200.000	145.780.678.145
4	Trích quỹ dự trữ bắt buộc	5%LNST được chia	7.412.254.338

5	Lãi CLTG cuối kỳ không được phân phối		2.931.876.586
6	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối (6) = (3) - (4) - (5)		135.436.547.221
7	Trích Quỹ Phúc lợi	1% LNST	1% LNST tương đương 1.457.806.781
8	Trích Quỹ Khen thưởng	6% LNST	3% LNST tương đương 4.373.420.344
9	Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1% LNST	1% LNST tương đương 1.457.806.781
10	Tỷ lệ chi trả cổ tức (trên vốn điều lệ)	16%	116.480.000.000
11	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2021		11.667.513.314
12	Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối sau điều chỉnh KTNN		39.127.751.034
13	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối		50.795.264.348

(\*) Bao gồm trích bổ sung tăng thêm chi phí lương năm 2021 số tiền 228.176.490 VND tương ứng với 30% lợi nhuận năm 2020 tăng thêm sau điều chỉnh của Kiểm toán nhà nước.

#### 4.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	170,1 tỷ đồng
2	Chi phí thuế Thu nhập hiện hành	Theo quy định hiện hành
3	Trích Quỹ dự trữ bắt buộc	5% LNST được chia
4	Trả cổ tức	14% trên vốn điều lệ 728 tỷ đồng (**)
5	Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	0,3% LNST
6	Trích Quỹ phúc lợi	1% LNST
7	Trích Quỹ khen thưởng	3% LNST

(\*\*): kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 nhằm gia tăng lợi nhuận để lại để tái đầu tư và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.840.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,999% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 5:** Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2022 của PVI Re là công ty được lựa chọn kiểm toán cho Báo cáo hợp nhất của Công ty Cổ phần PVI.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.841.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 6:** Thông qua Báo cáo chi trả thù lao năm 2021 và dự toán thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị PVI Re với một số nội dung chính như sau:

##### 6.1. Thù lao/tiền lương của HĐQT PVI Re năm 2021:

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 người bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 Thành viên HĐQT kiêm nhiệm.

- Tổng thù lao/tiền lương đã chi của thành viên HĐQT (bao gồm tiền lương của Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc) năm 2021 như sau: 4.935.461.976 VNĐ (thấp hơn kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt là 5.320.500.000 VNĐ).
- Trong năm 2021, thành viên HĐQT được nhận thêm lương bổ sung hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2020 (đã hạch toán chi phí trong năm 2020): 2.445.591.476 VNĐ.

**6.2. Kế hoạch thù lao/tiền lương của HĐQT năm 2022:**

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 người, trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT và 04 Thành viên HĐQT kiêm nhiệm.
- Kế hoạch thù lao/tiền lương của Thành viên HĐQT (bao gồm tiền lương của Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc) năm 2022 là: 4.740.000.000 đồng.
- Kế hoạch thù lao/tiền lương trên chưa bao gồm lương bổ sung/thưởng hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2022.
- Mức thù lao của thành viên kiêm nhiệm năm 2022:
 

+ Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	: 20.000.000 đồng/người/tháng
+ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	: 10.000.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	: 5.000.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên độc lập HĐQT kiêm nhiệm	: 10.000.000 đồng/người/tháng

Trường hợp có sự thay đổi về số lượng và/hoặc thù lao/tiền lương và các lợi ích khác của các chức danh thành viên HĐQT chuyên trách và kiêm nhiệm theo Quyết định điều chỉnh của cấp có thẩm quyền thì ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT PVI Re thông qua điều chỉnh quỹ thù lao/tiền lương và các lợi ích khác tương ứng.

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.840.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,999% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 7:** Thông qua Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT.

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.841.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 8:** Thông qua Tờ trình về việc điều chỉnh nội dung phương án tăng vốn điều lệ của PVI Re đã được thông qua tại Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Điều 3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021. (Tờ trình được đính kèm).

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.841.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 9:** Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT PVI Re nhiệm kỳ 2022 – 2027:



Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với Ông Vũ Văn Thắng, Ông Trịnh Anh Tuấn, Ông Nguyễn Anh Tuấn và bầu bổ sung thay thế ba (03) thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027.

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.841.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 10:** Thông qua Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027.

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.841.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 11:** Thông qua Tờ trình về việc bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT PVI Re nhiệm kỳ 2022 – 2027.

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.841.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

ĐHĐCĐ đã tiến hành bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 với kết quả như sau:

TT	Họ và tên	Số cổ phiếu biểu quyết tán thành	Tỷ lệ	Kết quả
1	Ông Nguyễn Phúc Anh	70.830.425 cp	99,985%	Trúng cử
2	Ông Dương Thanh Danh Francois	70.841.552 cp	100,001%	Trúng cử
3	Ông Phùng Tuấn Kiên	70.851.566 cp	100,014%	Trúng cử

**Điều 12:** Thông qua Tờ trình về việc mở rộng nội dung hoạt động của Công ty: Mở rộng nội dung hoạt động của Công ty thêm Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (bao gồm tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm).

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là 70.841.181 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 13:** Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của PVI Re thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/06/2022. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 13;
- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, HĐQT, 5

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA   
  
VŨ VĂN THẮNG

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

### TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh nội dung phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã được thông qua tại Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Điều 3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021

### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

*Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021;*

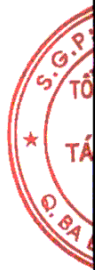
*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021;*

Phương án tăng vốn điều lệ của PVI Re bằng hình thức chào bán đầu giá cổ phiếu ra công chúng đã được thông qua tại Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021.

Xét tới bối cảnh thị trường cũng như để triển khai phương án tăng vốn điều lệ nhanh chóng và hiệu quả, bổ sung nguồn vốn nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị PVI Re (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua việc điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ của PVI Re theo đúng quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn đi kèm, cụ thể như sau:

### PHẦN 1: PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

- |  |   |
|--|---|
| 1. Tổ chức phát hành:                    | Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re)                  |
| 2. Tên cổ phần chào bán:                 | Cổ phần Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI                   |
| 3. Mã chứng khoán:                       | PRE   |
| 4. Loại cổ phần:                         | Cổ phần phổ thông   |
| 5. Mệnh giá cổ phần:                     | 10.000 đồng/cổ phần   |
| 6. Vốn điều lệ hiện tại:                 | 728.000.000.000 VND (bằng chữ: bảy trăm hai mươi tám tỷ đồng)   |
| 7. Số lượng cổ phần chào bán:            | 31.600.000 (bằng chữ: ba mươi một triệu sáu trăm nghìn) cổ phần |
| 8. Số vốn điều lệ dự kiến huy động thêm: | 316.000.000.000 VND (bằng chữ: ba trăm mười                     |



- sáu tỷ đồng) (theo mệnh giá)
9. Số vốn điều lệ mới sau khi tăng: 1.044.000.000.000 VND (bằng chữ: một nghìn không trăm bốn mươi tư tỷ đồng)
10. Hình thức chào bán: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu
11. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
12. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng một (01) lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa các bên.
13. Tỷ lệ phân bổ quyền: 182:79. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 182 quyền mua được mua 79 cổ phiếu phát hành thêm. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị.
- Ví dụ: Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, cổ đông A đang sở hữu 1.000 cổ phiếu, quyền mua sẽ được phân phối như sau: Cổ đông A sẽ được quyền mua  $(1.000 \times 79) / 182 = 434,07$  cổ phiếu. Số cổ phiếu được mua được làm tròn thành 434 cổ phiếu.
14. Giá chào bán: 20.000 đồng/cổ phiếu.
15. Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được phân phối hết: Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn số cổ phiếu cổ đông được mua xuống hàng đơn vị và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết: ĐHCĐ giao cho HĐQT chào bán số cổ phần đó theo mức giá chào bán quy định cho các cổ đông hiện hữu (đã đăng ký mua theo thông báo ban đầu) theo đúng tỷ lệ số cổ phiếu đã đăng ký mua của cổ đông đó trên tổng số lượng cổ phần đã được đăng ký theo thông báo ban đầu.
- Sau đợt chào bán trên, đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết, ĐHCĐ giao cho HĐQT xác định tiêu chí và lựa chọn chào bán cho các nhà đầu tư khác

(bao gồm các cổ đông hiện hữu) với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu).

Việc xử lý cổ phiếu không phân phối hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

16. Miễn trừ chào mua công khai:

Cổ đông thực hiện quyền mua mới theo tỷ lệ phân bổ quyền, không phải thực hiện chào mua công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán 2019. Trong trường hợp việc chuyển nhượng quyền mua dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư hoặc cổ đông nhận chuyển nhượng vượt quá các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư hoặc cổ đông nhận chuyển nhượng không phải thực hiện việc chào mua công khai và được mua số cổ phần tương ứng với số quyền mua thuộc sở hữu và/hoặc đã nhận chuyển nhượng.

Nhà đầu tư khi thực hiện mua số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không phân phối hết sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai kể cả khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán 2019.

17. Hạn chế chuyển nhượng

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng;

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt

chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

14. Thời gian dự kiến chào bán: Trong năm 2022, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán và trong vòng 06 tháng kể từ khi được Bộ Tài chính chấp thuận nguyên tắc về phương án tăng vốn điều lệ.  
Giao cho HĐQT PVI Re quyết định thời gian cụ thể.
15. Pha loãng cổ phần sau khi chào bán: Do tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành nên các rủi ro pha loãng có thể xảy ra gồm (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần, (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần, (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu trong trường hợp cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua
18. Sửa đổi Điều lệ Công ty: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều lệ Công ty có liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần của Công ty theo quy mô vốn điều lệ thực tế mới sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phần và ĐHCĐ giao cho HĐQT triển khai thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
19. Quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài: Hiện tại tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa của công ty là 100% nên phương án chào bán luôn đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định.
20. Đăng ký niêm yết và lưu ký bổ sung: Toàn bộ số cổ phần chào bán thêm theo Phương Án Chào Bán này sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại HNX và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

## PHẦN 2: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

Thực hiện thành công phương án tăng vốn trên, PVI Re sẽ có tiềm lực để tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh tiềm năng, hiệu quả và nòng cốt bao gồm mở rộng khả năng khai thác dịch vụ, nâng cao mức giữ lại. Vốn điều lệ tăng sẽ giúp PVI Re thực hiện các kế hoạch mục tiêu như sau:

- Với mức giá chào bán là 20.000 đồng, tổng số vốn dự kiến sẽ huy động được là 632 tỷ đồng. Nguồn vốn từ vốn điều lệ tăng thêm, thặng dư vốn cổ phần và các quỹ dự phòng nghiệp vụ sẽ được sử dụng để đầu tư tài chính trong giới hạn cho phép của Bộ Tài chính với tiêu chí an toàn và hiệu quả cao;
- Tăng cường khả năng tài chính của PVI Re nhằm thu hút dịch vụ nhận TBH trong và ngoài nước. Đồng thời nâng cao mức giữ lại các dịch vụ có hiệu quả;
- Phát triển hơn nữa kinh doanh TBH các nghiệp vụ bán lẻ.

Kế hoạch kinh doanh 5 năm 2022-2026 nếu tăng vốn thành công được xây dựng chi tiết dựa trên giả định cơ bản về thời gian hoàn thành tăng vốn vào cuối năm 2022, trước ngày 01/01/2023, nếu không PVI Re sẽ xây dựng lại kế hoạch 5 năm 2022-2026.

1.1. Hoạt động kinh doanh TBH:

Doanh thu phí nhận TBH kế hoạch cả giai đoạn đạt 12.140 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 15%.

Đơn vị: tỷ đồng

	2022	2023	2024	2025	2026
Doanh thu phí nhận TBH	1,740	2,200	2,435	2,722	3,043
Phí giữ lại	709	858	974	1,102	1,248

- Phí nhận TBH duy trì mức tăng trưởng cao và tương đối ổn định qua các năm.
- Phí giữ lại kế hoạch cả giai đoạn đạt 4.891 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân 5 năm là 15%, với tỷ lệ giữ lại bình quân 5 năm đạt khoảng 40%.

1.2. Hoạt động đầu tư tài chính:

Sau tăng vốn thành công, vốn đầu tư tài chính của công ty được tăng thêm đáng kể. Các phương án đầu tư được tính toán, phát triển theo hướng linh hoạt, hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn và tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước.

Giả định về cơ cấu đầu tư tương ứng với quy mô vốn và tỷ suất lợi nhuận như sau:

Quy mô vốn đầu tư năm	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
	1,968	2,510	2,701	2,980	3,328
Loại hình đầu tư					
Tiền gửi	60%	60%	61%	62%	63%
Đầu tư dài hạn khác	12%	17%	18%	19%	20%
Đầu tư vào các quỹ	28%	23%	21%	19%	17%
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
Lợi nhuận đầu tư tài chính	120	160	186	209	242
<b>Tỷ suất lợi nhuận bình quân</b>	<b>6.1%</b>	<b>6.4%</b>	<b>6.9%</b>	<b>7.0%</b>	<b>7.3%</b>

1.3. Kế hoạch chi trả cổ tức:

Kế hoạch chi trả cổ tức giai đoạn 5 năm 2022-2026 trong điều kiện công ty tăng vốn thành công như sau:

Năm	2022	2023	2024	2025	2026
Tỷ lệ chi trả cổ tức	14.0%	14.0%	16.0%	16.0%	16.0%

Tỷ lệ chi trả cổ tức đạt 14-16%/năm là mức tương đối cao so với các công ty bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường. Điều này sẽ giúp cổ phiếu của PVI Re trở nên hấp dẫn và thu hút đối với các nhà đầu tư lớn tiềm năng.

### PHẦN 3: GIAO CHO HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Giao cho HĐQT:

- Xây dựng Phương Án Chào Bán chi tiết và phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết như dự kiến.
- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp sao cho có lợi nhất cho cổ đông và cho Công ty.
- Triển khai và quyết định chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích chào bán, đảm bảo lợi ích của cổ đông, tuân thủ quy định của pháp luật và thực hiện các thủ tục báo cáo sử dụng vốn theo quy định.
- Điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn (bao gồm kế hoạch kinh doanh sau tăng vốn) nếu xét thấy cần thiết tùy tình hình thực tế của doanh nghiệp tại từng thời điểm và báo cáo lại ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.
- Bổ sung, hoàn chỉnh các vấn đề, nội dung của Phương Án Chào Bán nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên nguyên tắc bảo đảm lợi ích tổng thể của Công ty, các cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên quan đến thay đổi mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần của Tổng công ty trong Điều lệ Công ty theo kết quả thực tế của đợt chào bán.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai và hoàn tất việc chào bán cổ phiếu theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan hay phát sinh mà HĐQT nhận thấy là cần thiết để hoàn thành các nội dung công việc được giao.
- Trong các trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được phép giao lại cho Tổng giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

#### 2. Giao cho Tổng giám đốc:

- Thực hiện nộp các hồ sơ cần thiết và thủ tục xin phép các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung Tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội để thực hiện Phương Án Chào Bán.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký bổ sung chứng khoán tại VSD và đăng ký thay đổi niêm yết tại HNX theo kết quả của đợt chào bán.

Kính trình./.



Vũ Văn Thắng

Số: 01/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

**I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY:**

1. Tên công ty: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re)
2. Giấy phép Thành lập và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI số 86 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/9/2018;

**II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI:**

1. Thời gian: 9h00 – 11h00 ngày 24 tháng 06 năm 2022
2. Địa điểm: Phòng họp Tầng 26, Tòa nhà PVI – số 1 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy, Hà Nội.

**III. THÀNH PHẦN THAM DỰ:**

- Đại diện của Công ty cổ phần PVI (PVI Holdings):
  - + Bà Hà Lan – Trưởng Ban Kiểm soát PVI Holdings
  - + Ông Phùng Tuấn Kiên – Phó Tổng giám đốc PVI Holdings
- Đại diện của Công ty cổ phần Quản lý quỹ PVI (PVI AM):
  - + Ông Trịnh Quốc Bình – Tổng giám đốc (PVI AM)
- PVI Re: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành.
- Số người tham dự Đại hội là 16 người, đại diện cho 25 cổ đông tham dự trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, đại diện số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là 70.841.181 cổ phần, chiếm 97,3% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của PVI Re (số liệu tính đến thời điểm biểu quyết).

**IV. PHÂN KHAI MẠC:**

1. Để Đại hội tiến hành đúng quy định, Bà Nguyễn Minh Tâm – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội: tại thời điểm 9h00 phút ngày 24/06/2022, Số người tham dự Đại hội là 15 người, đại diện cho 24 cổ đông tham dự trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, đại diện số cổ phần sở hữu và được ủy quyền là 70.840.181 cổ phần, chiếm 97,3% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của PVI Re tham dự Đại hội.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của PVI Re, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 đủ điều kiện tiến hành.

2. Bà Nguyễn Minh Tâm – Trưởng Ban Tổng hợp – Đầu tư (THĐT) đã trình bày Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của PVI Re.



Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

3. ĐHĐCĐ đã bầu Đoàn Chủ tịch gồm:

- Ông Vũ Văn Thắng: Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT) PVI Re – Chủ tọa Đại hội
- Ông Trịnh Anh Tuấn: Thành viên HDQT - Tổng giám đốc PVI Re

Thành phần Đoàn Chủ tịch được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

4. ĐHĐCĐ đã bầu Ban Thư ký gồm:

- Bà Nguyễn Minh Tâm: Trưởng Ban THĐT – Trưởng ban
- Ông Lê Thành Đức: Chuyên viên Ban THĐT – Thành viên

Thành phần Ban Thư ký được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

5. Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội:

Ông Vũ Văn Thắng – Chủ tọa ĐHĐCĐ thông báo chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, cụ thể:

- 5.1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022;
- 5.2. Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2021; Phương hướng, kế hoạch hoạt động của HDQT năm 2022;
- 5.3. Tờ trình về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021;
- 5.4. Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022;
- 5.5. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;
- 5.6. Tờ trình về việc chi trả thù lao năm 2021 và dự toán thù lao năm 2022 của HDQT;
- 5.7. Báo cáo của thành viên độc lập HDQT;
- 5.8. Tờ trình điều chỉnh nội dung phương án tăng vốn điều lệ của PVI Re đã được thông qua tại Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Điều 3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021;
- 5.9. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế thành viên HDQT PVI Re;
  - 5.9.1. Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử thành viên HDQT PVI Re;
  - 5.9.2. Tờ trình về việc bầu bổ sung thay thế thành viên HDQT PVI Re;
- 5.10. Tờ trình về việc mở rộng nội dung hoạt động của Công ty;
- 5.11. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Chương trình được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

6. ĐHĐCĐ đã bầu Ban Kiểm phiếu gồm:

- |  |            |              |
|--|------------|--------------|
| Ông Ngô Thanh Hải – Kế toán trưởng:            | Trưởng ban | : Trưởng ban |
| Ông Đỗ Văn Linh – Chuyên viên Ban Kinh doanh 1 |            | : Thành viên |

Ông Vũ Thế Truyền – Chuyên viên Ban THĐT : Thành viên

Thành phần Ban Kiểm phiếu được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

## V. NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH:

1. Ông Trịnh Anh Tuấn - Tổng Giám đốc PVI Re trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022 (*chi tiết Báo cáo được đính kèm*), cụ thể:

### 1.1. Kết quả kinh doanh năm 2021:

- Tổng doanh thu đạt **2.027** tỷ đồng, hoàn thành 114,6% kế hoạch; trong đó doanh thu từ phí nhận TBH đạt 1.630 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch.
- Tổng chi phí là **1.844** tỷ đồng, tương đương 115,4% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế đạt **182,6** tỷ đồng, hoàn thành 107% kế hoạch. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 54,5 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch; lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính đạt 127,7 tỷ đồng, hoàn thành 110% kế hoạch và tăng trưởng 2,6% so với cùng kỳ.
- Tổng vốn đầu tư tài chính bình quân năm 2021 đạt 1.834 tỷ đồng, tăng 162 tỷ đồng so với năm 2020.

### 1.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Đơn vị: tỷ đồng

	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	% so với KH2021	% so với TH2021
Tổng tài sản	4.726	5.028,2	5.141	109%	102%
Vốn chủ sở hữu	942	894,8	912	97%	102%
Vốn điều lệ	728	728,0	728	100%	100%
Tổng doanh thu	1.769	2.026,6	2.140	121%	106%
Tổng chi phí	1.598	1.844,0	1.970	123%	107%
Lợi nhuận trước thuế	170	182,6	170	100%	93%
Lợi nhuận sau thuế	136	145,7	136	100%	93%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	16%	14%	88%	88%

Giao cho HĐQT PVI Re thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2022 nếu kế hoạch tăng vốn được thực hiện thành công và báo cáo tại kỳ ĐHĐCĐ gần nhất.

2. Ông Trịnh Anh Tuấn - Tổng Giám đốc PVI Re trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021; Phương hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022 (*chi tiết Báo cáo được đính kèm*) với một số nội dung chính như sau:

### 2.1. **Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021:**

- Tổ chức các cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.
- Chỉ đạo hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2021 cũng như đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức là 16%. Đã hoàn thành chi trả tạm ứng cổ tức năm 2021 vào tháng 12 năm 2021 với tỷ lệ 9%.
- Chỉ đạo công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ.
- Chỉ đạo hoạt động đầu tư tài chính hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác quản trị công ty.
- Chỉ đạo thành công trong việc bảo vệ duy trì xếp hạng tín nhiệm mức B++ (Tốt).
- Chỉ đạo công tác quan hệ cổ đông.

### 2.2. **Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022:**

- Chỉ đạo PVI Re hoàn thành kế hoạch năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:
  - + Tổng doanh thu : 2.140 tỷ đồng;
  - + Tổng chi phí : 1.970 tỷ đồng;
  - + Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : 170 tỷ đồng;
  - + Tỷ lệ chi trả cổ tức : 14%
- Chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các giải pháp, chiến lược kinh doanh theo sát diễn biến thị trường nhằm mục tiêu tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh để tăng trưởng lợi nhuận.
- Tăng cường công tác quản trị, giám sát. Phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch làm việc tới từng thành viên HĐQT. Xây dựng hệ thống Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro.
- Chỉ đạo công tác rà soát, đánh giá và quy hoạch cán bộ.
- Chỉ đạo triển khai thành công tăng vốn điều lệ PVI Re lên 1044 tỷ đồng.
- Hoàn thành đề án đổi tên công ty.
- Tối đa hóa hiệu quả quản lý dòng tiền, tăng tỷ lệ góp vốn vào các Quỹ do PVI AM quản lý và / hoặc chủ động phối hợp với đơn vị tư vấn PVI AM để chuyển đổi nguồn vốn nhàn rỗi thành các khoản đầu tư ngoài tiền gửi có tỷ suất sinh lời cao hơn nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Xây dựng hệ thống Công nghệ thông tin hiện đại để thuận tiện cho việc quản trị hệ thống.

3. Ông Ngô Thanh Hải – Kế toán trưởng PVI Re trình bày Tờ trình về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 (*chi tiết Báo cáo được đính kèm*) với một số nội dung chính như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020
1	Tổng tài sản	5.028.167.867.787	4.527.243.532.906
2	Vốn chủ sở hữu	894.842.199.645	942.753.541.406
3	Doanh thu thuần hoạt động KD bảo hiểm	850.981.543.380	772.728.971.929

4	Doanh thu hoạt động tài chính	154.876.564.617	147.838.451.550
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	182.599.385.261	181.621.550.427
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	145.780.678.146	146.758.719.483

4. Ông Ngô Thanh Hải – Kế toán trưởng PVI Re trình bày Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 (chi tiết Tờ trình được đính kèm), với một số nội dung chính như sau:

**4.1. Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2021:**

*Đơn vị: đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	170.219.000.000	182.599.385.260
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.043.800.000	36.818.707.115
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	136.175.200.000	145.780.678.145
4	Trích quỹ dự trữ bắt buộc	5%LNST được chia	7.412.254.338
5	Lãi CLTG cuối kỳ không được phân phối		2.931.876.586
6	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối (6) = (3) – (4) – (5)		135.436.547.221
7	Trích Quỹ Phúc lợi	1% LNST	1% LNST tương đương 1.457.806.781
8	Trích Quỹ Khen thưởng	6% LNST	3% LNST tương đương 4.373.420.344
9	Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1% LNST	1% LNST tương đương 1.457.806.781
10	Tỷ lệ chi trả cổ tức (trên vốn điều lệ)	16%	116.480.000.000
11	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2021		11.667.513.314
12	Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối sau điều chỉnh KTNN		39.127.751.034
13	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối		50.795.264.348

(\*) Bao gồm trích bổ sung tăng thêm chi phí lương năm 2021 số tiền 228.176.490 VNĐ tương ứng với 30% lợi nhuận năm 2020 tăng thêm sau điều chỉnh của Kiểm toán nhà nước.

**4.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:**

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	170,1 tỷ đồng
2	Chi phí thuế Thu nhập hiện hành	Theo quy định hiện hành
3	Trích Quỹ dự trữ bắt buộc	5% LNST được chia
4	Trả cổ tức	14% trên vốn điều lệ 728 tỷ đồng (**)
5	Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	0,3% LNST
6	Trích Quỹ phúc lợi	1% LNST
7	Trích Quỹ khen thưởng	3% LNST

(\*\*): kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 nhằm gia tăng lợi nhuận để lại để tái đầu tư và tối ưu

hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

5. Ông Ngô Thanh Hải – Kế toán trưởng PVI Re trình bày Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2022 (*chi tiết Tờ trình được đính kèm*), theo đó trình ĐHCĐ lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2022 của PVI Re là công ty được lựa chọn kiểm toán cho Báo cáo hợp nhất của Công ty Cổ phần PVI.
  6. Ông Ngô Thanh Hải – Kế toán trưởng PVI Re trình bày Báo cáo chi trả thù lao năm 2021 và dự toán thù lao năm 2022 của HĐQT PVI Re (*chi tiết Báo cáo được đính kèm*), với một số nội dung chính như sau:
    - 6.1. **Thù lao/tiền lương của HĐQT PVI Re năm 2021:**
      - Số lượng thành viên HĐQT: 05 người bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách và 04 Thành viên HĐQT kiêm nhiệm.
      - Tổng thù lao/tiền lương đã chi của thành viên HĐQT (bao gồm tiền lương của Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc) năm 2021 như sau: 4.935.461.976 VNĐ (thấp hơn kế hoạch đã được ĐHCĐ phê duyệt là 5.320.500.000 VNĐ).
      - Trong năm 2021, thành viên HĐQT được nhận thêm lương bổ sung hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2020 (đã hạch toán chi phí trong năm 2020): 2.445.591.476 VNĐ.
    - 6.2. **Kế hoạch thù lao/tiền lương của HĐQT năm 2022:**
      - Số lượng thành viên HĐQT: 05 người, trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT và 04 Thành viên HĐQT kiêm nhiệm.
      - Kế hoạch thù lao/tiền lương của Thành viên HĐQT (bao gồm tiền lương của Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc) năm 2022 là: 4.740.000.000 đồng.
      - Kế hoạch thù lao/tiền lương trên chưa bao gồm lương bổ sung/thưởng hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2022.
      - Mức thù lao của thành viên kiêm nhiệm năm 2022:

+ Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	: 20.000.000 đồng/người/tháng
+ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	: 10.000.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	: 5.000.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên độc lập HĐQT kiêm nhiệm	: 10.000.000 đồng/người/tháng
- Trường hợp có sự thay đổi về số lượng và/hoặc thù lao/tiền lương và các lợi ích khác của các chức danh thành viên HĐQT chuyên trách và kiêm nhiệm theo Quyết định điều chỉnh của cấp có thẩm quyền thì ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT PVI Re thông qua điều chỉnh quỹ thù lao/tiền lương và các lợi ích khác tương ứng.
7. Ông Trịnh Văn Lượng – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị PVI Re trình bày Báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị (*chi tiết Báo cáo được đính kèm*).
  8. Ông Trịnh Anh Tuấn – Tổng Giám đốc trình bày Tờ trình về việc điều chỉnh nội dung phương án tăng vốn điều lệ của PVI Re đã được thông qua tại Điều 7 Nghị quyết

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Điều 3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 (*chi tiết Tờ trình được đính kèm*).

9. Bà Nguyễn Minh Tâm – Trưởng Ban THĐT trình bày Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT PVI Re (*chi tiết Tờ trình được đính kèm*).

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Vũ Văn Thắng, Ông Trịnh Anh Tuấn và Ông Nguyễn Anh Tuấn và bầu bổ sung thay thế ba (03) thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027.

- 9.1. Bà Nguyễn Minh Tâm – Trưởng Ban THĐT trình bày Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị PVI Re nhiệm kỳ 2022 – 2027 (*chi tiết Báo cáo được đính kèm*).

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội Báo cáo kết quả đề cử, ứng cử bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị PVI Re nhiệm kỳ 2022 – 2027.

- 9.2. Bà Nguyễn Minh Tâm – Trưởng Ban THĐT trình bày Tờ trình về việc bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị PVI Re nhiệm kỳ 2022 – 2027 (*chi tiết Tờ trình được đính kèm*).

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội việc bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 theo danh sách đề cử như sau:

TT	Họ và tên	Cổ đông/nhóm cổ đông đề cử
1	Ông Nguyễn Phúc Anh	Nhóm cổ đông ông Nguyễn Phúc Anh đại diện
2	Ông Dương Thanh Danh Francois	Công ty Cổ phần PVI
3	Ông Ông Phùng Tuấn Kiên	Công ty Cổ phần PVI

10. Ông Trịnh Anh Tuấn – Tổng Giám đốc trình bày Tờ trình về việc mở rộng nội dung hoạt động của Công ty (*chi tiết Tờ trình được đính kèm*): Mở rộng nội dung hoạt động của Công ty thêm Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (bao gồm tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm).

## VI. THẢO LUẬN:

Các cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ đã tiến hành thảo luận các nội dung vừa được trình tại ĐHĐCĐ.

## VII. TIẾN HÀNH BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ

Ông Ngô Thanh Hải, Kế toán trưởng – Trưởng Ban kiểm phiếu trình bày Quy chế bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 của PVI Re.

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội Quy chế bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 của PVI Re.

Sau đó, Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết và bầu cử.

## VIII. KẾT QUẢ BẦU CỬ:

1. Ông Ngô Thanh Hải - Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết các nội dung được trình bày tại Đại hội như sau:

Tổng số Phiếu phát ra: 20 phiếu, đại diện cho **70.841.181** cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số Phiếu thu về: 20 phiếu, đại diện cho **70.841.181** cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó:

*Số phiếu hợp lệ: 20 phiếu đại diện cho 70.841.181 cổ phần có quyền biểu quyết*

*Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu đại diện cho 0 cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung	Tổng số cổ phần và tỷ lệ biểu quyết		
	Đồng ý (%, cổ phần)	Không đồng ý (%, cổ phần)	Không có ý kiến (%, cổ phần)
1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2022	100%	0%	0%
	70.841.181 cp	0 cp	0 cp
2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021; Phương hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022	100%	0%	0%
	70.841.181 cp	0 cp	0 cp
3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021	100%	0%	0%
	70.841.181 cp	0 cp	0 cp
4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022	99,999%	0%	0,001%
	70.841.081 cp	0 cp	1.000 cp
5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	100%	0%	0%
	70.841.181 cp	0 cp	0 cp
6. Thông qua việc chi trả thù lao năm 2021 và dự toán thù lao năm 2022 của HĐQT	99,999%	0%	0,001%
	70.840.181 cp	0 cp	1.000 cp
7. Thông qua Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT	100%	0%	0%
	70.841.181 cp	0 cp	0 cp

8. Thông qua Tờ trình điều chỉnh nội dung phương án tăng vốn điều lệ của PVI Re đã được thông qua tại Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Điều 3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021	100%	0%	0%
	70.841.181 cp	0 cp	0 cp
9. Thông qua Tờ trình về việc mở rộng nội dung hoạt động của Công ty	100%	0%	0%
	70.841.181 cp	0 cp	0 cp

Như vậy 09 nội dung trên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

2. Ông Ngô Thanh Hải - Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố kết quả bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT PVI Re nhiệm kỳ 2022 – 2027 như sau:

TT	Họ và tên	Số CP biểu quyết tán thành	Tỷ lệ	Kết quả
1	Ông Nguyễn Phúc Anh	70.830.425 cp	99,985%	Trúng cử
2	Ông Dương Thanh Danh Francois	70.841.552 cp	100,001%	Trúng cử
3	Ông Phùng Tuấn Kiên	70.851.566 cp	100,014%	Trúng cử

## IX. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI:

Bà Nguyễn Minh Tâm – Trưởng Ban Thư ký ĐHĐCĐ trình bày Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Biên bản và Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự ĐHĐCĐ.

*Đại hội bế mạc hồi 11h00 cùng ngày./.*

**TM. BAN THƯ KÝ**  
**TRƯỞNG BAN**

**NGUYỄN MINH TÂM**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA**



**VŨ VĂN THẮNG**

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- Các TV HĐQT;
- Lưu VT, HĐQT, 3.



Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

## BÁO CÁO

### Kết quả kinh doanh năm 2021 Kế hoạch kinh doanh năm 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### PHẦN 1: TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

##### I. Kết quả kinh doanh năm 2021

So với kết hoạch kinh doanh 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kết quả kinh doanh năm 2021 đã đạt được như sau:

- Tổng doanh thu đạt **2.027** tỷ đồng, hoàn thành 114,6% kế hoạch; trong đó doanh thu từ phí nhận TBH đạt 1.630 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch.
- Tổng chi phí là **1.844** tỷ đồng, tương đương 115,4% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế đạt **182,6** tỷ đồng, hoàn thành 107% kế hoạch. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 54,5 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch; lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính đạt 127,7 tỷ đồng, hoàn thành 110% kế hoạch và tăng trưởng 2,6% so với cùng kỳ.



**Bảng 1: Thực hiện các chỉ tiêu chính**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	% so với kế hoạch	Thực hiện năm 2020	% so với cùng kỳ
<b>I</b>	<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>2,026.6</b>	<b>1,768.6</b>	<b>114.6%</b>	<b>1,894.6</b>	<b>107.0%</b>
	Doanh thu phí nhận TBH	1,630.1	1,377.5	118.3%	1,481.7	110.0%
	Thu hoa hồng nhượng TBH	222.4	246.2	90.4%	251.7	88.4%
	Doanh thu khác từ HĐBH	18.7	13.6	137.7%	13.3	140.5%
	Doanh thu hoạt động tài chính	154.9	131.3	118.0%	147.8	104.8%
	Doanh thu khác	0.4	0.0		0.0	0.0%
<b>II</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ</b>	<b>1,844.0</b>	<b>1,598.4</b>	<b>115.4%</b>	<b>1,713.0</b>	<b>107.6%</b>
	Phí nhượng TBH	972.7	857.3	113.5%	975.0	99.8%
	Chi trả bồi thường thuộc TNGL	199.6	154.2	129.5%	191.2	104.4%
	Trích lập dự phòng nghiệp vụ	115.4	91.4	126.3%	51.4	224.6%
	+ Dự phòng bồi thường	40.5	68.7	59.0%	40.2	100.9%
	+ Dự phòng phí	47.6	6.8	695.0%	-1.0	-4805.5%
	+ Dự phòng IBRN	7.5	0.2	4381.8%	-3.0	-249.6%
	+ Dự phòng DDL	19.7	15.6	126.4%	15.2	129.7%
	Hoa hồng nhận TBH	414.7	393.7	105.4%	381.8	108.6%
	Chi khác HĐKD bảo hiểm	75.3	52.7	142.9%	56.0	134.5%
	Chi phí quản lý	39.1	34.0	115.0%	34.2	114.1%
	Chi phí hoạt động tài chính	27.2	15.2	178.9%	23.3	116.3%
	Chi phí khác	0.0	-		0.0	
<b>III</b>	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>182.6</b>	<b>170.2</b>	<b>107.3%</b>	<b>181.6</b>	<b>100.5%</b>
	Lợi nhuận kinh doanh bảo hiểm	54.9	54.1	101.4%	57.1	96.1%
	Lợi nhuận đầu tư tài chính	127.7	116.1	110.0%	124.5	102.6%
	<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>145.8</b>	<b>136.2</b>	<b>107.1%</b>	<b>146.8</b>	<b>99.3%</b>
	<b>Tỷ lệ kết hợp</b>	<b>91.3%</b>	<b>89.7%</b>		<b>89.0%</b>	
	Tỷ lệ bồi thường	42.5%	45.3%		46.7%	
	Tỷ lệ chi phí	48.8%	44.4%		42.3%	
	Tỷ lệ CL hoa hồng+ Chi khác	42.6%	38.0%		35.7%	
	Tỷ lệ CPQL	6.2%	6.4%		6.6%	

### Về phí nhận TBH

Năm 2021, PVIRE tiếp tục bám sát kế hoạch doanh thu phí nhận TBH và các chính sách khai thác nhận/nhượng hiện hành. Cơ cấu, tỷ trọng doanh thu nhận TBH theo nguồn đã được dịch chuyển đúng hướng.

Đối với nguồn nhận từ PVI Ins, PVIRE tiếp tục tập trung tối đa hóa hiệu quả thu xếp. Phí nhận TBH đạt 909 tỷ đồng, hoàn thành 116,5% kế hoạch.

Đối với nguồn nhận từ trong nước, ngay từ đầu năm 2021, PVIRE đã tập trung đẩy mạnh nhận TBH từ thị trường trong nước theo đúng định hướng đã đề ra. Kết quả năm 2021, phí nhận thực tế phát sinh đạt 495 tỷ đồng, hoàn thành 104% kế hoạch.

Với nguồn nhận nước ngoài, doanh thu phí nhận đạt 253 tỷ đồng. Trong năm ghi nhận sự tăng trưởng đột phá từ thị trường Lào, Campuchia với doanh thu ghi nhận hơn 60 tỷ, tăng gấp 3 lần so với năm 2020.

Tỷ trọng doanh thu phí nhận nguồn từ PVI Ins giảm so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi đó tỷ trọng doanh thu phí nhận khai thác từ nguồn trong nước và nước ngoài tăng so với năm 2020, theo đúng định hướng mà Ban Lãnh đạo đã đề ra.

### Về hoạt động đầu tư tài chính,

Tổng vốn đầu tư tài chính bình quân năm 2021 đạt 1.834 tỷ đồng, tăng 162 tỷ đồng so với năm 2020.

Tỷ trọng lợi nhuận ĐTTC trên tổng lợi nhuận trước thuế đạt 70%.

**Bảng 2: Hoạt động đầu tư tài chính**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch lũy kế	Thực hiện Lũy kế	% so với KH lũy kế	Lũy kế cùng kỳ 2020	% so với cùng kỳ
Doanh thu tài chính	131.3	154.9	118%	147.8	105%
Chi phí tài chính	15.2	27.2	179%	23.3	116%
<b>Lợi nhuận HĐTC</b>	<b>116.1</b>	<b>127.7</b>	<b>110%</b>	<b>124.5</b>	<b>103%</b>

Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính đạt 127,7 tỷ, hoàn thành 110% so với kế hoạch đề ra. Kết quả đạt được trên là do:

- Trong điều kiện lãi suất tiền gửi chung của thị trường giảm mạnh, hoạt động đầu tư tài chính của công ty đã có sự chuyển dịch đáng kể cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng tăng hiệu quả vẫn đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định chung toàn hệ thống.
- Tích cực thu đòi công nợ nhanh chóng, tối đa hóa hiệu quả dòng tiền của công ty, nâng cao hiệu quả đầu tư.

## II. Các thành tựu nổi bật trong năm 2021

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2021 với lợi nhuận trước thuế đạt 182,6 tỷ bằng 107% kế hoạch. Cả lợi nhuận hoạt động kinh doanh TBH và hoạt động đầu tư tài chính đều hoàn thành vượt mức kế hoạch. Cổ phiếu PRE được thị trường ghi nhận tốt.
- Công tác nhận TBH trong nước tiếp tục tăng trưởng và phát triển theo đúng định hướng, đạt hiệu quả cao. Đặc biệt trong điều kiện dịch bệnh kéo dài và phức tạp, hoạt động kinh doanh thị trường phía Nam vẫn hoàn thành kế hoạch và đạt mức tăng trưởng 13% so với năm trước.
- Ghi nhận sự tăng trưởng đột phá trong công tác kinh doanh tại thị trường Lào,

Campuchia với doanh thu tăng cao gấp 3 lần năm 2020.

- Đa dạng hóa sản phẩm khai thác. Ngoài các sản phẩm truyền thống như tài sản, kỹ thuật, trong năm 2021 ghi nhận sự tăng trưởng các sản phẩm bán lẻ.
- Hỗ trợ tích cực cho khách hàng trong công tác quản lý và giải quyết các bồi thường lớn, phức tạp.
- Đầu tư tài chính hiệu quả với sự chuyển dịch đáng kể cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng tăng hiệu quả vẫn đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định chung toàn hệ thống.
- Hoạt động thu đòi công nợ TBH nói chung và công nợ bồi thường nói riêng được đẩy mạnh, theo sát thường xuyên, liên tục, giúp giảm thiểu công nợ quá hạn, tăng dòng tiền hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính.
- Công nghệ thông tin tiếp tục là đòn bẩy giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, giảm thiểu khối lượng công việc, tăng năng suất lao động. Các ứng dụng phần mềm điện tử được triển khai không chỉ trong nội bộ công ty mà còn hợp tác, kết nối với nhiều khách hàng bên ngoài.
- Chuỗi hoạt động kỷ niệm 10 năm thành lập PVIRE được khách hàng đánh giá cao.

## **PHẦN 2: KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022**

### **I. Kế hoạch kinh doanh năm 2022**

- Kế hoạch kinh doanh 2022 được xây dựng dựa trên cơ sở vốn điều lệ của công ty không thay đổi ở mức 728 tỷ đồng.
- Kế hoạch năm 2022, tổng doanh thu kế hoạch đạt 2.140 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 170 tỷ đồng.
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 50 tỷ đồng.
- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính đạt 120 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 là 14% trên vốn điều lệ 728 tỷ đồng.
- Hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 1044 tỷ đồng.
- Hoàn thành dự án đổi tên công ty thành Hanoi Re.

## II. Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	% so với KH2021	% so với TH2021
Tổng tài sản	4,726	5,028.2	5,141	109%	102%
Vốn chủ sở hữu	942	894.8	912	97%	102%
Vốn điều lệ	728	728.0	728	100%	100%
Tổng doanh thu	1,769	2,026.6	2,140	121%	106%
Tổng chi phí	1,598	1,844.0	1,970	123%	107%
Lợi nhuận trước thuế	170	182.6	170	100%	93%
Lợi nhuận sau thuế	136	145.8	136	100%	93%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	16%	14%	88%	88%

## III. Các giải pháp thực hiện:

### Giải pháp về kinh doanh:

- Về sản phẩm bảo hiểm:
  - + Tập trung vào hiệu quả các dịch vụ nhận TBH tạm thời
  - + Phát triển các sản phẩm phi truyền thống như mảng nghiệp vụ bán lẻ.
  - + Tìm kiếm thêm năng lực tái chuyển tiếp.
  - + Đổi mới trong việc xây dựng và thu xếp nhượng TBH các nghiệp vụ đặc thù.
- Về thị trường:
  - + Việt Nam, Lào, Campuchia vẫn là những thị trường kinh doanh chính. Xây dựng các HĐCĐ và định hình hình ảnh của PVIRE tại các thị trường láng giềng Lào, Campuchia
  - + Tìm kiếm cơ hội ở những nước đang phát triển: Thái Lan, Myanmar, Pakistan...
  - + Tiếp tục thận trọng trong việc nhận TBH nước ngoài, đặc biệt các chương trình nhận TBH các hợp đồng cố định
- Về bồi thường:
  - + Đẩy mạnh công tác quản lý, phối hợp kiểm soát bồi thường
  - + Coi trọng tốc độ chi trả bồi thường cho các đối tác nhằm tăng uy tín của công ty trên thị trường.
- Về hoạt động đầu tư tài chính:
  - + Tiếp tục tăng tốc độ thu hồi công nợ để tăng dòng tiền phục vụ công tác đầu tư tài chính
  - + Tiếp tục đa dạng hóa danh mục đầu tư tài chính. Duy trì tỷ trọng đầu tư tiền gửi ngân hàng ở mức 60%
  - + Phấn đấu tỷ lệ lợi nhuận ĐTTC chiếm hơn 70% tổng lợi nhuận trước thuế

### **Giải pháp về nhân sự:**

- Tuyển dụng thêm 2-3 cán bộ có chuyên môn cao
- Yêu cầu cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn chức danh
- Kiện toàn, bổ sung và nâng cao năng lực đội ngũ lãnh đạo công ty.
- Tăng cường đào tạo, cử cán bộ đào tạo tại nước ngoài khi có điều kiện
- Phân đầu thu nhập bình quân tăng 15%

### **Giải pháp về quản trị:**

- Hoàn thiện phương án tăng vốn điều lệ và triển khai sớm các thủ tục theo quy định, cố gắng tận dụng được thời cơ thuận lợi của thị trường.
- Triển khai hiệu quả công tác Kiểm soát nội bộ
- Hoàn thành các chương trình ERM, IFRS 17 theo đúng tiến độ yêu cầu

### **Giải pháp về công nghệ thông tin**

- Tiếp tục phát triển hệ thống kết nối điện tử với các đối tác trong và ngoài nước.
- Triển khai các dự án công nghệ, phần mềm (Phần mềm theo dõi thu nhập, Thuế TNCN, ứng dụng tích hợp các chức năng quản trị khác...)
- Hoàn thiện từ điển nghiệp vụ kinh doanh
- Xây dựng bổ sung một số báo cáo nghiệp vụ: Bồi thường, kinh doanh, kế hoạch, tài chính kế toán...

**IV. Giao cho HĐQT thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 điều chỉnh:** Tổng giám đốc kính trình ĐHĐCĐ thông qua giao cho HĐQT PVI Re thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2022 nếu kế hoạch tăng vốn được thực hiện thành công và báo cáo tại kỳ ĐHĐCĐ gần nhất.

Kính báo cáo./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Trịnh Anh Tuấn*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
TÁI BẢO HIỂM PVI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021**  
**PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 kéo dài tiếp tục gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế, thể hiện ở tình trạng giãn cách xã hội diện rộng gây ra đứt gãy chuỗi cung ứng, gián đoạn kinh doanh và mặt bằng lãi suất vẫn duy trì ở mức thấp. Đây cũng là năm chứng kiến kỷ lục về thảm họa thiên nhiên trên toàn cầu. Các Công ty Bảo hiểm/Tái bảo hiểm tiếp tục đối mặt với nhiều vụ bồi thường lớn do thiên tai như các cơn bão mùa đông ở Hoa Kỳ (Uri, Ida) gây thiệt hại bảo hiểm khoảng 45 tỷ USD, lũ lụt và lũ quét tàn phá ở Châu Âu gây thiệt hại bảo hiểm trên 11 tỷ USD. Ngành Bảo hiểm/Tái bảo hiểm thế giới ước phải chi trả bồi thường năm 2021 có thể vượt quá 100 tỷ USD cho các tổn thất thiên tai, mức thiệt hại trung bình thực tế lớn nhất trong vòng một thập kỷ qua.

Tại thị trường bảo hiểm Việt Nam, các tổn thất do nhân tai và thiên tai đều có diễn biến phức tạp. Năm 2021 ghi nhận hàng loạt vụ cháy lớn liên quan đến các nhà máy thiết bị điện tử thuộc nhóm FDI hoặc cơ sở sản xuất thuộc các doanh nghiệp vừa và nhỏ, gây thiệt hại hơn 500 tỷ đồng cho các Công ty Bảo hiểm, trong đó chưa bao gồm thiệt hại từ các vụ tổn thất thân tàu hay tổn thất nhà máy điện có công suất lớn. Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả và việc thu xếp Tái bảo hiểm của rất nhiều công ty.

Mặc dù hoạt động của PVI Re phải đối mặt với nhiều thách thức từ thị trường và các nguyên nhân khách quan, nhưng với sự hỗ trợ ủng hộ của các Cổ đông lớn đặc biệt là Cổ đông PVI Holdings và các khách hàng, đối tác, Hội đồng quản trị (HĐQT) PVI Re đã chủ động đưa ra các chiến lược và giải pháp, sát sao định hướng hoạt động của Ban điều hành và đã thực hiện thành công Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao.

Năm 2021, HĐQT PVI Re cũng đã kiện toàn thành viên HĐQT, phân công nhiệm vụ rõ ràng và sát sao định hướng toàn bộ công tác kinh doanh cũng như quản lý của PVI Re. Do đó Công ty luôn triển khai nghiêm túc và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao.

## **I. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021:**

### **1. Công tác định hướng chỉ đạo hoạt động của Công ty:**

#### **1.1. Tổ chức các cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn:**

Trong năm 2021, HĐQT PVI Re đã tổ chức thành công 01 kỳ họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021, 01 kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và 01 lần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; Tổ chức 06 phiên họp HĐQT và đã ban hành 38 Nghị quyết để chỉ đạo và điều hành các hoạt động của PVI Re trong thẩm quyền.

Kiện toàn HĐQT: Thực hiện điều chỉnh số lượng thành viên HĐQT PVI Re từ 07 thành viên xuống 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên là thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán; Thực hiện miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế các thành viên HĐQT, hoàn thiện quy định phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT.

#### **1.2. Chỉ đạo hoàn thành kế hoạch kinh doanh:**

Trên cơ sở rà soát kế hoạch kinh doanh năm 2021 với những chỉ tiêu chính được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua như sau:

- Tổng doanh thu : 1.768,6 tỷ đồng;
- Tổng chi phí : 1.598,4 tỷ đồng;
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : 170,2 tỷ đồng;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức : 16%.

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm 2021, HĐQT PVI Re đã chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao như sau:

- Tổng doanh thu đạt 2.027 tỷ đồng, tương đương 114,6% so với kế hoạch;
- Tổng chi phí là 1.844 tỷ đồng, tương đương 115,4% so với kế hoạch;
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 182,6 tỷ đồng, tương đương 107% kế hoạch;
- Đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức là 16%, đã hoàn thành chi trả tạm ứng cổ tức năm 2021 vào tháng 12 năm 2021 với tỷ lệ 9%, dự kiến chi trả 7% sau khi họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

#### **1.3. Chỉ đạo công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ:**

HĐQT đã thông qua và ra Nghị quyết về việc điều chỉnh cơ cấu Phòng thành Ban và chuyển đổi các chức danh Lãnh đạo theo cơ cấu tổ chức mới kể từ ngày 04/06/2021; Nghị quyết về việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT và ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán kể từ ngày 28/06/2021; bổ nhiệm lại Tổng giám đốc PVI Re kể từ ngày 20/07/2021; bổ nhiệm lại 02 Phó Tổng giám đốc PVI Re kể từ ngày 25/08/2021.

*Handwritten signature*



#### **1.4. Hoạt động đầu tư tài chính hiệu quả**

Tổng vốn đầu tư tài chính bình quân năm 2021 đạt 1.834 tỷ đồng, tăng 162 tỷ đồng so với năm 2020. Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính đạt 127,7 tỷ đồng, hoàn thành 110% so với kế hoạch đề ra. Tỷ trọng Lợi nhuận đầu tư tài chính trên Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 70%.

Trong năm 2021, PVI Re ghi nhận sự chuyển đổi về cơ cấu danh mục đầu tư: tăng 170 tỷ góp vốn Quỹ PIF, tăng thêm 121,2 tỷ đầu tư trái phiếu (theo hình thức ủy thác đầu tư). Cơ cấu đầu tư tiền gửi ngân hàng giảm từ 77% (năm 2020) xuống còn 65%.

#### **1.5. Công tác quản trị công ty:**

Ngày 24/12/2020, Cổ phiếu PVI Re (PRE) chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 20.000 đồng/cổ phiếu. Trong năm 2021, tổng khối lượng cổ phiếu PRE giao dịch đạt trên 5,8 triệu cổ phiếu. Khối lượng giao dịch trung bình trong ngày đạt gần 25,000 cổ phiếu.

#### **1.6. Xếp hạng tín nhiệm quốc tế của A.M. Best:**

Trong kỳ đánh giá 2021, xếp hạng năng lực tài chính (FSR) của PVI Re đạt mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của tổ chức phát hành (ICR) đạt mức “bbb” (theo kết quả đánh giá của AM Best).

#### **1.7. Công tác quan hệ cổ đông:**

Là doanh nghiệp đại chúng và niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, PVI Re luôn minh bạch và tuân thủ các quy định về công bố thông tin. Các thủ tục chốt danh sách cổ đông và chốt quyền của cổ đông cũng được chú trọng và thực hiện theo đúng các quy định, không để xảy ra sai sót hay khiếu nại từ phía cổ đông. PVI Re cũng duy trì kênh thông tin và tổ chức hội nghị nhà đầu tư thường niên để giải đáp các thắc mắc, câu hỏi của các cổ đông và nhà đầu tư một cách kịp thời.

#### **2. Công tác giám sát Ban điều hành và các cán bộ quản lý:**

Theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, HĐQT đã thực hiện giám sát việc điều hành của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty trong năm 2021:

- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tham dự các cuộc họp giao ban của Tổng giám đốc, các thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý;
- Kịp thời chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành xử lý các vấn đề tồn tại trong công tác nhân sự;
- Theo sát hoạt động kinh doanh của Công ty, ký các văn bản, xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc trình;

- Về công tác đầu tư, HĐQT đã sát sao chỉ đạo Ban điều hành theo dõi các biến động của thị trường để lên các phương án đầu tư đảm bảo hiệu quả, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp luật cũng như đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty.

## II. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Phân công nhiệm vụ
1	Ông Vũ Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về hoạt động của HĐQT, các công tác quản trị doanh nghiệp, trao đổi, đối thoại và làm việc với cổ đông.</li> <li>- Chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT của PVI Re.</li> <li>- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ PVI Re.</li> <li>- Thực hiện công việc của Thành viên Ban đại diện quỹ POF và quỹ PIF.</li> <li>- Phụ trách công tác chiến lược kế hoạch, thù lao và bổ nhiệm.</li> </ul>
2	Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm điều hành Công ty theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của PVI Re.</li> </ul>
3	Ông Trịnh Văn Lượng	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chịu trách nhiệm rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và giám sát kiểm toán nội bộ của Công ty.</li> <li>- Chịu trách nhiệm thực hiện chức năng giám sát và kiểm soát việc quản lý, điều hành Công ty.</li> <li>- Chịu trách nhiệm giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của</li> </ul>

			<p>Công ty và tham mưu cho HĐQT về công tác tài chính kế toán theo chuẩn mực quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;</li> <li>- Lập các báo cáo kiểm soát về tình hình hoạt động của PVI Re cho HĐQT PVI Re.</li> </ul>
4	Ông Trần Duy Cường	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT về công tác tuân thủ, quản trị rủi ro; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của HĐQT.</li> <li>- Chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT về công tác tài chính kế toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và công tác tài chính kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế.</li> <li>- Là người đại diện giám sát của cổ đông PVI.</li> </ul>
5	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT về phát triển hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm trong nước và hoạt động đầu tư.</li> </ul>

Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực, tích cực hoạt động theo nhiệm vụ được phân công và tham mưu cho HĐQT trước khi ban hành các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Các thành viên tham dự họp hoặc ủy quyền tham dự họp đầy đủ cũng như tham gia biểu quyết lấy ý kiến tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết và quyết định của HĐQT đều đạt sự nhất trí và đồng thuận cao của các thành viên HĐQT đảm bảo đúng định hướng, chiến lược đã đề ra.

### III. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT:

Việc chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị được trình bày chi tiết trong Tờ trình ĐHĐCĐ về việc chi trả thù lao thành viên HĐQT năm 2021 và dự toán

thù lao thành viên HĐQT năm 2022. Các chi phí hoạt động, giao dịch, công tác phí... của HĐQT trong năm qua được thực hiện theo đúng quy định của PVI Re.

#### IV. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022:

1. Chỉ đạo PVI Re hoàn thành kế hoạch năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau (kế hoạch xây dựng trên giả định vốn điều lệ 728 tỷ đồng):
  - Tổng doanh thu : 2.140 tỷ đồng;
  - Tổng chi phí : 1.970 tỷ đồng;
  - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : 170 tỷ đồng;
  - Tỷ lệ chi trả cổ tức : 14%
2. Chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các giải pháp, chiến lược kinh doanh theo sát diễn biến thị trường nhằm mục tiêu tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh để tăng trưởng lợi nhuận.
3. Tăng cường công tác quản trị, giám sát. Phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch làm việc tới từng thành viên HĐQT. Xây dựng hệ thống Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro.
4. Chỉ đạo công tác rà soát, đánh giá và quy hoạch cán bộ.
5. Chỉ đạo triển khai thành công tăng vốn điều lệ PVI Re lên 1044 tỷ đồng.
6. Hoàn thành đề án đổi tên công ty
7. Tối đa hóa hiệu quả quản lý dòng tiền, tăng tỷ lệ góp vốn vào các Quỹ do PVI AM quản lý và / hoặc chủ động phối hợp với đơn vị tư vấn PVI AM để chuyển đổi nguồn vốn nhàn rỗi thành các khoản đầu tư ngoài tiền gửi có tỷ suất sinh lời cao hơn nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.
8. Xây dựng hệ thống Công nghệ thông tin hiện đại để thuận tiện cho việc quản trị hệ thống.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Thăng

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua Báo cáo tài chính cho năm 2021**  
**đã được kiểm toán của PVI Re**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính cho năm 2021 của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán như sau:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán viên;
2. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo Tài chính cho năm 2021 của PVI Re như dưới đây:

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020
1	Tổng tài sản	5.028.167.867.787	4.527.243.532.906
2	Vốn chủ sở hữu	894.842.199.645	942.753.541.406
3	Doanh thu thuần hoạt động KD bảo hiểm	850.981.543.380	772.728.971.929
4	Doanh thu hoạt động tài chính	154.876.564.617	147.838.451.550
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	182.599.385.261	181.621.550.427
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	145.780.678.146	146.758.719.483

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Thăng

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

**TỜ TRÌNH****Về việc Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021  
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re);

Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên PVI Re năm 2021;

Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

**1. Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2021:**

Đơn vị: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	170,219,000,000	182,599,385,260
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	34,043,800,000	36,818,707,115
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	136,175,200,000	145,780,678,145
4	Trích quỹ dự trữ bắt buộc	5% LNST được chia	7,412,254,338
5	Lãi CLTG cuối kỳ không được phân phối		2,931,876,586
6	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối (6) = (3) - (4) - (5)		135,436,547,221
7	Trích Quỹ Phúc lợi	1% LNST	1% LNST tương đương 1,457,806,781
8	Trích Quỹ Khen thưởng	6% LNST	3% LNST tương đương 4,373,420,344
9	Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1% LNST	1% LNST tương đương 1,457,806,781
10	Tỷ lệ chi trả cổ tức (trên vốn điều lệ)	16%	116,480,000,000
11	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2021		11,667,513,314
12	Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối sau điều chỉnh KTNN		39,127,751,034
13	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối		50,795,264,348

(\*) Bao gồm trích bổ sung tăng thêm chi phí lương năm 2021 số tiền 228.176.490 VNĐ tương ứng với 30% lợi nhuận năm 2020 tăng thêm sau điều chỉnh của Kiểm toán nhà nước.

**Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:**

<b>TT</b>	<b>Chi tiêu</b>	<b>Giá trị</b>
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	170,1 tỷ đồng
2	Chi phí thuế Thu nhập hiện hành	Theo quy định hiện hành
3	Trích Quỹ dự trữ bắt buộc	5% LNST được chia
4	Trả cổ tức	14% trên vốn điều lệ 728 tỷ đồng (**)
5	Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	0,3% LNST
6	Trích Quỹ phúc lợi	1% LNST
7	Trích Quỹ khen thưởng	3% LNST

(\*\*): kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 nhằm gia tăng lợi nhuận để lại để tái đầu tư và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Vũ Văn Thắng*

*mm*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
TÁI BẢO HIỂM PVI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập  
để kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2022**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ năng lực các Công ty kiểm toán được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán Báo cáo Tài chính các Công ty đại chúng và Công ty niêm yết;

HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) xem xét phê duyệt phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2022 của PVI Re là công ty được lựa chọn kiểm toán cho Báo cáo hợp nhất của Công ty Cổ phần PVI.

Việc lựa chọn này dựa trên cơ sở năng lực của Công ty kiểm toán đã được Công ty cổ phần PVI thẩm định thông qua, vừa tạo thuận lợi cho việc hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần PVI.

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Vũ Văn Thắng*



Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

**TỜ TRÌNH****VỀ VIỆC BÁO CÁO CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2021 VÀ DỰ TOÁN THÙ LAO NĂM 2022  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PVI Re**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Giấy phép kinh doanh số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 1/10/2013 và Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re);

Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên PVI Re năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PVI Re ngày 29/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI về việc bầu Chủ tịch HĐQT PVI Re;

Căn cứ Công văn số 2016/BTC-QLBH ngày 02/03/2021 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận Ông Vũ Văn Thắng giữ chức Chủ tịch HĐQT PVI Re;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-PVIRE ngày 28/03/2021 về việc lương thưởng và các chế độ đối với Chủ tịch HĐQT;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-PVIRE ngày 31/03/2022 về việc lương thưởng và các chế độ đối với Chủ tịch HĐQT;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

**1. Báo cáo Thù lao/tiền lương của Hội đồng quản trị (HĐQT) PVI Re năm 2021:**

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 người bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách và 04 Thành viên HĐQT kiêm nhiệm.
- Tổng thù lao/tiền lương đã chi của thành viên HĐQT (bao gồm tiền lương của Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc) năm 2021 như sau: 4.935.461.976 VNĐ (thấp hơn kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt là 5.320.500.000 VNĐ).
- Trong năm 2021, thành viên HĐQT được nhận thêm lương bổ sung hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2020 (đã hạch toán chi phí trong năm 2020): 2.445.591.476 VNĐ.



*Amn*

## 2. Kế hoạch thù lao/tiền lương của HĐQT PVI Re năm 2022:

Số lượng thành viên HĐQT: 05 người, trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT và 04 Thành viên HĐQT kiêm nhiệm.

- Kế hoạch thù lao/tiền lương của Thành viên HĐQT (bao gồm tiền lương của Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc) năm 2022 là: **4.740.000.000** đồng.

Kế hoạch thù lao/tiền lương trên chưa bao gồm lương bổ sung/thưởng hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2022.

- Mức thù lao của thành viên kiêm nhiệm năm 2022:

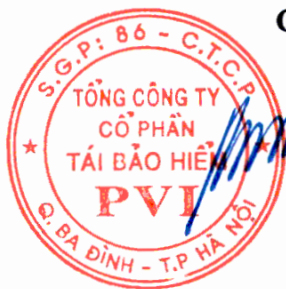
+ Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	: 20.000.000 đồng/người/tháng
+ Phó Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	: 10.000.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	: 5.000.000 đồng/người/tháng
+ Thành viên độc lập HĐQT kiêm nhiệm	: 10.000.000 đồng/người/tháng

## 3. Các quy định khác:

Trường hợp có sự thay đổi về số lượng và/hoặc thù lao/tiền lương và các lợi ích khác của các chức danh thành viên HĐQT chuyên trách và kiêm nhiệm theo Quyết định điều chỉnh của cấp có thẩm quyền thì ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT PVI Re thông qua điều chỉnh quỹ thù lao/tiền lương và các lợi ích khác tương ứng.

Kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hằng

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP**  
**Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thành viên HĐQT độc lập – Chủ nhiệm UBKT xin báo cáo kết quả công tác kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVIRE) năm 2021 như sau:

**Phần I. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập:****1. Thành viên HĐQT độc lập – Chủ nhiệm UBKT và thù lao, chi phí:**

- Do Ông Nguyễn Anh Vũ - Thành viên HĐQT độc lập duy nhất tại PVIRE không còn đáp ứng tiêu chuẩn làm Thành viên HĐQT độc lập tại PVIRE theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 nên tại ĐHCĐ năm 2021 được tổ chức ngày 28 tháng 5 năm 2021 đã được bầu thay thế bởi ông Trịnh Văn Lượng làm thành viên HĐQT độc lập – Chủ nhiệm UBKT.
- Thành viên HĐQT độc lập -CN UBKT tại PVIRE hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ công ty. Thành viên HĐQT độc lập - UBKT tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVIRE thông các hoạt động của HĐQT, Ban TGD, các số liệu báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, sổ sách kế toán, các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán nội bộ, giám sát quá trình khắc phục kiến nghị và kiểm tra một số tài liệu liên quan.
- Thù lao của thành viên HĐQT độc lập – CNUBKT từ 1/6/2021 là 10 trđ/tháng. trong năm không phát sinh chi phí hoạt động khác của các thành viên HĐQT độc lập trên cơ sở nghị quyết của ĐHCĐ.

**2. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập:**

- Các nội dung hoạt động của TV HĐQT độc lập – CN UBKT trong năm bao gồm:
  - + Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban TGD
  - + Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
  - + Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình KD, báo cáo tài chính năm và quý, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
  - + Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và một số tài liệu khác của công ty.
  - + Rà soát và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty thông qua giám sát việc sửa đổi và hoàn

thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVIRE và việc ban hành các văn bản điều hành hoạt động kinh doanh.

## **Phần II. Kết quả kiểm tra giám sát:**

### **1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành của HĐQT và Ban TGD:**

- HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng Điều lệ của PVIRE, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT PVIRE, cụ thể :
  - ⇒ PVI Re đã tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 vào ngày 29/01/2021. ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 đã bầu bổ sung Ông Vũ Văn Thắng làm thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023. Ông Vũ Văn Thắng sau đó được HĐQT bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT và được BTC chấp thuận ngày 02/03/2021.
  - ⇒ PVI Re đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua các nội dung báo cáo định kỳ hàng năm và nhiều nội dung quan trọng khác gồm: Phương án tăng vốn; Chủ trương tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại PVI Re lên mức 100% vốn điều lệ; Điều lệ PVI Re; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản lý; Điều chỉnh số lượng thành viên HĐQT PVI Re từ 07 thành viên xuống 05 thành viên; Miễn nhiệm và bầu bổ sung các thành viên HĐQT. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch tái bảo hiểm và các hoạt động phụ trợ bảo hiểm/tái BH giữa PVI Re và Bảo hiểm PVI; Chấp thuận chủ trương giao dịch giữa PVI Re với Công ty cổ phần PVI (PVI) và các công ty có liên quan của PVI.
  - ⇒ Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 06 phiên họp HĐQT theo quý và giải quyết các công việc phát sinh Các phiên họp của HĐQT cũng thường xuyên có sự tham gia của toàn bộ các thành viên Ban TGD, Ủy ban Kiểm toán để cùng nắm bắt được tình hình cũng như đưa ra các ý kiến đóng góp để HĐQT cân nhắc, xem xét trước khi đưa ra Nghị quyết, Quyết định. HĐQT đã ban hành 38 Nghị quyết HĐQT để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo và giám sát các hoạt động của công ty.
  - ⇒ HĐQT đã chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban TGD trong công tác hoàn thiện mô hình quản trị DN, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các Quy chế, Quy định nội bộ. Trong quá trình thực hiện, Ban TGD đã tuân thủ đầy đủ các quy định tại điều lệ công ty và các Nghị quyết của HĐQT.

### **2. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của PVI Re :**

#### **1.1. Về thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2021 và so sánh với năm 2020:**

##### **- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2021**

Tổng doanh thu từ các hoạt động đạt 2.026,6 tỷ đồng, cao hơn 15% so với kế hoạch năm 2021; trong đó doanh thu từ nhận tái BH chiếm khoảng 80% và đạt 118% so với kế hoạch 2021. Lợi nhuận sau thuế 145,7 tỷ đồng, bằng 107% so với kế hoạch năm 2021 với Lợi nhuận thuần kinh doanh BH là 54,4 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch và Lợi nhuận từ hoạt động tài chính là 127,7 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch.

## **- Về kết quả hoạt động kinh doanh so với năm 2020**

PVI Re vẫn tập trung cơ cấu doanh thu chủ yếu từ các nghiệp vụ kỹ thuật, tài sản. Doanh thu phí bảo hiểm thuần tăng 102,1 tỷ đồng, tương ứng với 20% năm 2020, trong khi Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm giảm 9% dẫn đến Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng 78,2 tỷ, tương ứng 10% thực hiện năm 2020

Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng 76 tỷ đồng tương ứng với 11% năm 2020 chủ yếu từ Chi phí hoa hồng bảo hiểm tăng 32,8 tỷ; chi phí khác tăng 19,3 tỷ.

So với năm 2020, lợi nhuận sau thuế năm 2021 thấp hơn 978 triệu đồng, giảm nhẹ 1% mặc dù Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2021 tăng 579 triệu đồng. Chi phí thuế TNDN năm 2021 tăng 1,9 tỷ tương ứng 6% so với cùng kỳ.

### **1.2. Kết quả thẩm định báo cáo Tài chính, tình hình tài chính của PVI RE**

Thành viên HĐQT độc lập đánh giá PVIRE đã thực hiện việc tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán theo đúng các quy định. Sổ sách kế toán được ghi chép một cách kịp thời, phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động KD.

Thành viên HĐQT độc lập xác nhận Báo cáo tài chính của PVIRE năm 2021 được lập vào ngày 14/2/2022 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định về kế toán có liên quan tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của PVIRE năm 2021 cũng đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

### **Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính của PVI Re**

- Tổng tài sản của Công ty đến cuối năm 2021 là 5,028.1 tỷ đồng, tăng 500.9 tỷ đồng so với cuối năm 2020, tương đương mức tăng 11%, trong đó, Tài sản ngắn hạn tăng 348 tỷ đồng và Tài sản dài hạn tăng 152,9 tỷ đồng. Cụ thể:
  - + Tài sản tái bảo hiểm tăng 329.7 tỷ đồng so với cuối năm 2020 chủ yếu từ tăng Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm tăng 317.7 tỷ đồng, tương đương tăng 20% so với thời điểm 31/12/2020.
  - + Tiền và tương đương tiền giảm 16.6 tỷ đồng, thay vào đó Công ty cũng tăng hoạt động đầu tư ngắn hạn vào các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn, dẫn đến Đầu tư ngắn hạn cuối năm 2021 tăng 44.6 tỷ đồng.
  - + Số dư công nợ phải thu ngắn hạn cuối năm 2021 được cải thiện, giảm 14,8 tỷ so với cuối năm 2020, đồng thời Dự phòng phải thu ngắn hạn cũng giảm 15% chủ yếu do giảm công nợ quá hạn khách hàng trong nước.
  - + Khoản đầu tư dài hạn tăng 154.3 tỷ chủ yếu từ tăng khoản đầu tư vào Quỹ đầu tư hạ tầng PVI 170 tỷ đồng
- Tổng nợ phải trả năm 2021 trên BCTC 4,133.3 tỷ đồng đều là nợ ngắn hạn, tăng 548.8 tỷ đồng, tương đương 15% so với năm 2020. Cụ thể:
  - + Tăng dự phòng nghiệp vụ 445 tỷ đồng từ Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm tăng 365.7 tỷ đồng, Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm tăng 59.6 tỷ đồng và Dự phòng dao động lớn tăng 19.7 tỷ đồng

+ Phải trả người bán tăng 99.1 tỷ đồng, tương đương mức tăng 19% nguyên nhân do tăng khoản phải trả Tổng Công ty bảo hiểm PVI 159 tỷ đồng so với cuối năm 2020

- Về một số chỉ tiêu tài chính:

+ Tỷ lệ tổn thất năm 2021 là 42.5%, giảm 4.2% so với năm 2020, tỷ lệ kết hợp tăng 2.3% lên 91.3%.

+ Tỷ lệ Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) giảm nhẹ 0.4% từ 16.3% xuống còn 15.9%; Tỷ lệ lợi nhuận hoạt động tài chính/Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 13.9% không biến động đáng kể so với năm 2020

### **3. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Bộ TC, Kiểm toán nội bộ**

Năm 2021 Ban KTNB PVI làm việc với PVI Re vào thời điểm từ 1/3 đến tháng 5/2021, làm việc với KTNN thông qua chương trình kiểm toán PVI. Kết quả kiểm tra không phát sinh các sai sót trọng yếu. Các kiến nghị của KTNB và KTNN đã được PVI Re khắc phục và giải trình hợp lý.

### **4. Đánh giá về hệ thống KSNB và Quản lý Rủi ro :**

PVI Re đã phối hợp với Ban TT&QTRR PVI trong dự án ERM. Kết quả dự án được HĐQT PVI phê duyệt, công tác QTRR sẽ được PVI hỗ trợ cho PVI Re. Hiện tại PVI Re vẫn đang tiếp tục phối hợp với PVI trong việc đánh giá các rủi ro và đang trong giai đoạn xây dựng các chính sách về QTRR trên cơ sở dự án ERM.

### **5. Đánh giá sự phối hợp giữa Thành viên HĐQT độc lập với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý:**

Thành viên HĐQT độc lập đã nhận được sự hợp tác của HĐQT và Ban TGD và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ công tác kiểm tra giám sát.

HĐQT đã lập Báo cáo hoạt động của HĐQT 2021 phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động kinh doanh 2021 và phương hướng nhiệm vụ 2022. TGD đã lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2021 và kế hoạch kinh doanh 2022. Các báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán đã được gửi tới Thành viên HĐQT độc lập đầy đủ, kịp thời để Thành viên HĐQT độc lập tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thẩm định tại ĐHCĐ thường niên 2022.

### **Phần III. Kế hoạch hoạt động năm 2022:**

- Thực hiện các chức năng giám sát theo quy định tại quy chế hoạt động.
- Đánh giá kết quả hoạt động từng quý của Ban ĐH
- Phối hợp Ban KTNB của PVI xem xét các chuyên đề cần quan tâm: Chi phí, trích lập dự phòng, ảnh hưởng MGL của nghiệp vụ XCG, CN đối với kết quả kinh doanh..
- Giám sát quá trình thực hiện dự án ERM

### **Phần IV Kiến nghị của Thành viên HĐQT độc lập:**

PVI Re cần đẩy nhanh tiến độ XD các CS liên quan đến QTRR trên cơ sở dự án ERM.

Tiếp tục hoàn thiện và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chủ trương đã được ĐHĐCĐ năm 2021 phê duyệt liên quan đến tăng vốn, đổi tên công ty...

Trân trọng./.

**THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP**



**Trịnh Văn Lượng**



Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

### TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh nội dung phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã được thông qua tại Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Điều 3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021

### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

*Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021;*

Phương án tăng vốn điều lệ của PVI Re bằng hình thức chào bán đấu giá cổ phiếu ra công chúng đã được thông qua tại Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021.

Xét tới bối cảnh thị trường cũng như để triển khai phương án tăng vốn điều lệ nhanh chóng và hiệu quả, bổ sung nguồn vốn nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị PVI Re (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua việc điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ của PVI Re theo đúng quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn đi kèm, cụ thể như sau:

### PHẦN 1: PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

- |  |   |
|--|---|
| 1. Tổ chức phát hành:                    | Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re)                  |
| 2. Tên cổ phần chào bán:                 | Cổ phần Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI                   |
| 3. Mã chứng khoán:                       | PRE   |
| 4. Loại cổ phần:                         | Cổ phần phổ thông   |
| 5. Mệnh giá cổ phần:                     | 10.000 đồng/cổ phần   |
| 6. Vốn điều lệ hiện tại:                 | 728.000.000.000 VND (bằng chữ: bảy trăm hai mươi tám tỷ đồng)   |
| 7. Số lượng cổ phần chào bán:            | 31.600.000 (bằng chữ: ba mươi một triệu sáu trăm nghìn) cổ phần |
| 8. Số vốn điều lệ dự kiến huy động thêm: | 316.000.000.000 VND (bằng chữ: ba trăm mười                     |

*mmmm*



- sáu tỷ đồng) (theo mệnh giá)
9. Số vốn điều lệ mới sau khi tăng: 1.044.000.000.000 VND (bằng chữ: một nghìn không trăm bốn mươi tư tỷ đồng)
10. Hình thức chào bán: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu
11. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
12. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng một (01) lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa các bên.
13. Tỷ lệ phân bổ quyền: 182:79. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 182 quyền mua được mua 79 cổ phiếu phát hành thêm. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị.
- Ví dụ: Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, cổ đông A đang sở hữu 1.000 cổ phiếu, quyền mua sẽ được phân phối như sau: Cổ đông A sẽ được quyền mua  $(1.000 \times 79) / 182 = 434,07$  cổ phiếu. Số cổ phiếu được mua được làm tròn thành 434 cổ phiếu.
14. Giá chào bán: 20.000 đồng/cổ phiếu.
15. Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được phân phối hết: Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn số cổ phiếu cổ đông được mua xuống hàng đơn vị và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết: ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chào bán số cổ phần đó theo mức giá chào bán quy định cho các cổ đông hiện hữu (đã đăng ký mua theo thông báo ban đầu) theo đúng tỷ lệ số cổ phiếu đã đăng ký mua của cổ đông đó trên tổng số lượng cổ phần đã được đăng ký theo thông báo ban đầu.
- Sau đợt chào bán trên, đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết, ĐHĐCĐ giao cho HĐQT xác định tiêu chí và lựa chọn chào bán cho các nhà đầu tư khác

(bao gồm các cổ đông hiện hữu) với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu).

Việc xử lý cổ phiếu không phân phối hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

#### 16. Miễn trừ chào mua công khai:

Cổ đông thực hiện quyền mua mới theo tỷ lệ phân bổ quyền, không phải thực hiện chào mua công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán 2019. Trong trường hợp việc chuyển nhượng quyền mua dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư hoặc cổ đông nhận chuyển nhượng vượt quá các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư hoặc cổ đông nhận chuyển nhượng không phải thực hiện việc chào mua công khai và được mua số cổ phần tương ứng với số quyền mua thuộc sở hữu và/hoặc đã nhận chuyển nhượng.

Nhà đầu tư khi thực hiện mua số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không phân phối hết sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai kể cả khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán 2019.

#### 17. Hạn chế chuyển nhượng

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng;

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt

chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

14. Thời gian dự kiến chào bán: Trong năm 2022, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán và trong vòng 06 tháng kể từ khi được Bộ Tài chính chấp thuận nguyên tắc về phương án tăng vốn điều lệ.  
Giao cho HĐQT PVI Re quyết định thời gian cụ thể.
15. Pha loãng cổ phần sau khi chào bán: Do tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành nên các rủi ro pha loãng có thể xảy ra gồm (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần, (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần, (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu trong trường hợp cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua
18. Sửa đổi Điều lệ Công ty: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều lệ Công ty có liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần của Công ty theo quy mô vốn điều lệ thực tế mới sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phần và ĐHCĐ giao cho HĐQT triển khai thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
19. Quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài: Hiện tại tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa của công ty là 100% nên phương án chào bán luôn đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định.
20. Đăng ký niêm yết và lưu ký bổ sung: Toàn bộ số cổ phần chào bán thêm theo Phương Án Chào Bán này sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại HNX và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

## PHẦN 2: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

Thực hiện thành công phương án tăng vốn trên, PVI Re sẽ có tiềm lực để tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh tiềm năng, hiệu quả và nòng cốt bao gồm mở rộng khả năng khai thác dịch vụ, nâng cao mức giữ lại. Vốn điều lệ tăng sẽ giúp PVI Re thực hiện các kế hoạch mục tiêu như sau:

- Với mức giá chào bán là 20.000 đồng, tổng số vốn dự kiến sẽ huy động được là 632 tỷ đồng. Nguồn vốn từ vốn điều lệ tăng thêm, thặng dư vốn cổ phần và các quỹ dự phòng nghiệp vụ sẽ được sử dụng để đầu tư tài chính trong giới hạn cho phép của Bộ Tài chính với tiêu chí an toàn và hiệu quả cao;
- Tăng cường khả năng tài chính của PVI Re nhằm thu hút dịch vụ nhận TBH trong và ngoài nước. Đồng thời nâng cao mức giữ lại các dịch vụ có hiệu quả;
- Phát triển hơn nữa kinh doanh TBH các nghiệp vụ bán lẻ.

Kế hoạch kinh doanh 5 năm 2022-2026 nếu tăng vốn thành công được xây dựng chi tiết dựa trên giả định cơ bản về thời gian hoàn thành tăng vốn vào cuối năm 2022, trước ngày 01/01/2023, nếu không PVI Re sẽ xây dựng lại kế hoạch 5 năm 2022-2026.

1.1. Hoạt động kinh doanh TBH:

Doanh thu phí nhận TBH kế hoạch cả giai đoạn đạt 12.140 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 15%.

Đơn vị: tỷ đồng

	2022	2023	2024	2025	2026
Doanh thu phí nhận TBH	1,740	2,200	2,435	2,722	3,043
Phí giữ lại	709	858	974	1,102	1,248

- Phí nhận TBH duy trì mức tăng trưởng cao và tương đối ổn định qua các năm.
- Phí giữ lại kế hoạch cả giai đoạn đạt 4.891 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân 5 năm là 15%, với tỷ lệ giữ lại bình quân 5 năm đạt khoảng 40%.

1.2. Hoạt động đầu tư tài chính:

Sau tăng vốn thành công, vốn đầu tư tài chính của công ty được tăng thêm đáng kể. Các phương án đầu tư được tính toán, phát triển theo hướng linh hoạt, hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn và tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước.

Giả định về cơ cấu đầu tư tương ứng với quy mô vốn và tỷ suất lợi nhuận như sau:

Quy mô vốn đầu tư năm	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
	1,968	2,510	2,701	2,980	3,328
<b>Loại hình đầu tư</b>					
Tiền gửi	60%	60%	61%	62%	63%
Đầu tư dài hạn khác	12%	17%	18%	19%	20%
Đầu tư vào các quỹ	28%	23%	21%	19%	17%
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
Lợi nhuận đầu tư tài chính	120	160	186	209	242
<b>Tỷ suất lợi nhuận bình quân</b>	<b>6.1%</b>	<b>6.4%</b>	<b>6.9%</b>	<b>7.0%</b>	<b>7.3%</b>

1.3. Kế hoạch chi trả cổ tức:

Kế hoạch chi trả cổ tức giai đoạn 5 năm 2022-2026 trong điều kiện công ty tăng vốn thành công như sau:

Năm	2022	2023	2024	2025	2026
Tỷ lệ chi trả cổ tức	14.0%	14.0%	16.0%	16.0%	16.0%

Tỷ lệ chi trả cổ tức đạt 14-16%/năm là mức tương đối cao so với các công ty bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường. Điều này sẽ giúp cổ phiếu của PVI Re trở nên hấp dẫn và thu hút đối với các nhà đầu tư lớn tiềm năng.

### PHẦN 3: GIAO CHO HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Giao cho HĐQT:

- Xây dựng Phương Án Chào Bán chi tiết và phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết như dự kiến.
- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp sao cho có lợi nhất cho cổ đông và cho Công ty.
- Triển khai và quyết định chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích chào bán, đảm bảo lợi ích của cổ đông, tuân thủ quy định của pháp luật và thực hiện các thủ tục báo cáo sử dụng vốn theo quy định.
- Điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn (bao gồm kế hoạch kinh doanh sau tăng vốn) nếu xét thấy cần thiết tùy tình hình thực tế của doanh nghiệp tại từng thời điểm và báo cáo lại ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất.
- Bổ sung, hoàn chỉnh các vấn đề, nội dung của Phương Án Chào Bán nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên nguyên tắc bảo đảm lợi ích tổng thể của Công ty, các cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên quan đến thay đổi mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần của Tổng công ty trong Điều lệ Công ty theo kết quả thực tế của đợt chào bán.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai và hoàn tất việc chào bán cổ phiếu theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan hay phát sinh mà HĐQT nhận thấy là cần thiết để hoàn thành các nội dung công việc được giao.
- Trong các trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được phép giao lại cho Tổng giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc nêu trên.

#### 2. Giao cho Tổng giám đốc:

- Thực hiện nộp các hồ sơ cần thiết và thủ tục xin phép các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung Tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội để thực hiện Phương Án Chào Bán.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Thực hiện các thủ tục, công việc và lựa chọn thời điểm thích hợp để đăng ký bổ sung chứng khoán tại VSD và đăng ký thay đổi niêm yết tại HNX theo kết quả của đợt chào bán.

Kính trình./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

TỔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TÁI BẢO HIỂM  
**PVI**

Q. BA ĐÌNH - T.P HÀ NỘI

*Vũ Văn Tề*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
TÁI BẢO HIỂM PVI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị  
nhiệm kỳ 2022 - 2027**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re);

Căn cứ Đơn từ nhiệm ngày 26/4/2022 của thành viên HĐQT Vũ Văn Thắng;

Căn cứ Đơn từ nhiệm ngày 09/6/2022 của thành viên HĐQT Trịnh Anh Tuấn;

Căn cứ Đơn từ nhiệm ngày 09/6/2022 của thành viên HĐQT Nguyễn Anh Tuấn;

Hội đồng quản trị (HĐQT) PVI Re kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với Ông Vũ Văn Thắng, Ông Trịnh Anh Tuấn, Ông Nguyễn Anh Tuấn và bầu bổ sung thay thế ba (03) thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Vũ Văn Thắng*



– Ứng viên được đề cử:

a) Họ và tên: Dương Thanh Danh Francois

+ Ngày sinh: 26/09/1969

+ Địa chỉ: 23 Newton Road 307955, Singapore

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

+ Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PVI

+ Số cổ phần sở hữu: 20.000 cổ phần tương đương tỉ lệ sở hữu trên vốn điều lệ PVI Re là 0,03%.

b) Họ và tên: Phùng Tuấn Kiên

+ Ngày sinh: 21/09/1976

+ Địa chỉ: Số 27, đường 11, Tập thể F361 An Dương, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

+ Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần PVI

HĐQT PVI Re xin báo cáo về kết quả ứng cử, đề cử thành viên HĐQT PVI Re nhiệm kỳ 2022 – 2027 và kính trình Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung thay thế ba (03) thành viên HĐQT PVI Re nhiệm kỳ 2022 – 2027 theo phương thức bầu dồn phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Vũ Văn Thăng*



*mm*



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
TÁI BẢO HIỂM PVI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Về việc bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị  
nhiệm kỳ 2022 - 2027**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re);

Căn cứ Báo cáo đề cử, ứng cử bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị PVI Re nhiệm kỳ 2022 – 2027 của các cổ đông/ nhóm cổ đông;

Hội đồng quản trị PVI Re kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn được các cổ đông/ nhóm cổ đông đề cử và tiến hành bầu bổ sung thay thế ba (03) thành viên Hội đồng quản trị PVI Re nhiệm kỳ 2022 – 2027, như sau:

TT	Họ và tên ứng viên	Vị trí đề cử
1	Ông Nguyễn Phúc Anh	Thành viên HĐQT
2	Ông Dương Thanh Danh Francois	Thành viên HĐQT
3	Ông Phùng Tuấn Kiên	Thành viên HĐQT

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Vũ Văn Cảnh*

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2022

**TỜ TRÌNH****Về việc mở rộng nội dung hoạt động của Công ty**Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật số 24/2000/QH10 về Kinh doanh bảo hiểm;  
Căn cứ Luật số 42/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ;  
Căn cứ Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI số 86 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013 và Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018;  
Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re);

Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm là bộ phận cấu thành của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, do doanh nghiệp bảo hiểm (bao gồm cả doanh nghiệp tái bảo hiểm), doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm. PVI Re là doanh nghiệp Tái bảo hiểm và thường xuyên hỗ trợ khách hàng trong công tác tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro, giám định điều kiện, giám định tổn thất... nhằm mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng.

Căn cứ quy định của Luật số 42 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm được công nhận là một trong những hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các doanh nghiệp bảo hiểm đáp ứng các điều kiện quy định được phép cung cấp dịch vụ trên và có doanh thu.

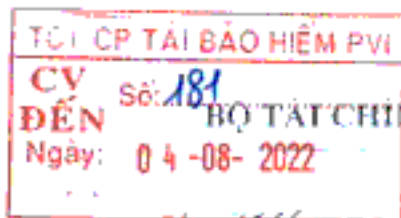
Hiện tại PVI Re hoàn toàn đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật để cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm. Vì vậy để mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty và gia tăng doanh thu từ hoạt động tư vấn đánh giá rủi ro và các hoạt động phụ trợ khác, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) xem xét thông qua mở rộng nội dung hoạt động của Công ty thêm Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (bao gồm tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm).

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Vũ Văn Cảnh*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022

Số: 1666/BTC-QLBH  
V/v chấp thuận nguyên tắc  
tăng vốn điều lệ

Kính gửi: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI

Trả lời Đơn đề nghị thay đổi vốn điều lệ ngày 29/6/2022 và hồ sơ kèm theo của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (Tổng công ty), Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận về nguyên tắc cho Tổng công ty tăng vốn điều lệ từ 728.000.000.000 đồng lên 1.044.000.000.000 đồng theo đề nghị của Tổng công ty.

2. Đề nghị Tổng công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc tăng vốn theo quy định pháp luật kinh doanh bảo hiểm, quy định pháp luật chứng khoán và quy định pháp luật có liên quan.

3. Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc đề nghị tăng vốn điều lệ, Tổng công ty phải báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 5 hoặc khoản 7 Điều 18 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP.

Bộ Tài chính thông báo để Tổng công ty biết và thực hiện theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để b/c),
- Thứ trưởng Nguyễn Đức Chí (để b/c),
- Vụ Pháp chế,
- Lưu: VT, QLBH (6b) (5)

TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ,  
GIÁM SÁT BẢO HIỂM  
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Quang Huyền

klc. CTHĐQT  
TGD  
KTT  
klc. BTƯĐT  
Phmm

Số: 37/NQ-PVIRE

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua phương án chi tiết chào bán  
cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ngày 31/12/2020;

Căn cứ Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI ("PVI Re") số 86 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013 và Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018;

Căn cứ Điều lệ PVI Re;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-DHĐCĐ ngày 24/06/2022 của PVI Re;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ("HDQT") số 04/BB-HDQT ngày 18/08/2022 của PVI Re;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022 của PVI Re như phụ lục đính kèm.

**Điều 2:** Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung đối với số lượng cổ phiếu phát hành thêm từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam; và thông qua việc niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán với nội dung cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký chứng khoán và niêm yết bổ sung: Toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm của Công ty sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2022.
- Cam kết triển khai việc niêm yết toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành trên hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc đợt phát hành theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3:** Giao cho Tổng giám đốc quyết định các công việc và ký các văn bản, tài liệu có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

- Triển khai và quyết định chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích chào bán, đảm bảo lợi ích của công ty và cổ đông, tuân thủ quy định của pháp luật và thực hiện các thủ tục báo cáo sử dụng vốn theo quy định;
- Bổ sung, hoàn chỉnh các vấn đề, nội dung của phương án chào bán nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên nguyên tắc bảo đảm lợi ích tổng thể của Công ty, các cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai và hoàn tất việc chào bán cổ phiếu theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;
- Quyết định tất cả các công việc khác có liên quan hoặc phát sinh thuộc thẩm quyền mà Tổng giám đốc nhận thấy là cần thiết để hoàn thành các nội dung công việc được giao.

**Điều 4:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:  
- Như Điều 4;  
- Lưu VT, HĐQT, 3.





Chương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI (Điều hành Nghị quyết số 17.../NQ-PVIRE của HĐQT PVI Re ngày 23/08/2022)

**Chương án chi tiết:**

1. Tổ chức phát hành: Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI ("PVI Re")
2. Tên cổ phần chào bán: Cổ phần Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI
3. Mã chứng khoán: PRE
4. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
5. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
6. Vốn điều lệ hiện tại: 728.000.000.000 VND (bằng chữ: bảy trăm hai mươi tám tỷ đồng)
7. Số lượng cổ phần dự kiến chào bán: 31.600.000 (bằng chữ: ba mươi một triệu sáu trăm nghìn) cổ phần
8. Số vốn điều lệ dự kiến huy động thêm: 316.000.000.000 VND (bằng chữ: ba trăm mười sáu tỷ đồng) (theo mệnh giá)
9. Số vốn điều lệ mới dự kiến sau khi tăng: 1.044.000.000.000 VND (bằng chữ: một nghìn bốn trăm bốn mươi tư tỷ đồng)
10. Hình thức chào bán: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu
11. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
12. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng một (01) lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa các bên.
13. Tỷ lệ phân bổ quyền: 182:79. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 182 quyền mua được mua 79 cổ phiếu phát hành thêm. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị.  
Ví dụ: Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu,

cổ đông A đang sở hữu 1.000 cổ phiếu, quyền mua sẽ được phân phối như sau: Cổ đông A sẽ được quyền mua  $(1.000 \times 79) / 182 = 434,07$  cổ phiếu. Số cổ phiếu được mua được làm tròn thành 434 cổ phiếu.

14. Giá chào bán:

20.000 đồng/cổ phiếu.

15. Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được phân phối hết:

Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn số cổ phiếu cổ đông được mua xuống hàng đơn vị và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết: HĐQT chào bán số cổ phần đó theo mức giá chào bán quy định cho các cổ đông hiện hữu (đã đăng ký mua theo thông báo ban đầu) theo đúng tỷ lệ số cổ phiếu đã đăng ký mua của cổ đông đó trên tổng số lượng cổ phần đã được đăng ký theo thông báo ban đầu.

Sau đợt chào bán trên, đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết, HĐQT quyết định tiêu chí và lựa chọn chào bán cho các nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu) với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu).

Việc xử lý cổ phiếu không phân phối hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

16. Miễn trừ chào mua công khai:

Cổ đông thực hiện quyền mua mới theo tỷ lệ phân bổ quyền, không phải thực hiện chào mua công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán 2019. Trong trường hợp việc chuyển nhượng quyền mua dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư hoặc cổ đông nhận chuyển nhượng vượt quá các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì

nhà đầu tư hoặc cổ đông nhận chuyển nhượng không phải thực hiện việc chào mua công khai và được mua số cổ phần tương ứng với số quyền mua thuộc sở hữu và/hoặc đã nhận chuyển nhượng.

Nhà đầu tư khi thực hiện mua số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không phân phối hết sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai kể cả khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán 2019.

17. Hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng;

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

18. Thời gian dự kiến chào bán: Trong năm 2022, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán và trong vòng 06 tháng kể từ khi được Bộ Tài chính chấp thuận nguyên tắc về phương án tăng vốn điều lệ.

19. Sửa đổi Điều lệ Công ty: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Điều lệ Công ty có liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ, số lượng cổ phần của Công ty theo quy mô vốn điều lệ thực tế mới sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phần và HĐQT triển khai thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

20. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi chào bán:

Trong đợt phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- Pha loãng về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền;
- Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS);
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS);
- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết. Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt

86  
HỢP CỘNG  
CỔ PHẦN  
BẢO  
PV  
HUY - T



danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông đang sở hữu).

Chi tiết đánh giá mức độ rủi ro sẽ được trình bày trong Bản cáo bạch.

21. Phương án đảm bảo việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty:

- Theo danh sách cổ đông chốt gần nhất ngày 23/06/2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0,37%.
- Căn cứ theo Công văn số B36/UBCK-PTTT ngày 10/12/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tối đa được xác định là 100%.
- Do đó, Công ty khi thực hiện việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu luôn đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài sau khi kết thúc đợt chào bán tại Công ty.

## II. Phương án sử dụng vốn thu được từ chào bán:

Thực hiện thành công phương án tăng vốn trên, PVI Re sẽ có tiềm lực để tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh tiềm năng, hiệu quả và nòng cốt bao gồm mở rộng khả năng khai thác dịch vụ, nâng cao mức giữ lại. Vốn điều lệ tăng sẽ giúp PVI Re thực hiện các kế hoạch mục tiêu như sau:

- Với mức giá chào bán là 20.000 đồng, tổng số vốn dự kiến sẽ huy động được là 632 tỷ đồng. Nguồn vốn từ vốn điều lệ tăng thêm, thặng dư vốn cổ phần và các quỹ dự phòng nghiệp vụ sẽ được sử dụng để đầu tư tài chính trong giới hạn cho phép của Bộ Tài chính với tiêu chí an toàn và hiệu quả cao;
- Tăng cường khả năng tài chính của PVI Re nhằm thu hút dịch vụ nhận tái bảo hiểm ("TBH") trong và ngoài nước. Đồng thời nâng cao mức giữ lại các dịch vụ có hiệu quả;
- Phát triển hơn nữa kinh doanh TBH các nghiệp vụ bán lẻ.

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến tối đa là 632.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng để gia tăng nguồn vốn đầu tư theo thứ tự ưu tiên giảm dần cụ thể như sau:

STT	Các mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Đầu tư Tiền gửi ngân hàng	377.000.000.000	Năm 2023
2	Đầu tư dài hạn khác	255.000.000.000	Năm 2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>632.000.000.000</b>	

Kế hoạch kinh doanh 5 năm 2022-2026 nếu tăng vốn thành công được xây dựng chi tiết dựa trên giả định cơ bản về thời gian hoàn thành tăng vốn vào cuối năm

2022, trước ngày 01/01/2023, nếu không PVI Re sẽ xây dựng lại kế hoạch 5 năm 2022-2026.

1. Hoạt động kinh doanh TBH:

Doanh thu phí nhận TBH kế hoạch cả giai đoạn đạt 12.140 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 15%.

Đơn vị: tỷ đồng

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Doanh thu phí nhận TBH	1.740	2.200	2.435	2.722	3.043
Phí giữ lại	709	858	974	1.102	1.248

- Phí nhận TBH duy trì mức tăng trưởng cao và tương đối ổn định qua các năm.
- Phí giữ lại kế hoạch cả giai đoạn đạt 4.891 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân 5 năm là 15%, với tỷ lệ giữ lại bình quân 5 năm đạt khoảng 40%.

2. Hoạt động đầu tư tài chính:

Sau tăng vốn thành công, vốn đầu tư tài chính của công ty được tăng thêm đáng kể. Các phương án đầu tư được tính toán, phát triển theo hướng linh hoạt, hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn và tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước.

Giả định về cơ cấu đầu tư tương ứng với quy mô vốn và tỷ suất lợi nhuận như sau:

Quy mô vốn đầu tư năm (Đơn vị: Tỷ đồng)	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Loại hình đầu tư	1.968	2.510	2.701	2.980	3.328
Tiền gửi	60%	60%	61%	62%	63%
Đầu tư dài hạn khác	12%	17%	18%	19%	20%
Đầu tư vào các quỹ	28%	23%	21%	19%	17%
Tổng	100%	100%	100%	100%	100%
Lợi nhuận đầu tư tài chính (Đơn vị: tỷ đồng)	120	160	186	209	242
Tỷ suất lợi nhuận bình quân	6,1%	6,4%	6,9%	7,0%	7,3%

**3. Kế hoạch chi trả cổ tức:**

Kế hoạch chi trả cổ tức giai đoạn 5 năm 2022-2026 trong điều kiện công ty tăng vốn thành công như sau:

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Tỷ lệ chi trả cổ tức	14%	14%	16%	16%	16%

Tỷ lệ chi trả cổ tức đạt 14-16%/năm là mức tương đối cao so với các công ty bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường. Điều này sẽ giúp cổ phiếu của PVI Re trở nên hấp dẫn và thu hút đối với các nhà đầu tư lớn tiềm năng.

Số: 38/NQ-PVIRE

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2022  
(chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI BẢO HIỂM PVI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành  
một số điều của Luật Chứng Khoán ngày 31/12/2020;

Căn cứ Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Tài bảo  
hiểm PVI ("PVI Re") số 86 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013 và Giấy  
phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018;

Căn cứ Điều lệ PVI Re;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày  
24/06/2022 của PVI Re;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ("HĐQT") số 04/BB-HĐQT ngày  
18/08/2022 của PVI Re;

**QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1: Thông qua Danh mục hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng (chào bán  
cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ) theo Nghị quyết Đại hội đồng  
cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022 của  
PVI Re, cụ thể như sau:

- 1 Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
- 2 Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày  
01/10/2013; Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp  
ngày 21/09/2018;
- 3 Điều lệ PVI Re;
- 4 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-  
ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022 của PVI Re;
- 5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/BB-ĐHĐCĐ  
ngày 24/06/2022 của PVI Re;

- 6 Công văn số 7666/BTC – QLBN của Bộ Tài chính ngày 03/08/2022 về việc chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ cho PVI Re;
- 7 Nghị quyết của HĐQT thông qua phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022;
- 8 Nghị quyết của HĐQT thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2022 (chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ);
- 9 Báo cáo bạch;
- 10 Báo cáo tài chính năm 2020 và 2021 được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét của PVI Re;
- 11 Văn bản của HĐQT PVI Re về việc cam kết triển khai niêm yết cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- 12 Văn bản của PVI Re cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- 13 Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
- 14 Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng giữa PVI Re và Công ty cổ phần Chứng khoán MB.

**Điều 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**  
 - Như Điều 2;  
 - Lưu VT, HĐQT, 3.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHẾ TỊCH**



Tuấn Kiên

Số: 40/NQ-PVIRE

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua sửa đổi Phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho  
cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ngày 31/12/2020;

Căn cứ Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (“PVI Re”) số 86 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013 và Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018;

Căn cứ Điều lệ PVI Re;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022 của PVI Re;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị (“HĐQT”) số 37/NQ-PVIRE của HĐQT PVI Re ngày 23/08/2022 về việc thông qua phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT PVI Re số 20./BBKP-PVIRE ngày 28./09/2022 về việc thông qua sửa đổi Phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua sửa đổi một số nội dung của Phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022 của PVI Re đã ban hành theo Nghị quyết số 37/NQ-PVIRE của HĐQT PVI Re ngày 23/08/2022) như Phụ lục 1 đính kèm Nghị quyết này.

**Điều 2:** Các nội dung khác của Phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022 của PVI Re đã ban hành theo Nghị quyết số 37/NQ-PVIRE của HĐQT PVI Re ngày 23/08/2022 không thay đổi.

**Điều 3:** Giao Chủ tịch HĐQT PVI Re bổ sung, hoàn chỉnh Bản cáo bạch và các nội dung của Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2022 (nếu cần)



theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty và các cổ đông, phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.

**Điều 4:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu VT, HĐQT, 3.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Phùng Tuấn Kiên*

**Phụ lục 1: Nội dung sửa đổi Phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022 của PVI Re đã ban hành theo Nghị quyết số 37/NQ-PVIRE của HĐQT PVI Re ngày 23/08/2022**

(Đính kèm Nghị quyết số 40./NQ-PVIRE của HĐQT PVI Re ngày 28/09/2022)

- 1. Điều chỉnh điều khoản Miễn trừ chào mua công khai tại điểm 16, Mục I (Phương án chi tiết) tại Phụ lục Phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022 của PVI Re (Đính kèm Nghị quyết số 37/NQ-PVIRE của HĐQT PVI Re ngày 23/08/2022)**

**Nội dung sau điều chỉnh:**

Cổ đông thực hiện quyền mua mới theo tỷ lệ phân bổ quyền, không phải thực hiện chào mua công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán 2019. Trong trường hợp việc chuyển nhượng quyền mua dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư hoặc cổ đông nhận chuyển nhượng vượt quá các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư hoặc cổ đông nhận chuyển nhượng không phải thực hiện việc chào mua công khai và được mua số cổ phần tương ứng với số quyền mua thuộc sở hữu và/hoặc đã nhận chuyển nhượng.

- 2. Điều chỉnh mục II (Phương án sử dụng vốn thu được từ chào bán) tại Phụ lục Phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022 của PVI Re (Đính kèm Nghị quyết số 37/NQ-PVIRE của HĐQT PVI Re ngày 23/08/2022)**

**Nội dung sau điều chỉnh:**

Thực hiện thành công phương án tăng vốn trên, PVI Re sẽ có tiềm lực để tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh tiềm năng, hiệu quả và nòng cốt bao gồm mở rộng khả năng khai thác dịch vụ, nâng cao mức giữ lại. Vốn điều lệ tăng sẽ giúp PVI Re thực hiện các kế hoạch mục tiêu như sau:

- Với mức giá chào bán là 20.000 đồng, tổng số vốn dự kiến sẽ huy động được là 632 tỷ đồng. Nguồn vốn sẽ được sử dụng để đầu tư tài chính trong giới hạn cho phép của Bộ Tài chính với tiêu chí an toàn và hiệu quả cao;
- Tăng cường khả năng tài chính của PVI Re nhằm thu hút dịch vụ nhận tái bảo hiểm trong và ngoài nước. Đồng thời nâng cao mức giữ lại các dịch vụ có hiệu quả;
- Phát triển hơn nữa kinh doanh tái bảo hiểm các nghiệp vụ bán lẻ.

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến tối đa là 632.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng để gia tăng nguồn vốn đầu tư cho hoạt động đầu tư tài chính theo thứ tự ưu tiên giảm dần như sau:



STT	Các mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)	Lợi tức dự kiến năm <sup>1</sup>	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Đầu tư Tiền gửi ngân hàng	377.000.000.000	6%	Năm 2023
2	Đầu tư dài hạn khác	255.000.000.000	8%	Năm 2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>632.000.000.000</b>		

Trong trường hợp số tiền thu từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, PRE sẽ ưu tiên dùng số vốn thu được để thực hiện các mục đích theo thứ tự ưu tiên nêu trên.

Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Tổ chức phát hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác để bù đắp trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến.

Hoạt động đầu tư tài chính của PRE được thực hiện tuân theo theo các quy định của Pháp luật, Luật kinh doanh bảo hiểm, Nghị định 73/2016/NĐ-CP và quy chế đầu tư, các quy định về hoạt động đầu tư tài chính được ban hành bởi PRE.

- Số tiền thu được từ đợt phát hành này, PRE dự kiến sẽ tiếp tục đầu tư vào các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư dài hạn khác:
  - Các khoản đầu tư tiền gửi ngân hàng: PRE dự kiến đầu tư các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 15 tháng trở xuống.
  - Các khoản đầu tư dài hạn khác:
    - PRE có thể thực hiện đầu tư vào các loại tài sản như sau:
      - Trái phiếu ngân hàng thương mại, trái phiếu tăng vốn cấp 2 của ngân hàng thương mại thuộc nhóm I và nhóm II theo quy định của PRE về tổ chức tín dụng đủ điều kiện đầu tư tiền gửi và có kỳ hạn tối đa 2 năm, với hạn mức đầu tư tối đa là 30% tổng hạn mức được đầu tư<sup>2</sup>.  
(Ví dụ, theo quy định hiện hành tại PRE, các ngân hàng thuộc nhóm I bao gồm: Vietcombank, MB Bank, BIDV, Vietinbank, Techcombank, ACB; các ngân hàng nhóm II bao gồm: VP Bank, TP Bank, Oricombank, HD Bank, VIB, SeABank, MSB)
      - Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm: trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc Chính Phủ, Chính quyền địa phương; trái phiếu doanh nghiệp có cam kết mua lại của tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán, Chính phủ, Chính quyền địa phương. Kỳ hạn đầu tư tối đa 36 tháng và hạn mức đầu tư tối đa của các loại trái phiếu này là 20% tổng hạn mức được đầu tư.

<sup>1</sup> Lợi tức dự kiến là lợi tức PRE tính cho thời hạn 01 năm và có thể biến động tùy thuộc vào tình hình thị trường thực tế tại và trong thời hạn đầu tư.

<sup>2</sup> Hạn mức được đầu tư của PRE được tính trên tổng nguồn vốn đầu tư, bao gồm: Vốn chủ sở hữu, Vốn nhân đối từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Hạn mức thực hiện đầu tư tất cả các tài sản của PRE luôn đảm bảo không được vượt quá hạn mức theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm hiện hành.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 37

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Dương Thanh Francois	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020)
Ông Lâm Nhật Sơn	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Nga	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020)
Ông Trương Minh Đức	Thành viên
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Alexander Nicolai Neumann	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020)
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy	Giám đốc Khối Kinh doanh 1
Ông Nguyễn Hồng Long	Giám đốc Khối Kinh doanh 2
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	Giám đốc Khối Hoạt động
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Trịnh Anh Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2021*

Số: 0563/VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 17 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Khúc Thị Lan Anh**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 17 tháng 02 năm 2021  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



**Phạm Tuấn Linh**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3001-2019-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>3.905.443.953.036</b>	<b>3.584.440.925.388</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>54.685.820.990</b>	<b>85.314.786.197</b>
1. Tiền	111		19.685.820.990	45.314.786.197
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	40.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>1.174.959.000.000</b>	<b>628.591.800.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.174.959.000.000	628.591.800.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>431.893.781.626</b>	<b>589.356.922.010</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	435.899.682.593	593.211.761.902
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		367.215.454.527	558.436.630.845
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		68.684.228.066	34.775.131.057
2. Phải thu ngắn hạn khác	135		1.523.086.959	2.915.171.207
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(5.528.987.926)	(6.770.011.099)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>197.999.830.099</b>	<b>190.865.285.078</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	197.999.830.099	190.865.285.078
1.1. Chi hoa hồng chưa phân bổ	151.1		197.814.338.064	190.389.421.394
1.2. Chi phí trả trước khác	151.2		185.492.035	475.863.684
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>		<b>2.045.905.520.321</b>	<b>2.090.312.132.103</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	15	443.415.199.263	440.249.447.078
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	15	1.602.490.321.058	1.650.062.685.025
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>621.799.579.870</b>	<b>905.247.077.790</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		8.000.000.000	8.000.000.000
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		8.000.000.000	8.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.876.380.844</b>	<b>3.517.966.280</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	781.422.116	1.181.386.048
Nguyên giá	222		8.591.869.385	8.398.451.385
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.810.447.269)	(7.217.065.337)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.094.958.728	2.336.580.232
Nguyên giá	228		23.908.313.000	23.375.313.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.813.354.272)	(21.038.732.768)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>589.548.450.000</b>	<b>870.915.650.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		589.548.450.000	870.915.650.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.374.749.026</b>	<b>22.813.461.510</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	22.374.749.026	22.813.461.510
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>4.527.243.532.906</b>	<b>4.489.688.003.178</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>3.585.098.462.140</b>	<b>3.629.431.282.492</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.585.098.462.140</b>	<b>3.629.431.282.492</b>
1. Phải trả cho người bán	312	11	533.841.372.098	595.216.052.044
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		491.363.869.393	540.886.842.175
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		42.477.502.705	54.329.209.869
2. Thuế và các khoản phải nộp	314	12	10.214.081.212	7.089.826.031
3. Phải trả người lao động	315	13	11.060.091.975	1.059.293.080
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	116.753.295.171	117.928.126.700
4.1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		113.730.285.108	116.351.340.192
4.2. Các khoản phải trả khác	319.2		3.023.010.063	1.576.786.508
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.989.260.159	5.621.337.080
6. Dự phòng nghiệp vụ	329		2.910.240.361.525	2.902.516.647.557
6.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1	15	736.611.334.127	734.435.883.240
6.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2	15	2.068.038.128.143	2.077.690.153.098
6.3. Dự phòng dao động lớn	329.3	15	105.590.899.255	90.390.611.219
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>942.145.070.766</b>	<b>860.256.720.686</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>942.145.070.766</b>	<b>860.256.720.686</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		728.000.000.000	728.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		46.923.630.917	39.608.038.763
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		167.221.439.849	92.648.681.923
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>4.527.243.532.906</b>	<b>4.489.688.003.178</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	177.408	1.205.750
Bảng Anh	GBP	8.537	22.587
Euro	EUR	5.407	15.595



**Vi Ngọc Sơn**  
Người lập biểu



**Ngô Thanh Hải**  
Kế toán trưởng



**Trịnh Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

*Đơn vị: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	772.728.971.929	687.268.093.046
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	147.838.451.550	135.108.542.063
3. Thu nhập khác	13	-	45.912.000
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	682.116.943.953	613.207.223.035
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	23.347.111.305	12.418.480.948
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	34.236.294.437	26.314.818.743
7. Chi phí khác	24	6.111.657	-
<b>8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 10+12+13-20-22-23-24)</b>	<b>50</b>	<b>180.860.962.127</b>	<b>170.482.024.383</b>
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34.710.713.284	29.835.568.899
<b>10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>	<b>146.150.248.843</b>	<b>140.646.455.484</b>
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.763	1.749



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

*Đơn vị: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>1.479.517.996.934</b>	<b>1.381.910.146.902</b>
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		1.481.693.447.821	1.512.862.432.262
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		2.175.450.887	130.952.285.360
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>18</b>	<b>971.851.427.770</b>	<b>949.245.603.490</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		975.017.179.955	945.789.036.012
- Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		3.165.752.185	(3.456.567.478)
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>03</b>		<b>507.666.569.164</b>	<b>432.664.543.412</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)</b>	<b>04</b>		<b>265.062.402.765</b>	<b>254.603.549.634</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		251.733.356.063	242.714.082.257
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		13.329.046.702	11.889.467.377
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10</b>		<b>772.728.971.929</b>	<b>687.268.093.046</b>
6. Chi bồi thường	11		674.452.632.649	577.129.756.932
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		483.292.838.543	422.593.166.601
8. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		(9.652.024.955)	473.922.154.553
9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(47.572.363.967)	416.612.072.087
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)</b>	<b>15</b>	<b>19</b>	<b>229.080.133.118</b>	<b>211.846.672.797</b>
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		15.200.288.036	17.012.201.888
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)</b>	<b>17</b>	<b>20</b>	<b>437.836.522.799</b>	<b>384.348.348.350</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		381.840.093.319	338.024.359.707
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		55.996.429.480	46.323.988.643
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)</b>	<b>18</b>		<b>682.116.943.953</b>	<b>613.207.223.035</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)</b>	<b>19</b>		<b>90.612.027.976</b>	<b>74.060.870.011</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	21	147.838.451.550	135.108.542.063
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	22	23.347.111.305	12.418.480.948
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)</b>	<b>25</b>		<b>124.491.340.245</b>	<b>122.690.061.115</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	34.236.294.437	26.314.818.743
<b>19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)</b>	<b>30</b>		<b>180.867.073.784</b>	<b>170.436.112.383</b>
20. Thu nhập khác	31		-	45.912.000
21. Chi phí khác	32		6.111.657	-
<b>22. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(6.111.657)</b>	<b>45.912.000</b>
<b>23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>180.860.962.127</b>	<b>170.482.024.383</b>
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	34.710.713.284	29.835.568.899
<b>25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>146.150.248.843</b>	<b>140.646.455.484</b>
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.763	1.749


Vi Ngọc Sơn  
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởngTrịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu phí, hoa hồng và bồi thường	01	731.468.189.606	606.426.574.945
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	9.747.021.851	11.269.323.844
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	-	45.912.000
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(102.899.425.943)	(82.050.136.029)
5. Trả tiền phí bảo hiểm, hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(327.368.923.375)	(294.817.817.618)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(32.687.139.374)	(39.321.912.959)
7. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	08	(34.729.952.928)	(24.236.098.547)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(41.774.629.674)	(39.416.856.500)
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(3.980.521.164)	(3.642.897.557)
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(11.668.404.655)	(13.071.062.663)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>186.106.214.344</b>	<b>121.185.028.916</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	851.959.000.000	980.269.000.000
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	98.935.254.648	114.261.807.907
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(1.116.959.000.000)	(1.090.959.000.000)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(726.418.000)	(913.860.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(166.791.163.352)</b>	<b>2.657.947.907</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.309.318.220)	(115.422.809.221)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(50.309.318.220)</b>	<b>(115.422.809.221)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(30.994.267.228)</b>	<b>8.420.167.602</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	85.314.786.197	76.903.236.252
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	365.302.021	(8.617.657)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>54.685.820.990</b>	<b>85.314.786.197</b>



**Vi Ngọc Sơn**  
Người lập biểu



**Ngô Thanh Hải**  
Kế toán trưởng



**Trịnh Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Công ty Tái bảo hiểm PVI - được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 66GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01 tháng 10 năm 2013, Công ty Tái Bảo hiểm PVI chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI. Theo Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21 tháng 9 năm 2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 728.000.000.000 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2020, toàn bộ 72.800.000 cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (mã chứng khoán: PRE).

Cổ đông chi phối của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần PVI, tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.

Số vốn thực góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Vốn thực góp tại ngày cuối năm		Vốn thực góp tại ngày đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần PVI	532.268.250.000	73,11%	532.268.250.000	73,11%
Các cổ đông khác	195.731.750.000	26,89%	195.731.750.000	26,89%
	<b>728.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 42 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 41 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty như sau:

- Tái bảo hiểm;
- Kinh doanh đầu tư tài chính.

Trong năm, sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra ("Covid-19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, đồng thời theo dõi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

##### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

##### ***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư vào trái phiếu.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có).

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5



### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Khấu hao phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm; giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng; chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác được coi là có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này thực tế đã phát sinh, liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chính sách kế toán đối với chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán “Ghi nhận chi phí”.

### **Ký quỹ bảo hiểm**

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Các khoản dự phòng (không bao gồm dự phòng nghiệp vụ)**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Dự phòng nghiệp vụ**

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm và phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) theo phê duyệt của Bộ Tài chính tại Công văn số 14427/BTC-QLBH ngày 20 tháng 11 năm 2018. Theo đó:

***Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ***

**Dự phòng phí**

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: phương pháp 1/8.

**Dự phòng bồi thường:**

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

**Dự phòng dao động lớn:**

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính. Do đó, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm. Việc trích lập được thực hiện đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí giữ lại trong năm của Tổng Công ty.

***Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe***

**Dự phòng toán học**

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được trích lập như sau:

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật vĩnh viễn: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe khác: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

*Dự phòng phí*

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ 50% của tổng phí bảo hiểm.

*Dự phòng bồi thường:*

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

*Dự phòng đảm bảo cân đối:*

Được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại trong năm và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên bảng cân đối kế toán.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán. Theo đó, các khoản dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

**Các quỹ tại doanh nghiệp**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

***Đối với hoạt động tái bảo hiểm***

Phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận trong năm.

Hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong

năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

***Đối với các hoạt động khác***

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ghi nhận chi phí**

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với số phí nhận tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm tài chính này tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập

hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	177.462.444	211.108.595
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.508.358.546	45.103.677.602
Các khoản tương đương tiền (i)	35.000.000.000	40.000.000.000
	<b><u>54.685.820.990</u></b>	<b><u>85.314.786.197</u></b>

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn thu hồi gốc nhỏ hơn hoặc bằng 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.455.962.000.000	1.455.962.000.000	-	1.190.962.000.000	1.190.962.000.000	-
<i>Ngắn hạn</i>	1.174.959.000.000	1.174.959.000.000	-	628.591.800.000	628.591.800.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.174.959.000.000	1.174.959.000.000	-	628.591.800.000	628.591.800.000	-
<i>Dài hạn</i>	281.003.000.000	281.003.000.000	-	562.370.200.000	562.370.200.000	-
- Trái phiếu (ii)	100.003.000.000	100.003.000.000	-	100.003.000.000	100.003.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (iii)	181.000.000.000	181.000.000.000	-	462.367.200.000	462.367.200.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	308.545.450.000	324.042.021.169	-	308.545.450.000	318.566.860.693	-
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (iv)	204.545.450.000	220.014.641.711	-	204.545.450.000	214.397.214.308	-
- Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (v)	104.000.000.000	104.027.379.458	-	104.000.000.000	104.169.646.385	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (ii) Phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội với thời hạn 05 năm 01 ngày, đáo hạn ngày 18 tháng 10 năm 2023.
- (iii) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (iv) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"), chiếm tỷ lệ 20,45% vốn điều lệ của POF.
- (v) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"), chiếm tỷ lệ 20,00% vốn điều lệ của PIF.
- (\*) Giá trị hợp lý được xác định như sau:
- Đối với các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất biến động theo lãi suất thị trường.
  - Đối với các khoản góp vốn thành lập POF và PIF, giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào báo cáo tài chính của POF và PIF tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.
  - Đối với các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do (i) thời gian đáo hạn ngắn và/hoặc (ii) không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	367.215.454.527	558.436.630.845
- Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	229.755.948.118	331.775.218.292
- Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	137.459.506.409	226.661.412.553
Lãi dự thu từ các khoản đầu tư tài chính	68.684.228.066	34.775.131.057
	<b>435.899.682.593</b>	<b>593.211.761.902</b>

*Trong đó:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	140.197.940.264	263.113.522.818
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	25.053.567.623	29.800.289.970
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	23.980.938.212	21.070.991.437
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	22.769.459.002	6.375.792.731
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	21.651.855.936	18.226.521.895
Guy Carpenter	16.205.194.519	16.554.653.905
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	13.662.014.584	11.727.365.009
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	13.115.357.803	16.495.068.722
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)	12.507.901.772	23.242.770.882
UIB INSURANCE BROKERS CO., LTD.	9.725.090.463	6.147.137.628
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	8.379.530.862	18.625.703.544
Willis Re Labuan Limited (LL05552)	7.183.273.393	13.696.092.375
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.935.791.668	4.363.302.244
Aon Benfield Corporate Risk - Aon Risk Solution	3.566.770.827	16.768.401.956
Các đối tượng khác	112.964.995.665	127.004.146.786
	<b>435.899.682.593</b>	<b>593.211.761.902</b>

*Phải thu khách hàng là các bên liên quan:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	140.197.940.264	263.113.522.818
Hannover Re - Malaysia Branch	-	2.120.964.802
HDI Global SE Singapore	-	29.483.507
	<b>140.197.940.264</b>	<b>265.263.971.127</b>

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán	9.258.588.879	3.729.600.953	5.528.987.926	12.190.296.472	5.420.285.373	6.770.011.099
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	6.833.535.382	2.375.969.208	4.457.566.174	8.111.552.382	3.457.137.115	4.654.415.267
- Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	1.535.649.370	1.144.351.173	391.298.197	-	-	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	299.230.325	44.929.389	254.300.936	774.374.024	334.751.971	439.622.053
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	212.513.627	15.554.267	196.959.360	413.854.054	49.790.930	364.063.124
- Lockton Companies (Singapore) Pte Ltd	208.289.318	101.262.670	107.026.648	-	-	-
- Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV	-	-	-	2.088.682.910	1.256.375.155	832.307.755
- Phải thu các đối tượng khác	169.370.857	47.534.246	121.836.611	801.833.102	322.230.202	479.602.900

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>197.999.830.099</b>	<b>190.865.285.078</b>
- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	197.814.338.064	190.389.421.394
Số dư đầu năm	190.389.421.394	138.275.799.144
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	389.265.009.989	390.137.981.957
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(381.840.093.319)	(338.024.359.707)
Số dư cuối năm	197.814.338.064	190.389.421.394
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	115.569.551	137.530.632
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	69.922.484	338.333.052
<b>b) Dài hạn</b>	<b>22.374.749.026</b>	<b>22.813.461.510</b>
- Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ tại Tòa nhà PVI Tower	20.810.320.236	21.452.364.631
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.564.428.790	1.361.096.879
	<b>220.374.579.125</b>	<b>213.678.746.588</b>



9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	2.452.320.000	5.946.131.385	8.398.451.385
Tăng trong năm	-	193.418.000	193.418.000
- Mua sắm mới	-	193.418.000	193.418.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.452.320.000</b>	<b>6.139.549.385</b>	<b>8.591.869.385</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	2.452.320.000	4.764.745.337	7.217.065.337
Trích khấu hao	-	593.381.932	593.381.932
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.452.320.000</b>	<b>5.358.127.269</b>	<b>7.810.447.269</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	-	1.181.386.048	1.181.386.048
Tại ngày cuối năm	-	781.422.116	781.422.116

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 6.828.793.385 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 6.475.936.915 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	23.375.313.000
Tăng trong năm	533.000.000
- Mua sắm mới	533.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.908.313.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	21.038.732.768
Trích khấu hao	1.774.621.504
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.813.354.272</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	2.336.580.232
Tại ngày cuối năm	1.094.958.728

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 19.243.880.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 16.263.600.000 VND).

**11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	491.363.869.393	540.886.842.175
- Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	259.458.882.492	275.774.285.409
- Phải trả bồi thường bảo hiểm	177.112.137.916	230.448.994.411
- Phải trả khác	54.792.848.985	34.663.562.355
Phải trả khác cho người bán	42.477.502.705	54.329.209.869
	<b>533.841.372.098</b>	<b>595.216.052.044</b>

**Trong đó:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	138.472.295.637	210.837.454.466
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	34.447.368.496	27.240.222.060
Willis Re Labuan Limited (LL05552)	32.754.680.767	28.920.295.899
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	23.591.850.673	25.503.736.932
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	20.732.915.981	2.169.632.848
Guy Carpenter	18.157.596.431	17.683.776.443
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	16.072.303.271	18.717.096.149
Marsh Ltd Re Guy Carpenter	12.976.064.997	26.525.910.522
Worldwide Insurance Services Ltd	12.399.306.270	10.750.618.814
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	11.880.204.993	10.951.034.483
Nasco Karaoglan France	11.141.622.004	11.854.513.382
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	11.102.701.916	11.135.780.561
Lockton Companies (Korea) Inc.	9.531.224.221	1.060.494.297
UIB INSURANCE BROKERS CO., LTD.	7.778.279.393	4.666.344.006
Aon Benfield Corporate Risk - Aon Risk Solution	6.946.148.338	12.085.344.280
Asiacapital Reinsurance Group Pte. Ltd (ACR)	5.948.245.534	16.775.602.364
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSH)	5.293.942.148	1.246.146.002
MS First Capital Insurance Limited	4.959.544.647	591.613.239
Qianhai Reinsurance Co., Ltd	4.936.333.358	1.935.964.060
Aon UK Limited	4.160.856.351	3.744.229.948
Phải trả các đối tượng khác	140.557.886.672	150.820.241.289
	<b>533.841.372.098</b>	<b>595.216.052.044</b>

**Phải trả người bán là các bên liên quan:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	138.472.295.637	210.837.454.466
Hannover Re - Malaysia Branch	497.656.087	2.403.453.867
HDI Global SE Singapore	68.351.089	68.351.089
	<b>139.038.302.813</b>	<b>213.309.259.422</b>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	VND	Thuế phải nộp VND	Thuế đã thực nộp VND	VND
Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ	20.157.569	703.447.578	637.961.981	85.643.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.158.780.352	34.710.713.284	31.788.564.600	8.080.929.036
- Những năm trước	5.158.780.352	-	5.158.780.352	-
- Năm 2020	-	34.710.713.284	26.629.784.248	8.080.929.036
Thuế thu nhập cá nhân	1.792.753.259	8.468.584.160	8.394.003.464	1.867.333.955
Thuế nhà thầu	118.134.851	1.013.139.833	951.099.629	180.175.055
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>7.089.826.031</b>	<b>44.898.884.855</b>	<b>41.774.629.674</b>	<b>10.214.081.212</b>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư cuối năm phản ánh số dư quỹ lương bổ sung tương ứng với phần lợi nhuận vượt kế hoạch cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trích lập theo Quy chế trả lương của Tổng Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 39/QĐ-PVIRE ngày 30 tháng 9 năm 2020.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	113.730.285.108	116.351.340.192
- Số dư đầu năm	116.351.340.192	112.170.162.802
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	249.112.300.979	246.895.259.647
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(251.733.356.063)	(242.714.082.257)
- Số dư cuối năm	113.730.285.108	116.351.340.192
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.023.010.063	1.576.786.508
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	769.970.990	419.959.220
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.253.039.073	1.156.827.288
	<b>116.753.295.171</b>	<b>117.928.126.700</b>

Phải trả khác cho các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần PVI	437.279.018	210.071.944
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	63.636.362	63.636.363
	<b>500.915.380</b>	<b>273.708.307</b>

15. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối năm		
	Dự phòng nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
1. Dự phòng bồi thường	2.068.038.128.143	1.602.490.321.058	465.547.807.085
<i>Dự phòng cho các yếu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết</i>	1.993.953.455.752	1.553.739.462.060	440.213.993.692
<i>Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo</i>	74.084.672.391	48.750.858.998	25.333.813.393
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	736.611.334.127	443.415.199.263	293.196.134.864
	<b>2.804.649.462.270</b>	<b>2.045.905.520.321</b>	<b>758.743.941.949</b>

Trong đó chi tiết:

Dự phòng bồi thường	Số cuối năm		
	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	2.077.690.153.098	1.650.062.685.025	427.627.468.073
Số (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(9.652.024.955)	(47.572.363.967)	37.920.339.012
Số dư cuối năm	<b>2.068.038.128.143</b>	<b>1.602.490.321.058</b>	<b>465.547.807.085</b>

Dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối năm		
	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	734.435.883.240	440.249.447.078	294.186.436.162
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	2.175.450.887	3.165.752.185	(990.301.298)
Số dư cuối năm	<b>736.611.334.127</b>	<b>443.415.199.263</b>	<b>293.196.134.864</b>

Dự phòng dao động lớn	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	90.390.611.219	73.378.409.331
Số trích lập thêm trong năm	15.200.288.036	17.012.201.888
Số dư cuối năm	<b>105.590.899.255</b>	<b>90.390.611.219</b>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>32.505.154.002</b>	<b>81.548.992.206</b>	<b>842.054.146.208</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	140.646.455.484	140.646.455.484
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	7.102.884.761	(7.102.884.761)	-
Chi trả cổ tức	-	-	(116.480.000.000)	(116.480.000.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	(5.963.881.006)	(5.963.881.006)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>39.608.038.763</b>	<b>92.648.681.923</b>	<b>860.256.720.686</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	146.150.248.843	146.150.248.843
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	7.315.592.154	(7.315.592.154)	-
Chi trả cổ tức (ii)	-	-	(50.960.000.000)	(50.960.000.000)
Trích các quỹ trong năm (iii)	-	-	(13.301.898.763)	(13.301.898.763)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>46.923.630.917</b>	<b>167.221.439.849</b>	<b>942.145.070.766</b>

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 77, Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

(ii) Chia cổ tức cho cổ đông bao gồm:

- Tạm ứng cổ tức lần thứ hai năm 2019 với tỷ lệ 5% vốn điều lệ, tương đương 36.400.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 24/NQ-PVIRE ngày 19 tháng 12 năm 2019.
- Chia cổ tức phần còn lại của năm 2019 với tỷ lệ 2% vốn điều lệ, tương đương 14.560.000.000 VND. Tỷ lệ cổ tức năm 2019 được duyệt là 16% vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019, trong đó phần cổ tức đã được tạm ứng trong năm 2019 và năm 2020 là tương đương 14% vốn điều lệ.

(iii) Tổng Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020.

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**Cổ phần**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**17. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí nhận tái bảo hiểm	1.481.693.447.821	1.512.862.432.262
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	514.512.417.582	498.156.455.800
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	255.329.770.081	252.239.907.094
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	181.210.291.349	153.161.612.895
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&amp;I</i>	142.234.436.526	177.555.708.145
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	118.324.510.003	78.309.316.750
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	113.939.078.462	139.886.634.762
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	49.303.445.491	64.687.635.169
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	4.911.539.326	4.001.278.880
<i>Bảo hiểm con người</i>	1.469.303.703	2.116.976.969
<i>Bảo hiểm khác</i>	100.458.655.298	142.746.905.798
(Tăng) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	(2.175.450.887)	(130.952.285.360)
	<b>1.479.517.996.934</b>	<b>1.381.910.146.902</b>

18. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	975.017.179.955	945.789.036.012
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	392.231.300.275	325.912.727.092
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	186.634.546.995	144.474.064.285
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	158.914.668.679	142.284.332.867
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&amp;I</i>	92.351.124.874	104.795.708.086
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	68.600.564.342	85.882.950.627
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	32.105.004.292	56.697.894.507
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	2.568.141.438	3.167.479.278
<i>Bảo hiểm con người</i>	739.619.138	1.326.335.063
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	84.942.508	403.584.432
<i>Bảo hiểm khác</i>	40.787.267.414	80.843.959.775
(Tăng)/Giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(3.165.752.185)	3.456.567.478
	<b>971.851.427.770</b>	<b>949.245.603.490</b>

19. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi bồi thường	674.452.632.649	577.129.756.932
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	152.978.278.335	55.607.910.936
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	148.579.330.568	101.626.309.488
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&amp;I</i>	95.906.038.778	92.253.973.048
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	94.200.076.695	86.671.654.229
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	66.282.657.984	74.816.477.949
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	51.806.878.895	9.699.727.731
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	27.748.907.085	78.835.518.545
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	3.285.397.422	16.852.863.791
<i>Bảo hiểm con người</i>	86.084.236	1.781.019.409
<i>Bảo hiểm khác</i>	33.578.982.651	58.984.301.806
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(483.292.838.543)	(422.593.166.601)
(Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	(9.652.024.955)	473.922.154.553
Giảm/(Tăng) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	47.572.363.967	(416.612.072.087)
	<b>229.080.133.118</b>	<b>211.846.672.797</b>

20. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	381.840.093.319	338.024.359.707
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	5.299.157.064	5.208.785.626
Chi khác nhận tái bảo hiểm	9.094.130.147	6.370.582.546
Chi khác nhượng tái bảo hiểm	-	39.403.014
Chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm khác	41.603.142.269	34.705.217.457
Trong đó:		
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>17.637.281.889</i>	<i>10.280.972.676</i>
<i>Chi phí đồ dùng văn phòng</i>	<i>248.583.014</i>	<i>65.830.099</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>2.045.508.797</i>	<i>2.668.311.683</i>
<i>Chi phí khác bằng tiền</i>	<i>21.671.768.569</i>	<i>21.690.102.999</i>
	<b>437.836.522.799</b>	<b>384.348.348.350</b>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu	104.596.861.157	85.172.756.777
Lãi từ hoạt động hoán đổi ngoại tệ	-	1.925.755.726
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.994.099.893	7.743.666.310
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.247.490.500	40.266.363.250
	<b>147.838.451.550</b>	<b>135.108.542.063</b>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.855.186.027	7.166.146.638
Chi phí hoạt động hoán đổi ngoại tệ	-	255.032.515
Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư	636.363.636	636.363.636
Chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính	5.855.561.642	4.360.938.159
	<b>23.347.111.305</b>	<b>12.418.480.948</b>



23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	20.230.074.660	10.871.978.536
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.083.310.553	1.279.501.979
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.093.058.873	3.467.925.161
Thuế, phí và lệ phí	3.402.520.410	3.193.933.143
(Hoàn nhập)/Trích lập chi phí dự phòng	(1.116.920.856)	683.295.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.142.082.222	4.624.224.623
Chi phí khác bằng tiền	2.402.168.575	2.193.959.742
	<b>34.236.294.437</b>	<b>26.314.818.743</b>

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi bồi thường bảo hiểm	229.080.133.118	211.846.672.797
Tăng dự phòng dao động lớn	15.200.288.036	17.012.201.888
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	381.840.093.319	338.024.359.707
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	5.299.157.064	5.208.785.626
Chi khác nhận tái bảo hiểm	9.094.130.147	6.370.582.546
Chi khác kinh doanh nhượng tái bảo hiểm	-	39.403.014
Chi phí nhân viên	37.867.356.549	21.152.951.212
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.093.058.873	3.856.839.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.187.591.019	7.292.536.306
(Hoàn nhập)/Trích lập chi phí dự phòng	(1.116.920.856)	683.295.559
Chi phí khác bằng tiền	28.808.351.121	28.423.327.962
	<b>716.353.238.390</b>	<b>639.910.956.567</b>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	180.860.962.127	170.482.024.383
Các khoản điều chỉnh		
Cộng:	1.093.028.038	1.928.276.669
- Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	172.099.999	233.378.261
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tài sản có gốc ngoại tệ	161.594.228	1.411.239.727
- Chi phí không được khấu trừ khác	759.333.811	283.658.681
Trừ:	(8.568.511.113)	(23.232.456.555)
- Doanh thu không chịu thuế (Cổ tức từ Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI và Quỹ Đầu tư Hộ tầng PVI đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp)	(7.519.354.676)	(23.078.498.371)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước nhưng đã thực hiện năm nay	(881.069.069)	(153.958.184)
- Các khoản không chịu thuế khác	(168.087.368)	-
Thu nhập chịu thuế	173.385.479.052	149.177.844.497
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện tại	34.677.095.810	29.835.568.899
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	33.617.474	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>34.710.713.284</b>	<b>29.835.568.899</b>

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	146.150.248.843	140.646.455.484
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	146.150.248.843	140.646.455.484
Trừ: số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(17.830.308.545)	(13.301.898.763)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	128.319.940.298	127.344.556.721
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	72.800.000	72.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.763	1.749

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 03.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.685.820.990	54.685.820.990	85.314.786.197	85.314.786.197
Phải thu khách hàng và phải thu khác	431.657.664.386	431.657.664.386	589.270.656.416	589.270.656.416
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.764.507.450.000	1.781.621.968.891	1.499.507.450.000	1.509.528.860.693
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.250.850.935.376</b>	<b>2.267.965.454.267</b>	<b>2.174.092.892.613</b>	<b>2.184.114.303.306</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	536.094.411.171	536.094.411.171	596.372.879.332	596.372.879.332
<b>Tổng cộng</b>	<b>536.094.411.171</b>	<b>536.094.411.171</b>	<b>596.372.879.332</b>	<b>596.372.879.332</b>

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính bằng giá trị ghi số của tài sản tài chính và công nợ tài chính, ngoại trừ giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI cũng như giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI như trình bày tại Thuyết minh số 05.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro tái bảo hiểm**

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng tái bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm. Việc đánh giá rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược nhận tái bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm nhận tái bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa đủ độ thanh khoản.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	214.491.067.473	233.297.711.082	230.589.117.222	194.231.889.497
Won Hàn Quốc (KRW)	5.544.278.608	8.221.324.570	21.132.071.870	15.778.485.840
Euro (EUR)	12.064.472.469	23.185.996.440	6.909.607.976	20.168.848.639
Rupee Ấn Độ (INR)	1.517.096.288	443.846.296	1.018.873.402	1.812.371.057
Khác	5.070.621.018	9.076.379.556	4.149.906.772	9.246.180.745

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Won Hàn Quốc và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

Loại tiền	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(321.960.995)	781.316.432
Won Hàn Quốc (KRW)	(311.755.865)	(151.143.225)
Euro (EUR)	103.097.290	60.342.956

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Số cuối năm	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.685.820.990	-	54.685.820.990
Phải thu khách hàng và phải thu khác	431.657.664.386	-	431.657.664.386
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.174.959.000.000	589.548.450.000	1.764.507.450.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.661.302.485.376</b>	<b>589.548.450.000</b>	<b>2.250.850.935.376</b>
Phải trả cho người bán và phải trả khác	536.094.411.171	-	536.094.411.171
<b>Tổng cộng</b>	<b>536.094.411.171</b>	<b>-</b>	<b>536.094.411.171</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.125.208.074.205</b>	<b>589.548.450.000</b>	<b>1.714.756.524.205</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Số đầu năm	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.314.786.197	-	85.314.786.197
Phải thu khách hàng và phải thu khác	589.270.656.416	-	589.270.656.416
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	628.591.800.000	870.915.650.000	1.499.507.450.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.303.177.242.613</b>	<b>870.915.650.000</b>	<b>2.174.092.892.613</b>
Phải trả cho người bán và phải trả khác	596.372.879.332	-	596.372.879.332
<b>Tổng cộng</b>	<b>596.372.879.332</b>	<b>-</b>	<b>596.372.879.332</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>706.804.363.281</b>	<b>870.915.650.000</b>	<b>1.577.720.013.281</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần PVI	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	Cùng chủ sở hữu
Hannover Rück SE	Cùng cổ đông góp vốn vào công ty mẹ
Hannover Re - Malaysia Branch	Cùng cổ đông góp vốn vào công ty mẹ
HDI Global SE Singapore	Cùng cổ đông góp vốn vào công ty mẹ

*Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Tiền thuê văn phòng và phí dịch vụ đã trả	2.318.048.645	5.497.554.589
Cổ tức đã trả	37.258.777.500	82.996.357.700
Mua tài sản cố định	533.000.000	636.900.000
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	921.986.023.710	1.019.567.400.047
Chi hoa hồng, môi giới và chi khác nhận tái bảo hiểm	232.147.749.477	250.467.439.625
Chuyển phí nhượng tái	162.515.836.923	175.895.173.039
Phí nhượng tái được hoàn	3.606.359.168	4.247.978.698
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	57.118.640.275	68.514.864.500
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	69.030.378.094	63.416.474.442
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	462.414.896.853	398.979.090.013
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	1.328.878.864	1.605.943.722
Cổ tức đã trả	-	2.166.562.300
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI</b>		
Phí tư vấn đầu tư	636.363.636	636.363.636
<b>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI</b>		
Cổ tức nhận được	18.409.090.500	17.386.363.250
<b>Quỹ đầu tư Hạ tầng PVI</b>		
Cổ tức nhận được	9.838.400.000	22.880.000.000
<b>Hannover Rück SE</b>		
Chuyển phí nhượng tái	-	1.157.733.713
<b>Hannover Re - Malaysia Branch</b>		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	17.099.116.856	10.771.191.169
Chuyển phí nhượng tái	4.251.437.457	3.595.079.452
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	5.693.535.172	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.634.248.126	5.173.550.805
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	1.224.792.110	888.198.668
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	-	46.969.419
<b>HDI Global SE Singapore</b>		
Chuyển phí nhượng tái	474.460.016	891.086.331
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	71.168.922	82.618.007
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	-	15.669.673

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Phải thu khác	1.110.127.650	1.110.127.650
Phải trả khác	437.279.018	210.071.944
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Các khoản phải thu	140.197.940.264	263.113.522.818
Các khoản phải trả	138.472.295.637	210.837.454.466
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI</b>		
Phải trả khác	63.636.362	63.636.363
<b>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI</b>		
Đầu tư góp vốn	204.545.450.000	204.545.450.000
<b>Quỹ đầu tư Hạ tầng PVI</b>		
Đầu tư góp vốn	104.000.000.000	104.000.000.000
<b>Hannover Re - Malaysia Branch</b>		
Các khoản phải thu	-	2.120.964.802
Các khoản phải trả	497.656.087	2.403.453.867
<b>HDI Global SE Singapore</b>		
Các khoản phải thu	-	29.483.507
Các khoản phải trả	68.351.089	68.351.089

**Thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Ban Tổng Giám đốc**

Thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc đã nhận trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Nguyễn Anh Tuấn	1.827.000.000	60.000.000
Ông Dương Thanh Francois	11.590.909	43.000.000
Ông Lâm Nhật Sơn	36.000.000	33.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Nga	8.590.909	33.000.000
Ông Trương Minh Đức	36.000.000	35.478.261
Ông Alexander Nicolai Neumann	27.409.091	-
Ông Nguyễn Anh Vũ	27.409.091	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Trịnh Anh Tuấn	2.284.150.000	1.422.425.000
Bà Lê Thị Thúy	1.675.650.000	1.325.737.500
Ông Nguyễn Hồng Long	1.623.650.000	1.276.112.501
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	1.352.740.000	1.149.568.751
Ông Ngô Thanh Hải	1.287.445.000	924.707.360
	<b>10.197.635.000</b>	<b>6.303.029.373</b>

29. BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

Năm tổn thất	2018	2019	2020	Tổng số
	VND	VND	VND	VND
<b>Số ước tính chi bồi thường lũy kế</b>				
Vào cuối năm tổn thất	366.870.411.602	431.247.714.498	472.805.121.586	472.805.121.586
1 năm sau	860.948.028.474	681.729.244.712	-	681.729.244.712
2 năm sau	864.184.926.230	-	-	864.184.926.230
<b>Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (1)</b>	<b>864.184.926.230</b>	<b>681.729.244.712</b>	<b>472.805.121.586</b>	<b>2.018.719.292.528</b>
<b>Số đã chi trả bồi thường lũy kế</b>				
Vào cuối năm tổn thất	20.812.452.370	37.816.822.787	46.033.917.543	46.033.917.543
1 năm sau	208.803.483.421	351.158.237.735	-	351.158.237.735
2 năm sau	363.609.375.724	-	-	363.609.375.724
<b>Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)</b>	<b>363.609.375.724</b>	<b>351.158.237.735</b>	<b>46.033.917.543</b>	<b>760.801.531.002</b>
<b>Dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3)=(1)-(2)</b>	<b>500.575.550.506</b>	<b>330.571.006.977</b>	<b>426.771.204.043</b>	<b>1.257.917.761.526</b>
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước				736.035.694.226
<b>Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm</b>				<b>1.993.953.455.752</b>

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư tài chính. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và của niên độ trước là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Tổng Công ty thực hiện kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư tài chính chủ yếu tại thị trường Việt Nam.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, Tổng Công ty đã chốt quyền trả cổ tức bằng tiền mặt theo Nghị quyết số 17/NQ-PVIRe ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Quản trị và thanh toán cổ tức bằng tiền mặt từ ngày 20 tháng 01 năm 2021.



Vi Ngọc Sơn  
Người lập biểu



Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2021



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**PVIRe**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 37



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Văn Thắng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2021) Thành viên (từ ngày 29 tháng 01 năm 2021)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2021) Thành viên (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2021)
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Trịnh Văn Lượng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2021)
Ông Trần Duy Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2021)
Ông Trương Minh Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2021)
Ông Lâm Nhật Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2021)
Ông Alexander Nicolai Neumann	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2021)
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2021)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm lại ngày 02 tháng 8 năm 2021)
Bà Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 04 tháng 6 năm 2021, bổ nhiệm lại ngày 24 tháng 8 năm 2021) Giám đốc Khối Kinh doanh 1 (đến ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 04 tháng 6 năm 2021, bổ nhiệm lại ngày 24 tháng 8 năm 2021) Giám đốc Khối Kinh doanh 2 (đến ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 04 tháng 6 năm 2021) Giám đốc Khối Hoạt động (đến ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

2500  
IG TY  
HH  
DITT  
CNAM  
A - TP

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2022

Số: 0578 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 14 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Trần Huy Công**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 02 năm 2022  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Tuấn Linh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3001-2019-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẪN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	100	4.253.525.286.193	3.905.443.953.036
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	37.995.524.279	54.685.820.990
1. Tiền	111	37.995.524.279	19.685.820.990
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	35.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.219.628.504.499	1.174.959.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	1.219.628.504.499	1.174.959.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	417.008.124.001	431.893.781.626
1. Phải thu khách hàng	131	420.795.181.753	435.899.682.593
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	358.615.337.133	367.215.454.527
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	62.179.844.620	68.684.228.066
2. Phải thu ngắn hạn khác	135	915.205.280	1.523.086.959
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(4.702.263.032)	(5.528.987.926)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	203.296.046.069	197.999.830.099
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	203.296.046.069	197.999.830.099
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	203.013.143.158	197.814.338.064
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2	282.902.911	185.492.035
V. Tài sản tài bảo hiểm	190	2.375.597.087.345	2.045.905.520.321
1. Dự phòng phí nhượng tài bảo hiểm	191	455.434.180.580	443.415.199.263
2. Dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm	192	1.920.162.906.765	1.602.490.321.058
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	200	774.642.581.594	621.799.579.870
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	8.000.000.000	8.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	8.000.000.000	8.000.000.000
1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	218.1	8.000.000.000	8.000.000.000
II. Tài sản cố định	220	679.071.234	1.876.380.844
1. Tài sản cố định hữu hình	221	353.430.135	781.422.116
Nguyên giá	222	6.299.939.385	8.591.869.385
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(5.946.509.250)	(7.810.447.269)
2. Tài sản cố định vô hình	227	325.641.099	1.094.958.728
Nguyên giá	228	23.908.313.000	23.908.313.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(23.582.671.901)	(22.813.354.272)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	743.915.650.000	589.548.450.000
Đầu tư dài hạn khác	258	743.915.650.000	589.548.450.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260	22.047.860.360	22.374.749.026
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	22.047.860.360	22.374.749.026
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	270	5.028.167.867.787	4.527.243.532.906

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>4.133.325.668.142</b>	<b>3.584.489.991.500</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.133.325.668.142</b>	<b>3.584.489.991.500</b>
1. Phải trả cho người bán	312	11	632.978.232.297	533.841.372.098
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		597.251.931.058	491.363.869.393
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		35.726.301.239	42.477.502.705
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	16.801.577.870	10.366.198.872
3. Phải trả người lao động	315	13	22.737.642.700	11.060.091.975
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	100.862.100.626	116.753.295.171
4.1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		96.489.804.916	113.730.285.108
4.2. Các khoản phải trả khác	319.2		4.372.295.710	3.023.010.063
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.385.004.900	2.989.260.159
6. Dự phòng nghiệp vụ	329		3.354.561.109.749	2.909.479.773.225
6.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1	15	796.219.120.133	736.611.334.127
6.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2	15	2.433.029.015.249	2.067.277.539.843
6.3. Dự phòng dao động lớn	329.3	15	125.312.974.367	105.590.899.255
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>894.842.199.645</b>	<b>942.753.541.406</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>894.842.199.645</b>	<b>942.753.541.406</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		728.000.000.000	728.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		54.366.308.787	46.954.054.449
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		112.475.890.858	167.799.486.957
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>5.028.167.867.787</b>	<b>4.527.243.532.906</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	649.532	177.408
Bảng Anh	GBP	6.637	8.537
Euro	EUR	4.754	5.407



Vi Ngọc Sơn  
Người lập biểu



Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2022



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

*Đơn vị: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước (Trình bày lại)</b>
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	850.981.543.380	772.728.971.929
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	154.876.564.617	147.838.451.550
3. Thu nhập khác	13	440.000.000	-
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	757.417.557.333	681.356.355.653
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	27.159.155.065	23.347.111.305
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	39.074.572.899	34.236.294.437
7. Chi phí khác	24	47.437.439	6.111.657
<b>8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12-20-22-23-24)</b>	<b>50</b>	<b>182.599.385.261</b>	<b>181.621.550.427</b>
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36.818.707.115	34.862.830.944
<b>10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>	<b>145.780.678.146</b>	<b>146.758.719.483</b>
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.842	1.855

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>1.570.511.351.242</b>	<b>1.479.517.996.934</b>
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		1.630.119.137.248	1.481.693.447.821
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		59.607.786.006	2.175.450.887
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>18</b>	<b>960.697.652.200</b>	<b>971.851.427.770</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		972.716.633.517	975.017.179.955
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		12.018.981.317	3.165.752.185
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>03</b>		<b>609.813.699.042</b>	<b>507.666.569.164</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)</b>	<b>04</b>		<b>241.167.844.338</b>	<b>265.062.402.765</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		222.434.144.595	251.733.356.063
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		18.733.699.743	13.329.046.702
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10</b>		<b>850.981.543.380</b>	<b>772.728.971.929</b>
6. Chi bồi thường	11		825.525.728.022	674.452.632.649
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		625.948.058.350	483.292.838.543
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		365.751.475.406	(10.412.613.255)
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		317.672.585.707	(47.572.363.967)
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)</b>	<b>15</b>	<b>19</b>	<b>247.656.559.371</b>	<b>228.319.544.818</b>
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		19.722.075.112	15.200.288.036
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)</b>	<b>17</b>	<b>20</b>	<b>490.038.922.850</b>	<b>437.836.522.799</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		414.737.005.980	381.840.093.319
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		75.301.916.870	55.996.429.480
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)</b>	<b>18</b>		<b>757.417.557.333</b>	<b>681.356.355.653</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)</b>	<b>19</b>		<b>93.563.986.047</b>	<b>91.372.616.276</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	21	154.876.564.617	147.838.451.550
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	22	27.159.155.065	23.347.111.305
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)</b>	<b>25</b>		<b>127.717.409.552</b>	<b>124.491.340.245</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	39.074.572.899	34.236.294.437
<b>19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)</b>	<b>30</b>		<b>182.206.822.700</b>	<b>181.627.662.084</b>
20. Thu nhập khác	31		440.000.000	-
21. Chi phí khác	32		47.437.439	6.111.657
<b>22. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>392.562.561</b>	<b>(6.111.657)</b>
<b>23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>182.599.385.261</b>	<b>181.621.550.427</b>
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	36.818.707.115	34.862.830.944
<b>25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>145.780.678.146</b>	<b>146.758.719.483</b>
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.842	1.855


Vi Ngọc Sơn  
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởngTrịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu phí, hoa hồng và bồi thường	01	845.095.333.377	731.468.189.606
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	2.000.895.438	9.747.021.851
3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(126.219.539.819)	(102.899.425.943)
4. Trả tiền phí bảo hiểm, hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(365.675.305.874)	(327.368.923.375)
5. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(30.924.160.142)	(32.687.139.374)
6. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	08	(40.996.966.388)	(34.729.952.928)
7. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(46.046.437.549)	(41.774.629.674)
8. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(4.912.010.833)	(3.980.521.164)
9. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(8.243.373.880)	(11.668.404.655)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>224.078.434.330</b>	<b>186.106.214.344</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	1.079.959.000.000	851.959.000.000
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	138.244.476.553	98.935.254.648
3. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	23	484.000.000	-
4. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(1.279.155.424.500)	(1.116.959.000.000)
5. Tiền mua tài sản cố định	25	(160.390.000)	(726.418.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(60.628.337.947)</b>	<b>(166.791.163.352)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(179.671.959.375)	(50.309.318.220)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(179.671.959.375)</b>	<b>(50.309.318.220)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(16.221.862.992)</b>	<b>(30.994.267.228)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>54.685.820.990</b>	<b>85.314.786.197</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(468.433.719)	365.302.021
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>37.995.524.279</b>	<b>54.685.820.990</b>

Vi Ngọc Sơn  
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Công ty Tái bảo hiểm PVI - được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 66GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01 tháng 10 năm 2013, Công ty Tái Bảo hiểm PVI chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI. Theo Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21 tháng 9 năm 2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 728.000.000.000 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2020, toàn bộ 72.800.000 cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (mã chứng khoán: PRE).

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "PVI Holding"), tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.

Số vốn thực góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	<b>Vốn thực góp tại ngày cuối năm</b>		<b>Vốn thực góp tại ngày đầu năm</b>	
	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Công ty Cổ phần PVI	532.268.250.000	73,11%	532.268.250.000	73,11%
Các cổ đông khác	195.731.750.000	26,89%	195.731.750.000	26,89%
	<b>728.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 42 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 42 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty như sau:

- Tái bảo hiểm;
- Kinh doanh đầu tư tài chính.

**Vấn đề khác**

Trong năm, những tác động tiêu cực của dịch bệnh do chủng virus Corona (“Covid-19”) mới gây ra vẫn đang tác động đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, đồng thời theo dõi các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Tổng Công ty trong năm. Ban Tổng Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty. Một số chỉ tiêu của năm trước đã được trình bày lại theo Kết luận số 674/KTNN-CN VII ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Kiểm toán Nhà nước về việc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Chi tiết của các số liệu năm trước được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo		Số trình bày lại
		VND	VND	
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>				
<b>Phần I: Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</b>				
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	682.116.943.953	(760.588.300)	681.356.355.653
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	180.860.962.127	760.588.300	181.621.550.427
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34.710.713.284	152.117.660	34.862.830.944
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	146.150.248.843	608.470.640	146.758.719.483
<b>Phần II: Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động</b>				
(Giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13	(9.652.024.955)	(760.588.300)	(10.412.613.255)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	15	229.080.133.118	(760.588.300)	228.319.544.818
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	18	682.116.943.953	(760.588.300)	681.356.355.653
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	19	90.612.027.976	760.588.300	91.372.616.276
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	180.867.073.784	760.588.300	181.627.662.084
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	180.860.962.127	760.588.300	181.621.550.427
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34.710.713.284	152.117.660	34.862.830.944
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	146.150.248.843	608.470.640	146.758.719.483
<b>Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>				
Thuế và các khoản phải nộp	314	10.214.081.212	152.117.660	10.366.198.872
Dự phòng nghiệp vụ	329	2.910.240.361.525	(760.588.300)	2.909.479.773.225
Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2	2.068.038.128.143	(760.588.300)	2.067.277.539.843
Quỹ dự trữ bắt buộc	419	46.923.630.917	30.423.532	46.954.054.449
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	167.221.439.849	578.047.108	167.799.486.957

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

##### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

##### ***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản đầu tư vào trái phiếu và ủy thác đầu tư vào trái phiếu có thời điểm tất toán được thống nhất trước với công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, lãi trái phiếu và lãi ủy thác đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có).

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5



### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm; giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng; chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác được coi là có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này thực tế đã phát sinh, liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chính sách kế toán đối với chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán “Ghi nhận chi phí”.

### **Ký quỹ bảo hiểm**

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Các khoản dự phòng (không bao gồm dự phòng nghiệp vụ)**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Dự phòng nghiệp vụ**

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm và phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) theo phê duyệt của Bộ Tài chính tại Công văn số 14427/BTC-QLBH ngày 20 tháng 11 năm 2018. Theo đó:

#### ***Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ***

##### *Dự phòng phí*

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: phương pháp 1/8.

*Dự phòng bồi thường:*

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

*Dự phòng dao động lớn:*

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính. Do đó, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm. Việc trích lập được thực hiện đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí giữ lại trong năm của Tổng Công ty.

***Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe***

*Dự phòng toán học*

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được trích lập như sau:

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật vĩnh viễn: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe khác: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

*Dự phòng phí*

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ 50% của tổng phí bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường:

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng đảm bảo cân đối:

Được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại trong năm và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên bảng cân đối kế toán.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán. Theo đó, các khoản dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

**Các quỹ tại doanh nghiệp**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

***Đối với hoạt động tái bảo hiểm***

Phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận trong năm.

Hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

***Đối với các hoạt động khác***

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ khoản đầu tư vào trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ghi nhận chi phí**

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với số phí nhận tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm tài chính này tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp dự phòng phí nêu trên.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	177.462.444	177.462.444
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.818.061.835	19.508.358.546
Các khoản tương đương tiền (i)	-	35.000.000.000
	<b><u>37.995.524.279</u></b>	<b><u>54.685.820.990</u></b>

- (i) Các khoản tương đương tiền đầu năm phản ánh các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn thu hồi gốc nhỏ hơn hoặc bằng 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>1.484.998.704.499</b>	<b>1.484.998.704.499</b>	-	<b>1.455.962.000.000</b>	<b>1.455.962.000.000</b>	-
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.219.628.504.499</b>	<b>1.219.628.504.499</b>	-	<b>1.174.959.000.000</b>	<b>1.174.959.000.000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.098.591.800.000	1.098.591.800.000	-	1.174.959.000.000	1.174.959.000.000	-
- Ủy thác đầu tư ngắn hạn (ii)	121.036.704.499	121.036.704.499	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>265.370.200.000</b>	<b>265.370.200.000</b>	-	<b>281.003.000.000</b>	<b>281.003.000.000</b>	-
- Trái phiếu (iii)	100.003.000.000	100.003.000.000	-	100.003.000.000	100.003.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (iv)	165.367.200.000	165.367.200.000	-	181.000.000.000	181.000.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>478.545.450.000</b>	<b>493.586.288.561</b>	-	<b>308.545.450.000</b>	<b>324.042.021.169</b>	-
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (v)	204.545.450.000	218.193.764.579	-	204.545.450.000	220.014.641.711	-
- Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (vi)	274.000.000.000	275.392.523.982	-	104.000.000.000	104.027.379.458	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (ii) Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI vào trái phiếu có bảo lãnh với thời hạn ủy thác 12 tháng.
- (iii) Phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội với thời hạn 05 năm 01 ngày, đáo hạn ngày 18 tháng 10 năm 2023.
- (iv) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (v) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"), chiếm tỷ lệ 20,45% vốn điều lệ của POF.
- (vi) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"), chiếm tỷ lệ 18,27% vốn điều lệ của PIF.
- (\*) Giá trị hợp lý được xác định như sau:
- Đối với các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất biến động theo lãi suất thị trường.
  - Đối với các khoản góp vốn thành lập POF và PIF, giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
  - Đối với các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do (i) thời gian đáo hạn ngắn và/hoặc (ii) không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	358.615.337.133	367.215.454.527
- Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	182.233.019.129	229.755.948.118
- Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	176.382.318.004	137.459.506.409
Lãi dự thu từ các khoản đầu tư tài chính	62.179.844.620	68.684.228.066
	<b>420.795.181.753</b>	<b>435.899.682.593</b>

**Trong đó:**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng trong nước	333.451.825.537	367.300.625.285
Phải thu khách hàng nước ngoài	87.343.356.216	68.599.057.308
	<b>420.795.181.753</b>	<b>435.899.682.593</b>

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan:**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	137.063.022.034	140.197.940.264
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	18.632.000.000	-
Hannover Re	364.101.710	50.877.377
Hannover Re - Malaysia Branch	162.381.422	-
	<b>156.221.505.166</b>	<b>140.248.817.641</b>

**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng đã trích lập VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng đã trích lập VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	6.355.467.178	1.653.204.146	4.702.263.032	9.258.588.879	3.729.600.953	5.528.987.926
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	4.419.289.435	788.300.534	3.630.988.901	6.833.535.382	2.375.969.208	4.457.566.174
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	500.588.331	204.374.397	296.213.934	-	-	-
- Miller (Labuan) Malaysia	486.292.306	312.240.803	174.051.503	-	-	-
- AON Re Asia	227.919.243	11.191.633	216.727.610	-	-	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	210.715.503	113.103.261	97.612.242	-	-	-
- Tokio Marine Kiln Singapore Pte Limited	161.611.971	113.128.380	48.483.591	-	-	-
- Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	-	-	-	1.535.649.370	1.144.351.173	391.298.197
- Phải thu các đối tượng khác	349.050.389	110.865.138	238.185.251	889.404.127	209.280.572	680.123.555

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>203.296.046.069</b>	<b>197.999.830.099</b>
- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	203.013.143.158	197.814.338.064
Số dư đầu năm	197.814.338.064	190.389.421.394
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	419.935.811.074	389.265.009.989
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(414.737.005.980)	(381.840.093.319)
Số dư cuối năm	203.013.143.158	197.814.338.064
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	109.953.682	115.569.551
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	172.949.229	69.922.484
<b>b) Dài hạn</b>	<b>22.047.860.360</b>	<b>22.374.749.026</b>
- Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ tại Tòa nhà PVI Tower	21.593.698.328	22.267.440.977
- Chi phí trả trước dài hạn khác	454.162.032	107.308.049
	<b>225.343.906.429</b>	<b>220.374.579.125</b>

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	2.452.320.000	6.139.549.385	8.591.869.385
Tăng trong năm	-	160.390.000	160.390.000
- Mua sắm mới	-	160.390.000	160.390.000
Thanh lý	(2.452.320.000)	-	(2.452.320.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>6.299.939.385</b>	<b>6.299.939.385</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	2.452.320.000	5.358.127.269	7.810.447.269
Trích khấu hao	-	588.381.981	588.381.981
Thanh lý	(2.452.320.000)	-	(2.452.320.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>5.946.509.250</b>	<b>5.946.509.250</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	-	781.422.116	781.422.116
Tại ngày cuối năm	-	353.430.135	353.430.135

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 5.032.271.385 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 6.828.793.385 VND).



10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	23.908.313.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.908.313.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	22.813.354.272
Trích khấu hao	769.317.629
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.582.671.901</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<b>1.094.958.728</b>
Tại ngày cuối năm	<b>325.641.099</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 23.375.313.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 19.243.880.000 VND).

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	597.251.931.058	491.363.869.393
- Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	284.043.656.198	259.458.882.492
- Phải trả bồi thường bảo hiểm	261.489.184.624	177.112.137.916
- Phải trả khác	51.719.090.236	54.792.848.985
Phải trả khác cho người bán	35.726.301.239	42.477.502.705
	<b>632.978.232.297</b>	<b>533.841.372.098</b>

Trong đó:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán trong nước	464.562.760.293	338.232.366.265
Phải trả người bán nước ngoài	168.415.472.004	195.609.005.833
	<b>632.978.232.297</b>	<b>533.841.372.098</b>

Phải trả người bán là các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	297.702.188.714	138.472.295.637
Hannover Re	1.564.436.720	186.939.711
Hannover Re - Malaysia Branch	315.505.082	989.894.016
HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG	-	68.351.089
	<b>299.582.130.516</b>	<b>139.717.480.453</b>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	(Trình bày lại)	Thuế phải nộp	Thuế đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ	85.643.166	975.696.712	926.784.234	134.555.644
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.233.046.696	36.830.481.022	31.288.011.546	13.775.516.172
- Những năm trước	8.233.046.696	-	8.233.046.696	-
- Năm 2021	-	36.830.481.022	23.054.964.850	13.775.516.172
Thuế thu nhập cá nhân	1.867.333.955	13.601.064.517	12.730.098.595	2.738.299.877
Thuế nhà thầu	180.175.055	1.071.574.296	1.098.543.174	153.206.177
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>10.366.198.872</b>	<b>52.481.816.547</b>	<b>46.046.437.549</b>	<b>16.801.577.870</b>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư cuối năm phản ánh số dư quỹ lương bổ sung tương ứng với phần lợi nhuận vượt kế hoạch cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trích lập theo Quy chế trả lương của Tổng Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 39/QĐ-PVIRE ngày 30 tháng 9 năm 2020.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	96.489.804.916	113.730.285.108
- Số dư đầu năm	113.730.285.108	116.351.340.192
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	205.193.664.403	249.112.300.979
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(222.434.144.595)	(251.733.356.063)
- Số dư cuối năm	96.489.804.916	113.730.285.108
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.372.295.710	3.023.010.063
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	846.996.390	769.970.990
- Các khoản phải trả phải nộp khác	3.525.299.320	2.253.039.073
	<b>100.862.100.626</b>	<b>116.753.295.171</b>

Phải trả khác cho các bên liên quan:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần PVI	1.222.140.376	437.279.018
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	63.636.363	63.636.363
	<b>1.285.776.739</b>	<b>500.915.381</b>

15. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối năm		
	Dự phòng nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
1. Dự phòng bồi thường	2.433.029.015.249	1.920.162.906.765	512.866.108.484
<i>Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết</i>	<i>2.351.523.058.387</i>	<i>1.871.527.086.162</i>	<i>479.995.972.225</i>
<i>Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo</i>	<i>81.505.956.862</i>	<i>48.635.820.603</i>	<i>32.870.136.259</i>
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	796.219.120.133	455.434.180.580	340.784.939.553
	<b>3.229.248.135.382</b>	<b>2.375.597.087.345</b>	<b>853.651.048.037</b>

Trong đó chi tiết:

Dự phòng bồi thường	Số cuối năm		
	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	2.067.277.539.843	1.602.490.321.058	464.787.218.785
Số trích lập trong năm	365.751.475.406	317.672.585.707	48.078.889.699
Số dư cuối kỳ	<b>2.433.029.015.249</b>	<b>1.920.162.906.765</b>	<b>512.866.108.484</b>

Dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối năm		
	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	736.611.334.127	443.415.199.263	293.196.134.864
Số trích lập trong năm	59.607.786.006	12.018.981.317	47.588.804.689
Số dư cuối năm	<b>796.219.120.133</b>	<b>455.434.180.580</b>	<b>340.784.939.553</b>

Dự phòng dao động lớn	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	105.590.899.255	90.390.611.219
Số trích lập thêm trong năm	19.722.075.112	15.200.288.036
Số dư cuối năm	<b>125.312.974.367</b>	<b>105.590.899.255</b>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>39.608.038.763</b>	<b>92.648.681.923</b>	<b>860.256.720.686</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	146.758.719.483	146.758.719.483
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	7.346.015.686	(7.346.015.686)	-
Chi trả cổ tức	-	-	(50.960.000.000)	(50.960.000.000)
Trích các quỹ trong năm	-	-	(13.301.898.763)	(13.301.898.763)
<b>Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>46.954.054.449</b>	<b>167.799.486.957</b>	<b>942.753.541.406</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	145.780.678.146	145.780.678.146
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	7.412.254.338	(7.412.254.338)	-
Chi trả cổ tức (ii)	-	-	(182.000.000.000)	(182.000.000.000)
Trích các quỹ trong năm (iii)	-	-	(11.692.019.907)	(11.692.019.907)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>54.366.308.787</b>	<b>112.475.890.858</b>	<b>894.842.199.645</b>

- (i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 77, Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.
- (ii) Chia cổ tức cho cổ đông bao gồm:
- Tạm ứng cổ tức lần 01 năm 2020 theo Nghị quyết số 17/NQ-PVIRE ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Quản trị với số tiền 65.520.000.000 VND, tương ứng 9% vốn điều lệ.
  - Chia cổ tức phần còn lại của năm 2020 với số tiền 50.960.000.000 VND, tương ứng 7% vốn điều lệ. Tỷ lệ cổ tức năm 2020 được duyệt là 16% vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021.
  - Tạm ứng cổ tức lần 01 năm 2021 theo Nghị quyết số 35/NQ-PVIRE ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Quản trị với số tiền 65.520.000.000 VND, tương ứng 9% vốn điều lệ.
- (iii) Tổng Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

17. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí nhận tái bảo hiểm	1.630.119.137.248	1.481.693.447.821
Bảo hiểm tài sản	617.882.931.579	514.512.417.582
Bảo hiểm kỹ thuật	254.106.946.351	255.329.770.081
Bảo hiểm xe cơ giới	198.512.457.716	118.324.510.003
Bảo hiểm thân tàu và P&I	165.316.378.527	142.234.436.526
Bảo hiểm cháy nổ	157.740.910.233	181.210.291.349
Bảo hiểm hàng hoá	126.223.244.330	113.939.078.462
Bảo hiểm năng lượng	38.571.337.934	49.303.445.491
Bảo hiểm con người	13.347.878.587	1.469.303.703
Bảo hiểm hàng không	(971.356.797)	4.911.539.326
Bảo hiểm khác	59.388.408.788	100.458.655.298
(Tăng) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	(59.607.786.006)	(2.175.450.887)
	<b>1.570.511.351.242</b>	<b>1.479.517.996.934</b>

18. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	972.716.633.517	975.017.179.955
Bảo hiểm tài sản	411.326.360.519	392.231.300.275
Bảo hiểm kỹ thuật	147.532.381.877	186.634.546.995
Bảo hiểm xe cơ giới	3.237.053.092	2.568.141.438
Bảo hiểm thân tàu và P&I	106.468.692.835	92.351.124.874
Bảo hiểm cháy nổ	155.710.312.576	158.914.668.679
Bảo hiểm hàng hoá	92.611.267.290	68.600.564.342
Bảo hiểm năng lượng	42.049.641.346	32.105.004.292
Bảo hiểm con người	996.744.139	739.619.138
Bảo hiểm hàng không	(4.667.515)	84.942.508
Bảo hiểm khác	12.788.847.358	40.787.267.414
(Tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(12.018.981.317)	(3.165.752.185)
	<b>960.697.652.200</b>	<b>971.851.427.770</b>

19. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi bồi thường	825.525.728.022	674.452.632.649
Bảo hiểm tài sản	258.851.026.227	148.579.330.568
Bảo hiểm kỹ thuật	57.830.934.994	94.200.076.695
Bảo hiểm xe cơ giới	52.934.709.084	51.806.878.895
Bảo hiểm thân tàu và P&I	165.783.009.860	95.906.038.778
Bảo hiểm cháy nổ	52.697.399.716	152.978.278.335
Bảo hiểm hàng hoá	120.022.831.855	27.748.907.085
Bảo hiểm năng lượng	102.342.752.477	66.282.657.984
Bảo hiểm con người	1.116.115.201	86.084.236
Bảo hiểm hàng không	3.176.690.628	3.285.397.422
Bảo hiểm khác	10.770.257.980	33.578.982.651
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(625.948.058.350)	(483.292.838.543)
Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	365.751.475.406	(10.412.613.255)
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(317.672.585.707)	47.572.363.967
	<b>247.656.559.371</b>	<b>228.319.544.818</b>

20. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	414.737.005.980	381.840.093.319
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	6.437.112.518	5.299.157.064
Chi khác nhận tái bảo hiểm	16.052.392.549	9.094.130.147
Chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm khác	52.812.411.803	41.603.142.269
Trong đó:		
Chi phí nhân viên	28.033.097.011	17.637.281.889
Chi phí đồ dùng văn phòng	312.725.665	248.583.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.771.123.143	2.045.508.797
Chi phí khác bằng tiền	22.695.465.984	21.671.768.569
	<b>490.038.922.850</b>	<b>437.836.522.799</b>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu	94.539.282.606	104.596.861.157
Lãi chênh lệch tỷ giá	23.296.191.511	14.994.099.893
Cổ tức, lợi nhuận được chia	37.041.090.500	28.247.490.500
	<b>154.876.564.617</b>	<b>147.838.451.550</b>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.043.720.226	16.855.186.027
Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư	636.363.636	636.363.636
Chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính	7.479.071.203	5.855.561.642
	<b>27.159.155.065</b>	<b>23.347.111.305</b>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	24.980.969.597	20.230.074.660
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.366.519.931	1.083.310.553
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.174.864.990	2.093.058.873
Thuế, phí và lệ phí	3.566.636.101	3.402.520.410
(Hoàn nhập) dự phòng	(744.052.405)	(1.116.920.856)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.360.224.280	6.142.082.222
Chi phí khác bằng tiền	2.369.410.405	2.402.168.575
	<b>39.074.572.899</b>	<b>34.236.294.437</b>

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi bồi thường bảo hiểm	247.656.559.371	228.319.544.818
Tăng dự phòng dao động lớn	19.722.075.112	15.200.288.036
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	414.737.005.980	381.840.093.319
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	6.437.112.518	5.299.157.064
Chi khác nhận tái bảo hiểm	16.052.392.549	9.094.130.147
Chi phí nhân viên	53.014.066.608	37.867.356.549
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.174.864.990	2.093.058.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.131.347.423	8.187.591.019
(Hoàn nhập) dự phòng	(744.052.405)	(1.116.920.856)
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.679.245.596	1.331.893.567
Chi phí khác bằng tiền	28.631.512.490	27.476.457.554
	<b>796.492.130.232</b>	<b>715.592.650.090</b>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>182.599.385.261</b>	<b>181.621.550.427</b>
<b>Các khoản điều chỉnh</b>		
Cộng:	3.029.929.844	1.093.028.038
- <i>Thu lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</i>	<i>184.700.759</i>	<i>172.099.999</i>
- <i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tài sản có gốc ngoại tệ</i>	<i>2.464.408.611</i>	<i>161.594.228</i>
- <i>Chi phí không được khấu trừ khác</i>	<i>380.820.474</i>	<i>759.333.811</i>
Trừ:	(1.535.779.530)	(8.568.511.113)
- <i>Doanh thu không chịu thuế (Cổ tức từ Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI và Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp)</i>	<i>(1.235.779.530)</i>	<i>(7.519.354.676)</i>
- <i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước nhưng đã thực hiện năm nay</i>	-	<i>(881.069.069)</i>
- <i>Các khoản không chịu thuế khác</i>	<i>(300.000.000)</i>	<i>(168.087.368)</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>184.093.535.575</b>	<b>174.146.067.352</b>
Thuế suất phổ thông	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>36.818.707.115</b>	<b>34.829.213.470</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	33.617.474
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>36.818.707.115</b>	<b>34.862.830.944</b>

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>145.780.678.146</b>	<b>146.758.719.483</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	145.780.678.146	146.758.719.483
Trừ số trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	(11.662.454.251)	(11.692.019.907)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>134.118.223.895</b>	<b>135.066.699.576</b>
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	72.800.000	72.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.842</b>	<b>1.855</b>

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 03.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.995.524.279	37.995.524.279	54.685.820.990	54.685.820.990
Phải thu khách hàng và phải thu khác	416.963.597.712	416.963.597.712	431.657.664.386	431.657.664.386
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.963.544.154.499	1.978.584.993.060	1.764.507.450.000	1.780.004.021.169
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.418.503.276.490</b>	<b>2.433.544.115.051</b>	<b>2.250.850.935.376</b>	<b>2.266.347.506.545</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả cho người bán và phải trả khác	636.503.531.617	636.503.531.617	536.094.411.171	536.094.411.171
<b>Tổng cộng</b>	<b>636.503.531.617</b>	<b>636.503.531.617</b>	<b>536.094.411.171</b>	<b>536.094.411.171</b>

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính bằng giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và công nợ tài chính, ngoại trừ giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI cũng như giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI như trình bày tại Thuyết minh số 05.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro tái bảo hiểm**

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng tái bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm. Việc đánh giá rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược nhận tái bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm nhận tái bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa đủ độ thanh khoản.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Tài sản (VND tương đương)</b>		<b>Công nợ (VND tương đương)</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đô la Mỹ (USD)	207.390.987.690	214.491.067.473	335.087.084.868	230.589.117.222
Euro (EUR)	27.258.335.724	12.064.472.469	38.491.502.354	6.909.607.976
Won Hàn Quốc (KRW)	6.919.699.256	5.544.278.608	12.297.471.086	21.132.071.870
Rupee Ấn Độ (INR)	571.535.012	1.517.096.288	2.386.245.038	1.018.873.402
Khác	3.713.303.963	5.070.621.018	3.729.433.923	4.149.906.772

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Won Hàn Quốc và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

<b>Loại tiền</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đô la Mỹ (USD)	(2.553.921.944)	(321.960.995)
Won Hàn Quốc (KRW)	(107.555.437)	(311.755.865)
Euro (EUR)	(224.663.333)	103.097.290

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tín thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong

tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền	37.995.524.279	-	37.995.524.279
Phải thu khách hàng và phải thu khác	416.963.597.712	-	416.963.597.712
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.219.628.504.499	743.915.650.000	1.963.544.154.499
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.674.587.626.490</b>	<b>743.915.650.000</b>	<b>2.418.503.276.490</b>
Phải trả cho người bán và phải trả khác	636.503.531.617	-	636.503.531.617
<b>Tổng cộng</b>	<b>636.503.531.617</b>	<b>-</b>	<b>636.503.531.617</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.038.084.094.873</b>	<b>743.915.650.000</b>	<b>1.781.999.744.873</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
<b>Số đầu năm</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.685.820.990	-	54.685.820.990
Phải thu khách hàng và phải thu khác	431.657.664.386	-	431.657.664.386
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.174.959.000.000	589.548.450.000	1.764.507.450.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.661.302.485.376</b>	<b>589.548.450.000</b>	<b>2.250.850.935.376</b>
Phải trả cho người bán và phải trả khác	536.094.411.171	-	536.094.411.171
<b>Tổng cộng</b>	<b>536.094.411.171</b>	<b>-</b>	<b>536.094.411.171</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.125.208.074.205</b>	<b>589.548.450.000</b>	<b>1.714.756.524.205</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## **28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty Cổ phần PVI	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	Cùng chủ sở hữu
Hannover Re	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Re - Malaysia Branch	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Rück SE - Malaysia Branch	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ

*Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ	2.871.258.324	2.592.917.116
Cổ tức đã trả	133.067.062.500	37.258.777.500
Mua tài sản cố định	-	533.000.000
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	988.798.492.953	921.985.023.710
Chi hoa hồng và chi phí khác nhận tái bảo hiểm	268.519.011.301	232.147.749.477
Chuyển phí nhượng tái	190.350.744.554	162.515.836.923
Phí nhượng tái được hoàn	2.332.759.859	3.606.359.168
Doanh thu hoa hồng và thu khác nhượng tái bảo hiểm	53.227.913.204	58.447.519.139
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	81.052.711.192	69.030.378.094
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	642.767.538.855	462.414.896.853
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI</b>		
Phí tư vấn đầu tư	636.363.636	636.363.636
<b>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI</b>		
Cổ tức được nhận	18.409.090.500	18.409.090.500
<b>Quỹ đầu tư Hạ tầng PVI</b>		
Cổ tức được nhận	18.632.000.000	9.838.400.000
<b>Hannover Re - Malaysia Branch</b>		
Chuyển phí nhượng tái	1.013.870.674	3.463.286.762
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	2.262.151.077	1.613.788.030
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	(14.777.687)	944.998.128
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	1.233.194	(2.141.797)
<b>Hannover Re</b>		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	21.396.619.724	17.099.116.856
Chuyển phí nhượng tái	(168.199.255)	788.150.695
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	4.126.319.730	5.693.535.172
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	35.998.757	20.460.096
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	(59.710.572)	279.793.982

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Phải thu khác	31.149.532	1.110.127.650
Phải trả khác	1.222.140.376	437.279.018
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	137.063.022.034	140.197.940.264
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	297.702.188.714	138.472.295.637
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI</b>		
Phải trả khác	63.636.363	63.636.363
<b>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI</b>		
Đầu tư góp vốn	204.545.450.000	204.545.450.000
<b>Quỹ đầu tư Hạ tầng PVI</b>		
Đầu tư góp vốn	274.000.000.000	104.000.000.000
Phải thu về cổ tức được chia	18.632.000.000	-
<b>Hannover Re</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	364.101.710	50.877.377
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	1.564.436.720	186.939.711
<b>Hannover Re - Malaysia Branch</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	162.381.422	-
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	315.505.082	989.894.016
<b>HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG</b>		
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	-	68.351.089

**Thu nhập của Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc đã nhận trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Vũ Văn Thắng	810.058.811	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	601.354.565	1.308.762.900
Ông Trịnh Văn Lượng	63.857.143	-
Ông Trương Minh Đức	26.614.286	32.400.000
Ông Lâm Nhật Sơn	13.371.429	32.400.000
Ông Nguyễn Anh Vũ	13.371.429	24.668.182
Ông Alexander Nicolai Neumann	13.371.429	24.668.182
Ông Trần Duy Cường	5.785.714	-
Ông Dương Thanh Francois	-	10.431.818
Bà Phạm Thị Thanh Nga	-	7.731.818
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Trịnh Anh Tuấn	3.519.309.167	1.547.284.425
Bà Lê Thị Thúy	2.134.139.067	1.143.575.685
Ông Nguyễn Hồng Long	2.089.893.567	1.109.558.415
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	1.473.921.037	909.585.257
Ông Ngô Thanh Hải	1.448.249.067	890.135.845
	<b>12.213.296.711</b>	<b>7.041.202.527</b>

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tăng vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI bằng việc chuyển giao các hợp đồng tiền gửi	170.000.000.000	-

30. BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

Năm tổn thất	2017 VND	2018 VND	2019 VND	2020 VND	2021 VND	Tổng số VND
<b>Số ước tính chi bồi thường lũy kế</b>						
Vào cuối năm tổn thất	445.419.378.483	366.870.411.602	298.794.437.187	298.508.704.931	1.063.906.787.030	1.063.906.787.030
1 năm sau	814.040.876.076	751.265.014.622	666.634.624.206	570.673.702.662	-	570.673.702.662
2 năm sau	792.228.149.755	863.547.940.661	688.811.349.752	-	-	688.811.349.752
3 năm sau	798.035.182.472	794.021.698.615	-	-	-	794.021.698.615
4 năm sau	743.758.038.076	-	-	-	-	743.758.038.076
<b>Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (1)</b>	<b>743.758.038.076</b>	<b>794.021.698.615</b>	<b>688.811.349.752</b>	<b>570.673.702.662</b>	<b>1.063.906.787.030</b>	<b>3.861.171.576.135</b>
<b>Số đã chi trả bồi thường lũy kế</b>						
Vào cuối năm tổn thất	96.571.143.302	20.812.452.370	37.816.822.787	37.331.936.925	110.009.482.576	110.009.482.576
1 năm sau	363.463.228.779	187.685.452.868	330.811.470.517	247.569.522.678	-	247.569.522.678
2 năm sau	523.183.456.087	357.890.461.179	482.302.619.676	-	-	482.302.619.676
3 năm sau	580.770.903.526	601.890.900.309	-	-	-	601.890.900.309
4 năm sau	617.085.431.373	-	-	-	-	617.085.431.373
<b>Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)</b>	<b>617.085.431.373</b>	<b>601.890.900.309</b>	<b>482.302.619.676</b>	<b>247.569.522.678</b>	<b>110.009.482.576</b>	<b>2.058.857.956.612</b>
<b>Dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3)=(1)-(2)</b>	<b>126.672.606.703</b>	<b>192.130.798.306</b>	<b>206.508.730.076</b>	<b>323.104.179.984</b>	<b>953.897.304.454</b>	<b>1.802.313.619.523</b>
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước						549.209.438.864
<b>Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm</b>						<b>2.351.523.058.387</b>

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư tài chính. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và của niên độ trước là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Tổng Công ty thực hiện kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư tài chính chủ yếu tại thị trường Việt Nam.

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Tổng Công ty và cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.



Vi Ngọc Sơn  
Người lập biểu



Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2022

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**PVIRe**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022





**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 36



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Văn Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Phúc Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trịnh Văn Lượng	Thành viên
Ông Trần Duy Cường	Thành viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022)
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trình Anh Tuấn đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trình Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022

Số: 0192 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 03 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Hoài Nam  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0042-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 03 tháng 8 năm 2022  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>4.681.020.695.607</b>	<b>4.253.525.286.193</b>
I. Tiền	110	4	23.795.210.004	37.995.524.279
1. Tiền	111		23.795.210.004	37.995.524.279
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.343.729.504.497	1.219.628.504.499
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.343.729.504.497	1.219.628.504.499
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		802.530.421.401	417.008.124.001
1. Phải thu khách hàng	131	6	803.049.444.222	420.795.181.753
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		736.913.628.998	358.615.337.133
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		66.135.815.224	62.179.844.620
2. Phải thu ngắn hạn khác	135		3.687.456.515	915.205.280
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(4.206.479.336)	(4.702.263.032)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		268.105.839.171	203.296.046.069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	268.105.839.171	203.296.046.069
1.1. Chi hoa hồng chưa phân bổ	151.1		267.720.983.941	203.013.143.158
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		384.855.230	282.902.911
V. Tài sản tái bảo hiểm	190		2.242.859.720.534	2.375.597.087.345
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	15	483.534.594.481	455.434.180.580
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	15	1.759.325.126.053	1.920.162.906.765
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>751.315.733.710</b>	<b>774.642.581.594</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.000.000.000	8.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		8.000.000.000	8.000.000.000
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		8.000.000.000	8.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		522.744.240	679.071.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	285.206.337	353.430.135
Nguyên giá	222		6.390.887.385	6.299.939.385
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.105.681.048)	(5.946.509.250)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	237.537.903	325.641.099
Nguyên giá	228		23.908.313.000	23.908.313.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.670.775.097)	(23.582.671.901)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	721.126.830.000	743.915.650.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		721.126.830.000	743.915.650.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		21.666.159.470	22.047.860.360
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	21.666.159.470	22.047.860.360
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>5.432.336.429.317</b>	<b>5.028.167.867.787</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>4.511.336.789.157</b>	<b>4.133.325.668.142</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.511.336.789.157</b>	<b>4.133.325.668.142</b>
1. Phải trả cho người bán	312	11	784.754.513.925	632.978.232.297
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		738.171.868.668	597.251.931.058
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		46.582.645.257	35.726.301.239
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	9.017.168.164	16.801.577.870
3. Phải trả người lao động	315		4.402.484.741	22.737.642.700
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	148.346.409.914	100.862.100.626
4.1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		103.411.348.713	96.489.804.916
4.2. Các khoản phải trả khác	319.2		44.935.061.201	4.372.295.710
5. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	14	121.667.265.940	-
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.176.357.184	5.385.004.900
7. Dự phòng nghiệp vụ	329		3.433.972.589.289	3.354.561.109.749
7.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1	15	967.755.117.503	796.219.120.133
7.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2	15	2.322.072.683.919	2.433.029.015.249
7.3. Dự phòng dao động lớn	329.3	15	144.144.787.867	125.312.974.367
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>920.999.640.160</b>	<b>894.842.199.645</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>920.999.640.160</b>	<b>894.842.199.645</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		728.000.000.000	728.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		58.448.048.509	54.366.308.787
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		134.551.591.651	112.475.890.858
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>5.432.336.429.317</b>	<b>5.028.167.867.787</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	565.830	649.532
Bảng Anh	GBP		6.637
Euro	EUR		4.754

Trần Thị Thùy Nhung  
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022*

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ TỔNG HỢP**

*Đơn vị: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	641.229.669.685	470.995.390.438
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	69.119.839.358	59.422.302.843
3. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	583.684.398.589	424.853.467.359
4. Chi phí hoạt động tài chính	22	12.751.890.719	11.800.204.433
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	9.380.998.663	12.780.785.982
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12-20-22-23)	50	104.532.221.072	80.983.235.507
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20.125.746.651	16.477.974.781
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
9. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	84.406.474.421	64.505.260.726
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.110	815

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>1.114.105.577.364</b>	<b>883.220.490.709</b>
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		1.285.641.574.734	936.971.208.663
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		171.535.997.370	53.750.717.954
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>18</b>	<b>629.814.044.168</b>	<b>550.591.721.288</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		657.914.458.069	550.653.291.331
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		28.100.413.901	61.570.043
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>03</b>		<b>484.291.533.196</b>	<b>332.628.769.421</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)</b>	<b>04</b>		<b>156.938.136.489</b>	<b>138.366.621.017</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		141.159.226.644	128.067.333.507
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		15.778.909.845	10.299.287.510
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10</b>		<b>641.229.669.685</b>	<b>470.995.390.438</b>
<b>6. Chi bồi thường</b>	<b>11</b>		<b>452.843.226.575</b>	<b>343.141.779.552</b>
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>283.143.473.783</b>	<b>256.989.348.067</b>
<b>8. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm</b>	<b>13</b>		<b>(110.956.331.330)</b>	<b>24.332.114.389</b>
<b>9. (Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>(160.837.780.712)</b>	<b>(34.924.148.833)</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)</b>	<b>15</b>	<b>19</b>	<b>219.581.202.174</b>	<b>145.408.694.707</b>
<b>11. Tăng dự phòng dao động lớn</b>	<b>16</b>		<b>18.831.813.500</b>	<b>11.589.537.520</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)</b>	<b>17</b>	<b>20</b>	<b>345.271.382.915</b>	<b>267.855.235.132</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		308.200.796.194	234.274.002.557
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		37.070.586.721	33.581.232.575
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)</b>	<b>18</b>		<b>583.684.398.589</b>	<b>424.853.467.359</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022*

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		57.545.271.096	46.141.923.079
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	21	69.119.839.358	59.422.302.843
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	22	12.751.890.719	11.800.204.433
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		56.367.948.639	47.622.098.410
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	9.380.998.663	12.780.785.982
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)	30		104.532.221.072	80.983.235.507
20. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)	50		104.532.221.072	80.983.235.507
21. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	20.125.746.651	16.477.974.781
22. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		84.406.474.421	64.505.260.726
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.110	815

  
Trần Thị Thùy Nhung  
Người lập biểu

  
Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng

  
Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu phí, hoa hồng và bồi thường	01	307.348.063.658	309.820.425.157
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	402.592.697	1.483.401.268
3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(93.966.300.842)	(27.753.654.559)
4. Trả tiền phí bảo hiểm, hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(204.152.312.245)	(172.894.934.855)
5. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(22.938.685.647)	(14.487.848.757)
6. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	08	(22.328.835.332)	(25.268.775.610)
7. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(34.917.186.768)	(26.158.332.541)
8. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(1.852.899.000)	(2.162.264.036)
9. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(3.473.333.960)	(5.378.381.193)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(75.878.897.439)</b>	<b>37.199.634.874</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	162.000.000.000	454.000.000.000
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	55.421.131.668	41.538.279.435
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(263.578.380.000)	(467.000.000.000)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(90.948.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(46.248.196.332)</b>	<b>28.538.279.435</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu do đi vay	31	121.667.265.940	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.692.850.815)	(64.675.612.395)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>107.974.415.125</b>	<b>(64.675.612.395)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(14.152.678.646)</b>	<b>1.062.301.914</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>37.995.524.279</b>	<b>54.685.820.990</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(47.635.629)	(94.901.004)
<b>Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>25.795.210.004</b>	<b>55.653.221.900</b>

  
 Trần Thị Thủy Nhung  
 Người lập biểu

  
 Ngô Thanh Hải  
 Kế toán trưởng



  
 Trịnh An h Tuấn  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Công ty Tái bảo hiểm PVI - được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 66GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01 tháng 10 năm 2013, Công ty Tái Bảo hiểm PVI chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI. Theo Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21 tháng 9 năm 2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 728.000.000.000 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2020, toàn bộ 72.800.000 cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (mã chứng khoán: PRE).

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là "PVI Holdings"), tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.

Số vốn thực góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

	Vốn thực góp tại ngày cuối kỳ		Vốn thực góp tại ngày đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần PVI	532.268.250.000	73,11%	532.268.250.000	73,11%
Các cổ đông khác	195.731.750.000	26,89%	195.731.750.000	26,89%
	<b>728.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 41 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 42 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty như sau:

- Tái bảo hiểm;
- Kinh doanh đầu tư tài chính.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

### **Lước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

##### **Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay ngắn hạn và các khoản phải trả khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản đầu tư vào trái phiếu và ủy thác đầu tư vào trái phiếu có thời điểm tất toán được thống nhất trước với công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, lãi trái phiếu và lãi ủy thác đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có).

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Thiết bị văn phòng

Số năm

3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm; giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng; chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác được coi là có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này thực tế đã phát sinh, liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chính sách kế toán đối với chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán "Ghi nhận chi phí".

### **Ký quỹ bảo hiểm**

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### **Các khoản dự phòng (không bao gồm dự phòng nghiệp vụ)**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

### **Dự phòng nghiệp vụ**

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm và phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) theo phê duyệt của Bộ Tài chính tại Công văn số 14427/BTC-QLBH ngày 20 tháng 11 năm 2018. Theo đó:

#### ***Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ***

##### **Dự phòng phí**

***- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống.***

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

***- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm.***

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: phương pháp 1/8.

**Dự phòng bồi thường:**

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

**Dự phòng dao động lớn:**

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính. Do đó, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong kỳ. Việc trích lập được thực hiện đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí giữ lại trong kỳ hoạt động của Tổng Công ty.

**Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe**

**Dự phòng toán học**

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được lập như sau:

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật vĩnh viễn: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe khác: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

**Dự phòng phí**

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ 50% của tổng phí bảo hiểm.

**Dự phòng bồi thường**

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

**Dự phòng đập bảo cân đối:**

Được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại trong kỳ và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.



Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Theo đó, các khoản dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

#### **Các quỹ tại doanh nghiệp**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### ***Đối với hoạt động tái bảo hiểm***

Phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận trong kỳ.

Hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

Cuối kỳ hoạt động, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong kỳ để chuyển sang phân bổ vào các kỳ hoạt động sau theo phương pháp tính dự phòng phí nêu trên.

##### ***Đối với các hoạt động khác***

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ khoản đầu tư vào trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ghi nhận chi phí**

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với số phí nhận tái bảo hiểm phát sinh trong kỳ. Trong kỳ, toàn bộ hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm.

Cuối kỳ hoạt động, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các kỳ hoạt động sau theo phương pháp tính dự phòng phí nêu trên.

Chi phí lãi vay từ các khoản vay ngắn hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự chi.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	177.462.444	177.462.444
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.617.747.560	37.818.061.835
	<u>23.795.210.004</u>	<u>37.995.524.279</u>

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>1.486.310.884.497</b>	<b>1.486.310.884.497</b>	-	<b>1.484.998.704.499</b>	<b>1.484.998.704.499</b>	-
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.343.729.504.497</b>	<b>1.343.729.504.497</b>	-	<b>1.219.628.504.499</b>	<b>1.219.628.504.499</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.222.959.000.000	1.222.959.000.000	-	1.098.591.800.000	1.098.591.800.000	-
- Ủy thác đầu tư ngắn hạn (ii)	120.770.504.497	120.770.504.497	-	121.036.704.499	121.036.704.499	-
<b>Dài hạn</b>	<b>142.581.380.000</b>	<b>142.581.380.000</b>	-	<b>265.370.200.000</b>	<b>265.370.200.000</b>	-
- Trái phiếu (iii)	122.581.380.000	122.581.380.000	-	100.003.000.000	100.003.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (iv)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	165.367.200.000	165.367.200.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>578.545.450.000</b>	<b>597.937.950.149</b>	-	<b>478.545.450.000</b>	<b>493.586.288.561</b>	-
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (v)	304.545.450.000	309.986.833.599	-	204.545.450.000	218.193.764.579	-
- Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (vi)	274.000.000.000	287.951.116.550	-	274.000.000.000	275.392.523.982	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, hợp đồng tiền gửi số 44805.21.004.893.2059.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ với số tiền gốc là 75.000.000.000 VND; hợp đồng tiền gửi số 1811/2021TG/TBHPVI-TPB với số tiền gốc là 136.000.000.000 VND và hợp đồng tiền gửi số 0312/2021TG/TBHPVI-TPB với số tiền gốc là 12.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong đang được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công (Thuyết minh số 14).
- (ii) Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI vào trái phiếu có bảo lãnh với thời hạn ủy thác 12 tháng.
- (iii) Phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và tổ chức tín dụng có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (iv) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (v) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"), chiếm tỷ lệ 15,23% vốn điều lệ của POF.
- (vi) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"), chiếm tỷ lệ 18,27% vốn điều lệ của PIF.
- (\*) Giá trị hợp lý được xác định như sau:
- Đối với các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất biến động theo lãi suất thị trường.
  - Đối với các khoản góp vốn thành lập POF và PIF, giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.
  - Đối với các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do (i) thời gian đáo hạn ngắn và/hoặc (ii) không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.



**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	736.913.628.998	358.615.337.133
- Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	472.897.896.470	182.233.019.129
- Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	264.015.732.528	176.382.318.004
Lãi dự thu từ các khoản đầu tư tài chính	66.135.815.224	62.179.844.620
	<b>803.049.444.222</b>	<b>420.795.181.753</b>

*Trong đó:*

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu khách hàng trong nước	664.646.607.934	333.451.825.537
Phải thu khách hàng nước ngoài	138.402.836.288	87.343.356.216
	<b>803.049.444.222</b>	<b>420.795.181.753</b>

*Phải thu khách hàng là các bên liên quan:*

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	313.504.398.232	137.063.022.034
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	-	18.632.000.000
Hannover Re	628.588.922	364.101.710
Hannover Re - Malaysia Branch	597.893.857	162.251.422
	<b>314.132.987.154</b>	<b>156.221.505.166</b>

**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	7.069.357.031	2.863.377.895	4.206.479.336	6.355.467.178	1.653.204.146	4.702.263.032
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	3.413.132.573	715.750.629	2.697.381.944	4.419.289.435	788.300.534	3.630.988.901
- Trust Re Malaysia	1.557.217.740	1.076.269.264	480.948.476	-	-	3.630.988.901
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	501.945.442	210.652.917	290.392.525	500.588.331	204.374.397	296.213.934
- Miller (Labuan) Malaysia	362.727.958	251.814.847	110.913.111	486.792.306	312.240.803	174.051.503
- AON Re Asia	188.245.067	8.181.532	180.063.535	227.919.243	11.191.633	216.727.610
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	210.715.503	113.103.261	97.612.242
- Tokio Marine Kân Singapore Pte Limited	161.611.971	80.805.986	80.805.985	161.611.971	113.128.380	48.483.591
- Phải thu các đối tượng khác	885.876.280	519.902.520	365.973.760	349.050.389	110.865.138	238.185.251

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>268.105.839.171</b>	<b>203.296.046.069</b>
- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	267.720.983.941	203.013.143.158
<i>Số dư đầu kỳ/năm</i>	<i>203.013.143.158</i>	<i>197.814.338.064</i>
<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm</i>	<i>372.908.636.977</i>	<i>419.935.811.074</i>
<i>Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm</i>	<i>(308.200.796.194)</i>	<i>(414.737.005.980)</i>
<i>Số dư cuối kỳ/năm</i>	<i>267.720.983.941</i>	<i>203.013.143.158</i>
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	109.953.682
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	384.855.230	172.949.229
<b>b) Dài hạn</b>	<b>21.666.159.470</b>	<b>22.047.860.360</b>
- Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ tại Tòa nhà PVI Tower	19.849.832.870	21.593.698.328
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.816.326.600	454.162.032
	<b>289.771.998.641</b>	<b>225.343.906.429</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Thiết bị văn phòng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu kỳ	6.299.939.385
Tăng trong năm	90.948.000
- Mua sắm mới	90.948.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.390.887.385</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu kỳ	5.946.509.250
Trích khấu hao	159.171.798
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.105.681.048</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu kỳ	353.430.135
Tại ngày cuối kỳ	285.206.337

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 5.785.671.385 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 5.032.271.385 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu kỳ	23.908.313.000
Số dư cuối kỳ	<u>23.908.313.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu kỳ	23.582.671.901
Trích khấu hao	88.103.196
Số dư cuối kỳ	<u>23.670.775.097</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu kỳ	<u>325.641.099</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>237.537.903</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 23.375.313.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 23.375.313.000 VND).

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	738.171.868.668	597.251.931.058
- Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	438.041.081.220	284.043.656.198
- Phải trả bồi thường bảo hiểm	238.263.902.637	261.489.184.624
- Phải trả khác	61.866.884.811	51.719.090.236
Phải trả khác cho người bán	46.582.645.257	35.726.301.239
	<u>784.754.513.925</u>	<u>632.978.232.297</u>

Trong đó:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả người bán trong nước	561.624.535.212	464.562.760.293
Phải trả người bán nước ngoài	223.129.978.713	168.415.472.004
	<u>784.754.513.925</u>	<u>632.978.232.297</u>

Phải trả người bán là bên liên quan:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	249.311.649.993	297.702.188.714
Hannover Re	7.891.761.629	1.564.436.720
Hannover Re - Malaysia Branch	624.373.254	315.505.082
HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG	316.596.929	-
	<u>258.144.381.805</u>	<u>299.582.130.516</u>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Trong kỳ		Số cuối kỳ
		Thuế phải nộp	Thuế đã thực nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ	134.555.644	349.316.799	460.957.814	22.914.629
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.775.516.172	20.125.746.651	25.993.411.390	7.907.851.433
- Những năm trước	13.775.516.172	-	13.775.516.172	-
- 6 tháng đầu năm 2022	-	20.125.746.651	12.217.895.218	7.907.851.433
Thuế thu nhập cá nhân	2.738.299.877	6.045.496.375	7.953.268.862	830.527.390
Thuế nhà thầu	153.206.177	609.217.237	506.548.702	255.874.712
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>16.801.577.870</b>	<b>27.132.777.062</b>	<b>34.917.186.768</b>	<b>9.017.168.164</b>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	103.411.348.713	96.489.804.916
- Số dư đầu kỳ/năm	96.489.804.916	113.730.285.108
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	148.080.770.441	205.193.664.403
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(141.159.226.644)	(222.434.144.595)
- Số dư cuối kỳ/năm	103.411.348.713	96.489.804.916
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	44.935.061.201	4.372.295.710
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.247.651.928	846.996.390
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	43.687.409.273	3.525.299.320
	<b>148.346.409.914</b>	<b>100.862.100.626</b>

**Phải trả khác cho các bên liên quan:**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần PVI	38.187.363.809	1.222.140.376
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	82.752.080	63.636.363
	<b>38.270.115.889</b>	<b>1.349.413.102</b>

**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	<b>121.667.265.940</b>	-	<b>121.667.265.940</b>	<b>121.667.265.940</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	-	-	121.667.265.940	-	121.667.265.940	121.667.265.940
	-	-	<b>121.667.265.940</b>	-	<b>121.667.265.940</b>	<b>121.667.265.940</b>

- (\*) Số dư cuối kỳ phản ánh khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công theo Hợp đồng vay vốn số 01/22/HM/5551319 ngày 30 tháng 3 năm 2022 với hạn mức tối đa là 200.000.000.000 VND trong 12 tháng để tài trợ cho mục đích thanh toán chi phí tái bảo hiểm, lãi suất 4,6%/năm, thời hạn vay không quá 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng, gốc vay trả một lần khi đáo hạn. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5, khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công được Công ty thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ với số tiền gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 75.000.000.000 VND, và các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong với số tiền gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 148.000.000.000 VND.



15. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
1. Dự phòng bồi thường	2.322.072.683.919	1.759.325.126.053	562.747.557.866
<i>Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết</i>	2.223.133.208.753	1.705.326.247.115	517.806.961.638
<i>Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo</i>	98.939.475.166	53.998.878.938	44.940.596.228
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	967.755.117.503	483.534.594.481	484.220.523.022
	<b>3.289.827.801.422</b>	<b>2.242.859.720.534</b>	<b>1.046.968.080.888</b>

Trong đó chi tiết:

Dự phòng bồi thường	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.433.029.015.249	1.920.162.906.765	512.866.108.484
Số (hoàn nhập) trong kỳ	(110.956.331.330)	(160.837.780.712)	49.881.449.382
Số dư cuối kỳ	<b>2.322.072.683.919</b>	<b>1.759.325.126.053</b>	<b>562.747.557.866</b>

Dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhuộm tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	796.219.120.133	455.434.180.580	340.784.939.553
Số trích lập trong kỳ	171.535.997.370	28.100.413.901	143.435.583.469
Số dư cuối kỳ	<b>967.755.117.503</b>	<b>483.534.594.481</b>	<b>484.220.523.022</b>

Dự phòng dao động lớn	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	125.312.974.367	105.590.899.255
Số trích lập thêm trong kỳ/năm	18.831.813.500	19.722.075.112
Số dư cuối kỳ	<b>144.144.787.867</b>	<b>125.312.974.367</b>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>				
Số dư đầu kỳ trước	728.000.000.000	46.923.630.917	167.221.439.849	942.145.070.766
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	64.505.260.726	64.505.260.726
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	3.281.307.901	(3.281.307.901)	-
Chi trả cổ tức	-	-	(65.520.000.000)	(65.520.000.000)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	(11.692.019.907)	(11.692.019.907)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>50.204.938.818</b>	<b>151.233.372.767</b>	<b>929.438.311.585</b>
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>				
Số dư đầu kỳ này	728.000.000.000	54.366.308.787	112.475.890.858	894.842.199.645
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	84.406.474.421	84.406.474.421
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	4.081.739.722	(4.081.739.722)	-
Chi trả cổ tức (ii)	-	-	(50.960.000.000)	(50.960.000.000)
Trích các quỹ trong kỳ (iii)	-	-	(7.289.033.906)	(7.289.033.906)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>58.448.048.509</b>	<b>134.551.591.651</b>	<b>920.999.640.160</b>

- (i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 77, Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.
- (ii) Tạm ứng cổ tức lần 02 năm 2021 theo Nghị quyết số 25/NQ-PVIRe ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Quản trị với số tiền 50.960.000.000 VND, tương ứng 7% vốn điều lệ. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức là ngày 20 tháng 6 năm 2022.
- (iii) Tổng Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

**Cổ phần**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	72.800.000	72.800.000
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**17. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phí nhận tái bảo hiểm	1.285.641.574.734	936.971.208.663
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	413.118.656.567	359.103.983.144
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	213.917.444.108	114.737.203.033
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	190.283.815.291	146.536.041.556
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	158.439.782.260	75.291.170.548
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&amp;I</i>	97.307.762.919	107.045.523.914
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	96.293.691.693	75.274.962.235
<i>Bảo hiểm con người</i>	41.850.962.955	932.628.168
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	9.449.046.123	11.549.724.211
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	123.138.483	(1.089.891.653)
<i>Bảo hiểm khác</i>	64.857.274.335	47.589.863.507
(Tăng) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	(171.535.997.370)	(53.750.717.954)
	<b><u>1.114.105.577.364</u></b>	<b><u>883.220.490.709</u></b>

**18. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	657.914.458.069	550.653.291.331
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	262.742.968.258	247.590.790.960
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	156.059.479.790	69.960.984.592
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	86.095.930.521	77.152.346.019
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	63.874.273.288	50.807.426.695
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&amp;I</i>	58.923.945.433	83.606.449.306
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	11.346.127.136	10.780.157.401
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	1.090.621.165	2.148.264.131
<i>Bảo hiểm con người</i>	910.394.826	237.951.650
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	-	(6.365.133)
<i>Bảo hiểm khác</i>	16.870.717.652	8.375.285.710
(Tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(28.100.413.901)	(61.570.043)
	<b>629.814.044.168</b>	<b>550.591.721.288</b>

**19. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi bồi thường	452.843.226.575	343.141.779.552
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	195.820.875.436	159.118.746.045
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	25.753.599.239	34.133.525.652
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	63.734.994.138	30.635.916.393
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&amp;I</i>	54.882.550.394	68.792.566.662
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	59.080.151.051	26.419.700.927
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	12.375.827.687	9.121.101.911
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	27.223.942.139	6.937.473.054
<i>Bảo hiểm con người</i>	9.092.641.216	47.884.444
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	-	(41.372.281)
<i>Bảo hiểm khác</i>	4.878.645.275	7.976.236.745
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(283.143.473.783)	(256.989.348.067)
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	(110.956.331.330)	24.332.114.389
Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	160.837.780.712	34.924.148.833
	<b>219.581.202.174</b>	<b>145.408.694.707</b>

**20. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	308.200.796.194	234.274.002.557
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	3.124.250.236	3.512.558.692
Chi khác nhận tái bảo hiểm	12.339.114.255	10.635.356.750
Chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm khác	21.607.222.230	19.433.317.133
Trong đó:		
Chi phí nhân viên	9.788.063.187	8.191.217.735
Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước (i)	(4.659.900.215)	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	120.990.314	133.993.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	964.663.308	1.040.390.691
Chi phí khác bằng tiền	15.393.405.636	10.067.715.412
	<b>345.271.382.915</b>	<b>267.855.235.132</b>

- (i) Điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 về số tiền 13,35 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI số 01/BB-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí lương nhân viên kinh doanh, chi phí Lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	36.078.022.773	45.414.191.402
Lãi trái phiếu	8.714.697.997	3.694.383.561
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.318.181.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.008.937.088	10.313.727.880
	<b>69.119.839.358</b>	<b>59.422.302.843</b>

**22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.817.317.386	9.026.853.761
Chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính	1.809.610.961	2.455.168.854
Chi phí lãi vay	1.061.326.005	-
Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư	63.636.367	318.181.818
	<b>12.751.890.719</b>	<b>11.800.204.433</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.791.390.310	7.417.086.469
Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước (i)	(4.720.513.816)	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	547.383.809	544.909.610
Chi phí khấu hao TSCĐ	190.294.782	741.545.317
Thuế, phí và lệ phí	1.931.472.535	1.688.752.261
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(446.205.326)	(844.285.903)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.818.823.831	2.745.447.249
Chi phí khác bằng tiền	268.352.538	487.330.979
	<b>9.380.998.663</b>	<b>12.780.785.982</b>

(i) Điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 về số tiền 13,35 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI số 01/BB-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí Lương nhân viên kinh doanh, chi phí Lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

**24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi bồi thường bảo hiểm	219.581.202.174	145.408.694.707
Tăng dự phòng dao động lớn	18.831.813.500	11.589.537.520
Chi hoa hồng bảo hiểm	308.200.796.194	234.274.002.557
Chi môi giới nhận TBH	3.124.250.236	3.512.558.692
Chi khác nhận TBH	12.339.114.255	10.635.356.750
Chi phí nhân viên	18.579.453.497	15.608.304.204
Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước (i)	(9.380.414.031)	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	190.294.782	741.545.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.783.487.139	3.785.837.940
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(446.205.326)	(844.285.903)
Chi phí khác bằng tiền	18.261.604.832	12.922.701.557
	<b>593.065.397.252</b>	<b>437.634.253.341</b>

(i) Điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 về số tiền 13,35 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI số 01/BB-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí Lương nhân viên kinh doanh, chi phí Lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>104.532.221.072</b>	<b>80.983.235.507</b>
Các khoản điều chỉnh		
Cộng:	283.055.989	1.406.638.399
- Thủ lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	96.000.000	88.700.759
- Chi phí không được khấu trừ khác	187.055.989	197.040.350
- Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.120.897.290
Trừ:	(4.186.543.804)	-
- Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.836.543.834)	-
- Các khoản không chịu thuế khác	(1.349.999.970)	-
Thu nhập chịu thuế	<b>100.628.733.257</b>	<b>82.389.873.906</b>
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện tại	<b>20.125.746.651</b>	<b>16.477.974.781</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>20.125.746.651</b>	<b>16.477.974.781</b>

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 là số liệu tạm tính. Tổng Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>84.406.474.421</b>	<b>64.505.260.726</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	84.406.474.421	64.505.260.726
Trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.629.478.400)	(5.160.420.858)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>80.776.996.021</b>	<b>59.344.839.868</b>
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	72.800.000	72.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>1.110</b>	<b>815</b>

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	23.795.210.004	23.795.210.004	37.995.524.279	37.995.524.279
Phải thu khách hàng và phải thu khác	801.975.005.796	801.975.005.796	416.963.597.712	416.963.597.712
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	2.064.856.334.497	2.084.248.834.646	1.963.544.154.499	1.978.584.993.060
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.890.626.550.297</b>	<b>2.910.019.050.446</b>	<b>2.418.503.276.490</b>	<b>2.433.544.115.051</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	828.441.923.198	828.441.923.198	636.503.531.617	636.503.531.617
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	121.667.265.940	121.667.265.940	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>950.109.189.138</b>	<b>950.109.189.138</b>	<b>636.503.531.617</b>	<b>636.503.531.617</b>

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động bằng giá trị ghi số của tài sản tài chính và công nợ tài chính, ngoại trừ giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI cũng như giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI như trình bày tại Thuyết minh số 5.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro tái bảo hiểm**

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng tái bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm. Việc đánh giá rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược nhận tái bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm nhận tái bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa đủ độ thanh khoản.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.



Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ (USD)	349.121.444.112	207.390.987.690	353.000.563.797	335.087.084.868
Euro (EUR)	43.058.634.751	27.258.335.724	51.289.895.214	38.491.502.354
Won Hàn Quốc (KRW)	9.595.801.334	6.919.699.256	10.117.604.664	12.297.471.086
Rupee Ấn Độ (INR)	1.387.316.052	571.535.012	3.566.023.186	2.386.245.038
Khác	350.851.542.991	3.713.303.963	6.559.076.388	3.729.433.923

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Won Hàn Quốc và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

Loại tiền	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(77.582.394)	462.108.379
Euro (EUR)	(164.625.209)	28.610.763
Won Hàn Quốc (KRW)	(10.436.067)	(280.078.499)

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền	23.795.210.004	-	23.795.210.004
Phải thu khách hàng và phải thu khác	801.975.005.796	-	801.975.005.796
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.343.729.504.497	721.126.830.000	2.064.856.334.497
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.169.499.720.297</b>	<b>721.126.830.000</b>	<b>2.890.626.550.297</b>
Phải trả cho người bán và phải trả khác	828.441.923.198	-	828.441.923.198
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	121.667.265.940	-	121.667.265.940
<b>Tổng cộng</b>	<b>950.109.189.138</b>	<b>-</b>	<b>950.109.189.138</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.219.390.531.159</b>	<b>721.126.830.000</b>	<b>1.940.517.361.159</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Số đầu kỳ</b>			
Tiền	37.995.524.279	-	37.995.524.279
Phải thu khách hàng và phải thu khác	416.963.597.712	-	416.963.597.712
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.219.628.504.499	743.915.650.000	1.963.544.154.499
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.674.587.626.490</b>	<b>743.915.650.000</b>	<b>2.418.503.276.490</b>
Phải trả cho người bán và phải trả khác	636.503.531.617	-	636.503.531.617
<b>Tổng cộng</b>	<b>636.503.531.617</b>	<b>-</b>	<b>636.503.531.617</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.038.084.094.873</b>	<b>743.915.650.000</b>	<b>1.781.999.744.873</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần PVI	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	Cùng chủ sở hữu
Hannover Re	Cùng cổ đồng góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Re – Malaysia Branch	Cùng cổ đồng góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Rueck SE (Malaysian Branch)	Cùng cổ đồng góp vốn vào Công ty mẹ
HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG	Cùng cổ đồng góp vốn vào Công ty mẹ

*Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ	1.476.576.042	1.258.836.435
Cổ tức đã trả	-	47.904.142.500
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	814.672.289.112	573.980.414.206
Chi hoa hồng, môi giới và chi khác nhận tái bảo hiểm	193.838.884.085	141.761.115.695
Chi phí khác cho hoạt động nhận tái bảo hiểm	8.264.898.174	10.011.027.457
Chuyển phí nhượng tái	90.932.725.078	100.730.638.238
Phí nhượng tái được hoàn	-	1.084.878.290
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	30.483.837.449	31.712.918.593
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	37.911.078.553	28.026.714.876
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	308.214.275.576	271.076.569.871
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	1.526.188.947	1.504.825.030
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI</b>		
Chi phí tư vấn đầu tư	63.636.367	318.181.818
<b>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI</b>		
Góp vốn trong kỳ	100.000.000.000	-
Cổ tức nhận được	14.318.181.500	-
<b>Quỹ đầu tư Hạ tầng PVI</b>		
Góp vốn trong kỳ	-	170.000.000.000
<b>Hannover Re - Malaysia Branch</b>		
Chuyển phí nhượng tái	723.163.251	590.429.402
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	309.039.166	157.036.449
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	(32.547.876)	21.760.234
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	(845.481)	2.453.073
<b>Hannover Re</b>		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	7.986.576.181	10.989.647.666
Chuyển phí nhượng tái	50.009.814	(74.974.850)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	2.198.887.673	2.925.267.555
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	39.600.314	14.381.947
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	17.753.573	(26.616.012)
<b>HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG</b>		
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	316.596.929	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Phải thu khác	31.149.532	31.149.532
Phải trả khác	38.187.363.809	1.222.140.376
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	313.504.398.232	137.063.022.034
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	249.311.649.993	297.702.188.714
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI</b>		
Phải trả khác	82.752.080	63.636.363
<b>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI</b>		
Đầu tư góp vốn	304.545.450.000	204.545.450.000
<b>Quỹ đầu tư Hạ tầng PVI</b>		
Đầu tư góp vốn	274.000.000.000	274.000.000.000
Phải thu về cổ tức được chia	-	18.632.000.000
<b>Hannover Re</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	628.588.922	364.101.710
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	7.891.761.629	1.564.436.720
<b>Hannover Re - Malaysia Branch</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	597.893.857	162.381.422
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	624.373.254	315.505.082
<b>HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG</b>		
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	316.596.929	-

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc đã nhận trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	1.438.101.132	902.566.490
Ban Tổng Giám đốc	7.742.850.691	7.463.074.740

**29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tăng vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI bằng việc chuyển giao các hợp đồng tiền gửi	-	170.000.000.000
Tăng vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI bằng việc chuyển giao các hợp đồng tiền gửi	100.000.000.000	-

**30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư tài chính. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và của kỳ hoạt động trước là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Tổng Công ty thực hiện kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư tài chính chủ yếu tại thị trường Việt Nam.

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỐ**

Đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2022 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Tổng Công ty và cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Trần Thị Thủy Nhung  
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng

Trần Bình Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2022

**Deloitte.**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**PVIRe**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN**  
**ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 9 năm 2022



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 36



## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Vũ Văn Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Phúc Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trịnh Văn Lượng	Thành viên
Ông Trần Duy Cương	Thành viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022)
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 02 tháng 11 năm 2022, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0042-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 03 tháng 11 năm 2022

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>4.773.329.274.386</b>	<b>4.253.525.286.193</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>58.816.441.083</b>	<b>37.995.524.279</b>
1. Tiền	111		58.816.441.083	37.995.524.279
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>1.337.902.424.500</b>	<b>1.219.628.504.499</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.337.902.424.500	1.219.628.504.499
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>789.728.076.063</b>	<b>417.008.124.001</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	792.778.275.428	420.795.181.753
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		729.101.699.502	358.615.337.133
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		63.676.575.926	62.179.844.620
2. Phải thu ngắn hạn khác	135		3.474.705.589	915.205.280
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(6.524.904.954)	(4.702.263.032)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>314.063.315.410</b>	<b>203.296.046.069</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	314.063.315.410	203.296.046.069
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		313.575.465.761	203.013.143.158
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		487.849.649	282.902.911
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>15</b>	<b>2.272.819.017.330</b>	<b>2.375.597.087.345</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		513.403.175.810	455.434.180.580
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		1.759.415.841.520	1.920.162.906.765
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>810.344.696.458</b>	<b>774.642.581.594</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		8.000.000.000	8.000.000.000
1.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	218.1		8.000.000.000	8.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.197.945.891</b>	<b>679.071.234</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	236.724.098	353.430.135
<i>Nguyên giá</i>	222		6.390.887.385	6.299.939.385
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.154.163.287)	(5.946.509.250)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	961.221.793	325.641.099
<i>Nguyên giá</i>	228		24.747.266.000	23.908.313.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(23.786.044.207)	(23.582.671.901)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>769.126.830.000</b>	<b>743.915.650.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		769.126.830.000	743.915.650.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.019.920.567</b>	<b>22.047.860.360</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	32.019.920.567	22.047.860.360
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>5.583.673.970.844</b>	<b>5.028.167.867.787</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>4.648.871.316.989</b>	<b>4.133.325.668.142</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.648.871.316.989</b>	<b>4.133.325.668.142</b>
1. Phải trả cho người bán	312	11	856.447.056.627	632.978.232.297
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		818.418.590.508	597.251.931.058
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		38.028.466.119	35.726.301.239
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.839.627.917	16.801.577.870
3. Phải trả người lao động	315		7.004.087.437	22.737.642.700
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	129.383.478.619	100.862.100.626
4.1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		111.369.006.867	96.489.804.916
4.2. Các khoản phải trả khác	319.2		18.014.471.752	4.372.295.710
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	99.853.886.870	-
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.812.717.024	5.385.004.900
7. Dự phòng nghiệp vụ	329		3.549.530.462.495	3.354.561.109.749
7.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1	15	1.055.331.348.653	796.219.120.133
7.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2	15	2.340.208.394.186	2.433.029.015.249
7.3. Dự phòng dao động lớn	329.3	15	153.990.719.656	125.312.974.367
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>934.802.653.855</b>	<b>894.842.199.645</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>934.802.653.855</b>	<b>894.842.199.645</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		728.000.000.000	728.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		58.909.239.778	54.366.308.787
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147.893.414.077	112.475.890.858
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>5.583.673.970.844</b>	<b>5.028.167.867.787</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	1.528.158	649.532
Bảng Anh	GBP	458	6.637
Euro	EUR	15.538	4.754



Trần Thị Thùy Nhung  
Người lập biểu



Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 9 tháng 9 thực kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

**PHẦN I: BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ TỔNG HỢP**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	981.746.986.815	727.865.310.855
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	101.224.507.649	87.755.083.680
3. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	918.937.928.931	665.882.847.782
4. Chi phí hoạt động tài chính	22	24.468.210.989	15.794.917.095
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	18.872.821.420	20.148.746.111
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12-20-22-23)	50	120.692.533.124	113.793.883.547
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22.483.045.008	23.043.190.943
8. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	98.209.488.116	90.750.692.604
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.291	1.147

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022*

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG**

*Đơn vị: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>1.683.729.786.281</b>	<b>1.304.743.748.253</b>
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		1.942.842.014.801	1.422.689.958.127
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		259.112.228.520	117.946.209.874
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>18</b>	<b>928.948.176.584</b>	<b>766.368.940.182</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		986.917.171.814	825.760.893.458
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		57.968.995.230	59.391.953.276
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>03</b>		<b>754.781.609.697</b>	<b>538.374.808.071</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)</b>	<b>04</b>		<b>226.965.377.118</b>	<b>189.490.502.784</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		204.191.663.339	174.474.123.312
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		22.773.713.779	15.016.379.472
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10</b>		<b>981.746.986.815</b>	<b>727.865.310.855</b>
6. Chi bồi thường	11		754.207.078.105	534.424.976.684
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		475.525.447.024	394.934.059.667
8. (Giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		(92.820.621.063)	(36.190.334.169)
9. (Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(160.747.065.245)	(152.551.542.996)
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)</b>	<b>15</b>	<b>19</b>	<b>346.608.075.263</b>	<b>255.852.125.844</b>
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		28.677.745.289	17.907.871.940
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)</b>	<b>17</b>	<b>20</b>	<b>543.652.108.379</b>	<b>392.122.849.998</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		483.051.390.900	347.577.352.537
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		60.600.717.479	44.545.497.461
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)</b>	<b>18</b>		<b>918.937.928.931</b>	<b>665.882.847.782</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		62.809.057.884	61.982.463.073
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	21	101.224.507.649	87.755.083.680
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	22	24.468.210.989	15.794.917.095
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		76.756.296.660	71.960.166.585
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	18.872.821.420	20.148.746.111
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)	30		120.692.533.124	113.793.883.547
20. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)	50		120.692.533.124	113.793.883.547
21. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	22.483.045.008	23.043.190.943
22. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		98.209.488.116	90.750.692.604
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.291	1.147

Trần Thị Thùy Nhung  
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu phí, hoa hồng và bồi thường	01	559.870.475.636	521.616.649.627
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	794.459.373	1.710.772.371
3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(98.310.835.508)	(35.453.163.259)
4. Trả tiền phí bảo hiểm, hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(305.158.485.235)	(233.162.880.878)
5. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(34.781.515.262)	(18.930.616.164)
6. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	08	(31.589.441.708)	(33.097.524.906)
7. Tiền lãi vay đã trả	04	(2.395.332.578)	-
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(46.200.092.431)	(37.452.490.275)
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(2.808.069.000)	(3.001.118.852)
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(4.302.584.755)	(6.921.540.338)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>35.118.578.532</b>	<b>155.308.087.326</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	532.312.399.997	601.591.800.000
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	82.114.279.500	63.452.912.762
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(676.170.180.000)	(667.844.800.000)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(2.489.948.000)	(160.390.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(64.233.448.503)</b>	<b>(2.960.477.238)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu do đi vay	33	121.667.265.940	-
2. Tiền đã trả nợ vay	34	(21.813.379.070)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.308.892.760)	(114.994.699.980)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>49.544.994.110</b>	<b>(114.994.699.980)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>20.430.124.139</b>	<b>37.352.910.108</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>37.995.524.279</b>	<b>54.685.820.990</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	390.792.665	(334.313.044)
<b>Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>58.816.441.083</b>	<b>91.704.418.054</b>

Trần Thị Thùy Nhung  
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Công ty Tái Bảo hiểm PVI - được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 66GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01 tháng 10 năm 2013, Công ty Tái Bảo hiểm PVI chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI. Theo Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21 tháng 9 năm 2018 và Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 9 năm 2022, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 728.000.000.000 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2020, toàn bộ 72.800.000 cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (mã chứng khoán: PRE).

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “PVI Holdings”), tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.

Số vốn thực góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 như sau:

	Vốn thực góp tại ngày cuối kỳ		Vốn thực góp tại ngày đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần PVI	532.268.250.000	73,11%	532.268.250.000	73,11%
Các cổ đông khác	195.731.750.000	26,89%	195.731.750.000	26,89%
	<b>728.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 39 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 42 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty như sau:

- Tái bảo hiểm;
- Kinh doanh đầu tư tài chính; và
- Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 đã được soát xét.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay ngắn hạn và các khoản phải trả khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản đầu tư vào trái phiếu và ủy thác đầu tư vào trái phiếu có thời điểm tất toán được thống nhất trước với công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, lãi trái phiếu và lãi ủy thác đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có).

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Thiết bị văn phòng

**Số năm**

3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là "phần mềm máy tính"). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm; giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng; chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác được coi là có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này thực tế đã phát sinh, liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chính sách kế toán đối với chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được trình bày tại phần chính sách kế toán "Ghi nhận chi phí".

### **Ký quỹ bảo hiểm**

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### **Các khoản dự phòng (không bao gồm dự phòng nghiệp vụ)**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

### **Dự phòng nghiệp vụ**

Tổng Công ty áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm và phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) theo phê duyệt của Bộ Tài chính tại Công văn số 14427/BTC-QLBH ngày 20 tháng 11 năm 2018. Theo đó:

#### ***Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ***

##### *Dự phòng phí*

*- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm: phương pháp 1/8.

Dự phòng bồi thường:

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn:

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính. Do đó, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong kỳ. Việc trích lập được thực hiện đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí giữ lại trong kỳ hoạt động của Tổng Công ty.

**Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe**

Dự phòng toán học

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm, dự phòng toán học được lập như sau:

- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật vĩnh viễn: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm sức khỏe khác: Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng phí

Đối với các hợp đồng tái bảo hiểm có thời hạn dưới 01 năm, áp dụng phương pháp trích lập theo tỷ lệ 50% của tổng phí bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo, Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ 5% doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ 5% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.



Dự phòng đảm bảo cân đối:

Được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại trong kỳ và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Theo đó, các khoản dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

**Các quỹ tại doanh nghiệp**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

***Đối với hoạt động tái bảo hiểm***

Phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm đã ghi nhận trong kỳ.

Hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

Cuối kỳ hoạt động, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong kỳ để chuyển sang phân bổ vào các kỳ hoạt động sau theo phương pháp tính dự phòng phí nêu trên.

***Đối với các hoạt động khác***

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ khoản đầu tư vào trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành được xác định tương đối chắc chắn. Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm hoàn thành cung cấp dịch vụ. Tại thời điểm lập báo cáo doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác định phần công việc đã hoàn thành.

**Ghi nhận chi phí**

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với số phí nhận tái bảo hiểm phát sinh trong kỳ. Trong kỳ, toàn bộ hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm.

Cuối kỳ hoạt động, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các kỳ hoạt động sau theo phương pháp tính dự phòng phí nêu trên.

Chi phí lãi vay từ các khoản vay ngắn hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự chi.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	177.462.444	177.462.444
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.638.978.639	37.818.061.835
	<b><u>58.816.441.083</u></b>	<b><u>37.995.524.279</u></b>



5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>1.528.483.804.500</b>	<b>1.528.483.804.500</b>	-	<b>1.484.998.704.499</b>	<b>1.484.998.704.499</b>	-
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.337.902.424.500</b>	<b>1.337.902.424.500</b>	-	<b>1.219.628.504.499</b>	<b>1.219.628.504.499</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.236.959.000.000	1.236.959.000.000	-	1.098.591.800.000	1.098.591.800.000	-
- Ủy thác đầu tư ngắn hạn (ii)	100.943.424.500	100.943.424.500	-	121.036.704.499	121.036.704.499	-
<b>Dài hạn</b>	<b>190.581.380.000</b>	<b>190.581.380.000</b>	-	<b>265.370.200.000</b>	<b>265.370.200.000</b>	-
- Trái phiếu (iii)	122.581.380.000	122.581.380.000	-	100.003.000.000	100.003.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (iv)	68.000.000.000	68.000.000.000	-	165.367.200.000	165.367.200.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>578.545.450.000</b>	<b>608.372.425.688</b>	-	<b>478.545.450.000</b>	<b>493.586.288.561</b>	-
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (v)	304.545.450.000	314.054.955.431	-	204.545.450.000	218.193.764.579	-
- Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (vi)	274.000.000.000	294.317.470.257	-	274.000.000.000	275.392.523.982	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, hợp đồng tiền gửi số 44805.21.004.893.2059.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ với số tiền gốc là 75.000.000.000 VND; hợp đồng tiền gửi số 1811/2021TG/TBHPVI-TPB với số tiền gốc là 136.000.000.000 VND và hợp đồng tiền gửi số 0312/2021TG/TBHPVI-TPB với số tiền gốc là 12.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong đang được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công (Thuyết minh số 14).
- (ii) Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI vào trái phiếu có bảo lãnh với thời hạn ủy thác 12 tháng.
- (iii) Phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và tổ chức tín dụng có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (iv) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (v) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI ("POF"), chiếm tỷ lệ 15,23% vốn điều lệ của POF.
- (vi) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI ("PIF"), chiếm tỷ lệ 18,27% vốn điều lệ của PIF.
- (\*) Giá trị hợp lý được xác định như sau:
- Đối với các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất biến động theo lãi suất thị trường.
  - Đối với các khoản góp vốn thành lập POF và PIF, giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.
  - Đối với các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP trong nước, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do (i) thời gian đáo hạn ngắn và/hoặc (ii) không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	729.101.699.502	358.615.337.133
- Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	426.649.981.659	182.233.019.129
- Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	302.451.717.843	176.382.318.004
Các khoản phải thu khác của khách hàng	614.000.000	-
Lãi dự thu từ các khoản đầu tư tài chính	63.062.575.926	62.179.844.620
	<b>792.778.275.428</b>	<b>420.795.181.753</b>

**Trong đó:**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu khách hàng trong nước	597.807.500.171	333.451.825.537
Phải thu khách hàng nước ngoài	194.970.775.257	87.343.356.216
	<b>792.778.275.428</b>	<b>420.795.181.753</b>

**Phải thu khách hàng là các bên liên Quan (Thuyết minh số 28):**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	221.229.524.728	137.063.022.034
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	-	18.632.000.000
Hannover Re	262.255.985	364.101.710
Hannover Re - Malaysia Branch	666.011.040	162.381.422
	<b>222.157.791.753</b>	<b>156.221.505.166</b>

**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng đã trích lập
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	9.796.488.211	3.271.583.257	6.524.904.954	6.355.467.178	1.653.204.146	4.702.263.032
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	7.160.217.067	2.005.008.908	5.155.208.159	4.419.289.435	788.300.534	3.630.988.901
- Trust Re Malaysia	708.662.141	488.050.097	220.612.044	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	501.315.226	150.654.211	350.661.015	500.588.331	204.374.397	296.213.934
- Emirate Re	326.800.524	163.400.262	163.400.262	-	-	-
- Miller (Labuan) Malaysia	185.602.350	129.921.645	55.680.705	486.292.306	312.240.803	174.051.503
- AON Re Asia	190.720.196	8.348.222	182.371.974	227.919.243	11.191.633	216.727.610
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	210.715.503	113.103.261	97.612.242
- Tokio Marine Kiln Singapore Pte Limited	-	-	-	161.611.971	113.128.380	48.483.591
- Phải thu các đối tượng khác	723.170.707	326.199.912	396.970.795	349.050.389	110.865.138	238.185.251

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>314.063.315.410</b>	<b>203.296.046.069</b>
- Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	313.575.465.761	203.013.143.158
Số dư đầu kỳ/năm	203.013.143.158	197.814.338.064
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	593.613.713.503	419.935.811.074
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(483.051.390.900)	(414.737.005.980)
Số dư cuối kỳ/năm	313.575.465.761	203.013.143.158
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	109.953.682
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	487.849.649	172.949.229
<b>b) Dài hạn</b>	<b>32.019.920.567</b>	<b>22.047.860.360</b>
- Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ tại Tòa nhà PVI Tower	26.960.615.700	21.593.698.328
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.059.304.867	454.162.032
	<b>346.083.235.977</b>	<b>225.343.906.429</b>

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Thiết bị văn phòng</u>
	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu kỳ	6.299.939.385
Tăng trong kỳ	90.948.000
- Mua sắm mới	90.948.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.390.887.385</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu kỳ	5.946.509.250
Trích khấu hao	207.654.037
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.154.163.287</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu kỳ	353.430.135
Tại ngày cuối kỳ	236.724.098

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 5.819.331.385 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 5.032.271.385 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>
	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu kỳ	23.908.313.000
Tăng trong kỳ	838.953.000
- Mua sắm mới	838.953.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>24.747.266.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu kỳ	23.582.671.901
Trích khấu hao	203.372.306
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>23.786.044.207</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu kỳ	325.641.099
Tại ngày cuối kỳ	961.221.793

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 23.375.313.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 23.375.313.000 VND).

11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	818.418.590.508	597.251.931.058
- Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	483.249.332.269	284.043.656.198
- Phải trả bồi thường bảo hiểm	284.306.479.267	261.489.184.624
- Phải trả khác	50.862.778.972	51.719.090.236
Phải trả khác cho người bán	38.028.466.119	35.726.301.239
	<b>856.447.056.627</b>	<b>632.978.232.297</b>

*Trong đó:*

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả người bán trong nước	629.159.564.637	464.562.760.293
Phải trả người bán nước ngoài	227.287.491.990	168.415.472.004
	<b>856.447.056.627</b>	<b>632.978.232.297</b>

*Phải trả người bán là bên liên Quan (Thuyết minh số 28):*

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	244.256.813.152	297.702.188.714
Hannover Re - Malaysia Branch	984.086.342	315.505.082
Hannover Re	803.189.770	1.564.436.720
	<b>246.044.089.264</b>	<b>299.582.130.516</b>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Trong kỳ		Số cuối kỳ
		Thuế phải nộp	Thuế đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ	134.555.644	704.097.901	671.446.584	167.206.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.775.516.172	22.483.045.008	33.901.262.823	2.357.298.357
- Năm 2021	13.775.516.172	-	13.775.516.172	-
- 9 tháng đầu năm 2022	-	22.483.045.008	20.125.746.651	2.357.298.357
Thuế thu nhập cá nhân	2.738.299.877	8.026.128.596	10.858.493.854	(94.065.381)
Thuế nhà thầu	153.206.177	1.021.870.973	765.889.170	409.187.980
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>16.801.577.870</b>	<b>32.238.142.478</b>	<b>46.200.092.431</b>	<b>2.839.627.917</b>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	111.369.006.867	96.489.804.916
- Số dư đầu kỳ/năm	96.489.804.916	113.730.285.108
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	219.070.865.290	205.193.664.403
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(204.191.663.339)	(222.434.144.595)
- Số dư cuối kỳ/năm	111.369.006.867	96.489.804.916
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18.014.471.752	4.372.295.710
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.398.673.274	846.996.390
- Phải trả PVI Holdings tiền thuê mở rộng văn phòng và chi phí dịch vụ khác	8.893.362.554	-
- Chi phí cải tạo văn phòng	1.492.470.158	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.229.965.766	3.525.299.320
	<b>129.383.478.619</b>	<b>100.862.100.626</b>

**Phải trả khác cho các bên liên Quan (Thuyết minh số 28):**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần PVI	8.893.362.554	1.222.140.376
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	105.740.293	63.636.363
	<b>8.999.102.847</b>	<b>1.285.776.739</b>

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	<b>121.667.265.940</b>	<b>(21.813.379.070)</b>	<b>99.853.886.870</b>	<b>99.853.886.870</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	-	-	121.667.265.940	(21.813.379.070)	99.853.886.870	99.853.886.870
	-	-	<b>121.667.265.940</b>	<b>(21.813.379.070)</b>	<b>99.853.886.870</b>	<b>99.853.886.870</b>

(\*) Số dư cuối kỳ phản ánh khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công theo Hợp đồng vay vốn số 01/22/HM/5551319 ngày 30 tháng 3 năm 2022 với hạn mức tối đa là 200.000.000.000 VND trong 12 tháng để tài trợ cho mục đích thanh toán chi phí tái bảo hiểm, lãi suất 4,6%/năm, thời hạn vay không quá 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng, gốc vay trả một lần khi đáo hạn. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5, khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công được Tổng Công ty thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ với số tiền gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 75.000.000.000 VND, và các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong với số tiền gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 là 148.000.000.000 VND.

15. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
1. Dự phòng bồi thường	2.340.208.394.186	1.759.415.841.520	580.792.552.666
<i>Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết</i>	<i>2.232.694.834.490</i>	<i>1.702.722.195.926</i>	<i>529.972.638.564</i>
<i>Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo</i>	<i>107.513.559.696</i>	<i>56.693.645.594</i>	<i>50.819.914.102</i>
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	1.055.331.348.653	513.403.175.810	541.928.172.843
	<b>3.395.539.742.839</b>	<b>2.272.819.017.330</b>	<b>1.122.720.725.509</b>

Trong đó chi tiết:

Dự phòng bồi thường	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.433.029.015.249	1.920.162.906.765	512.866.108.484
Số (hoàn nhập)/trích lập trong kỳ	(92.820.621.063)	(160.747.065.245)	67.926.444.182
Số dư cuối kỳ	<b>2.340.208.394.186</b>	<b>1.759.415.841.520</b>	<b>580.792.552.666</b>

Dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhận tái bảo
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	796.219.120.133	455.434.180.580	340.784.939.553
Số trích lập trong kỳ	259.112.228.520	57.968.995.230	201.143.233.290
Số dư cuối kỳ	<b>1.055.331.348.653</b>	<b>513.403.175.810</b>	<b>541.928.172.843</b>

Dự phòng dao động lớn	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	125.312.974.367	105.590.899.255
Số trích lập thêm trong kỳ/năm	28.677.745.289	19.722.075.112
Số dư cuối kỳ/năm	<b>153.990.719.656</b>	<b>125.312.974.367</b>



16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</b>				
Số dư đầu kỳ trước	728.000.000.000	46.923.630.917	167.221.439.849	942.145.070.766
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	90.750.692.604	90.750.692.604
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	4.591.951.133	(4.591.951.133)	-
Chia cổ tức	-	-	(116.480.000.000)	(116.480.000.000)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	(11.692.019.907)	(11.692.019.907)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>51.515.582.050</b>	<b>125.208.161.413</b>	<b>904.723.743.463</b>
<b>Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022</b>				
Số dư đầu kỳ này	728.000.000.000	54.366.308.787	112.475.890.858	894.842.199.645
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	98.209.488.116	98.209.488.116
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)	-	4.542.930.991	(4.542.930.991)	-
Chia cổ tức (ii)	-	-	(50.960.000.000)	(50.960.000.000)
Trích các quỹ trong kỳ (iii)	-	-	(7.289.033.906)	(7.289.033.906)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>728.000.000.000</b>	<b>58.909.239.778</b>	<b>147.893.414.077</b>	<b>934.802.653.855</b>

- (i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 77, Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.
- (ii) Tạm ứng cổ tức lần 02 năm 2021 theo Nghị quyết số 25/NQ-PVIRE ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Quản trị với số tiền 50.960.000.000 VND, tương ứng 7% vốn điều lệ. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức là ngày 20 tháng 6 năm 2022.
- (iii) Tổng Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

**Cổ phần**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>72.800.000</b>	<b>72.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>72.800.000</b>	<b>72.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>72.800.000</b>	<b>72.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	72.800.000	72.800.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**17. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Phí nhận tái bảo hiểm	1.942.842.014.801	1.422.689.958.127
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	<i>595.227.702.023</i>	<i>527.143.236.348</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>312.461.111.884</i>	<i>186.190.722.059</i>
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	<i>300.209.672.653</i>	<i>228.027.509.549</i>
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	<i>218.254.651.528</i>	<i>140.596.609.136</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&amp;I</i>	<i>146.661.619.624</i>	<i>148.144.240.853</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	<i>144.253.489.311</i>	<i>102.129.793.823</i>
<i>Bảo hiểm con người</i>	<i>120.753.066.451</i>	<i>1.814.486.818</i>
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	<i>17.773.944.681</i>	<i>34.195.262.028</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>77.352.912</i>	<i>(1.178.003.125)</i>
<i>Bảo hiểm khác</i>	<i>87.169.403.734</i>	<i>55.626.100.638</i>
(Tăng) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	(259.112.228.520)	(117.946.209.874)
	<b>1.683.729.786.281</b>	<b>1.304.743.748.253</b>

**18. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	986.917.171.814	825.760.893.458
<i>Bảo hiểm tài sản</i>	<i>376.614.278.926</i>	<i>345.188.441.134</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>1.189.055.136</i>	<i>2.221.657.721</i>
<i>Bảo hiểm kỹ thuật</i>	<i>161.635.370.020</i>	<i>126.781.107.002</i>
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	<i>208.117.317.846</i>	<i>138.939.757.696</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và P&amp;I</i>	<i>92.416.139.328</i>	<i>95.202.463.061</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá</i>	<i>96.415.249.610</i>	<i>67.738.055.456</i>
<i>Bảo hiểm con người</i>	<i>1.142.844.835</i>	<i>499.392.094</i>
<i>Bảo hiểm năng lượng</i>	<i>19.935.703.773</i>	<i>38.533.379.300</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>-</i>	<i>(6.365.133)</i>
<i>Bảo hiểm khác</i>	<i>29.451.212.340</i>	<i>10.663.005.127</i>
(Tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(57.968.995.230)	(59.391.953.276)
	<b>928.948.176.584</b>	<b>766.368.940.182</b>

19. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi bồi thường	754.207.078.105	534.424.976.684
Bảo hiểm tài sản	308.968.703.111	203.332.719.330
Bảo hiểm xe cơ giới	102.960.139.383	49.408.124.425
Bảo hiểm kỹ thuật	40.774.264.636	47.870.375.845
Bảo hiểm cháy nổ	99.968.558.495	47.053.700.884
Bảo hiểm thân tàu và P&I	118.494.420.612	75.812.260.607
Bảo hiểm hàng hoá	16.029.106.374	11.149.989.418
Bảo hiểm con người	18.990.933.472	51.462.200
Bảo hiểm năng lượng	41.579.916.215	88.468.972.561
Bảo hiểm hàng không	5.883.604	1.457.961.453
Bảo hiểm khác	6.435.152.203	9.819.409.961
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(475.525.447.024)	(394.934.059.667)
(Giảm) dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	(92.820.621.063)	(36.190.334.169)
Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	160.747.065.245	152.551.542.996
	<b>346.608.075.263</b>	<b>255.852.125.844</b>

20. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	483.051.390.900	347.577.352.537
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	4.582.718.543	5.027.205.848
Chi khác nhận tái bảo hiểm	17.187.773.560	13.281.036.965
Chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm khác	38.830.225.376	26.237.254.648
Trong đó:		
Chi phí nhân viên	15.819.685.386	12.163.066.316
Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước (i)	(5.177.666.906)	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	158.304.396	282.907.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.988.756.198	1.229.519.924
Chi phí khác bằng tiền	25.041.146.302	12.561.760.562
	<b>543.652.108.379</b>	<b>392.122.849.998</b>

- (i) Điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 về số tiền 13,35 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI số 01/BB-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí lương nhân viên kinh doanh, chi phí lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	54.765.098.487	65.762.707.082
Lãi trái phiếu	13.541.050.817	5.658.241.780
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.600.176.845	14.288.680.318
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.318.181.500	2.045.454.500
	<b>101.224.507.649</b>	<b>87.755.083.680</b>

**22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá	18.230.499.411	11.682.532.982
Chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính	3.603.464.079	3.635.111.386
Chi phí lãi vay	2.458.254.206	-
Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư	175.993.293	477.272.727
	<b>24.468.210.989</b>	<b>15.794.917.095</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	13.303.454.444	10.906.698.580
Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước (i)	(5.245.015.351)	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.011.388.652	908.142.438
Chi phí khấu hao TSCĐ	321.277.353	998.264.769
Thuế, phí và lệ phí	3.097.430.678	2.389.426.275
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	1.640.377.730	(354.380.303)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.242.731.527	4.543.382.319
Chi phí khác bằng tiền	501.176.387	757.212.033
	<b>18.872.821.420</b>	<b>20.148.746.111</b>

- (i) Điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 về số tiền 13,35 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI số 01/BB-HDQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí lương nhân viên kinh doanh, chi phí lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

**24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi bồi thường bảo hiểm	346.608.075.263	255.852.125.844
Tăng dự phòng dao động lớn	28.677.745.289	17.907.871.940
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	483.051.390.900	347.577.352.537
Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	4.582.718.543	5.027.205.848
Chi khác nhận tái bảo hiểm	17.187.773.560	13.281.036.965
Chi phí nhân viên	29.123.139.830	23.069.764.896
Hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước (i)	(10.422.682.257)	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	321.277.353	998.264.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.231.487.725	5.772.902.243
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	1.640.377.730	(354.380.303)
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.169.693.048	1.191.050.284
Chi phí khác bằng tiền	28.639.753.367	15.708.398.870
	<b>937.810.750.351</b>	<b>686.031.593.893</b>

- (i) Điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 về số tiền 13,35 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI số 01/BB-HDQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí lương nhân viên kinh doanh, chi phí lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	120.692.533.124	113.793.883.547
Các khoản điều chỉnh		
Cộng:	519.820.823	1.422.071.168
- Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	228.409.091	136.700.759
- Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.088.330.059
- Chi phí không được khấu trừ khác	291.411.732	197.040.350
Trừ:	(8.797.128.907)	-
- Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(7.447.128.937)	-
- Các khoản không chịu thuế khác	(1.349.999.970)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>112.415.225.040</b>	<b>115.215.954.715</b>
Thuế suất phổ thông	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện tại</b>	<b>22.483.045.008</b>	<b>23.043.190.943</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>22.483.045.008</b>	<b>23.043.190.943</b>

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 là số liệu tạm tính. Tổng Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	98.209.488.116	90.750.692.604
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	98.209.488.116	90.750.692.604
Trừ số trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	(4.223.007.988)	(7.260.055.408)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>93.986.480.128</b>	<b>83.490.637.196</b>
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	72.800.000	72.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.291</b>	<b>1.147</b>

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu kỳ</b>	
	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	58.816.441.083	58.816.441.083	37.995.524.279	37.995.524.279
Phải thu khách hàng và phải thu khác	789.047.451.867	789.047.451.867	416.963.597.712	416.963.597.712
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	2.107.029.254.500	2.136.856.230.188	1.963.544.154.499	1.978.584.993.060
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.954.893.147.450</b>	<b>2.984.720.123.138</b>	<b>2.418.503.276.490</b>	<b>2.433.544.115.051</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả cho người bán và phải trả khác	873.062.855.105	873.062.855.105	636.503.531.617	636.503.531.617
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	99.853.886.870	99.853.886.870	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>972.916.741.975</b>	<b>972.916.741.975</b>	<b>636.503.531.617</b>	<b>636.503.531.617</b>

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động bằng giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và công nợ tài chính, ngoại trừ giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI cũng như giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI như trình bày tại Thuyết minh số 5.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro tái bảo hiểm**

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng tái bảo hiểm nào là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, mức độ tổn thất thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm. Việc đánh giá rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm, đánh giá tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà tái bảo hiểm bị hạn chế bởi chất lượng và tính kịp thời, đầy đủ của thông tin được điều tra, cung cấp từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm. Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược nhận tái bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm nhận tái bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa đủ độ thanh khoản.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản (VND tương đương)		Công nợ (VND tương đương)	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ (USD)	400.495.812.193	207.390.987.690	412.614.768.268	335.087.084.868
Euro (EUR)	26.272.660.381	27.258.335.724	22.943.130.957	38.491.502.354
Won Hàn Quốc (KRW)	6.424.174.950	6.919.699.256	8.156.006.542	12.297.471.086
Rupee Ấn Độ (INR)	335.362.263	571.535.012	2.338.003.142	2.386.245.038
Khác	5.188.152.583	3.713.303.963	4.972.483.513	3.729.433.923

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Won Hàn Quốc và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 2% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

Loại tiền	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(242.379.121)	(2.553.921.944)
Won Hàn Quốc (KRW)	(34.636.632)	(107.555.437)
Euro (EUR)	66.590.588	(224.663.333)

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền	58.816.441.083	-	58.816.441.083
Phải thu khách hàng và phải thu khác	789.047.451.867	-	789.047.451.867
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.337.902.424.500	769.126.830.000	2.107.029.254.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.185.766.317.450</b>	<b>769.126.830.000</b>	<b>2.954.893.147.450</b>
Phải trả cho người bán và phải trả khác	873.062.855.105	-	873.062.855.105
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	99.853.886.870	-	99.853.886.870
<b>Tổng cộng</b>	<b>972.916.741.975</b>	<b>-</b>	<b>972.916.741.975</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.212.849.575.475</b>	<b>769.126.830.000</b>	<b>1.981.976.405.475</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Số đầu kỳ</b>			
Tiền	37.995.524.279	-	37.995.524.279
Phải thu khách hàng và phải thu khác	416.963.597.712	-	416.963.597.712
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	1.219.628.504.499	743.915.650.000	1.963.544.154.499
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.674.587.626.490</b>	<b>743.915.650.000</b>	<b>2.418.503.276.490</b>
Phải trả cho người bán và phải trả khác	636.503.531.617	-	636.503.531.617
<b>Tổng cộng</b>	<b>636.503.531.617</b>	<b>-</b>	<b>636.503.531.617</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.038.084.094.873</b>	<b>743.915.650.000</b>	<b>1.781.999.744.873</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần PVI	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	Cùng chủ sở hữu
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	Cùng chủ sở hữu
Hannover Re	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Re - Malaysia Branch	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
Hannover Rück SE - Malaysia Branch	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ
HDI-Gerling Industrie, Versicherung AG	Cùng cổ đông góp vốn vào Công ty mẹ



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Chi phí thuê văn phòng và phí dịch vụ	1.477.668.845	2.131.603.988
Cổ tức đã trả	37.258.777.500	85.162.920.000
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	1.173.985.975.859	898.982.196.980
Chi hoa hồng và chi phí khác nhận tái bảo hiểm	291.780.462.280	255.964.018.577
Chuyển phí nhượng tái	153.246.714.931	142.741.711.305
Phí nhượng tái được hoàn	2.982.223.409	1.984.562.333
Doanh thu hoa hồng và thu khác nhượng tái bảo hiểm	44.345.465.411	40.292.183.897
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	52.700.476.936	39.322.875.312
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	540.575.397.661	426.360.068.529
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI</b>		
Phí tư vấn đầu tư	175.993.293	477.272.727
<b>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI</b>		
Góp vốn trong kỳ	100.000.000.000	-
Cổ tức được nhận	14.318.181.500	2.045.454.500
<b>Hannover Re - Malaysia Branch</b>		
Chuyển phí nhượng tái	1.091.753.007	715.745.218
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	367.494.930	2.272.364.070
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	(6.427.060)	(27.761.860)
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	143.015	907.903
<b>Hannover Re</b>		
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	15.156.201.680	21.314.261.343
Chuyển phí nhượng tái	50.009.814	(122.786.089)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	2.569.291.286	3.751.962.425
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	73.388.306	19.880.849
Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	17.753.573	(43.588.805)

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:*

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Công ty Cổ phần PVI</b>		
Phải thu khác	31.149.532	31.149.532
Phải trả khác	8.893.362.554	1.222.140.376
<b>Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	221.229.524.728	137.063.022.034
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	244.256.813.152	297.702.188.714
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI</b>		
Phải trả khác	105.740.293	63.636.363
<b>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI</b>		
Đầu tư góp vốn	304.545.450.000	204.545.450.000
<b>Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI</b>		
Đầu tư góp vốn	274.000.000.000	274.000.000.000
Phải thu về cổ tức được chia	-	18.632.000.000
<b>Hannover Re</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	262.255.985	364.101.710
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	803.189.770	1.564.436.720
<b>Hannover Re - Malaysia Branch</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	666.011.040	162.381.422
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	984.086.342	315.505.082

**Thu nhập của Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc đã nhận trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị	1.634.258.223	950.566.490
Ban Tổng Giám đốc	9.488.377.263	9.076.629.305

**29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tăng vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI bằng việc chuyển giao các hợp đồng tiền gửi	-	170.000.000.000
Tăng vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI bằng việc chuyển giao các hợp đồng tiền gửi	100.000.000.000	-

**30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và đầu tư tài chính. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc cùng ngày và của kỳ hoạt động trước là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Tổng Công ty thực hiện kinh doanh tái bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và đầu tư tài chính chủ yếu tại thị trường Việt Nam.

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 30 tháng 9 năm 2022 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Tổng Công ty và cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022.



Trần Thị Thùy Nhung  
Người lập biểu



Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022